

Tác giả: Thích Như Điển

**NHẬT BẢN
TRONG LÒNG TÔI**

PL. 2.559 - DL. 2015

Bắt đầu viết sách này vào ngày 6 tháng 6 năm 2014
nhân mùa An Cư Kiết Hạ tại Chùa Viên Giác
Hannover - Đức Quốc



Trình bày bìa : Đh. Quảng Pháp Tấn
Layout : Đh. Như Thân
Đánh máy : Đh. Lương Hiền Sanh
Sửa bản in : ĐĐ. Thích Hạnh Lý
Lo việc in ấn : ĐĐ. Thích Hạnh Bồn

Mục Lục

• Lời nói đầu	7 - 12
• Chương Một: Người Nhật đối với người ngoại quốc	13 - 48
• Chương Hai: Người Nhật với hoa Anh Đào	49 - 66
• Chương Ba: Người Nhật với truyền thống văn hóa cổ	67 - 84
• Chương Bốn: Người Nhật với văn minh Âu Mỹ ngày nay	85 - 100
• Chương Năm: Người Nhật với Đạo Phật	101 - 122
• Chương Sáu: Phong tục và tập quán của người Nhật	123 - 166
• Chương Bảy: Đời sống thường nhật của người Nhật	167 - 180
• Chương Tám: Văn hóa, học thuật, nghệ thuật của Nhật Bản	181 - 200
• Chương Chín: Phong cách sống của người Nhật xưa và nay	201 - 215
• Chương Mười: Sự đúng giờ của người Nhật	215 - 230
• Lời cuối	231 - 236

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển sách thứ 64 này tôi bắt đầu viết vào ngày 6 tháng 6 năm 2014 nhằm ngày mồng chín tháng năm năm Giáp Ngọ tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, nhân mùa An Cư Kiết Hạ tại đây. Trong đầu đang dự định là mỗi năm sẽ viết một cuốn về nước Nhật, nước Đức, nước Úc, nước Mỹ v.v... để giới thiệu với quý độc giả xa gần, nhất là những vị nào chưa có cơ duyên đi và đến cũng như ở tại các nơi ấy nhiều năm tháng, thì đây là những quyển sách nhằm giới thiệu một khía cạnh nào đó dưới cái nhìn chủ quan của Tác giả, chưa hẳn đã đúng toàn diện. Tuy nhiên, muốn hoàn thành một việc lớn, không thể thiếu những ý niệm lúc ban đầu, dầu cho việc ấy có nhỏ nhiệm đến đâu đi chăng nữa, nhiều khi cũng là một vấn đề cần thiết.

Ví dụ như nước Úc; nơi tôi đã có 10 lần cư ngụ, mỗi năm 2 tháng và nếu kể từ năm 1979 đến năm 2014 này, suốt trong 35 năm ấy, hầu như năm nào tôi cũng đi Úc ít nhất là một lần, có nhiều năm đi đến 2 lần. Mỗi bận đi và về như vậy bằng máy bay từ Đức qua Úc phải tốn 2 đêm một ngày mới đến và thời gian kể cả chờ đợi, nhiều khi lên đến hơn 30 tiếng đồng hồ. Nếu kể cả vòng đi và về, con số mỗi lần là 34.000 cây số; nghĩa là bằng một vòng tròn của quả đất. Nếu đem nhân con số này với 35 năm như vậy, sẽ có số thành là: 1.190.000 Km đường bay.

Đó là chưa kể những chuyến bay thêm trong các năm khác, cần đến việc cho Giáo Hội. Với trên một triệu cây số đường bay của riêng nước Úc và đã có nhiều năm lưu lại Úc nhiều tháng; nên tôi sẽ viết về nước Úc một quyển sách, cũng như viết về Nhật Bản lần này vậy.

Nếu ai đó có hỏi rằng: Tôi sống ở đâu lâu nhất – thì có thể trả lời là nước Đức. Vì nơi này tôi đã dừng chân lại đây từ hơn 37 năm nay (1977-2014). Vì vậy cho nên nước Đức, tôi cũng sẽ quan tâm để viết nên một tác phẩm như vậy, mặc dầu trước đây tôi đã viết quyển “Cảm Tạ Xứ Đức” rồi. Nước thứ hai tôi sống lâu hơn, đó là quê mẹ Việt Nam, trong vòng gần 23 năm; nghĩa là từ khi sinh ra (1949) đến năm 1972 khi tôi từ già quê mình để sang Nhật Bản du học. Đây là một đề tài không nhỏ, tôi cũng sẽ cố gắng hoàn thành một tác phẩm về quê nhà trong nỗi nhớ ở một tương lai gần. Nước thứ 3, nơi tôi đã sống nhiều năm, đó là Nhật Bản, kể từ đầu năm 1972 đến gần giữa năm 1977. Nghĩa là hơn 5 năm như vậy; nên tôi sẽ có nhiều vấn đề để viết trong tác phẩm này.

Còn nước Mỹ, một đại cường quốc trên thế giới ở nhiều phương diện khác nhau như khoa học kỹ thuật, đời sống tự do, văn minh v.v... nơi tôi đã gần 40 lần đi về như vậy và mỗi lần ít nhất là một tuần lễ và nhiều nhất là 2 tháng. Đây cũng là lý do để tôi sẽ hoàn thành một tác phẩm khác.

Ngoài ra Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Canada v.v... nơi tôi đã đi và đã đến nhiều lần, có lẽ sẽ viết về những nước này chung một tác phẩm để giới thiệu đến mọi người khắp nơi; nhằm triển khai nhiều phương diện dưới cái nhìn của một người tu, nhằm góp phần vào gia tài văn hóa của nước nhà. Nhiều khi người ta phải tốn thật là nhiều tiền và dành ra rất nhiều thời gian mới có thể hoàn thành những công việc như vậy; nhưng tôi, với một Tăng sĩ bình thường sống cuộc đời phụ thuộc nơi sự cúng

dường của đàn na thí chủ mà có được một nhân duyên như vậy, dĩ nhiên là phải có nhiều điều kiện đi kèm. Vậy lý do ấy là gì? Xin quý vị đọc sâu vào nội dung những quyển sách này thì sẽ rõ.

Bây giờ ở tuổi 65 (1949-2014) sức khỏe vẫn còn tương đối tốt, tôi cố gắng viết được những gì thì viết, để lại cho đời sau. Vì chẳng ai biết được, ngày mai sẽ như thế nào mà chờ đợi. Vì ngày mai ấy có thật mà cũng chẳng thật. Vì thế giới này luôn biến đổi, đâu có khi nào ngừng nghỉ. Nếu chúng ta tự dừng; nghĩa là chúng ta tự làm thoái hóa mình với thời gian và năm tháng. Tôi vẫn còn lễ bái kinh Đại Bát Niết Bàn quyển thứ 2 phẩm Ca Diếp, mỗi đêm trong những mùa An Cư Kiết Hạ từ 300 đến 350 lạy của từng chữ trong kinh, vẫn đứng lên ngồi xuống cho nhịp điệu này suốt trong 30 năm tại chùa Viên Giác này như vậy; nên tôi sẽ cố gắng hoàn thành những dự tính của mình, khi tuổi đời và sức khỏe còn cho phép.

Nhìn những người già cả, trở nên lú lẫn, nhớ trước, quên sau, rồi cũng phải chạnh lòng để nghĩ đến phận mình chứ! Biết đâu sẽ có một ngày như vậy và ngày ấy dĩ nhiên là tôi không muốn; nhưng nghiệp lực của bao đời còn lại trong dư báo của ngày xưa. Ai biết được!!! Rồi thấy những mầm non của đạo pháp hay tuổi trẻ ngày nay, tôi thấy thương họ nhiều hơn. Vì họ cũng chính là mình, khi hình ảnh của thời trai trẻ lại hiện về khi có dịp để so sánh. Thật ra chúng ta chỉ có một cơ hội duy nhất là củng cố những gì đang có trong hiện tại mà thôi. Vì hiện tại tốt thì tương lai sẽ tốt. Còn quá khứ ư? Quá khứ là những gì đã qua, ta không thể hoán cải được, mà ta chỉ có thể thọ nhận, để biết rằng: Cái nhân trong quá khứ ta đã làm gì, mà hiện tại cái quả ấy ta đang gặt hái đây!!!

Đạo Phật không mơ hồ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một Đức Phật lịch sử, không phải là một Đức Phật thuộc về

huyền thoại; nên những gì Ngài dạy, những gì chúng ta thực hành theo sự chỉ bảo ấy, chính là kim chỉ nam để giúp những hành hoạt trong cuộc sống hằng ngày đầy đủ ý nghĩa hơn. Có như vậy chúng ta mới thực sự biết rõ được chân giá trị của thời gian là gì?

Tôi đang sống cũng có nghĩa là tôi đang đi đến chỗ chết. Vì trong tôi có những tế bào đang sinh ra và đồng thời cũng có những tế bào đang hoại diệt. Chính sự sinh diệt, diệt sinh này làm cho chúng ta không dừng bước được trong 6 nẻo luân hồi. Ai có đến, tất có đi. Ai có hiện hữu, sẽ có ngày bị tan rã hoại diệt. Khi hiểu được nguyên lý này, chúng ta sẽ không than thân trách phận, đổ lỗi cho trời, cho người v.v... mà hãy tự nhìn vào bản thân của mình, để chiêm nghiệm càng thâm sâu bao nhiêu thì càng quý báu bấy nhiêu. Vì chính mình khi quán chiếu như vậy sẽ tự hiểu mình nhiều hơn. Có như vậy tha nhân mới được lợi lạc.

Ý định thì như vậy; nhưng có làm được hay không. Nó cũng giống như lời dạy của một người cha cho con trẻ rằng: “Nếu con không tìm một cơ hội tốt để đi vào đời, thì đời này sẽ kéo lê con vào cuộc sống ấy”. Vậy chúng ta nên làm chủ mình hay để cho ngoại duyên làm chủ, đây là một chủ đề mà mỗi người trong chúng ta phải cần quan tâm đến.

Chính mình, không hiểu mình là ai thì làm sao hiểu được người khác một cách chính xác được. Do vậy tất cả mọi phương diện trong cuộc đời này nó chỉ có tính cách tương đối, chứ không có tính cách tuyệt đối; ngoại trừ chân lý mà Đức Phật đã tìm ra. Đó là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chân lý này muôn đời vẫn đúng, không sai một mảy may, dầu cho bạn có tin theo Nam Tông, Bắc Tông hay Kim Cang Thừa đi chăng nữa, thì Tứ Diệu Đế vẫn là một chân lý tuyệt vời, không ai và không có không gian hay thời gian nào có thể làm thay đổi được chân lý này.

Bởi vì tất cả chúng ta đều đứng trên nhân sinh quan và tự ngã là cái ta để nói và viết về người khác hay Tôn Giáo khác, nó cũng có giá trị tương đối. Vì ta không là gì cả. Chính vì vậy mà những nhận định hay lập luận của tôi trong bất cứ một quyển sách nào của tôi viết là do sự hiểu biết giới hạn của mình và nó không là kim chỉ nam cho ai cả. Ai muốn chọn tư tưởng nào là tùy ở người đối diện, nhất thiết không có một sự áp bức nào cả; nhất là vấn đề tự do tư tưởng của mỗi cá nhân ngày nay thế giới đã đưa lên hàng đầu trong mọi bản tuyên ngôn về quyền tự do của con người.

Đúng hay sai vẫn là một công việc mà các nhà phê bình, phân tích cần quan tâm; nhưng không vì cái sai ấy mà đánh lạc mất vai trò công tâm của tri thức, khi nhìn thấy một vấn đề, chỉ qua nhận thức của mình. Ngay cả cái đúng của ngày hôm nay đã là cái sai của ngày trước; nếu người ấy biết cải tà quy chánh và cái đúng của ngày hôm nay, chưa hẳn là cái đúng của ngày mai, nhất là những thể chế chính trị. Do vậy chúng ta hãy vượt lên trên mọi đối đãi để nhận thức hay phê phán một vấn đề thì giá trị của sự bình luận ấy đáng quan tâm hơn.

Mỗi năm tôi cố gắng hoàn thành một tác phẩm như vậy và những dịch phẩm từ tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nhật hay chữ Hán, nếu có cơ duyên thích hợp và những tác phẩm đáng được dịch ra Việt ngữ thì tôi cũng sẽ cố gắng. Vì biết rằng: “Dịch cũng chính là phản dịch”, nếu chúng ta hiểu sai ý của tác giả; nhưng nếu không có những viên gạch đơn sơ lót đường, thì làm sao chúng ta có thể có được những tòa nhà cao ốc về sau được. Tôi chỉ nghĩ đơn thuần như vậy, nên đã cũng như đương và sẽ cố gắng phần của mình để chỉ làm một nhiệm vụ như con tằm nhả tơ, tạo nên những nhung gấm cho cuộc đời. Còn người đời có dùng đến lụa, là, nhưng, gấm hay không, thì đó lại là một việc khác nữa.

Những ngày đẹp trời tôi hay đi dạo bên ngoài, sau giờ dùng sáng. Cứ mỗi lần như vậy, nếu có gặp người láng giềng Đức nào đó thì chào hỏi và bắt đầu nói một vài câu chuyện hỏi thăm. Nhiều khi đề tài liên quan đến chiến tranh đê nhứt, đê nhị thế chiến hay chiến tranh Việt Nam. Đôi khi đề tài xoay quanh vấn đề đời sống thanh thiếu niên ngày nay tại Đức; hoặc giả những người già của Đức sau khi họ về hưu sẽ sống như thế nào. Có lúc nói về thời tiết, về môi sinh, về việc ăn chay, về niềm tin Tôn Giáo. Nhiều khi họ mời tôi giới thiệu về những rau cải trồng trong Cốc Vô Học này. Thế nào là bí đao, thế nào là bầu, là tần-ô, là rau ngò, rau húng, rau diếp cá v.v...

Ở Nhật Bản cũng vậy, tôi sống trong chùa Nhật, cho nên những đề tài như vậy vẫn được Hòa Thượng Trụ Trì chùa Bản Lập (Honryuji) tại thành phố Bát Vương Tử (Hachioji) gần Tokyo đề cập đến hằng ngày; nên tôi có cơ hội để nói tiếng Nhật. Nhờ vậy mà ngày nay, mặc dầu đã xa Nhật Bản gần 40 năm; nhưng tôi chưa bao giờ nói lộn giữa tiếng Nhật và tiếng Đức cả. Ôn đức ấy khôn cùng. Cho nên tôi lấy tựa đề của quyển sách này là “Nhật Bản trong lòng tôi” là vậy. Ngày xưa khi mới đến Nhật, tôi có viết một tiểu luận bằng tiếng Nhật nhan đề là “Nihon no watashi no me no sita ni” (Nhật Bản dưới mắt tôi). Sau gần 40 năm ở Đức, tôi lấy tựa đề khác hơn xưa để nhớ và nghĩ về nước Nhật ngày xưa cũng như nay. Mong rằng quý vị đọc tác phẩm thứ 64 này sẽ thấy rõ nét được những điều tôi vừa mới trình bày.

Viết tại thư phòng chùa Viên Giác
Hannover, Đức quốc, ngày 6 tháng 6 năm 2014.

CHƯƠNG MỘT

Người Nhật đối với người ngoại quốc

Từ đầu thế kỷ thứ 6, lúc nhà Đường bên Trung Hoa thịnh hành, Nhật Bản đã gửi nhiều vị Sư sang Trung Hoa để học đạo. Thời gian này kéo dài cả hàng mấy trăm năm như vậy, cho đến thế kỷ thứ 17, 18, các vua chúa của Nhật Bản mới hướng đến phương Tây; nhất là kể từ thời duy tân đất nước của vua Minh Trị từ năm 1868 đến nay. Ngược lại Trung Hoa cũng đã có nhiều nhà Sư như Giám Chân Hòa Thượng (Kanrin Osho) đã tự một mình, cùng đoàn tùy tùng (dĩ nhiên là lúc bấy giờ đã không có giấy phép của triều đình hai nước Trung Hoa và Nhật Bản), Ngài đã đến Nhật bằng con đường hàng hải rất nguy hiểm; nhưng đã thành công và Luật Tông tại Nhật Bản được truyền qua từ Trung Quốc do Hòa Thượng Giám Chân này.

Vào năm 752 Thánh Vũ Thiên Hoàng làm lễ Khai Nhân cúng dường tượng Phật Tỳ Lô Giá Na đúc bằng đồng, được tôn trí tại chùa Đông Đại (Todaiji) ở Nara (Nại Lương). Hai vị Thầy người nước Ấn Độ là Bồ Đề Tiên Na và vị Thầy còn lại đến từ nước Phù Nam tên là Phật Triết. Các Ngài đều giỏi tiếng Ấn Độ, tiếng Việt Nam và tiếng Trung Hoa. Các Ngài khi đến

đây, nhân lễ khánh thành chùa Đông Đại đã dạy cho những Phật Tử người Nhật những điệu múa Vu Lan, mà ngày nay tại Nhật Bản vẫn còn tồn tại. Họ gọi là Obondori. Ngoài ra những lễ nhạc của Phật Giáo miền Trung Việt Nam (Phù Nam quốc thuở ấy) cũng được Viện Nhã Nhạc Hoàng Cung Nhật Bản lưu giữ tận đến ngày nay.

Đồng thời từ bán đảo Triều Tiên, Phật Giáo cũng đã được du nhập vào Nhật Bản bằng con đường hàng hải từ thế kỷ thứ 6, khi mà Thánh Đức Thái Tử (Shotoku Taisi) là một vị vua luôn khuyên dân chúng nên quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới trong Hiến Pháp 17 điều của ông và triều thần đã soạn ra lúc bấy giờ; nghĩa là cách nay (2014) hơn 1.500 năm về trước. Như vậy người Nhật không xa lạ gì với người ngoại quốc, kể từ khi thời điểm xa xưa ấy đến nay. Một điều dễ hiểu là nước Nhật thuở xưa cũng như Đại Hàn và Việt Nam chúng ta đều dùng chữ Hán để viết thành những bài tấu, bài kinh; nên dấu cho cách phát âm ngôn ngữ ấy có khác; nhưng cách viết thì không khác. Họ, những dân tộc này có thể trao đổi với nhau bằng bút đàm. Từ đó họ có thể hiểu nhau một cách dễ dàng mà không cần đến thông dịch viên nữa.

Khoảng giữa thế kỷ thứ 13, Ngài Không Hải (Kukai) người Nhật đã sáng chế ra chữ Hiragana (bình giả danh) và Katakana (dùng để phiên âm tiếng ngoại quốc ra tiếng Nhật). Từ đó người Nhật, ngoài chữ Hán (Kanji) ra còn có thêm 3 loại chữ này nữa (sau này có thêm chữ Romaji viết theo ngôn ngữ Tây Phương cho người ngoại quốc dễ đọc). Như vậy Nhật Bản đã bắt đầu ly khai văn tự Hán ngữ, không còn giữ nguyên như xưa nữa. Tuy nhiên trong các chùa viện, mãi cho đến ngày nay

tại Nhật Bản vẫn còn tụng đọc chữ Hán; nhưng phát âm ra Nhật ngữ.

Đại Hàn cũng thế, họ dùng chữ Hán làm căn bản; nhưng đến thế kỷ thứ 13 những nhà Sư đã chế ra tiếng Đại Hàn; đến thế kỷ thứ 19, 20 vẫn còn thấy tụng một câu văn có một nửa chữ Hán và một nửa tiếng Đại Hàn; nhưng đến đầu thế kỷ thứ 21 này hầu như ngôn ngữ Đại Hàn đã thay thế toàn bộ cho chữ Hán. Mặc dầu vậy trong các chùa lớn thuộc Tông phái Tào Khê, hay các chùa cổ như: Heiinsa (Hải Ấn Tự); Bukkokusa (Phật Quốc Tự) hay Tondosa (Thông Độ Tự) các thời kinh mai hay chiều, tại các tự viện này cũng đều tụng đọc bằng chữ Hán với ý nghĩa được hiểu bằng ngôn ngữ Đại Hàn.

Còn Việt Nam chúng ta thì sao? Dĩ nhiên cũng không khác Đại Hàn và Nhật Bản mấy. Nghĩa là cho đến thế kỷ thứ 13 chúng ta vẫn dùng chữ Hán ở mọi nơi. Từ trong chùa ra đến học đường, công sở, trong khi chúng ta vẫn nói tiếng Việt Nam. Do vậy chữ Nôm qua bài Văn tế cá sấu của Hàn Thuyên không biết có phải chính do ông sáng tác hay không; nhưng kể từ đó Việt Nam chúng ta có thêm một ngôn ngữ khác, vốn vẫn lấy chữ Hán làm căn bản, mà ta gọi là chữ Nôm. Chữ này khó hơn chữ Hán, vì viết theo lối phiên âm qua Việt ngữ. Do vậy chữ Nôm có thể thịnh hành trong các thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 17, 18 và cuối cùng thì chữ Hán cũng không còn, mà kể từ giữa thế kỷ thứ 20 trở lại đây, người Việt Nam chỉ viết tiếng Việt theo lối Tây Phương và hầu như không còn ai hiểu chữ Hán hay chữ Nôm là gì cả; ngoại trừ các phân khoa ngôn ngữ học vẫn còn dạy tại các Đại Học và ngôn ngữ ấy vẫn còn lưu hành trong các chùa ở trong cũng như ngoài nước Việt Nam hiện nay.

Kể ra thì văn học, thi ca v.v... ngày xưa tại Trung Hoa cũng như Đại Hàn, Nhật Bản hay Việt Nam đều xuất phát từ chùa cả. Thuở ấy không ai có thể học được chữ Hán nhiều hơn các nhà Sư và cũng không có nơi nào rộng rãi hơn nơi thờ Phật; nên vua chúa Trung Hoa đã phải tiếp các Sứ Thần của Ấn Độ, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam tại một nơi thờ Phật, được gọi là Tự. Tự có nghĩa là chùa và những lời nói hay ho, trong sáng, có ý tứ sâu xa đi kèm và ở ngay tại chùa ấy, chữ Hán gọi là thi hay thơ (詩).. Như vậy cho nên chúng ta cũng chẳng ngạc nhiên gì, tại sao có các vị Sư giỏi mà các vua nhà Đinh phải phong cho Khuông Việt Thái Sư, nhà Lý, nhà Lê phải phong cho Vạn Hạnh Quốc Sư hay giữa thế kỷ thứ 13 phải phong cho Phù Vân Quốc Sư, v.v...

Trước khi đi Ấn Độ để thỉnh kinh vào đầu thế kỷ thứ bảy (619), Ngài Huyền Trang đã được Vua Đường Thái Tông ban cho danh tự là Đường Ngự Đề; chính thị như em ruột của nhà Vua. Một triều đại nhà Đường nguy nga tiếng tăm như vậy, cũng đã không thiếu bàn tay và khối óc về ngôn ngữ cũng như Tôn Giáo học mà Ngài Huyền Trang sau 21 năm đi về cũng như ở lại tại Ấn Độ (gần 17 năm ở Ấn Độ và 4 năm đi cũng như về) nhằm học hỏi tinh hoa Phật Giáo của Ấn Độ lúc đương thời và đã giúp cho nhà Đường vai trò lãnh đạo của các nước Đông Phương cũng như văn học Phật Giáo nổi bật hơn cả ở các thời đại đông tây kim cổ cũng như ngay cả lịch sử cận đại nữa. Một chốn triều đình; nơi đủ mặt bá quan văn võ, mà một nhà tu như Trần Huyền Trang đã chinh phục hết tứ bề qua tài thuyết pháp giảng kinh của mình, thì thử hỏi có còn ai hơn nữa?

Ngài Pháp Hiền, Ngài Pháp Xứng, Ngài Ma Đăng Trúc Pháp Lan v.v...những tên tuổi ấy, một thời đã làm nên lịch sử

Phật Giáo Trung Hoa. Chính từ đó nền văn hóa này mới lan tỏa đến các nước như: Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản, để rồi Nhật Bản cũng như Việt Nam hay Đại Hàn có những ông vua thương dân như con ruột của mình, nếu không có tinh thần Phật Giáo mới cho những người cai trị muôn dân này thì làm sao Việt Nam có thể độc lập và thịnh trị gần 400 năm như vậy? (1010-1400). Ấu đó cũng là do Phật Pháp mà nên.

Một nhà vua bỏ ngôi báu để đi xuất gia vào cuối thời nhà Lý như Lý Huệ Tông là thân phụ của Lý Chiêu Hoàng, đã trở thành Thiền Sư Huệ Quang và muốn quên đi tất cả dĩ vãng dưới chủ trương của Trần Thủ Độ để chỉ cốt mong sao cho một dãy giang sơn bền vững, mà không nhất thiết phải được cai trị bởi nhà Lý chứ không phải họ Trần. Rồi một Trần Thái Tông cũng đã rời cung cấm vào núi Yên Tử để tìm Phật; nhưng đã bắt thành qua lời khuyên của Quốc Sư Phù Vân cũng như sự quyết tâm của Trần Thủ Độ; nhưng lịch sử không dừng ở đó, đến khi Trần Nhân Tông lên ngôi, sau khi đã thắng Tống bình Chiêm đến 3 lần, vào cuối thế kỷ thứ 13 (1296) đã xuất gia tại chùa Chân Giáo, nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông để trở thành Thái Thượng Hoàng và ông cũng đã trở thành người đứng đầu của Phái Thiền thứ 4 của Phật Giáo Việt Nam, gọi là Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Để từ đó chống gậy đi về phía Nam, mục đích thăm dân và dạy dân biết bỏ tà quy chánh, tu theo 10 giới cấm của người Phật Tử tại gia; nhất là sau khi đã gả Huyền Trân Công Chúa về cho xứ Chiêm Thành.

Nhật Bản cũng không khác gì Trung Hoa hay Việt Nam và Đại Hàn là mấy. Vì Đạo Phật đã ăn sâu vào trong các giai tầng của xã hội Nhật, trên từ vua quan dưới cho đến thứ dân muôn họ với dân tộc có lá cờ mặt trời này. Người Nhật ngày

xưa gọi mình là Nipponjin (người Nhật Bản); nhưng ngày nay đa phần họ dùng chữ Nihonjin để chỉ cho người Nhật. Cách viết cả hai chữ bằng Hán văn vẫn giống nhau (日本人); nhưng cách phát âm lại khác nhau. Cả hai đều đúng. Ví dụ như người Việt Nam chúng ta gọi là người Nhật Bản cũng đúng mà người Nhật Bản cũng không sai. Hán tự nó phong phú như vậy, không như tiếng Anh chỉ có một. Đó là Japanese hay tiếng Pháp cũng gọi như thế là Japonnais. Nếu nói nước Nhật thì ngày xưa người Nhật gọi là Nippon – cách gọi này nó hàm chứa một chút gì của một Đế quốc; cho nên ngày nay đa phần người ta gọi là Nihon; chứ không gọi là Nippon nữa.

Cũng như nước Úc tiếng Anh gọi là Australia; nhưng cũng có hai cách gọi khác nữa là Aussie (gọi tắt) hay Down Under (miệt dưới). Tùy theo cách nói của mỗi thời đại mà người ta có thể hiểu theo cách riêng của mỗi người vậy.

Người Trung Quốc khi gọi các dân tộc phía Tây của mình là rợ Hồ hay các nước phiên, thì phương Nam họ gọi là người Mán, người An Nam. Họ gọi như thế để chỉ cho mình một chính danh, còn những nước khác là thuộc quốc, vì văn hóa, kinh tế, học thuật kém hơn nước của họ.

Từ khi lập quốc đến bây giờ trên dưới 2.000 năm lịch sử, người Nhật hình như chỉ có một tên gọi này và xa hơn nữa họ thuộc thế hệ con cháu của Thần Mặt Trời; ngoài ra quốc hiệu và quốc kỳ không có thay đổi nhiều như Việt Nam của chúng ta. Trong khi những danh từ kép ví dụ như lịch sử, văn hóa, Tôn giáo, xã hội v.v... thì cách dùng không khác mấy với Đại Hàn, Việt Nam hay Trung Quốc; nhưng khi viết thành câu văn, tiếng Nhật không giống văn phạm với bất cứ nước nào có ảnh hưởng bởi văn hóa của Trung Hoa. Thông thường muốn tạo thành một

câu văn phải đầy đủ chủ từ, động từ và túc từ; nhưng tiếng Nhật chủ từ đi trước, túc từ đi giữa và động từ đi sau cùng. Ví dụ như nói rằng:

Watashi wa Nihonjin desu.

Watashi là chủ từ - wa là trạng từ, Nihonjin là túc từ và desu là động từ “da”. Động từ của Nhật Bản chia ở 5 thể thuộc a, i, u, e, o. Trong khi đó tiếng Trung Hoa không cần chia và ngay cả động từ của tiếng Việt cũng vậy. Quá khứ, hiện tại, vị lai... tiếng Nhật chia rất rõ; trong khi đó tiếng Trung Hoa và tiếng Việt không cần. Tôi không rành tiếng Đại Hàn nên không dám lạm bàn ở đây. Nhưng tại sao như vậy thì xin các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ học cố gắng giải thích dùm.

Cũng như vậy, khi người Nhật gặp người ngoại quốc thì nói rằng:

Anohito wa gaikkokujin desu

Anh ta là người ngoại quốc

Thế nhưng nếu họ nói chuyện với người thứ ba thì họ chỉ kêu kẻ ấy là “gaisin” có nghĩa là người ngoài; người ngoại quốc, không phải là Nhật Bản chánh hiệu thì cần gì phải quan tâm; nhưng cũng có một điều họ quên đi rằng: Tất cả chúng ta đều là người ngoại quốc trên quả địa cầu này, nếu chúng ta sống ra ngoài biên cương, lãnh thổ của ta, nơi ta đã cất tiếng khóc chào đời. Do vậy người ngoại quốc cảm thấy cô đơn khi sống tại xứ Mặt Trời này, nhất là khi ngôn ngữ chưa thông, phong tục, tập quán, thức ăn... chưa rõ, chưa thấm thì quả là điều nan giải vô cùng.

Năm 1904 Nhật Bản thắng Nga và sau đó là chiến tranh nha phiến với Trung Quốc và kế tiếp là chính sách Đại Đông Á

(Daitoa) của Thiên Hoàng Chiêu Hòa (Showa Tenno) đã làm cho không biết bao nhiêu người chết chóc và quê hương của Á Châu đã lâm vào cảnh chiến tranh khốc liệt chưa từng có. Cho hay khi người ta thắng trận, cái uy dũng ấy nó đã làm chất kích thích tự tôn và cú thế, nếu người lãnh đạo thiếu sự kèm chế như Hitler ở Đức, Nhật ở Á Châu v.v... thì thế giới này sẽ hoang tàn đổ nát. Tất cả cũng chỉ là giấc mộng tranh bá đồ vương của một Thành Cát Tư Hãn của Trung Hoa ngày xưa, mà ngay cả bây giờ vẫn còn thấy lảng vảng đâu đó trên quả địa cầu này, với những chủ nghĩa phi tự do, phi nhân bản.

Thuở ấy Việt Nam của chúng ta bị người Pháp đô hộ (1868-1945), gần 100 năm như vậy; cho nên khi Nhật thắng Nga vào năm 1904 thì các cụ trong Phong Trào Đông Du như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng v.v... đã cổ động, khuyến khích dân ta sang Nhật để du học. Lúc ấy đa phần các sinh viên mà các cụ đã gọi đi đều học ở trường võ bị Đông Kinh Nghĩa Thực, mong mỗi ngày sau, khi học thành tài trở về lại quê hương để giành lại độc lập từ tay người Pháp; nhưng điều ấy đã không thành, khi mà người Pháp đã đặt được nền cai trị vững chãi tại Đông Dương thì họ muốn chính quyền Nhật phải giao trả những nhà cách mạng đang lưu vong tại Nhật như cụ Cường Để chẳng hạn về cho Pháp. Thế nhưng đã đi làm cách mạng thì thà chết chứ không hàng trước giặc; cho nên mỗi người tự tìm cho mình một chỗ để nương thân, chứ không hy vọng gì nơi một quốc gia đã che chở cho mình lâu nay nữa.

Đến khi quê hương đất nước chúng ta chia đôi lần thứ hai vào ngày 20.7.1954 thì người Nhật cũng chỉ vì mối lợi mà họ đã đem trở về lại quê hương của mình sau khi chính sách Daitoa, có nghĩa là Châu Á của người Á Châu đã bị thất bại.

Thế rồi thời thế đổi thay. Nhật đã bị Mỹ dội bom nguyên tử vào năm 1945 tại Hiroshima và Nagasaki, để cuối cùng quân đội Nhật phải đầu hàng quân đội Mỹ. Đứng là nhân nào quả nấy. Trong khi hùng mạnh, lo đi chiếm cứ Đại Hàn, Đài Loan, Trung Hoa, Việt Nam... đến khi thất thế, bị Hoa Kỳ phong tỏa và mãi cho đến ngày nay nước Nhật đang lép vế trước nước Mỹ, không như một nước Đức, tuy cũng thua Mỹ; nhưng sau khi thống nhất Đông Tây Đức vào năm 1990 (bức tường Bá Linh sụp đổ vào ngày 9.11.1989). Họ, những người Đức rất tự hào là đứng ngang hàng với Mỹ và đang cùng với Pháp lãnh đạo Âu Châu, trả người Nga, người Anh, người Pháp, người Mỹ về cho quê hương của họ mà còn tạo ra công ăn việc làm, lo bảo hiểm y tế cho những quân nhân này sống và chiến đấu cho nước Đức sau chiến tranh. Điều này người Đức rất hãnh diện mà Nhật Bản chưa có được một cơ ngơi như vậy.

Chính phủ Nhật sau năm 1954 đã công nhận nền Đệ Nhất Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (1954-1963), rồi Đệ Nhị Cộng Hòa (1964-1975) và sau này là chế độ Cộng Sản. Nghĩa là không cần quan tâm đến vấn đề chủ nghĩa, miễn sao dân tộc họ có lợi là được rồi.

Nước Nhật sau khi cải cách ở mọi phương diện vào thời vua Minh Trị (1868), họ đã chấp nhận văn hóa Âu Mỹ cũng như khoa học và kỹ thuật. Do vậy nước Nhật tiến rất nhanh, nhanh đến nỗi mà nhiều khi qua mặt cả các nước Âu Châu luôn. Cho nên thế giới rất ngưỡng mộ và từ đó thế giới trẻ đổ xô về hướng Nhật Bản để cố gắng học hỏi cũng như tìm tòi những cái hay cái đẹp của quê hương này; nên sau năm 1954 đã có không ít những sinh viên đi từ Miền Nam Việt Nam đến Nhật Bản du học.

いわき論集

目

次

手漉和紙業における専業の形成について —分布論的考察— ……………	関 恵 司 ……	1
IMF・GATT体制の意義と限界 —戦前・戦後の経済政策の相違点についての一考察— ……	高 崎 讓 治 ……	7
般若心経における色と空 ……………	山 下 庫 司 ……	21
いわき地方における二・三の地質学的特性について(その1) ……	柳 沢 一 郎 ……	29
相統制度の歴史性 —南北朝鮮の現行制度を中心に— ……………	李 丙 洙 ……	35
	F・ルエラン著	
日本における米の生産 ……………	菊 池 一 雅 訳 ……	43
研究資料		
明治時代における日本の英語教育について ……………	レ・クォン ……	53

いわき短期大学商経学会

1978

いわき短期大学商経学会会則

- 第 1 条 本会は「いわき短期大学商経学会」とよぶ。
- 第 2 条 本会は会員の研究およびその発表を目的とする。
- 第 3 条 本会は前条の目的を達するためにつぎの事業をおこなう。
1. 「いわき論集」および「ゼミナール紀要」の編集ならびに発行
 2. 研究会および講演会などの開催
 3. 評議員会が適当と認めたその他の事業
- 第 4 条 本会の会員はつぎのとおりとする。
1. 普通会員 本学教員および在学生
 2. 賛助会員 本学卒業生および本会の趣旨に賛同し、かつ評議員会の承認をえた者
 3. 名誉会員 本会のために多大の功績があり、かつ評議員会が推薦した者
- 第 5 条 本会の会員は機関誌の配布をうける。
- 第 6 条 本会につぎの機関をおく。
1. 名誉会長 本学学長を推す
 2. 会 長 評議員の互選による
 3. 評 議員 本学専任教員
評議員会は評議員をもって構成し、本会の運営にあたり、会長が議長を兼ねる。
 4. 評議員は編集委員、会計委員、庶務委員各若干名を選出できる。
- 第 7 条 本会の経費は会費、事業収入、寄附金などをもってこれにあてる。
ただし、会費は評議員会の決議したところによる。
- 第 8 条 本会の会計年度は4月1日にはじまり翌年3月31日におわる。
- 第 9 条 本会は事務局をいわき短期大学内におく。
- 第 10 条 本会則は昭和50年4月1日から効力をもつ。
ただし、本会則の変更は評議員会の決議による。

資料

明治時代における日本の英語教育について

レ・クォン

ベトナムにいた時、私は、世界史の時間が大好きであった。世界史には、世界の事情、状況、政治、経済、教育などが出て来るのであるが、中でも私が一番関心を持ったのは日本の明治維新のことである。フランス革命（1789年）、中国の革命（1910年）、あるいはロシア革命（1917年）等、数ある革命の中でも、特に日本の明治維新（1868年）について深く研究したいと思った。これは、日本に行きたいという、私の一つの大きな理由となった。

なぜ明治維新は有名になったのか。日本という国はずっと前から東洋文化の影響を受けてきた国である。特に、中国の文化を中心として吸収し、政治、文化、宗教、経済等を形成、実現して来たのである。明治維新というのは、この長い伝統の中での一大革新であった。ちょうどこの時代から日本は西洋文化の影響を受け、実践科学主義を習いはじめたと言えるであろう。もちろん、明治維新以前においても、西洋の学問を吸収したが、それはオランダ国との国交しか触れる事ができなかった。それが、ひろくヨーロッパ、アメリカの新しい文化を吸収する時代に切りかわったのであるから、明治維新は、日本にとって一大革新であったのである。

この明治維新の特色の一つは、日本は農業国から工業国へと進んで行ったことである。この意味で、この維新ということは現在の日本の近代化の源泉だったと言えるのである。

ところで維新と革命はどういうふうに違うのか、「維新」というのはすべてがあらたまり、あたらしくなることである。「革命」は王朝が代わること、あるいは政府が代わるのである。維新と革命とはそれぞれ意を異にしているのである。

特に日本の王朝は他の諸国の王朝と違っている。日本は、今まで123代も天皇が在位しているが、外国の場合は王朝がよく変わっている。王朝、あるいは政府などが代る時、これは革命と言え。しかし、明治維新は革命と言えない。天皇制が変わらなかったからである。私にとって、維新という言葉には殺す、殺されるという意味がないと思う。というのは、以前が古いから、今から維新する、新しくなおすことと思うからである。しかし、

革命という言葉を知ったら、この言葉の中だけでも、血を見る印象が私の胸に残っているのである。

前王朝、前政府と戦い、人命を落とさなければ政権交代が成功出来ない時に行なうのが革命ではないかと思えるのである。

この様な簡単な理由で、私は明治維新について研究したいし、考察しなくてはならないのである。

しかし、何を勉強するにしても、一番大切なことは言語である。西洋の文化で、一番影響が深い言語は英語、フランス語、ドイツ語である。でも、どうしても英国また米国の方が他の国よりも影響が深いのである。

日本の英語学は、文化5年（1808年）からはじまったと言える。これは英艦フェートン号が長崎に侵入した時である。日本人はこの時から英語を勉強する必要が出来たのである。

もちろん、その時期と現在とを比べれば違う点が沢山出て来るのであるが、過去の事を知らなければ現在の結果も解かないし、現在のことがわかかなければ未来の行き方も理解することができなくなってしまうのである。

私自身、外国人であるので言語という問題は一番大切だと思うから、日本人が初期の英語を受け入れる時、どうであったのか非常に興味を持ち、この「明治時代における英語教育について」を書く理由になったのである。

特に、日本語は文法が難しいから、他の国の言葉よりも勉強に時間がかかる。でも国と国との文化の伝達の為に、私はこの身体を渡り橋にしたいと思い、なんとかこの明治時代の日本の英学について考察したいと思う。

日本人が、学問の中心を蘭学から英学に移したのは、文化6年（1809年）から始まったと言える。その1年前、長崎港に英艦フェートン号が侵入して以来、日本人あるいは日本文学界の関心等がこの時期から転換した。文化6年から明治維新（1868年）にかけて約60年間日本の英学がどの様な進歩をして来たか、詳しく考察してみたい。

60年間をわたっても、日本側の英学者はまだ出て来ない。幕府は日本の学生を留学生として英米に送る。慶應元年（1865年）薩藩の森有礼ら19名はひそかに英国留学へ出発した。もちろん、その前に英語の本、辞書を訳した人もいたが、この時期に、最初における日本の英学の様子が見られる。米国側の宣教師らも渡来する。

明治初期に入ると外国語の学校がだんだん設置された。留学生も英米に何回も送ったのであった。

この時期英米から代表的な人物、伝教師などが多く見えた。やはり、これは、日本国内の英学人材がまだ足りないので外国人が必要であったからだと思われる。

しかし、なぜ蘭学をそのまま続けて行かなかったのか、なぜ日本国民は英語を学ばなければならなかったのであろうか？

事実、英語は世界で一番文明国の国語であったのである。日本が最文明最強国の言葉を学ぼうとするのに何の不思議もなかったかも知れない。その頃の英語は、その栄華の絶頂に達していたから日本は蘭学から英学に変った一つの理由なのであろうか、明治元年は1868年であるが、英国の最盛期は凡そ1870年と思われる。

新日本国を建設するに於いて英国の伝統の経験主義、実利主義などを学ぶため英学に転換したと思える。あるいは英国的自由主義を理解するために日本人の目的が変わったのである。

明治新政府は富国強兵策を実現するため、西洋先進国へ向わなければならないのであるから、留学をしたり、技術を学んだりするのは当然なことである。

明治4年に中村敏字の訳した「西国立志篇」の影響が強かったから、英学の影響もだんだん広がった。

明治5年日本政府に於ける御雇外国人は、英人119人、仏人50人、米人16人、その他で計214人、3分の2が英米人であった。この統計を見ると、やはり明治初期の日本人に人材がたりないから、外国人教授を雇用したことと思われる。

しかし文学的に見るとヨーロッパ文明の導入以来の英学書の出版は明治5年を以って最高頂とするとされているが、それから西南戦争が過ぎると翻訳小説が流行し出した。おびただしい小説が訳出された中で、政治小説が特に歓迎された。それは矢野文雄「経国美談」（明治17年）、東海散士「佳人の奇遇」（同18年）、末広鉄腸「雪中梅」（19年）等である。これらは日本の政治小説を創作に導いた始まりである。坪内逍遙の自由太刀余波鋭鋒（17年）はシェクスピアの「ジュリアス・シーザー」の訳であるが、相共に国会開設に至る日本の道を開いたものであったと言えよう。

この西南戦争前後10年が明治英学の初期であるとされる。

明治時代における日本の英語教育には、いろいろな節目があるが、ここで省略する。例えば明治初期の英語学校の設置、英語教師の採用、英和及び和英辞書の発達などはそれぞれ明治初期に始まる。あるいは明治中期（20年－32年）の中期の生徒における英語教育、英語の発音と日本人、明治末期（33年－45年）に入ると英語教育に関する著作、英和訳の著作、森有礼の英語国語化論など、たくさんの節目があるが、ここで「森有礼の英語国語化論」について、私は、外国人の目で見えて論じてみたいと思う。

言語というのはその国の言葉である。その国の民衆の生活を表わしている。習慣、礼儀、信仰、あるいは文化、それらはその国のすべてのことを表現する。その国が文化を持つならばもちろんその国の言語がある。もし、文化があっても自分の国の言葉がなければ、そ

れは不連続の存在となる。もしも言葉があっても文化がなければ、それは未開部族である。だから言葉というものは大切である。

森有礼は英語を国語化するについて沢山の論争を起こした。なぜ森有礼がそういうふう考えたのであろうか。

彼は慶應元年（1865年）イギリスに渡航してロンドン大学にて化学や数学を学び、慶應3年（1867年）アメリカに渡り、その後明治元年（1868）帰朝した。

「森有礼の英語国語化論は森が日本公使として米国に滞在中の明治6年に著わした『日本の教育』（Education in Japan : A series of letters addressed by prominent Americans to Arinori Mori, New York, 1873）に出ている。その一部分は「日本教育策」と題して翻訳されている（『明治文化全集』（教育篇）所収）が、その序論に述べられている森有礼の意見をまとめると次のようになる。

(1) 日常語は数が少なく、くかも大部分が漢語である。漢字を仮名で書くことは不便であり、実行不可能である。

(2) 漢語の助けを借りなければ伝達手段として役に立たないということは国語の貧弱性を示す。

(3) 今日の世界は英語国民の商業力の支配下にある。国の独立維持のためには英語を習得することが絶対に必要な条件である。

(4) 西洋文明が全面的に採り入れられるとき、日本国内に英語が氾濫する運命にある。

(5) 日本語のような貧弱な伝達手段によっては西洋文明を吸収することはできない。

（日本の英語教育史196項～197項まで）。

以上、森有礼が述べた一つ一つの問題をを分析するとどのようになるか。もちろん、この英語国語化について学者たちが論争したが、私は外国人の目から見て少し意見を述べたいと思う。

日本語というのは日本人の持つ言語である。なぜ英語を取り入れなければならないのであろうか。もし、日本語が英語化されれば日本人という言葉は消えてしまったかも知れない。アメリカかイギリスの属国になったであろう。日本人が存在する限り、日本語がなければ、日本人とは言えない。歴史を見ると、植民地が広まった時、大きな国が小さな国を支配した。植民地政策は属国の民衆を愚民化し、言語も自国語を被支配国に強制したのである。例えば私の国（ベトナム）では19世紀後半（1866年）から20世紀前半（1945年）まで約80年間フランスの植民地であった。彼等が一番大切にしたのは教育である。教育というよりも言語である。ベトナムのすべての学校はフランス語を教えなければならなかった。フランス語はベトナム語の代わりに使わなければならず、ベトナム語は外国になった。しかし、ベトナムが独立してからは（1945年）ベトナム語を国語とし

て使いはじめた。また自分の国の言葉は他の国よりも良くないと思ったら、その人は売国奴であると言う人もいる。ベトナムの問題だけでなくインドあるいは台湾、それからアフリカ諸国等、独立してからは自分の国の言葉を守ってる。

特にフランスの文化は高いと評判があったがフランスの文化とフランス語とは違うのだ。だからベトナム人はフランスの言語より自国語の方が良いと選んだ。ただ、日本は島の国であり、幸いに日本人は他の国に支配されなかったから森有礼は自分自身、植民主義がわからなかった、英語国語化と言ったのであろう。

「日本語は大部分が漢語から借りる」と言ったが、これは当然である。しかし日本は音読がある。訓読なら日本語ではないのか？

日本では平安朝以来漢文が学問の言葉である。しかし、日本文化は中国の文化の影響を受けたが、日本語が中国語になったのではなかったのである。

現在英語は世界語と言えりけれども「商業」と貿易のために英語を国語化して良いものであろうか？

西洋文明はギリシヤ、ローマ以外、イギリスやアメリカなどは日本よりも新しい国家ではないのか？アメリカは建国後200年経ったばかりだから、アジアの文明に比べれば未開民族であろう。アジアの文明は精神的な文明である。アメリカの文明は物質の文明ばかりを人間に与えるから、精神不安、精神混乱が問題になった。

以上、私は外国人からみて森有礼に不賛成の意見を述べたが、私自身、日本語について意見を述べたい。

日本語は外国語の中で一番か二番目に難しい言語と言えりけれども、なんとか、簡単にして外国人にわかりやすいようにするのが日本人の責任である。その為、日本語を変化改革しなければならないのである。

もし日本語を全部ローマ字に書いて直したらどうなるであらう。ローマ字は明治時代に盛んとなった。

「明治19年チェンバレンの『ローマ字日本語読本』(A Romanized Japanese Reader)が出版された。同年第3版を出したヘボン辞書はローマ字会式を採用したが、これがほぼ現在のヘボン式となっている。それまでのヘボン辞書は仮名遣い主義であったが、ローマ字会の発音主義となった。たとえば shiyatsu(シャツ) hiyaku(百) → (shatsu, hyaku)。ローマ字会は会員数2万にも達した時もあったが、明治25年に解散した。"Rōmaji zasshi"(19年2月10日号)を見ると「英国公使プランケット氏の演説(チェンバレン氏訳述)」が出ているので、その一節を紹介する。

Shikashi, shokun yo! kono kai no moukuteki wa, nan de arimashō?
Kouo kai no moukuteki wa, gakujutsu mizou no dai-henkaku de arimas-

uru . Kore made arikitari no Shina-moji wo haishi , kore ni kaeru ni no nijuu-yo-ji wo motte suru toki ni oitewa , fRoomaji utatsu no ooi naru rieki uru koto ga arimasu . Hitotsu ni wa , Seiyoo kakkoku to k-osoi wo hiroku shi ; futatsu ni wa , Shina-moji ni jikan wo tsuiyasu tema wo habuki ; motte konnichi no bummei - sekai ni hitsuyoo naru jitsugakujo ni sono tema wo mochiita naraba , sunawachi 37,000,000 nin no saiwai to iu mono de arimashoo .

(しかし諸君よ、この会の目的は何でありましょう。この会の目的は學術上未曾有の大變革であります。これまでありきたりの支那文字を廃し、これに代えるローマ字の24字をもってするときにおいては、二つの大いなる利益を得ることがあります。一つには西洋各國と交際を広くし、二つには支那文學に時間を費やす時間を省き、もって今日の文明世界に必要な實學上にその手間を用いたならば、すなわち 37,000,000 人の幸いというものでありましょう。『日本語の教育史』203-205項)。

上の文章をみると、やはりローマ字になってもまだ日本語である。ここでは英語國語化の必要がない。ただ日本語はローマ字ばかりを使うと同じ発音で意味のちがう言葉が沢山あるので、これは問題である。しかし、日本人の名前でも日本人に読めないものが沢山あるので、ローマ字になった方が良いのではないかと思う。外国人は始めて日本語を習う時はほとんどローマ字で教えられるのである。外国人は日本語が全部ローマ字であればと思う人が多い。私の意見も日本語をローマ字に直した方が良いとする者である。そうすれば外国人も日本語の理解をしやすいし、日本語も國際的になりやすいと思う。このままでは日本語というものは日本人にしかわからないのである。日本人は東西南北の文明に影響を与えるのに、伝達するところがなければそれは不幸だと思う。伝達するためには言葉が一番大切であるから、何とかして日本語をなおさないで話しにくい。例えば私たち留学生は日本に来て日本語を勉強し、日本人から日本語を習っても日本人のように日本語をよくしゃべれない。日本に5年いても10年いても決して日本語が上手になれない。私たちはなまけものではない。ただ日本語が難しいのである。ひらがなもあるし、かたかなもある。漢字もある。ローマ字もあるのだから相互理解がしにくい。例えば馬場辰猪の英語採用反対論を見ると、彼は明治3年9月にロンドンへ行き、明治6年にその反対論を全部英語で書いた。在英3年であったがこのように英語で書いた理由は何であらうか？彼は天才とは言えるかも知れないが、やはり英語が日本語よりも勉強しやすかったからであらう。これは『日本語文法』…………… An Elementary Grammar of the Japanese Language with Easy Progressive Exercises (1873)……

We have two objects in publishing this book . The first , to give a general idea of the Japanese language as it is spoken , and thesecond , the protest againt a prevalent opinion entertaied by many of our countrymen , as well as foreigners who take some interest in our country , and to show the reasons why we do so . It is affirmed that our language is so imperfect we cannot establish a regular and systematical course of education by meaus of it ; and that thebest way is to exterminate the Japanese language altogether , and to substitute the English language for it . Those who maintain this opinion ought to have examined the language and proved its imperfection as a medium of intelletcual thought and expression , but so far as we are aware they have not done so . 『日本英語の教育史』195-200項。

結局、森有礼の英語国語化について、外国人の私から、日本の明治時代の事情を見た上での問題についての意見は以上である。多少その意見に対し、反論があるかとも思うが、これは事実だと思われる。

今まで「明治時代にける日本の英語教育」を述べて来たが、私にとって何か深い意味があると思う。ここで、結語の代わりに私の目を見た日本の英語教育（明治時代）について述べたい。

私自身外国人であるが、ヨーロッパ人ではなかったので、西洋の英語の便い方、日常の英語の話し方などの経験がなかった。私はアジア的に私の国と同じく英語を外国語とする日本の現場の教育的制度を検討していきたいと思う。

明治初期から末期にかけての45年間に英学が成長したのを見て分かる様に、日本に於いては明治時代の急激に英学がもっとも有意味であったと言えるだろう。また、明治初期から末期にかけて英語学だけでなく、ヨーロッパの文化、技術なども深く影響したと思われる。

明治初期には日本国内は人材不足のため、外国人教授、技術者、機械などを導入、勧誘したりした。あるいはヨーロッパに留学させた森有礼、津田梅子、馬場、坪内などがいた。こういう人々は自分達のためだけでなく、日本の未来のために勉強した。今日、日本国がこういうふう立派になったのは彼らの働きと言えると思う。

長い間、日本の文化は中国の影響を受けていたが、明治になってヨーロッパの文化、技術と東方の文化とが調和した点に日本の世界的な一つの視点が見える。

私は、外国語を勉強すれば、その国の民族文化、感情、礼儀、教育、社会、宗教などを

理
語
う
が
は
と
場
と
に
う

執筆者紹介(執筆順)

関 恵 司	城 西 歯 科 大 学
高 崎 讓 治	い わ き 短 期 大 学 講 師
山 下 庫 司	い わ き 短 期 大 学 教 授
柳 沢 一 郎	い わ き 短 期 大 学 教 授
李 丙 洙	い わ き 短 期 大 学 教 授
菊 池 一 雅	い わ き 短 期 大 学 教 授
レ・クォン	ベトナム人留学生

英
そ
と
願
る
の
う
的
思

編集委員(◎印は編集委員代表)

斎藤五蔵 山下庫司 李 丙洙 ◎ 菊池一雅

— い わ き 論 集 —

1978年4月20日 発行

(非売品)

発行者 いわき短期大学商経学会
会長 菊池 一雅

〒970 福島いわき市平鎌田山
いわき短期大学 内
電 0246(74)9185 6

印刷 水野印刷

IWAKI RONSHU

Contents

Keiji SEKI

On the Formation of a Monopoly in the Handmade Japanese
Paper Industry

— A Study of Its Distribution —

Jyoji TAKASKI

The Meaning and Limit of the IMF and GATT Systems

— A View on Difference between Prewar and
Postwar Economic Policies —

Kuraji YAMASHITA

Matter and Void in "Hannyashingyo"

Ichiro YANAGISAWA

On Some Geological Features of the Iwaki District

Byong S. Lee

A Historical Nature of the Inheritance System

—With Special Reference to the Present System in North
and South Korea—

Francis RUELLAN

Kazumasa KIKUCHI

La Production du Riz au Japon

Materials

L E Cuong

On Japan's English Education in the Meiji Era

1 9 7 8

SHOKEI GAKKAI OF IWAKI JUNIOR COLLEGE

Dưới đây là một chương trong luận văn tốt nghiệp Đại Học Teikyo của tôi vào năm 1977 viết về “Giáo dục Anh ngữ dưới thời kỳ Minh Trị”. Đến năm 1978 Đại Học ngắn hạn (2 năm) thuộc về học hội Thương Kinh (Thương mại, Kinh tế) của Đại Học Iwaki đã trích đăng một chương trong luận văn ấy và họ đặt cho lời tựa là “Tư liệu Nghiên cứu” nằm vào trang 53 đến trang 60 của Iwaki Ronshu (Luận tập Iwaki). Lẽ ra tôi phải dịch lại ra tiếng Việt đoạn này; nhưng thiết tưởng không cần lắm; vì ngày nay có rất nhiều người viết và đọc cũng như nghe, nói tiếng Nhật giỏi, nên tôi vẫn để nguyên văn như vậy.

Năm 1972 khi tôi đến Nhật, chỉ mới học 3 tháng Nhật ngữ tại trung tâm Triều Dương gần chùa Hưng Long tại Sài Gòn. Vốn liếng Nhật ngữ chừng ấy chả thấm vào đâu; nhưng nhờ có biết chữ Hán cũng như tiếng Pháp và tiếng Anh, nên tôi không ngại khó, chỉ lao đầu vào việc học Nhật ngữ tại trường Nhật ngữ Yottsuya một năm và sau đó thi đậu vào Đại Học Giáo Dục Đế Kinh (Teikyo) cách Tokyo chừng 30 phút xe lửa. Khi đi thi, tôi chẳng biết Đại Học này nằm phía nào của thành phố Tokyo. Cuối cùng thì Đại Học này thuộc thành phố Bát Vương Tử (Hachioji). Năm 1973 rồi 1974 là 2 năm Đại Học đầy thử thách. Vào giảng đường nghe Thầy giảng, nhưng nhiều lúc chẳng hiểu gì, phải nhờ mấy người bạn Nhật giúp đỡ. Trong đó có Yamada Yukio và Iyoda Jun là những bạn thân nhất, bây giờ họ cũng ngoài 60 tuổi rồi và họ vẫn còn làm việc trong chính quyền tại Nhật. Thế mà năm 1975 rồi 1976 phải là những năm chuẩn bị luận văn tốt nghiệp ra trường Đại Học và phải viết bằng tiếng Nhật hoàn toàn. Bây giờ nhìn lại mới tự thấy mình phục mình thật. Đất nước của người ta, ngôn ngữ của người ta, tất cả cái gì cũng của Nhật. Còn mình đâu có cái gì ngoại trừ tấm lòng và ý chí, chỉ mong sao học cho xong, về lại quê hương, giúp cho Thầy Tổ và Giáo Hội. Thế mà cái pháp duyên sanh ấy cứ mãi

trôi bồng bênh đến tận trời Tây này hơn 40 năm qua, chưa một lần dừng nghỉ. Cho nên người xưa thường nói: “Mong muốn là một việc, nhưng sự thành tựu là một việc khác”. Điều này đã không sai với tôi hay bất cứ người nào có hoàn cảnh như tôi. Tốt hay xấu, hay hoặc dở... hãy để cho nhân thế luận bàn, khi tôi không còn có mặt trên thế gian này nữa.

Trong tập luận này, đầu tiên có Giáo sư Keiji Seiki viết về “sự hình thành chuyên nghiệp về công nghệ làm giấy bằng tay của Nhật Bản” (từ trang 1 đến trang 6). Kế đến ông Giáo sư Jyogi Takaski viết về “Khảo sát về sự khác biệt các chính sách kinh tế khác nhau của IMF. GATT thuộc trước và sau chiến tranh” (từ trang 7 đến trang 20). Tiếp theo ông Giáo sư Kuraji Yamashita đã viết về: “Có và Không qua kinh Bát Nhã” (từ trang 21 đến trang 28). Phần tiếp theo của Giáo sư Ichiro Yanagisawa viết về đề tài: “Một vài khai phá về địa chất tại địa phương Iwaki” (từ trang 29 đến trang 34). Tiếp đến là một người Đại Hàn tên là Lý Bình Chu (Byony S. Lee) viết về “Chế độ hiện tại của Nam Bắc Triều Tiên qua cái nhìn lịch sử có tính cách tương tục” (từ trang 35-43). Tiếp đến là một nghiên cứu bằng tiếng Pháp nhan đề là: La Production du Riz au Japon (Sự sản xuất gạo của Nhật Bản). Tác giả là Francis Ruellan và người dịch ra tiếng Nhật là Giáo sư Kazumasa Kikuchi (từ trang 43 đến trang 52). Chính ông Giáo sư này đã dạy tại Đại Học Iwaki và ông ta tìm tôi làm sao trong Thư viện của Đại Học Teikyo để có được luận văn tốt nghiệp Nhật ngữ của tôi và ông đã cho vào trong Iwaki Ronshu này, vốn là những nghiên cứu của các giáo sư Đại Học nổi tiếng tại Nhật và những luận văn, luận án xuất sắc, thì tôi may mắn được nằm trong trường hợp này. Mãi cho đến năm 1980 khi tôi có dịp về lại thăm Nhật từ Đức, tôi mới biết được rằng: Đại Học Iwaki đã trang trọng giới thiệu về tư liệu nghiên cứu của tôi bằng tiếng Nhật nhan đề

là: Meiji jidai ni okeru Nihon no Eigo Kyoiku ni Tsuite (bàn về sự giáo dục bằng tiếng Anh dưới thời kỳ Minh Trị). Bài được đăng từ trang 53 đến trang 60. Đây là một niềm vui của một người ngoại quốc, xuất thân là Tăng sĩ Việt Nam, ở chùa Nhật Bản, đi học hằng ngày tại Đại Học Teikyo và kết quả là như vậy. Tôi không có ý khoe khoang về việc này, vì việc ấy vốn thừa; nhưng tôi muốn nhắc nhở đến những thế hệ về sau này là cứ cố gắng hết mình, thì mọi việc sẽ đến, không ai phụ rầy mình đâu mà lo. Chỉ đơn giản có thể mà thôi. Ngay cả việc giúp người cũng thế, hãy đừng chờ đợi gì cả. Vào một ngày nào đó sẽ có người khác ra tay cứu giúp mình lại.

Trang bên trong liệt kê về 10 điều kiện cũng như quy tắc hội viên của Đại Học ngắn hạn Iwaki thuộc phân khoa Thương Kinh này. Kế tiếp từ trang 53 đến trang 60 là luận văn của tôi. Đây là phần nghiên cứu quan trọng với tôi và với cả người chủ biên của tập luận này và cuối cùng có mấy dòng chữ tiếng Nhật như sau: Kore ni yotte Kettsugo to site, Izò no koto o nobeta (với những sự kiện như vậy, đây là lời kết như bên trên đã tường thuật). Một điểm vui vui nữa ở phần sau cùng người biên tập Giáo sư Kikuchi viết là: Gembun no mama) (nguyên văn như vậy). Câu này cũng có thể là câu đánh giá cao cho một người ngoại quốc viết tiếng Nhật, đã không bị sửa một lỗi nào. Rồi trang bìa 3 là danh sách của các Giáo sư học giả đã đóng góp bài vở trong Iwaki Ronshu này, trong đó có bài của tôi viết vào thuở ấy họ còn ghi chú là: “Lưu học sinh”. Trang bìa thứ 4 đã dịch ra hoàn toàn bằng tiếng Anh để cho tập luận có giá trị là một trong những luận đề nghiên cứu khoa học. Điều này cũng đã chứng minh qua luận án Tiến sĩ của Thầy Hạnh Giới và Hạnh Giả, đệ tử của tôi, khi viết xong luận án ra trường cũng vậy. Cả hai đều viết bằng tiếng Đức; nhưng lời tựa của luận án đều có viết bằng tiếng Anh.

Anh văn ngày hôm nay đã là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới, đi đâu và ở đâu cũng có thể dùng được, rất đơn giản và phổ biến. Trong khi đó tiếng Trung Hoa là một ngôn ngữ có nhiều người nói đến nhất trên thế giới (hơn một tỷ rưỡi người nói; nhưng chưa được gọi là tiếng của thế giới). Vì ngôn ngữ này quá khó đối với người ngoại quốc về cách viết cũng như phải nhớ mặt chữ, nếu không, sẽ không đọc được. Tất cả chúng ta đều do thói quen tạo thành. Nếu một đứa trẻ sinh ra tại Trung Quốc, nó lớn lên đi học chữ ở trường, thành đạt ở Đại Học, ra làm việc... đối với cậu ấy không khó. Vì là tiếng mẹ đẻ và chính môi trường ấy đã tạo nên con người của cậu ta như vậy. Còn với người ngoại quốc, nó chẳng đơn giản một chút nào cả.

On này có được và mãi cho đến ngày nay khi tôi đã ở vào tuổi 65, 66 tôi mới nhận thức được rằng tôi đã nhờ Thầy Oikawa Shinkai rất nhiều và đặc biệt là phu nhân của Thầy. Nhờ những cuộc hội thoại hằng ngày tại chùa Bồn Lập ở Hachioji, nhờ những ngày đi tụng kinh cúng đám cho những gia đình Phật Tử người Nhật trong các lễ ma chay hay những ngày Tết, Vu Lan Bồn và hai lễ Thanh Minh trong năm vào tháng 3 và tháng 9, mà tôi, một con người xa quê có được cơ hội để học hỏi về cách cư xử của người Nhật, cái gật đầu, cái chào hỏi của người Nhật Bản. Ban đầu tôi không thích người Nhật mấy, vì thấy những cái cúi đầu sát đất khum người ấy chỉ là cách xã giao thôi; chứ không thực tâm; nên đã có lần tôi viết một đề tài bằng tiếng Nhật là: Nihon no Watashi no me no sita ni – nghĩa là: Người Nhật dưới mắt tôi. Thuở ấy tôi so sánh người Nhật với hoa Anh Đào tuy có sắc mà chẳng có hương. Có lẽ đó chỉ là cái nhìn phiến diện lúc ban đầu và giờ đây tôi không còn nghĩ như thế nữa; nên quyển sách này mới lấy nhan đề là “Nhật Bản trong lòng tôi” là vậy.

Hòa Thượng Oikawa đã nhiều năm đi du học tại Tích Lan, nên Ngài rất hiểu tâm trạng của những sinh viên ngoại quốc trong khi phải ở xứ người như chúng tôi; nên Ngài hướng dẫn rất kỹ cho các nghi lễ tại chùa theo Tông phái Nhật Liên khi tụng kinh hằng tháng về phẩm Phương Tiện thứ hai; hoặc các lễ trọng khác tụng phẩm thứ 16 về Thọ Lượng bằng tiếng Nhật. Hoặc giả cách đánh mõ, gõ chuông, lau chùa, quét vườn v.v... đôi khi cho cá ăn, Ngài cũng dạy cho tôi nữa. Hòa Thượng là Giáo Thọ Sư cho các sinh viên học về Cao Học Phật Giáo tại Đại Học Risso (Lập Chánh) phần tiếng Pali, mỗi tuần ông ta đi dạy chỉ một vài giờ, ngoài ra là nghiên cứu và viết tự điển Pali-Nhật hoặc Nhật-Pali. Đây là một học giả mà tôi đã có nhân duyên gần Ngài từ năm 1973 đến 1977.

Có lần tôi hỏi ông rằng: Tại sao cái nền chùa đã sạch bóng như vậy rồi mà mỗi ngày lại còn phải lau nó đến hai lần như vậy? Ông Ngài nhõn miệng cười trong khi nhắm bốt một con mắt và nói rằng:

“Ông là kẻ tu hành, nếu lau cái chùa không sạch thì làm sao lau cái tâm của ông sạch cho được”.

Chỉ một câu ấy thôi, mà tôi đã mang theo suốt cả một đời mình. Nó quá đơn giản đi thôi! Nhưng phải làm sao cho nó luôn luôn được sạch sẽ từ trong ra ngoài và luôn luôn ý thức cũng như có trách nhiệm làm sao cho nó sạch. Đó mới chính là điều đáng nói. Tôi học được tinh thần trách nhiệm này từ người Nhật; nên khi ra ứng xử với người lớn hay trẻ con ở bất cứ nơi nào trên thế giới này cũng chỉ bằng một tấm chân tình có trách nhiệm như vậy.

Thỉnh thoảng Ngài tập cho tôi viết Toba. Đây là một Tháp Bà, viết chữ lên trên ấy. Tất cả đều bằng chữ Hán. Trong khi mực đen thì ướt mà phải viết làm sao lên trên tấm ván ấy không

được lem, thì đây là một sự tập trung cao. Nếu sơ ý sẽ hỏng hết. Người tín đồ họ đặt hết tin tưởng vào mình, giao tên ông bà cha mẹ họ, kể cả pháp danh và thuộc về viện nào trong Phổ Hệ nữa, thế mà mình sơ ý làm nhòe đi tên tuổi hoặc giả những chữ quan trọng thì không được phép. Ông ta dạy cho tôi như vậy. Nakatomi, Matsuda và Simizu là những sinh viên đồng song cũng chú tâm để nghe và để viết. Tuy nhiên tuổi trẻ ai cũng ham vui, nhiều khi vừa nói chuyện vừa viết, cho nên chữ viết trên Toba không được cẩn trọng. Ông Ngài xem xong, nheo một con mắt, tỏ ý không bằng lòng; nhưng mặc - cứ viết nhiều lần trong các lễ Tết, Thanh Minh và Vu Lan thì sẽ đẹp. Đây là bài học kiên nhẫn mà tôi đã học được nơi Thầy. Ngoài ra Thầy rất rộng rãi và thoáng. Nghĩa là cho tiền đóng học phí nhà trường hay mỗi khi đi đâu xa, hay ngay cả khi tôi ở Đức về lại Nhật thăm chùa xưa, Ngài thường lì-xì rất hậu hỷ. Dĩ nhiên trước mặt Ngài, tôi nghe toàn là những lời khen về mình; nhưng phía sau lưng, không biết có khi nào Ngài cho rằng mấy ông Thầy ngoại quốc này ở chùa mình chỉ mong cho qua ngày qua tháng thôi, để rồi một ngày nào đó sẽ cao bay xa chạy! Nhưng không, thưa Thầy, nay thì một trong những người ấy đã trở về để niệm ân Thầy đây. Nếu ngày ấy cách đây hơn 40 năm về trước, không có Thầy dang hai tay ra để tiếp đón và không có chùa Honryu để che chở nắng mưa khi Đông đến Hè về thì một con người xa lạ mang tên Lê Cường pháp danh Như Điền kia, vốn từ đất nước Việt Nam đến đây đã không thành nhân duyên để ở đây tu và học trong nhiều năm tháng như vậy. Ngày nay giống như thuốc bổ đã thấm vào người và tuổi đời đã chùng chất, mới có thể nhận chân ra được cái giá trị miên viễn này.

Nơi vườn chùa Honryuji có hai ông bà cụ già mà tôi chẳng hỏi tên, lúc ấy chắc cũng đã ngoài 80 tuổi. Cả hai ông bà đều thấp bé. Họ thuộc về thế hệ xưa của Nhật Bản. Họ nói tiếng

xưa, nhiều khi tôi nghe chẳng hiểu gì; nhưng lúc nào cũng muốn gần gũi và làm quen. Ông và bà có nhiệm vụ làm cỏ và rác cho thật sạch nơi những ngôi mộ của Đàn Gia và Tín Đồ hiện đang để cốt ở đó, thuộc phạm vi trong chùa này. Tôi không biết là thù lao của họ được Thầy Trụ Trì và phu nhân hằng tháng trả bao nhiêu; nhưng tinh thần trách nhiệm của hai ông bà cụ cao lắm. Bất kể là nắng mưa gió bão gì đi nữa, lúc nào cũng thấy hai ông bà thui thủi bên những ngôi mộ vắng người, nhằm nhổ, tỉa những cây cỏ dại hoặc quét lá cây, váng nhện bao phủ đầu đó. Họ làm trong vô thức. Vì đó là công việc thường ngày; nhưng trách nhiệm rất cao. Về sau này lưng già còn còng hơn nữa, phải chống gậy để đi vào vườn chùa, thế mà tôi vẫn thấy mỗi ngày đúng 8 tiếng đồng hồ không thêm bớt, hai ông bà cụ vẫn chu toàn bốn phận của mình.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 1977 tôi đã rời chùa Bồn Lập, không có ý đi và ở luôn tại Đức; nên đã chẳng chào từ biệt hai ông bà cụ và cũng chẳng biết ông bà đã sống chết ra sao; nhưng tôi mong rằng với tâm nguyện và trách nhiệm của một người Nhật Bản ở thế hệ xa xưa như vậy, có trách nhiệm với mình, với gia đình, với xã hội, với quốc gia và với người ngoài như thế, đã là một người Nhật Bản tuyệt vời rồi, mà ngày ấy tôi đã không nhận ra được điều này.

Đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một ngày đáng ghi nhớ trong đời mình. Hôm đó nhằm ngày thứ tư trong tuần và âm lịch nhằm ngày 19 tháng 3 năm Ất Mão, là một trong những ngày tôi phải đi học ở Đại Học, đang đi trên thang máy để lên Thư viện trường đọc sách vào buổi trưa cùng với một vài người bạn Nhật và tình cờ gặp cả anh Ký và cô Cúc đang học cùng trường; nhưng khác phân khoa, cũng có mặt tại Thư viện. Sau khi nghe được tin nhắn từ chùa Bồn Lập gọi vào cho biết là Sài Gòn đã thất thủ. Chúng tôi thật sự bàng hoàng, mặc dầu trước

đó nhiều ngày, tôi vẫn hay xem tin thời sự trên truyền hình và đã biết những lần ranh quốc cộng và những mũi tên đỏ đã chiếm được nơi nào trên bản đồ Việt Nam rồi; nhưng không ngờ lại nhanh đến thế. Chúng tôi bàn với nhau là tất cả nên nghỉ học ngày hôm nay và về lại nhà, lại chìa lấy Passport của Việt Nam Cộng Hòa cấp, mang lên Sứ Quán để xem thử có cần phải làm gì hơn không ?

Lúc đến Sứ Quán Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi thấy cả một hàng sinh viên nam nữ Việt Nam đã xếp hàng rồng rắn để được vào đóng dấu gia hạn thêm 5 năm nữa trên Passport cũ của mình, để làm gì thì cũng chẳng ai biết; nhưng thấy người khác làm, thì mình cũng hòa theo vậy. Có những người sinh viên lúc ấy thuộc tổ chức Beiheito (Việt Nam hòa bình thống nhất hội) đã có mặt tại Sứ Quán, dường như đang lăm le tiếp quản cơ sở. Thế rồi có người bàn qua tính lại đủ đề tài để quên đi một cuộc đời lưu vong tiếp tục. Có kẻ bảo rằng sẽ đi Mỹ, Canada hoặc Úc Châu. Vì các xứ này sẵn sàng cho những sinh viên đi từ Miền Nam Việt Nam giấy tờ tỵ nạn và sẽ được di cư sang những nơi kia và ưu tiên cho những người có thân nhân đang ở đó.

Nghĩ đi nhìn lại thân phận mình không có ai quen biết những nơi kia cả, vả lại học Đại Học chưa xong thì đi đến đâu cũng phải bắt đầu lại từ thuở ban đầu; nên sau khi nhận được con dấu của Sứ Quán Việt Nam Cộng Hòa gia hạn thêm 5 năm, cho đến năm 1980, tôi yên tâm trở về lại chùa và cố gắng học cho ra trường là ưu tiên hàng đầu, còn việc gì đến nó sẽ đến.

Sở dĩ nhiều anh em sinh viên Việt Nam đang học tại Nhật lúc bấy giờ quyết định rời khỏi Nhật vì nhiều lý do khác nhau, trong khi đó có vấn đề ở lại Nhật Bản có được yên ổn không, hay Nhật sẽ trả về lại Việt Nam như phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu vào đầu thế kỷ thứ 20 cho người Pháp. Ở đây

đa phần sinh viên Việt Nam ra đi từ chế độ tự do của Việt Nam Cộng Hòa; nên gần 1.000 sinh viên tại Nhật lúc ấy hầu như không ai muốn trở lại Việt Nam dưới một thể chế chính trị mới ấy. Ngoài ra những sinh viên này cũng có bà con, thân nhân đang trên đường tỵ nạn đến Mỹ, Canada, Pháp, Úc v.v... nên họ quyết rời khỏi Nhật. Đây là những lý do chính thuở bấy giờ.

Đến cuối tháng 12 năm 1975 có nhiều người Việt Nam ra đi tỵ nạn được tàu buôn Nhật Bản vớt đem về Nhật và họ ở lại đây để chuẩn bị làm đơn đi đến nước thứ ba, vì đa phần ít có người nào muốn ở lại Nhật, vả lại cho đến thời điểm ấy Nhật Bản vẫn chưa có chính sách cho tỵ nạn chính trị hay Tôn Giáo; nên ai đến Nhật rồi cũng muốn ra đi; trong số người này có gia đình của Giáo sư Lê Kim Ngân vốn là Viện trưởng Viện Đại Học Phương Đông tại Sài Gòn, sau khi đến Nhật cũng đã sang định cư tại Ottawa, Canada vào cuối năm 1975, đầu năm 1976.

Sau khi các sinh viên Việt Nam gia hạn thêm 5 năm trên Passport của Việt Nam Cộng Hòa cấp, về lại nhà cũng chỉ để đó mà thôi; chứ chẳng biết để làm gì. Riêng Sở ngoại kiều tại Shibuya thuở ấy cấp riêng cho các sinh viên một thẻ tạm trú, nếu có lý do ở lại Nhật như sinh viên còn học tiếp ở các Đại Học hay nhiều lý do gia cảnh, làm ăn buôn bán v.v... Rất tiếc rằng giấy này tôi không giữ lại được, mà cũng chẳng có Photocopy lại. Vì khi rời khỏi Nhật vào ngày 22 tháng 4 năm 1977 tại phi trường Haneda, Tokyo nhân viên hải quan đã thu lại giấy này rồi. Phải biết ơn chính phủ Miền Nam Việt Nam, nếu không có con dấu ký gia hạn 5 năm cho đến năm 1980 ấy thì Visa vào Đức không biết là phải đóng lên giấy tờ gì. Vì thuở ấy chính phủ Nhật không cấp cho chúng tôi một loại giấy tờ gì thêm nữa cả, ngoại trừ giấy của người ngoại quốc tạm trú đã bị thu và giữ lại tại phi trường.

Sống trong một môi trường phập phồng lo sợ hồi hộp như vậy cho nên khi đã đi ra khỏi được nước Nhật và có thể đến một nơi nào đó an toàn hơn, nhất là điều kiện xin tỵ nạn rõ ràng, thì đa phần ở lại ngoại quốc, chứ không ai trở về lại Nhật Bản nữa, trong ấy có tôi. Sau này, hình như đến năm 1985 đến 1989 vì Liên Hiệp Quốc ép Nhật Bản phải nên nhận người tỵ nạn và cho quy chế rõ ràng; nên chính phủ Nhật đã thực thi điều này. Đa phần họ cho tạm trú tại các nhà thờ hay những nơi công cộng, sau ra đi tìm việc làm, khi đã hiểu được một ít tiếng Nhật. Ở Âu Châu có Convention năm 1951 được ký kết tại Wien, quy định rõ tư cách của người tỵ nạn; nhưng ở Nhật Bản hình như mãi cho đến năm 1985, 1989 mới có dạng này. Mặc dầu vậy nhưng số người xin ở lại Nhật cũng không nhiều; mãi cho đến thời điểm hiện nay (2014) có chừng trên dưới 10.000 người định cư tại Nhật Bản theo diện tỵ nạn này. Thế hệ đầu tiên, cha mẹ họ phải cực khổ rất nhiều, vì môi trường, khí hậu, ngôn ngữ, công việc v.v... khiến cho thế hệ hội nhập bị thiệt thòi; nhưng đến thế hệ con cháu của họ được sinh ra và lớn lên tại Nhật, đi học, thành tài cũng không thua kém gì người Nhật và ngay cả người Việt Nam ở tại các nước Âu Mỹ khác nữa.

Phải thành thật mà nói rằng môi trường học ở Nhật rất tốt; nên đã có nhiều Tiến Sĩ chuyên ngành người Việt Nam sau khi học hành ở Nhật, sang Mỹ, Canada, Úc hay Âu Châu vẫn được các đại học tại đây trọng dụng. Vì giáo dục của Nhật Bản là giáo dục thực dụng; chứ không phải giáo dục chỉ quan trọng đến bằng cấp như một số nước khác tại Á Châu, trong đó có cả Việt Nam.

Công việc làm ở Nhật cũng rất nặng nhọc; nhưng nếu người Việt Nam nào xốc vác, giỏi tiếng Nhật thì cũng ít gặp khó khăn, khi đi xin việc làm, nhất là những việc làm phụ ở các công trường đang xây dựng hay các nhà Gare, tiệm ăn v.v... Đa

Phần dân du học sinh thì nghèo; nên nếu có ngày nghỉ tại trường như: Hè, Thu, Đông v.v... là các sinh viên ngoại quốc túa ra đi xin việc làm. Hầu như ít bị kỳ thị, khi giao tế của mình lịch lãm; nhất là diện mạo của người Việt Nam mình cũng không khác người Nhật Bản bao nhiêu; nên một sinh viên ngoại quốc tìm xin việc làm thêm ở Nhật để phụ vào học phí và những sinh hoạt khác hằng ngày không phải là việc khó. Nếu người ấy có ý chí cao. Người nào ít rành ngôn ngữ thì có thể đến một nơi thuê người lao động tại Takadanobaba đứng đó chờ người đến chở và làm tại các công trường cho đến chiều thì trả về với tiền mặt 1.000 Yen cho 8 tiếng đồng hồ như thế. Một sinh viên đang gặp khó khăn về tài chánh, cứ mỗi cuối tuần 4 ngày trong tháng đi làm như vậy cũng giúp cho gia đình đỡ phải lo. Tôi cũng không ngoài trường hợp này, trong đó có cả Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt, Giáo sư Lâm Như Tạng v.v... Bây giờ ai ai cũng thành đạt, không ở phương diện này thì phương diện khác tại các châu lục khác nhau hay ngay cả tại quê nhà. Tuy nhiên nếu ngồi đây tuổi già gặm lại sự đời, chắc rằng trong chúng ta không ai có thể quên được những ân tình mà xứ Nhật đã cư mang cho chúng ta, trong khi chúng ta sinh sống học hành và tu niệm tại đó, cũng như những kỷ niệm khó phai mờ của một thời thanh niên sinh viên trai trẻ phải sinh sống tại một nước mà chẳng phải nơi chôn nhau cắt rốn của mình; cho nên còn có nhiều đề tài để ôn cố tri tân vậy.

Nơi đã sinh ra mình, đó là quê hương nước Việt; nơi đã rèn luyện mình trở thành một con người thành thực với gió sương âm lạnh, đó là Nhật Bản. Nhật Bản vẫn là một nơi mà có nhiều người muốn đến đó để học hỏi một điều gì hay, điều gì đẹp, để sau đó mang trở lại quê hương mình, nhằm điếm tô cho

văn hóa cũng như học thuật của nước nhà; nhưng rất tiếc là quê hương mình phải trải qua bao nhiêu cuộc chiến chinh tàn phá, cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen; khiến cho lòng người nghi kỵ nhau. Cái chủ nghĩa nó đã làm cho con người xa nhau, khiến cho không biết bao nhiêu người tài giỏi, thay vì chảy theo dòng chảy về cội nguồn, họ phải một phen nữa phải ra đi, để đóng góp cho nhiều dân tộc khác trên thế giới. Nhiều khi họ đâu có muốn như vậy, ra đi ai lại chẳng muốn trở về, quê mẹ đang mãi chờ trông và có không biết bao nhiêu người mong ngóng. Thế mà dòng đời vẫn mãi trôi và ý thức hệ lại rẽ chia con người Việt Nam ấy. Chúng ta vốn là một dân tộc thông minh, đi đâu và ở đâu vẫn được người dân tại đó thông cảm, ngưỡng mộ; nhiều khi còn có chút ganh tị nữa. Vì sao con người Việt Nam nhỏ thó như thế, mà lý tưởng lại tuyệt vời và trí tuệ cũng như sự thành công qua con đường học vấn hầu như không bị thua kém bởi bất cứ một dân tộc nào thông minh nhất trên quả địa cầu này như người Đức hay người Do Thái. Người Việt Nam chỉ có một cái tội duy nhất; đó là chủ nghĩa cá nhân “tôi hơn anh thì được; chứ anh hơn tôi lại có vấn đề”. Có phải chăng điều này Đức Phật đã dạy từ lâu về sự chấp thủ và chấp ngã của mỗi con người, mà chúng ta chưa diệt được cái ngã ấy. Do vậy con người Việt Nam vẫn còn khổ sở lâu dài. Chỉ khi nào con người Việt Nam thật sự thương yêu nhau, mong muốn có một sự hòa hợp cho Dân Tộc và Đạo Pháp, thì lúc ấy mới mong được triển khai ở nhiều phương diện.

Mặt trời vẫn mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây. Nhưng người Nhật xem mặt trời là Tổ Tiên của họ. Người Trung Hoa xem là vũ trụ; người Âu Mỹ xem là ánh sáng của niềm tin và đạo lý, trong khi đó đa phần người Việt Nam đều muốn mang ánh sáng ấy chỉ riêng về cho mình và vẫn còn ích kỷ chưa muốn xẻ chia cho những người chung quanh hay đồng

loại. Mỗi dân tộc đều có một bản chất riêng của nó. Nếu không là vậy thì dân tộc kia bị đồng hóa từ lâu rồi. Riêng người Nhật họ có cái hay cũng như cái dở của họ. Nhưng với họ quốc gia là trên hết, cá nhân chỉ là một phần tử nằm trong cộng đồng của xã hội. Cá nhân ấy chẳng là gì hết, nếu cá nhân ấy chẳng làm lợi lạc gì cho xã hội này. Do vậy khi người ngoại quốc đến Nhật Bản để học hành hay sinh sống, nên tìm hiểu kỹ điều này. Điều mà từ tấm bé con cái của họ đã được học ở trong gia đình, ở trường học cũng như ngoài xã hội, khi mà họ đối diện với trách nhiệm và bổn phận. Họ sẽ không tiếc gì cả, ngay cả thân mệnh này, nếu quốc gia cần đến họ, hoặc giả để thể hiện một tinh thần trung trực với lý tưởng, có nhiều người ngày xưa đã mổ bụng (Harakiri) để chứng minh cho điều họ suy nghĩ, mà nhiều dân tộc khác trên thế giới khó sánh được với Nhật Bản ngay cả ngày xưa và nay giống như họ đã xây nhuyễn văn hóa của Phật Giáo được truyền sang từ Ấn Độ qua Trung Hoa và từ Trung Hoa đến đất nước của họ. Tất cả đã trở thành của người Nhật, chứ không còn là của ngoại lai nữa. Ngay cả khoa học, kỹ thuật, kinh tế, ngoại giao v.v... họ đã học của các nước Tây Phương như: Pháp, Đức, Anh, Mỹ; nhưng khi nhìn vào những chiếc xe hơi hay tàu điện của họ chế tạo, hoàn toàn hầu như không còn thấy cái nào thuộc về phạm vi của Âu Mỹ nữa, mà những tên như Honda, Toyota, Suzuki v.v... ngày nay hầu như trên thế giới này, kể cả những đứa trẻ con, mà cũng còn biết đó là thương hiệu của người Nhật. Chính nhờ cái thương hiệu đó mà nó có thể dẫn đến một huyền thoại cũng không khó mấy và từ huyền thoại kia sẽ dễ trở thành một thần tượng để cho một quốc gia, một xã hội và một con người có thể lấy đó mà học, mà tu, mà xây nhuyễn lại để làm thành những gì mà quê hương dân tộc mình cần.

Ngày nay nhìn những nam nữ thanh niên Nhật Bản đua đòi theo lối sống của Âu Mỹ, sống theo nhịp sống hưởng thụ theo thời đại. Chỉ biết có ngày nay chứ không hề suy nghĩ về tương lai dài lâu về sau này như thế hệ cha ông của họ đã thể hiện. Ngày xưa người Nhật cũng thấp hơn, nhất là những người sinh ra vào những thế kỷ thứ 18, 19; nhưng đến thế kỷ thứ 20, 21 này thì người Nhật có chiều cao gần người Âu Mỹ, có lẽ vì thực phẩm tốt hơn và lối giáo dục thực tiễn hơn; nên họ đã sánh vai cùng Âu Mỹ chẳng một chút ngại ngùng. Nam nữ nhuộm tóc màu nâu hay trắng, thay vì tóc đen tuyền sẵn có tự ngàn xưa. Họ nói tiếng Anh lưu loát và không còn nhìn người ngoại quốc như là những người đến đất nước mình để xin xỏ một cái gì đó, mà ngày nay tất cả là một sự giao lưu, trao đổi với nhau trên nhiều phương diện, nên con người lại được gần nhau hơn, không có nhiều khoảng cách như thế hệ cha ông của họ đã trải qua trong nhiều thế kỷ trước.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 của Tây Tạng đã nói rằng: Times is Change. Có nghĩa là “thời gian đã thay đổi”, dĩ nhiên là thời gian sẽ không dừng lại một chỗ, mà khi thời gian thay đổi thì mọi việc hay nhiều quan điểm cũng phải thay đổi theo. Nếu không là như vậy thì không đúng với pháp duyên sanh của Đạo Phật. Đức Phật cũng hay nói về Nhứt Xiển Đề trong nhiều đề tài thuyết giảng khác nhau của Ngài; nhưng nhiều khi Ngài cũng chứng minh rằng: Nhứt Xiển Đề cũng không phải là loại hoàn toàn bị loại trừ ra khỏi cuộc đời này. Vì tất cả các pháp đều thay đổi; nên Nhứt Xiển Đề cũng sẽ thay đổi. Do vậy mà trong kinh Đại Bát Niết Bàn và kinh Quán Vô Lượng Thọ quyết định rằng: Nhứt Xiển Đề cũng có khả năng thành Phật là vậy.

Tuy nhiên nhiều lúc Ngài cũng dạy rằng: Vì Nhứt Xiển Đề không có niềm tin với Tam Bảo, không biết cả vấn đề tội phước và nhân quả; nên giết chết Nhứt Xiển Đề vẫn không có

tội, trong khi giết một con kiến, con muỗi, con vi trùng v.v... thì Ngài khuyên không nên làm hại những sinh vật ấy. Cũng là lời dạy từ kim khẩu của Đức Phật; nhưng lúc lại như thế này mà có khi lại thế khác. Điều này có nghĩa là tùy theo căn cơ, nghiệp lực và khả năng của mỗi con người có khế hợp hay không; chứ không phải do Pháp. Vì Pháp luôn bình đẳng, còn con người thì có đối đãi sai khác nhau.

Từ những điểm trên, chúng ta nên đứng về phía người Nhật Bản để thấy như họ là và tại sao họ đối xử với người ngoại quốc như vậy ở vào từng thời điểm khác nhau trong lịch sử, thì chúng ta sẽ dễ thông cảm cho họ hơn và chúng ta lúc bấy giờ chỉ còn thấy những người Nhật đúng giờ, luôn luôn sạch sẽ và có trách nhiệm đối với cá nhân, đoàn thể và ngay cả quê hương đất nước của mình, thì đó là những gì mà chúng ta là những người ngoại quốc có thể học hỏi được từ nơi họ.

CHƯƠNG HAI

Người Nhật với hoa Anh Đào

Nếu có ai đó hỏi rằng: Quốc huy của Nhật Bản là gì? Thì phải trả lời là Hoa Cúc. Vì đây là biểu hiệu của Thiên Hoàng, không người Nhật nào mà lại không biết. Nhưng nếu có ai đó hỏi: Quốc hoa của Nhật là hoa gì? Thì muôn người như một đều trả lời là Hoa Anh Đào. Tại sao hoa Đào lại nổi tiếng như vậy? Cho đến ngày nay đã có không biết bao nhiêu sách vở viết và giới thiệu về hình ảnh của hoa này rồi. Riêng tôi chỉ có cảm nhận khi xem hoa ở Nhật trong vườn chùa hay lúc ở công viên và đôi khi bắt gặp hoa này ở Úc hay ở Mỹ. Từ đó tôi có cái nhìn, cái cảm nhận về vẻ đẹp của hoa này cũng như sẽ nói lên tình cảm của mình đối với một loài hoa đặc biệt hơn nhiều loài hoa khác tại xứ mặt trời này.

Nếu viết bằng tiếng Nhật thì đọc là Sakura no hana, có nghĩa là Hoa Anh. Trong cách phát âm và chiết tự ấy không có chữ Đào; nhưng không biết người Việt Nam mình đã thêm vào lúc nào không rõ; nhưng Anh cũng có nghĩa là cây hoa Đào màu đỏ, tươi đẹp. Do vậy cho nên người ta khi gọi bằng tiếng Việt Nam phải nói ba chữ là Hoa Anh Đào mới rõ nghĩa là vậy. Chữ Anh này có bộ mộc đứng bên trái; nên nó là cây Anh; nếu bỏ bộ mộc ra, nó cũng được gọi là Anh; nhưng nghĩa là một

đứa bé trai khi mới được sinh ra. Một loài hoa đơn giản đầy sắc đẹp cũng giống như một đứa bé trai kháu khỉnh lúc mới chào đời. Những điều này có thể dùng để tả nên cái đẹp của tự nhiên là một con người hay hợp với thiên nhiên là một loài hoa, nếu có bộ mặc đi kèm. Tiếng Nhật còn phải thêm chữ Hana phía sau đi kèm, nó mới thành một danh từ để gọi. Ví dụ như: Kiku no hana (Hoa Cúc), Tsubaki no hana (Hoa Thung), Renge no hana (Hoa Sen), Sakura no hana (Hoa Anh Đào) v.v... mỗi loài hoa như thế đều mang theo mỗi vẻ đẹp khác nhau; nhưng hoa đào có một vẻ đẹp rất đặc biệt; nên người Nhật Bản tự chọn cho dân tộc mình một loại quốc hoa như thế.

Hoa chỉ nở vào mùa Xuân; nghĩa là bắt đầu từ cuối tháng 3 đến giữa tháng 4 dương lịch của mỗi năm. Nếu hoa được trồng tại những vùng ấm như Okinawa hay Kagoshima thì hoa sẽ được nở vào cuối tháng 3 bước qua đầu tháng 4; nhưng nếu hoa được trồng ở đảo Sikoku hay Honshu thì đa phần hoa sẽ nở từ ngày mùng bốn đến ngày mùng mười tháng 4 dương lịch. Khoảng giữa này là ngày mùng tám. Do vậy nên chữ Hanami hay Hanamatsuri cũng dùng để chỉ cho lễ Phật Đản Sanh vào dịp này nữa. Nếu hoa được trồng ở miền Bắc Nhật Bản như Sendai hay Hokkaido; nơi có khí hậu lạnh hơn thì hoa sẽ nở trễ hơn 5 đến 10 ngày so với Tokyo hay Kagoshima

Hoa có loại 5 cánh, có nhiều màu khác nhau như hồng đậm, hồng nhạt, trắng nhạt, trắng thanh. Dĩ nhiên là hoa đào khác hoa mai (Ume no hana) và màu sắc cũng không giống nhau. Cây đào cao, có tàng lá sum sê, trong khi đó cây mai cằn cỗi và thấp hơn, không quý phái, trang nhã như cây đào. Quả mai người ta có thể làm muối để ăn giặm với cơm, trong khi đó Anh Đào thì chỉ có hoa và tôi chưa bao giờ thấy có quả. Sau khi hoa mai kết nụ thì cho quả và quả này lớn như quả mận, lúc già thì người ta hái xuống đem ngâm với muối; gọi đây là Umeboshi,

ăn vào cảm thấy mặn mặn, vị không nồng; nhưng rất dễ đưa com. Ngày nay văn hóa ẩm thực của thế giới Liên Hiệp Quốc đã chọn Sushi là một loại thức ăn được nhân loại quý mến thích dùng và trong nhiều loại Sushi có một loại có cho trái Umeboshi này vào để thay đổi khẩu vị của người dùng. Ngược lại trái đào của Âu, Mỹ, Úc gọi là Cherry đó sau khi đâm hoa lại cho trái và trái này ăn rất ngọt, thường hay thu hoạch vào tháng 5 hay tháng 6 mỗi năm. Người Âu Châu ăn trái cây và rau quả theo mùa thì rẻ hơn. Trong khi nhiều dân nhà giàu ăn theo sở thích. Ví dụ như vào mùa đông mà ăn rau quả mùa hạ thì phải nói là tốn kém lắm. Đúng là Đông Tây khó mà gặp nhau cho trọn vẹn được; chỉ riêng hoa và quả Anh Đào mà giữa Á Âu khác nhau như thế, nếu không có mặt nơi ấy, là chúng nhân của hoa khi đơm hoa nở nhụy, hoặc giả thưởng thức khi hoa nở thì khó lòng mà tả nổi hết cái đẹp của hoa Anh Đào như thế nào.

Đẹp nhất của Hoa Anh Đào là khi ra hoa không bao giờ có một chiếc lá nào chen vào đó, dầu cho một lá non nhỏ tí cũng không. Chỉ sau một tuần đến 10 ngày hoa rụng thì lá mới bắt đầu mọc lên giống như bao nhiêu loài hoa khác bên cạnh mình. Cả một rừng hoa bạt ngàn tại công viên Ueno tại Tokyo hay những đền chùa vốn là những nơi có trồng nhiều cây này; nên khi mùa Xuân đến hoa phô sắc thắm làm cho thiên nhiên trở nên nhẹ nhàng hơn và với màu sắc điểm hồng ấy đã là những phong nền làm cho ngôi chùa cổ kính làm bằng gỗ càng tăng thêm nhiều giá trị cao sang hơn nữa.

Người Nhật thích uống Sake, là một loại rượu làm bằng gạo, có nồng độ trung bình; nên hầu như không có người Nhật nào là không biết uống rượu, kể cả nữ giới ngày nay. Uống rượu thì phải ăn đồ nhắm và nhiều loại Sushi hay Sasimi (một loại cá, thịt sống). Không biết khởi đi từ lúc nào và tại sao người Nhật Bản thích ăn sống như vậy, trong khi các dân tộc Á

Châu khác không giống người Nhật có truyền thống ăn đồ sống này. Có lẽ chung quanh Nhật là biển cả mênh mông và thức ăn chính của họ là cá đánh bắt được. Ngoài việc kho, nấu, chiên, xào ra, họ còn nghĩ ra cách ăn thịt, cá sống như vậy để tiêu thụ những vật đã đánh bắt được chẳng? Ngày nay văn hóa ẩm thực theo cách này đã được mang sang các châu lục khác và cũng được nhiều người thưởng thức theo; nhưng hình như loại bình dân này ít được thế giới hưởng ứng mấy, nếu có chẳng, chỉ là những người Nhật đang sống ở ngoại quốc muốn đi tìm lại hương vị của quê hương, nên mới dùng đến những món cá, thịt sống này.

Hanami là xem hoa, chỉ để riêng cho hoa Anh Đào mà thôi! Nếu vào một cuối tuần của giữa tháng 4 dương lịch, gặp trời đang gió mát thì cả gia đình hay bạn bè hẹn nhau ở đâu đó để đi xem hoa Anh Đào nở, sẽ không thiếu màn uống Sake, xem hoa cho đến trắng lên và nhiều khi họ say lúy túy, bỏ lại xe hơi ở đó, lên Taxi hoặc xe điện để trở về nhà, vì ngày mai còn phải đi làm nữa. Những năm đầu mới đến Nhật, nêu cuối tuần có dịp đi đâu đó về chùa khuya một tí, trên tàu điện thấy vô số người say, oẹ mửa lung tung; những hình ảnh này khác xa với ban ngày, lúc nào người Nhật ở trong xe điện cũng đọc sách, hoặc ngủ gà, ngủ gật; chứ ít khi ồn ào như người Việt Nam mình. Người Việt mình có nhiều điều tốt mà cũng có lắm điều xấu, người Nhật cũng vậy thôi. Tôi hơi thất vọng trong những ngày đầu ấy; nhưng tôi tự an ủi mình là con người thì dân tộc nào mà chẳng vậy. Vì cái tốt hay cái bình thường của dân tộc này, nó trở thành cái không bình thường của dân tộc kia. Ví dụ như ở Nhật, bạn ăn bất cứ loại Suppe hay loại nào có nước như Soba, Udon v.v... mà ăn không thành tiếng lớn, nuốt ực ực thì đó không phải là người bình thường; trong khi đó, với lối ăn uống như thế tại Âu Mỹ là tối kỵ. Một ví dụ khác để thấy rằng

giữa người Việt Nam và người Đức cũng không giống nhau nữa. Nếu là người Đức, trong khi ăn cơm, nếu bị cảm, vẫn có thể dùng khăn giấy hỉ mũi ngay tại bàn mình đang ngồi ăn và bên cạnh mình còn có bạn bè thân hữu nữa. Ở đây, đó là chuyện bình thường; trong khi đó người Việt Nam mình lịch sự hơn, muốn hỉ mũi phải đứng lên, đi ra bên ngoài nơi khuất vắng mới làm điều đó. Người Âu Mỹ khi ăn hai tay đều để trên bàn; còn người Việt Nam thì tay để ở đâu cũng được, không bị bắt buộc.

Từ những điểm căn bản nhỏ nhất bên trên mà ta thấy không có dân tộc nào phong tục tập quán giống nhau cả. Cho nên người xưa thường nói: Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc là vậy. Điều này người Âu Mỹ cũng đã chẳng nói rằng: “Khi anh vào thành La Mã thì hãy làm như người La Mã”. Những câu châm ngôn, tục ngữ ấy rất hay, nhằm giúp đỡ cho con người có cái nhìn phóng khoáng hơn và không bị chấp chặt vào bất cứ một điều gì, để cho chúng ta dễ hội nhập vào nơi mà chúng ta cần đi hay cần đến.

Khi những bông hoa Anh Đào trong sân chùa Bồn Lập (Honryuji) nở; nơi tôi cư ngụ từ năm 1973 đến năm 1977, bắt đầu vươn sức sống, chuẩn bị kết nụ đơm bông; chính những lúc ấy chúng tôi được Thầy Trụ Trì Oikawa cho biết là hãy chuẩn bị làm lễ Hanamatsuri tại bồn tự. Lễ này được cử hành đúng vào ngày mồng 8 tháng 4 dương lịch của mỗi năm tại mỗi chùa thuộc mọi Tông phái của Nhật Bản. Họ để một tượng Phật Đản Sanh nhỏ vào trong một cái bồn và một bình trà lớn ở ngoài, trà này gọi là Amaicha (trà ngọt); chỉ đặc biệt dùng trong Lễ Phật Đản mà thôi. Khi làm lễ cũng đọc bài:

Ngã kim quán mục chư Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ
Ngũ trực chúng sanh linh ly cấu
Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân

Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh
 Sa La thọ gian bất tăng diệt
 Bất tăng bất diệt lão Cù Đàm
 Kim triêu tứ nguyệt sơ bát nhật
 Tịnh Phạn Vương gia sanh Tất Đạt
 Cửu Long phún thủy thiên ngoại lai
 Bồng túc liên hoa tùng địa xuất
 Nam Mô Ly Cầu địa Bồ Tát

Nghĩa:

Con nay tám gọi Đức Như Lai
 Đức trí trang nghiêm đã đủ đầy
 Năm trước chúng sanh đều xa lìa
 Cùng chúng Như Lai pháp thân sạch
 Ca Tỳ chưa hề sanh nơi đó
 Song Lâm chưa từng vào Niết Bàn
 Chẳng sanh chẳng diệt Đức Cù Đàm
 Sáng nay mùng tám tháng tư ấy
 Tịnh Phạn cha lành sinh Tất Đạt
 Từ ngoài phun nước rồng chín đầu
 Tự nhiên hoa sen từ đất nở
 Nam Mô Ly Cầu địa Bồ Tát

Sau đó dùng nước trà ngọt (Amaicha) tưới lên vai Ngài cùng đọc bài kệ bên trên bằng tiếng Nhật. Ở Nhật, Lễ Vu Lan lớn hơn Lễ Phật Đản nhiều. Tuy nhiên họ cũng thực hiện riêng lẻ cho từng Tông phái, chứ không làm chung như ở các nước Á Châu khác. Ngày nay tại Nhật có một tổ chức Phật Giáo gọi là Zennihon Bukkyokai (Toàn Nhật Bản Phật Giáo Đò) mỗi năm họ có tổ chức Lễ Phật Đản chung tại chùa Tăng Thượng (Jozòji) nhưng số người tham gia cũng không nhiều.

Trước khi đi đến Đại Học hay sau khi từ Đại Học về, tôi hay quan sát thật kỹ hình ảnh của hoa Anh Đào trong vườn chùa Bồn Lập. Tôi đồng cảm với hoa; nhiều khi ngắm hoa Anh Đào nở tôi quên cả giờ cơm chiều. Vì hoa quá đẹp. Tại Nhật khi mùa Anh Đào nở, bất cứ ở nơi đâu người ta cũng có thể ngắm hoa được. Chỉ những người nào muốn vui chơi, ca hát, uống rượu, ngắm tranh hay nam thanh nữ tú dập dìu qua lại thì sẽ chọn chốn thị tứ ồn ào. Tùy theo sở thích của từng người và từng gia đình. Cả nước Nhật vào những cái cuối tuần khi có hoa Anh Đào nở trông như một Đại Hội toàn quốc về niềm vui đối với quốc hoa này. Tháng bảy thì nghe mùi nhang khói bay khắp bầu trời Tokyo khi Lễ Vu Lan về; còn tháng tư khi Hoa Anh Đào nở người ta nghe tiếng nhạc du dương đây đó để phụ họa với cái đẹp của hoa Đào, với đất trời và vạn vật. Nhờ hoa đào đẹp, người ngoại quốc rất ưa ngắm nhìn nên chính phủ Nhật cũng đã tặng cho một số nước có thời tiết giống Nhật để trồng. Ngày nay ở Hoa Kỳ vùng Washington, nếu ai đó đến đây vào đầu tháng 4 dương lịch mỗi năm, cũng sẽ gặp hàng trăm hàng ngàn cây hoa Anh Đào khoe sắc trước các mộ của các đời Tổng Thống Hoa Kỳ cũng như trong những công viên tại các vùng này. Hoa rất đẹp khi nở; nhưng không đẹp bằng ở Nhật. Có lẽ khí hậu, phân bón cũng như nước tưới không giống như tại Nhật chăng? Cũng như thế ấy, nếu là trà của Đài Loan thì phải uống tại A Lý Sơn mới ngon, nếu đem trà ấy đi đến một nước khác mà dùng nước suối hay nước giếng ở nơi khác để pha trà thì vị trà ấy chẳng còn là vị trà của A Lý Sơn ở Đài Loan nữa.

Tại Đà Lạt Việt Nam chúng ta cũng có trồng nhiều hoa Anh Đào; trước năm 1975 chính phủ Nhật Bản cũng đã tặng cho chính quyền Miền Nam Việt Nam. Vì khí hậu ở Đà Lạt có 4 mùa như ở Nhật; nên cây Anh Đào có thể phát triển và cho hoa đẹp như những nơi khác tại Nhật.

Úc Châu, thuộc miền Nam bán cầu, người ta cũng có trồng cây hoa Anh Đào tại thủ đô Canberra và ngay cả tại Sydney; nhưng Anh Đào khi đến Úc đã biến thể quá nhiều. Vì mùa Đông ở Úc là mùa Hè ở Nhật và Âu Châu. Trong khi mùa Xuân của Úc lại là mùa thu của các nước khác trên thế giới. Cho nên người ta phải cố gắng cho hoa nở trái mùa, trái với thiên nhiên, thì mới hợp tại địa phương của Úc; cho nên hoa vẫn tươi; nhưng không còn được cái sắc màu thuần chủng như ở Nhật nữa.

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi đã du học tại Nhật từ năm 1974 đến năm 1980; nên cũng có rất nhiều nhân duyên với Nhật Bản và loài hoa này; nên sau khi kiến tạo hoàn thành ngôi tự viện Pháp Bảo tại Sydney thì Hòa Thượng đã cho trồng hằng trăm gốc hoa Anh Đào như thế. Những năm đầu, cây vẫn cho hoa; nhưng về sau, cây không còn phát triển bình thường nữa. Ở Nhật Bản những loài hoa như Anh Đào này mọc khắp nơi trong vườn, trong rừng, hầu như chẳng ai chăm sóc cả, ngay cả việc tưới nước cũng không. Tất cả đều giao phó cho thiên nhiên. Thế mà hoa vẫn đẹp. Trong khi đó Anh Đào tại ngoại quốc rất đắt giá. Mua về phải săn sóc nước non, chăm bón phân và tỉa cành, tỉa lá. Thế mà cây đào vẫn èo uột, không như những cây tự nhiên tại Nhật Bản. Do vậy, ai đó trong chúng ta nếu muốn xem hoa Anh Đào nguyên thủy của nó thì hãy đến Nhật vào tháng 4 dương lịch mỗi năm; lúc ấy sẽ thỏa chí bình sinh và khi ấy mới cảm nhận được hết cái đẹp của loài hoa này là gì.

Còn hoa đào Việt Nam của chúng ta thì sao?

“Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông Đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Khu phố đông người qua...”

Như vậy hoa đào của Việt Nam mình mỗi khi nở là báo hiệu một cái Tết âm lịch sắp đến; nghĩa là từ đầu cho đến cuối tháng 2 dương lịch mỗi năm, tùy theo năm nhuận hay không nhuận. Ông Đồ là một thư sinh theo học chữ Hán lúc còn nhỏ. Có lẽ quan trường bị lận đận, nên không thể theo nghiệp bút nghiên để dự những khoa thi tam trường gồm: Thi Hương, thi Hội và thi Đình. Nên trở về làng xưa phố cũ để dạy học trò và ngoài nghề gõ đầu trẻ, ông Đồ còn làm thêm nghề viết câu đối chữ Hán tại các hè phố; nơi chốn đông người để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Tuy đào vẫn nở hằng năm nhưng người qua lại trên hè phố thì lại thấy ông Đồ mỗi năm lại già thêm một ít, do thời gian và năm tháng trôi qua, mỗi khi Tết đến Xuân về. Ông bày biện mực đen và giấy đỏ giữa phố đông người để viết tặng cho đời những câu đối ý nghĩa cho các gia đình thay lời chúc phúc thường nhật. Nội dung của câu đối tùy theo gia chủ muốn. Đa phần họ hay xin câu đối có liên hệ với Phước, Lộc Thọ hay ngũ phúc lâm môn. Đó là: Đa phước, đa lộc, đa thọ, đa phú quý và đa tử tôn. Nếu là thanh niên nam nữ ngày nay chắc họ không dám ước mong có hết được cả năm điều ấy. Vì ngày xưa các xứ Á Châu chúng ta sống đời sống nông nghiệp; nên gia đình nào có nhiều con cái thì cha mẹ được nhờ khi những vụ mùa đã đến; hoặc già có con cái nhiều sẽ nhờ được chúng lúc tuổi già; nhưng ngày nay xã hội Tây Phương này đã có các cơ quan xã hội và y tế lo đảm bảo cho đến trọn đời qua các quỹ bảo hiểm, nên việc sinh con đông, ít người nghĩ đến.

Hoa đào của Việt Nam chỉ có ở miền Bắc chứ ở miền Nam và miền Trung hầu như không có; chỉ có một loại mai vàng duy nhất là chúa của mùa xuân khi gió xuân đã báo hiệu thổi về. Hoa đào miền Bắc Việt Nam chỉ là những cành đào sông, nở ra màu tím, hầu như không có những tàng gie ra như hoa đào của Nhật. Người Nhật không chặt cành đào để bán,

đem về nhà chung, mà người Nhật để nguyên cành đào nở hoa ở ngoài vườn hay nơi công viên để ngắm nhìn trong suốt thời gian hoa nở như vậy và sang năm khi hoa nở, cây Anh Đào lại thêm nhiều cành lá hơn; chúng không bị chặt cành nên cành càng xanh và gốc càng chắc. Mỗi xứ có mỗi quan niệm về cách thưởng hoa xuân khác nhau và tập quán mỗi nơi lại có sự khác biệt như thế.

Trong khi mai vàng không thể tồn tại ở miền Bắc và đào Tết miền Bắc không trồng được ở miền Nam thì Anh Đào của Nhật Bản đều có mặt khắp nơi trên 4 hòn đảo lớn ấy. Từ miền Bắc Hokkaido, đến miền Trung đảo Honshyu, miền đông đảo Sikoku hay miền Nam đảo Kyushu và xa hơn nữa là Okinawa. Nơi nào cũng có hoa đào nở vào tháng 4, chứ không phải tháng 2 như ở Trung Quốc và Việt Nam mình.

Âu Châu này cũng có một loại mai vàng hoang dã, mai này rất dễ trồng, đa phần người ta hay trồng ngoài hàng rào hay trong vườn; nhưng không quý phái và trang trọng như hoa mai vàng của Việt Nam. Mai vàng ở đây nở vào tháng 4, tháng 5 dương lịch sau khi tuyết tan và mùa Xuân đã đến. Mai ở đây nở trên những cành suông đuột như cây đào miền Bắc Việt Nam. Màu vẫn vàng, sắc vẫn tươi; nhưng mai ở đây là một loài hoa dân giả, bình thường, người ta không trân quý như mai vàng Việt Nam mỗi khi Tết đến Xuân về. Chúng được chưng lên bàn thờ Phật hay bàn thờ của Ông Bà Tổ Tiên và nhất là trên những cành mai ngày Tết, được treo lủng lẳng những cánh thiệp xuân chúc nhau những điều lành trong năm mới.

Tôi cầm chổi đứng trong sân chùa Bản Lập nhìn những cánh Anh Đào rơi, lòng trĩu nặng nhớ quê vời vợi. Vì khi xa quê rồi mới thấm thía cho nỗi nhớ nhưng là gì. Mình không khơi lại những nỗi niềm của dĩ vãng, nhưng dĩ vãng cứ hiện về, nó là những giấc mơ, là những kỷ niệm của một thời niên thiếu

đã qua. Giờ đây nhìn những cánh hoa rơi như những giọt sương, giọt tuyết đầu mùa, điểm nhẹ vào lòng người xa xứ những ngậm ngùi khó tả. Tâm trạng chung của mọi người là khi chưa được ra đi thì mong cho có ngày ra khỏi; nhưng khi đã nhận được cơ hội rồi thì muốn thoát thác sự ra đi ấy. Quả thật đời người có nhiều chuyện nghịch lý mà ai trong chúng ta cũng đã phải trải qua một hay nhiều lần.

Người Trung Hoa và Việt Nam hay chọn 4 mùa cho 4 loài hoa. Đó là: Xuân Lan, Thu Cúc, Hạ Trúc, Đông Mai. Trong 4 loài hoa này lại không có hoa Đào. Có lẽ Đào mong manh chẳng? Đào là loại hoa khác chẳng? Sao người xưa lại kỳ hoa Đào như vậy? Hoa Lan là một trong những loài hoa nở lâu bền nhất. Có khi cả 3 tháng vẫn chưa tàn và hoa lan không cần phải có phân bón nhiều, chỉ cần nước và ở nhiệt độ ẩm, là hoa có thể phát triển và tồn tại và nếu ai đó có hỏi tôi rằng: Thầy thích loại hoa nào? Thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời là: Hoa Lan. Bởi vì Lan bền lâu hơn các loài hoa khác cũng như không khó nhọc khi chăm bón, nhiều khi cả tuần chỉ tưới nước một lần, hoa lan vẫn không héo vì thiếu nước.

Tôi mạng hỏa nên trồng cây không được; nhất là trồng cây ăn trái thì sẽ không bao giờ có trái, mà cây ấy chỉ cho ra cành và lá mà thôi. Tôi chỉ được cái là trồng người. Người nào đầu thế nào đi chẳng nữa, qua sự huấn luyện và trợ duyên của tôi, người ấy cũng sẽ trở thành kẻ hữu dụng cho Đời và cho Đạo. Người xưa vẫn thường nói: “Trồng cây mười năm, trồng người trăm năm” là vậy. Chỉ 10 năm thôi là cây trái sẽ cho chúng ta hoa rồi quả. Còn nuôi nấng và đào tạo một con người hữu ích cho đời phải tốn công, tốn của và tốn thời gian gấp 10 lần như vậy. Cho nên nếu ai đó có muốn tặng hoa cho tôi ngoài hoa lan ra, chỉ có những cây cối ít đòi hỏi sự chăm sóc thì mới tồn tại; nếu không như vậy, đa phần bị chết héo qua một thời gian được

để trong phòng của tôi. Nhiều người chỉ cho tôi cách tưới nước, vô phân như thế nào cho cây phát triển; nhưng cuối cùng cây hoa đó vẫn chết một cách tội nghiệp, mặc dầu trong ý tôi không mong muốn điều đó, mà tôi cũng mong mỗi thứ trong cái hay cái đẹp của thiên nhiên kia mà. Giờ đây mọi việc đã qua và tôi thấy rõ ràng điều ấy là đúng. Và chẳng lá số tử vi của tôi về Mệnh đều vô chánh diệu; nghĩa là không có một ngôi sao nào chính để chiếu mệnh cả, mà tất cả đều là: Địa không, tuần không và triệt không! tất cả đều sẽ trở thành không và không ấy sẽ luân lưu tồn tại ở giữa kiếp luân hồi này.

Mùa Thu thì có hoa Cúc. Hoa cúc không thơm như hoa hồng; nhưng độ bền và vững chãi thì chịu đựng lâu hơn những loài hoa khác. Khi mùa hạ đã qua, khí trời bắt đầu se lạnh là hoa cúc cũng bắt đầu kết nụ đơm bông. Trong cái se lạnh của mùa thu sang ấy, dưới ánh thái dương rực rỡ, cúc lại khoe màu, giống như những nàng tiên ở một cõi xa xăm từ tiên giới nào đó giáng trần để ngự trị nơi nhân gian này. Nên hoa cúc cũng không khác gì loài hoan sen là một loài hoa quân tử, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Trong khi đó loài hoa sủng nhiều người gọi là hoa Thiên Tử; nhưng Thiên Hoàng ở Nhật Bản chọn hoa cúc làm quốc huy, có lẽ vì hoa cúc đã biểu hiện được những đức tính bên trên chăng?

Hoa Mai nở vào mùa Đông hay đầu Xuân như đã đề cập bên trên; nhưng trong cửa chùa vẫn thường hay nhắc đến bài kệ của Mãn Giác Thiền Sư đời nhà Trần như sau:

Xuân khứ bách hoa lạc
 Xuân đáo bách hoa khai
 Sự trục nhãn tiền quá
 Lão tòng đầu thượng lai
 Mạn vị xuân tàn hoa lạc tận
 Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai.

Nghĩa:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Trước mắt việc đi qua
Trên đầu tóc đã bạc
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Đây là cái ngộ (Satori) của một Thiền Sư Việt Nam ở vào thế kỷ thứ 13. Việc nở và rụng của hoa mai là chuyện bình thường xảy ra hằng năm trong cõi thế. Điều ấy cũng giống như những việc thịnh suy trong cuộc đời đến rồi đi giống như tóc trên đầu mình đã bạc; nhưng ai là người đã nhận chân được việc này? Chỉ có Thiền Sư mới ý niệm được sự sinh diệt diệt sinh ấy. Vì trong cái mất lại có cái còn và trong cái còn lại hàm chứa cái mất. Trong cái có lại có cái không và trong cái không ấy lại hàm chứa cái có. Nghĩa là trong cái này có chứa cái kia và trong cái kia lại hiện hữu của cái này. Do vậy không có cái gì có thể độc lập và tồn tại được, phải “tương tức” với nhau. Đây cũng là nhân duyên và duyên khởi vậy. Cho nên Thiền Sư ngộ ra rằng đã cuối mùa xuân rồi vẫn còn một đóa hoa mai nở rộ trong tâm tưởng và ngoài vườn chùa. Người nhận ra được sự có không, còn mất ấy là Mãn Giác thiền sư; thế mà lâu nay có ai rõ biết được.

Còn hoa Trúc trở vào mùa hạ. Cây trúc thì nhiều thi nhân ca tụng, vì tánh rỗng không cũng như thẳng đứng trong trời đất. Đây là hai đặc tính quan trọng của người quân tử, không đua nịnh, dối trá, cúi lòn để được thăng quan tiến chức hay vinh thân phì gia; ngược lại cây trúc luôn luôn đứng thẳng trong đất trời giống như cây tùng và cây bách, những loại cây này ít ai để ý đến hoa của nó; nhưng thân nó là một biểu tượng tâm linh cao quý tuyệt vời. Tổ Quy Sơn có dạy trong văn Cảnh Sách rằng:

“Đời người xưa như cây tùng cây bách, dạn dày với gió sương mưa nắng. Đời ngày nay nếu con người không làm được như thân cây tùng cây bách ngày xưa thì ít ra cũng làm những dây leo, khi tùng cao đến đâu thì dây leo nên leo đến đó”. Ý chí của người xưa cao hơn núi Thái và năng lực của người đời trước còn mạnh hơn cả Từ Hải thời nhà Minh. Nhờ đó họ mới chiến thắng muôn quân giặc; còn ngày nay đa phần con người quá yếu đuối, còn mềm hơn cả hoa Cúc 10 giờ, yếu đuối thực nữ hơn cây liễu, do vậy hoa Trúc chỉ là một từ ngữ cốt yếu gián tiếp giới thiệu cái chất quân tử của người xưa chăng ?

Bốn loài hoa như vậy tượng trưng cho bốn mùa; nhưng hoa không dừng ở đó, ngày nay có cả hàng trăm, hàng ngàn loại hoa khác nhau đang góp mặt đó đây và làm tươi thắm cho cuộc đời. Hoa chẳng tội vạ gì, chỉ mang hương sắc đến cho đời, tỏa ra những hương thơm và vẻ đẹp, làm tan đi những ưu phiền của nhân thế. Dầu cho là những loài hoa đại mọc lên bên vệ đường đi chẳng nữa thì hoa kia cũng sẽ mang lại một giá trị nhất định nào đó cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta rồi. Người ta dùng hoa sen để cúng Phật, hoa lan, hoa cúc để chưng trên bàn, riêng hoa Đào của Nhật thì để ngắm, xem, chứ không phải để trao qua gửi về như hoa hồng là loại hoa tượng trưng cho tình yêu và sự trong sáng. Như vậy mỗi một loài hoa khi sinh ra trong cuộc đời này đều có một nhiệm vụ thiêng liêng, tuy không có người giao phó; nhưng con người đã đặt hoa vào vị trí nào thì hoa sẽ hòa đồng vào vị trí đó. Cao thượng hay thấp hèn không phải do hoa, mà chính con người tự phong cho hoa như vậy.

Có loài hoa vương giả; nhưng cũng có lắm loài hoa ít ai lưu tâm đến như hoa Tsubaki (hoa Thung) tượng trưng cho tình cha; hoa này thể hiện một sức sống vào mùa xuân, mang tầm lòng bao dung của cây cỏ, nở ra những nụ hồng, nụ đỏ, tô thắm

cho cuộc đời, như người cha đã cưu mang con mình lúc còn thơ dại. Hoa Huệ là một loài cỏ dại mọc bên hè phía Bắc của mỗi nhà, nó mềm mại uốn cong theo chiều gió như tính cách chiều chuộng của mẹ hiền, khi con thơ trái gió trở trời. Tuy những loài hoa này không thể hiện ra bằng lời; nhưng những vẻ đẹp, sự trang trọng cao quý của hoa, nó đã nói lên hết được cái cao thượng của người cha và cái dịu dàng của người mẹ.

Người Nhật Bản ít có thời giờ; nên cái gì cũng vội vã. Ví dụ như bữa ăn sáng họ chỉ cần 5 đến 10 phút là xong. Ăn trưa như húp. Ăn trưa tại công sở bằng Bento mang theo cũng không quá 10 đến 15 phút. Buổi ăn tối là bữa ăn của gia đình, nhiều lắm họ cũng chỉ dành được 20 phút mà thôi. Thế mà khi hoa Anh Đào nở vào tháng tư, nhiều khi họ có cả một cái cuối tuần để đi chùa lễ Phật, đến công viên để xem hoa nở; nhiều khi cao hứng còn ở lại đêm để xem trăng lên uống rượu, xem hoa v.v... Như vậy người Nhật Bản họ trân quý loài hoa này cũng phải; vì nó chỉ mang niềm vui và sự chân thật của cuộc đời, không khoe khoang, màu mè hay dối trá, mà từ hoa đã toát lên một sức sống, một sự tự tin, gây nên ấn tượng hài hòa, duyên dáng, khiến cho ai đó dầu có khó tính đến đâu đi chăng nữa thì cũng chẳng phiền muộn vì hoa. Anh Đào là như vậy! Bầu trời Tokyo hay Kyoto sẽ đẹp hơn vào xuân khi có những tàng cây của hoa Anh Đào che rợp các lối đi, vào các cổng của những tự viện lớn tại những chốn kinh kỳ này. Nếu ai đó lỡ lạc vào những chốn này cứ ngỡ như mình đang trôi giạt vào một chốn thiên thai nào đó, chứ không phải là cảnh trần.

Tôi không phải là thi nhân, vì không biết làm thơ. Tôi chỉ viết văn; nhưng không là văn sĩ, vì tôi chọn cho mình một đời sống của tu sĩ để trên cầu giác ngộ và dưới hóa độ quần sanh, không là văn sĩ để phải rút ruột mình và tâm tư tình cảm của mình để trang trải cho cuộc đời, nếu không vậy thì đời sẽ dễ

quên văn sĩ kia. Tôi không là cánh hoa, dầu cho đẹp như hoa Anh Đào đi nữa, để người đời ngắm nhìn, khen tặng hay chê bai tùy theo sở thích. Tôi cũng chẳng phải là một người hùng, vì chưa chiến thắng ai bao giờ. Tôi cũng không phải là người được nhiều người biết đến, mà tôi chỉ là tôi trong cái có không, không có của cuộc đời này. Vì tôi thấy chẳng có cái gì là thật tướng cả. Thật tướng của vũ trụ vạn hữu này là không và tất cả cũng chỉ là những sự cảm nhận với một cái không to tướng ở trong cuộc sống này mà thôi. Tôi cảm thấy vui, tôi cảm thấy buồn, tôi cảm thấy mát mát, tôi cảm thấy hạnh phúc, tôi cảm thấy tôi đẹp, tôi cảm thấy tôi đau khổ v.v... tất cả chỉ là một sự cảm nhận và sự cảm nhận ấy sẽ trôi đi, thời gian sẽ nhận chìm tất cả. Thời gian sẽ làm cho ta quên đi tất cả và ngay cả những cảm nhận vui buồn trong thời gian trước đây, bây giờ ta không còn cảm thấy nó như xưa nữa. Vậy thực tướng của nó là gì? nếu không phải là một cái không to tướng. Vậy ta bám vào cái giả tướng ấy để làm gì? Cho nên cuộc đời còn lại của tôi sẽ cố gắng làm sao để cho những thứ này không chi phối mình, thì mới mong an lạc ở nội tâm được.

Nếu thấy được thật tướng của vạn pháp thì ta sẽ sống đúng với nó là gì. Điều này cũng giống như Mãn Giác Thiền Sư đã cảm nhận được sự hiện hữu của một cành mai đang nở trước sân chùa vào một mùa đông lạnh giá như thế. Đó mới chính là Đạo. Còn đẹp, xấu, khen, chê, đen, trắng v.v... tất cả và tất cả đều chỉ là những chuyện đối đãi trên trần gian này, nó vốn không có gì là tuyệt đối cả. Từ đó ta phải nhìn vạn vật với một cặp mắt vô tư, không phán đoán, lúc ấy tâm ta mới có thể “như thị” được. Xem hoa đẹp mà không bị hoa làm động tâm. Đó mới chính là người trụ vững được trong Đạo. Nếu cái đẹp của hoa làm cho tâm mình động thì ta bị cái đẹp ấy làm chủ rồi và ta sẽ không còn là ta nữa.

Tôi ngắm hoa Anh Đào lần đầu tiên tại Nhật Bản vào mùa xuân năm 1972 đến mùa xuân năm 1977, tất cả là 6 mùa hoa Đào nở như vậy. Tôi đã đắm chìm trong hoa, đã xót xa khi hoa đã tàn, rơi lá tả từng cánh xuống mặt đất nơi sân chùa Bồn Lập khi tôi có dịp quét chúng để cho vào thùng rác. Quả thực cuộc đời của chúng ta cũng giống như một cánh hoa tàn vậy thôi. Khi mới đâm chồi, nảy lộc cho nụ, thì người ta háo hức, náo nức để chờ xem hoa nở (trong này có hoa Quỳnh là một); nhưng sau một tuần, một tháng khai hoa thành nhụy rồi, hoa kia chẳng khác nào những vật đã bị liễu chán, ong chường, không còn được đoái hoài nữa. Đây không là số phận, mà nghiệp của hoa là vậy. Hoa chỉ có bốn phận dang hiến cái đẹp của đời mình cho nhân thế. Khi hoa tàn rồi, thì một kiếp hoa ấy, dầu là hoa Anh Đào đi chăng nữa, có ai rõ biết được cho chăng ?

Rồi bao nhiêu mùa Thu qua cũng giống như bao nhiêu mùa Xuân đến ở tận trời Âu này, tôi vẫn thấy hoa nở, nước chảy, mây bay đầy chứ; nhưng nhiều khi không có một loài hoa nào đọng lại được nơi tâm trí tình cảm của mình; nếu có chăng, đó chỉ là những sợi nắng kéo dài từ Đông sang Tây từ Nam chí Bắc mà thôi. Sự sống thì còn, mà sự cảm nhận giờ đây hầu như đã ngưng đọng lại, để ý niệm về một cuộc đời, một cuộc thế đã đổi thay.

Hoa Anh Đào với người Nhật Bản là một quốc hoa, một niềm tự hào dân tộc của xứ Đảo quốc này. Họ hãnh diện về một quê hương luôn luôn có mặt trời gần gũi họ. Họ biết cúi mình thật thấp để thực hiện sự khiêm cung cần thiết khi chào hỏi, ngoại giao; nhưng họ cũng sẽ thẳng thắn với những người không thành thật và ở họ chỉ có quê hương, Tổ quốc, Vua chúa mới là những điều đáng tôn vinh; ngoài ra tất cả đều là của tạm của đất trời và vạn vật; nhưng hoa Anh Đào bao giờ cũng là một loài hoa mà cả hơn 100 triệu dân Nhật Bản ngày nay, hầu

như chưa nghe thấy người Nhật nào chê hoa Anh Đào là hoa xấu cả. Từ đó, ta thấy rằng: Riêng người Nhật quê hương đất nước của họ là nhất, hoa Anh Đào mới chính là quốc hoa của họ và khi người ngoại quốc đến và ở đây; nên hiểu rõ điều này.

CHƯƠNG BA

Người Nhật với truyền thống văn hóa cổ

Văn hóa có nghĩa là nền văn minh đã có lâu đời của một dân tộc và được hòa tan vào trong cuộc sống của người dân tại xứ đó cũng như thăng hoa và biến đổi qua mọi thời đại; nhưng vẫn giữ được bản sắc của dân tộc mình; nên gọi là văn hóa. Một người có văn hóa là một người có cội nguồn, không đi chệch hướng, dầu cho văn minh đến đâu đi chăng nữa thì văn hóa vẫn là chiếc gọng kìm, nhằm giúp đỡ cho cá nhân ấy dễ thăng tiến trong xã hội qua nhiều lãnh vực khác nhau. Văn minh càng mới bao nhiêu, càng có thêm nhiều giá trị. Ngược lại nước nào có nền văn hóa cổ đại bao nhiêu thì nước ấy có nhiều giá trị về tâm linh hơn là vật chất. Trên thế giới ngày nay có nhiều nước có nền văn hóa lâu đời trên 5.000 năm như Ấn Độ và Trung Hoa, cũng có những nền văn hóa kém hơn như Ai Cập hay Hy Lạp. Tuy nhiên thủy tổ của loài người tại Âu Châu ngày nay đều từ Phi Châu di dân đến đây mà thành. Còn Nhật Bản thì sao?

Theo tài liệu Wikipedia viết về Nhật Bản bằng tiếng Đức thì họ cho rằng: Thủy tổ của người Nhật di chuyển từ vùng Tây

Bá Lợi Á ngày nay sang vùng Hokkaido cách đây 30.000 năm về trước. Thuở đó họ sống như là những du mục và thuộc về văn minh tiền sử. Có thể như vậy, nên ngày hôm nay tại Hokkaido có một dân tộc thiểu số gọi là Ainu, họ người cao lớn như người Âu Châu, tóc đen và thuộc về văn minh bộ lạc. Mãi cho đến ngày nay họ vẫn còn ăn mặc, nơi ở hay ngôn ngữ v.v... họ đều dùng bằng tiếng mẹ đẻ của họ, chứ không dùng tiếng Nhật. Nếu ai đó có dịp đến Hokkaido thì cũng nên đến những làng của người Ainu để thăm viếng và tại đó, chúng ta sẽ có cơ hội tiếp xúc với dân tộc này nhiều hơn, để hiểu thêm một phần nào về ngôn ngữ của người Nhật ở vào thuở xa xưa, khi mới khai thiên lập địa ấy.

Người Nhật kể từ những thế kỷ đầu của kỷ nguyên đã bị ảnh hưởng bởi các học thuyết của Khổng Giáo; nên thi cử, cách cai trị đất nước v.v... tất cả đều rập theo khuôn mẫu của Trung Hoa và Triều Tiên. Mãi cho đến năm 1854 người Nhật mới có cơ hội tiếp xúc với người Bồ Đào Nha và người Hòa Lan, để đến năm 1868; nghĩa là cách nay hơn 150 năm về trước, khi công cuộc duy tân của vua Minh Trị (Meiji) thành công, thì xứ sở này đã trở thành kỹ nghệ hóa và nền nông nghiệp cổ truyền của Nhật đã lùi dần vào trong dĩ vãng.

Một nhánh khác đến trung bộ nước Nhật từ bán đảo Triều Tiên và một phần nhỏ khác đến từ phía Nam bán đảo Nhật Bản bởi các dân tộc Á Châu khác. Phải nói rằng: Nhật Bản là một quốc gia thuần chủng, không có nhiều dân tộc thiểu số như Trung Hoa hay Việt Nam, tuy họ vẫn là người Châu Á.

Tuy nhiên nước Nhật cũng đã được chia ra làm nhiều thời kỳ khác nhau để minh định vị trí văn hóa cổ đại và văn minh hiện đại cho thế giới thấy rõ sự tiến bộ về mọi phương diện của dân tộc này.

Thời kỳ đầu gọi là Jomon-Zeit nghĩa là thời kỳ đồ đá bắt đầu từ 10.000 năm đến 300 năm trước Tây lịch. Thời kỳ này của Nhật Bản cũng cùng thời với 18 vua Hùng cai trị nước Văn Lang của chúng ta. Tổ Tiên của mình thì bắt đầu bằng... cháu ba đời vua Thần Nông là Đế Minh kết duyên với nàng tiên sinh ra Lộc Tục..., rồi Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh ra 100 cái trứng và trở thành 100 người con. 50 người theo cha lên núi và 50 người theo mẹ xuống biển... đây là một huyền sử của dân tộc Việt Nam thì Nhật Bản cũng không ra ngoài thông lệ ấy. Ngày nay nhiều người nghiên cứu về lịch sử của dân tộc Việt cho biết rằng: Chúng ta xuất xứ từ Động Đình Hồ và thuộc về 100 họ Bách Việt ấy, mà chỉ còn Lạc Việt là tồn tại ở Việt Nam để trở thành người Việt sau này. Tôi cũng đã có cơ hội đi đến Động Đình Hồ bên Trung Quốc, dĩ nhiên là không còn thấy được dấu tích lịch sử gì cả của dấu ấn mấy ngàn năm mà Tổ Tiên ta đã xuất thân từ đó; giờ đây chỉ còn thấy trời nước mênh mông và thỉnh thoảng ở Quảng Châu hay Quảng Đông, tôi vẫn trông thấy những bảng hiệu có tên chữ Hán là (cái gì đó) rồi chữ Việt cũng giống như đất Việt của Việt Câu Tiễn với Ngô Phù Sai là một trong 100 Việt này. Lịch sử sẽ soi sáng cho chúng ta về những gì trong quá khứ theo sự khảo cứu của các nhà khảo cổ học về sau này.

Thời kỳ này người Nhật Bản sống bằng nghề săn bắn và họ sống thành từng bộ lạc khép kín không có giao tiếp với bên ngoài; nhưng đây cũng là thời kỳ mà họ bắt đầu làm quen với chế độ vua chúa của nhà Hán bên Trung Hoa cũng như bán đảo Triều Tiên thuở ấy.

Thời kỳ tiếp theo gọi là thời kỳ Yayoi-Zeit kể từ năm 300 trước Tây lịch đến năm 300 sau Tây lịch. Thời kỳ này đã trải qua giai đoạn văn minh của đồ đá và Nhật Bản tiếp cận với thời đại của đồ đồng, mà ngày nay người ta đã tìm được những chứng liệu tại Yayoi gần Tokyo qua các đồ nung bằng đất.

Thời kỳ kế tiếp được gọi là thời kỳ Kofun-Zeit, kể từ năm 300 đến 552. Thời kỳ này họ sống trong những ngôi mộ cổ, lấy

đó làm lều, làm nhà để ở. Thời kỳ này nhà vua Yamato đã có sự liên hệ và đấu tranh với dân tộc Triều Tiên vào thế kỷ thứ 4. Thời kỳ này nền văn minh của Trung Hoa và Triều Tiên đã chính thức du nhập vào Nhật Bản. Đặc biệt là văn hóa của Phật Giáo đã được du nhập vào Nhật Bản từ thế kỷ thứ 6. Phật Giáo đã trở thành tôn giáo của dân tộc Nhật và đến thời Asuka, vào năm 552 Phật Giáo đã trở thành là quốc giáo và Soga đã lấy Phật Giáo làm chủ đạo cho quốc gia và đặc biệt khi Thánh Đức Thái Tử (Sotoku Taishi) trị vì thì năm 604 nhà vua đã cho soạn Hiến Pháp 17 điều và trong đó lấy tinh thần của Phật Giáo làm chủ đạo. Sau khi Thánh Đức Thái Tử mất vào năm 662 thì nội chiến đã nổi lên trong nước Nhật và con của Thái Tử (Naka-no-Ue) đã hướng dẫn một nhóm người để thay đổi vào năm 645 và đến năm 646 đã chính thức thay đổi nhiều điều lệ của quốc gia. Đến năm 701 nước Nhật đã hoàn thành chế độ vua chúa và Đức Vua chính là trung tâm của mọi quyền bính lúc đương thời.

Thời đại Nara (Nại Lương) từ năm 710 trở đi và Nara đã trở thành Kinh Đô của Nhật Bản lúc bấy giờ. Thời kỳ này các lãnh chúa cai trị nhiều vùng như là những tướng quân và quyền hành nằm trong các Tu Viện Phật Giáo; nên Hoàng Triều trở nên yếu kém và Nara đã phát triển để sau này trở thành kinh đô của thời Heian (Bình An).

Nếu ngày nay ai đó có dịp đặt chân đến Nara thì chúng ta sẽ chứng kiến hai nền văn hóa cổ đại thật quan trọng của Nhật Bản còn sót lại. Đó là ngôi chùa Pháp Long (Horyuji) làm bằng gỗ từ cuối thế kỷ thứ 6, đầu thế kỷ thứ 7. Có nghĩa là đã hơn 1.400 năm rồi, mặc dầu xứ Nhật là xứ động đất liên miên, nhiều khi mỗi ngày xảy ra đến 2 hay 3 lần tùy theo độ địa chấn lớn nhỏ mà độ tàn phá bị ảnh hưởng theo đó. Ví dụ như độ chấn động từ 2 đến 6 thì không có gì đáng lo; nếu trên số này, đất có thể lở, nước có thể dâng cao cả mấy chục thước như đã xảy ra

tại Sendai và Fukushima vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua với độ chấn động 9 thì nhà cửa và con người sẽ bị thiệt hại rất nhiều. Thế nhưng ngôi chùa Pháp Long và ngôi Ngũ Trọng Pháp tại đây vẫn còn đứng sừng sững với gió sương với mưa nắng, quả là điều bất khả tư nghĩ; trong khi Thánh Đức đã ra người thiên cổ từ lâu rồi, thế nhưng ảnh hưởng của Phật Giáo vẫn còn lớn mạnh đến quần chúng trong những thế kỷ kế tiếp. Nếu không phải vậy thì chùa Đông Đại (Todaiji) và tượng Phật Tỳ Lô Giá Na bằng đồng không được xây dựng nơi đây để năm 752 do Thiên Vũ Thiên Hoàng mời hai vị Sư từ Ấn Độ, Ngài Bồ Đề Tiên Na và vị Sư người Phù Nam, Ngài Phật Triết đến đây làm lễ khai nhãn cúng dường như Chương trước đã có đề cập đến. Đặc biệt ngôi chùa này đã bị không biết bao nhiêu lần hỏa hoạn và đã xây lại nhiều lần; nhưng cái vĩ đại của nó, chưa có một ngôi chùa gỗ nào ở Trung Hoa hay Đại Hàn hoặc Việt Nam có thể sánh nổi. Những cây gỗ làm cột chùa này cao chừng trên 50 mét. Thân gỗ to lớn, đến nỗi dùng thân người để luông qua bên kia cây gỗ vẫn còn được. Điều này cũng chứng tỏ một uy quyền, mà chỉ có những người lãnh đạo mới có thể thực hiện được điều ấy.

Thời kỳ Heian (Bình An) bắt đầu từ năm 794 và chấm dứt vào năm 1185; nghĩa là gần 400 năm như vậy, đã chứng tỏ qua tư cách trị vì của Thiên Hoàng Kammu-Tenno và ngoài ra gia tộc của Fujiwara cũng đã mất thực quyền. Chính thức là thời Thiên Hoàng Go-Sanjo (1068) đã trả một giá rất đắt với dòng họ Fujiwara cai trị một thời của thuở ấy. Ông ta cũng không chịu thua, chạy vào lưu ngụ tại các tự viện và tiếp tục cai trị gián tiếp nơi ấy. Thời kỳ này là thời kỳ nở hoa của văn học và thi văn của Nhật Bản, trong đó tập truyện Genji Monogatari đã được tạo thành. Tuy nhiên thời kỳ này cũng không được dài lâu

và nhà Vua cũng như Hoàng Tộc không còn ảnh hưởng nhiều nữa; nên đã trải qua một giai đoạn đấu tranh khác.

Thời kỳ Kamakura (Liên Thương) bắt đầu từ năm 1185 đến năm 1333 và đây cũng là thời kỳ quan trọng trong thời kỳ Trung Cổ (1185-1600) của Nhật Bản. Đây cũng là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa các lãnh chúa của dòng họ Taira và Minamoto cứ thế và cứ thế lãnh chúa này nổi lên và lãnh chúa khác lại mất quyền; nên những chiến tranh này được gọi là chiến tranh Gempei. Mãi cho đến thời kỳ trị vì của Nữ hoàng Masako (1156-1225) tương đối đất nước Nhật Bản vẫn được bình yên; nhưng từ năm 1274 đến năm 1281 Nhật Bản đã bị Mông Cổ tìm cách thôn tính. Đây có thể nói là thời kỳ đen tối nhất của lịch sử Nhật Bản đối với ngoại xâm. Trong thời kỳ này quân Mông Cổ đã mở đường xâm lăng sang Việt Nam; nhưng vua quan nhà Trần đã 3 lần đại thắng quân Nguyên Mông như thế, từ Toa Đô cho đến Hốt Tất Liệt đều phải chạy trốn về Tàu để trả lại mục đích tranh bá đồ vương của Thành Cát Tư Hãn và sau 3 lần thắng trận như vậy, không biết bao nhiêu là binh sĩ của hai bên đã chết chóc, phơi thây nơi chiến trường; nên vua Trần Nhân Tông vào năm 1296 đã xuất gia tại chùa Chân Giáo và trở thành Sơ Tổ của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử và được mọi người tôn xưng là Điều Ngự Giác Hoàng.

Tại Nhật Bản, thời này cũng đã xuất hiện các bậc Đại Đạo Sư như Ngài Không Hải (Kukai) sáng lập ra phái Chơn Ngôn Tông và chữ Hiragana của Nhật. Ngài Dogen (Đạo Nguyên) là một Thiền Sư nổi tiếng của phái Tào Động (Soto). Ngoài ra Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, sáng Tổ của phái Nhật Liên sau khi dâng “Lập Chánh An quốc luận” lên triều đình thì bị đày ra đảo Sato. Trong này Ngài có nói về cái họa của Mông Cổ. Quân Mông Cổ đã tấn công vùng Kyushu và đã phá vỡ được thành trì tại đó của vua quan Nhật Bản; nhưng nhờ hai lần có hai ngọn

gió thần thổi khắp hải đảo này và đã giúp cho Nhật Bản bảo vệ được quê hương của mình. Đây cũng chính là nguyên nhân để mọi người gọi là Kamikaze (ngọn gió thần).

Mãi cho đến năm 1333 Kamakura-Bakufu đã bị lực lượng của tướng quân Ashikaga và Nitta chi phối và cuối cùng triều đình Mạc Phủ Ashikaga nhận sự bảo hộ cho nhà vua Go-Daigo.

Thời kỳ Muromachi. Thời kỳ này bắt đầu từ năm 1333 đến năm 1568. Đây là một phần của kinh đô Bình An và Ashikaga đã thống trị tại đây như là một vị Hoàng Đế đương thời. Đến năm 1392 thì Thiên Hoàng Go-Daigos đã trao quyền lãnh đạo lại cho người kế vị. Cho đến thời kỳ của Ashikaga Yoshimitsu thì phải thừa nhận sự thống trị của nhà Minh, Trung Hoa, trên đất nước Nhật Bản. Từ năm 1467-1477 có một chiến tranh gọi là Ōnin của các tướng quân Nhật Bản với quân của nhà Minh để giành chủ quyền lại cho dân tộc.

Việt Nam chúng ta cũng bị nhà Minh xâm chiếm từ năm 1400 đến năm 1417. Cho nên Lê Lợi và Lê Lai mới khởi nghĩa chống lại quân Minh và cuối cùng nhà Hậu Lê đã đại thắng quân Tàu. Khi nhà Minh đến Việt Nam đốt sách và tàn phá quê hương nước Việt như thế nào thì tại Nhật Bản họ cũng đã đốt sạch cố đô Kyoto cũng như các chùa viện. May thay Kim Các Tự và Ngân Các Tự hai chùa này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Tiếp theo gọi là thời kỳ Sengoku (thời chiến quốc); nghĩa là các lãnh chúa, các tướng quân, các đại hào tộc đã đấu tranh mãnh liệt với nhau và chính thời kỳ này người Bồ Đào Nha đã đến Nhật qua những tiếng súng đại bác nã vào, để bắt đầu tìm kiếm một con đường truyền đạo Thiên Chúa qua Nhật Bản. Họ đã đến đây từ đạo ấy tại Hải Cảng Nagasaki; nhưng cả mấy trăm năm sau, người theo đạo Thiên Chúa tại Nhật chưa đến

1% dân chúng, trong khi đất nước Việt Nam mình số người theo đạo Chúa đã trên 10% rồi. Đây có thể là một bài học tốt để cho chúng ta học lại từ người Nhật về cách giữ đạo Phật truyền thống của họ như thế nào, mà ngày nay mới được như vậy.

Thời kỳ chiến tranh huynh đệ đã chấm dứt qua thời của Azuchi-Momoyama (1568-1600) và đến thời trị vì của Tokugawa đã bắt đầu một thể chế mới từ năm 1600 cho đến thời Edo năm 1688. Giang Hộ vào thời kỳ này cũng là thủ đô của Nhật Bản.

Thời kỳ Giang Hộ (Edo) thống trị như là một vị vua đối với các tướng quân và Tokugawa (Đức Xuyên) đã thống nhất kết nối tất cả 250 lãnh chúa (Dai myō) lại để cai trị, không khác gì như dưới thời nhà Hán của Trung Hoa. Thời gian này cũng là thời gian của Samurai làm chủ về mọi hình thức như kinh tế, quân sự v.v... Nhân dân được giáo dục theo học thuật Khổng Giáo của Trung Hoa và lấy sĩ, nông, công, thương làm chính. Trong khi đó Vua chúa và Hoàng Tộc bị cô lập và không còn thực quyền nữa.

Thời kỳ này Tokugawa cũng đã kiểm soát được nền thương mại của Nhật Bản nên đã cho những thương thuyền của Trung Hoa và Âu Châu đến hải cảng Nagasaki. Đối tác quan trọng của Nhật Bản với người Âu Châu thuở ấy là người Hòa Lan tại thành phố Dejima. Đây cũng là một cơ hội giao thương đầu tiên mà người Nhật Bản học hỏi cũng như làm quen đối với các thể chế của Tây Phương.

Trong thời kỳ này bị ảnh hưởng bởi chiến tranh không ít nên các kiến trúc cũng như văn hóa đều ở dạng bảo thủ và đặc biệt là ảnh hưởng của Thiên Tông. Còn về kịch nghệ thì ảnh hưởng phái cổ điển như: Sumo, trà đạo, kiếm đạo v.v... Ở đây chúng ta cũng có thể mở ngoặc ra nơi này để trình bày về sự hội

nhập văn hóa đông tây của người Nhật vào quê hương của họ. Ví dụ như trà là một điển hình. Trà tại Trung Quốc chỉ là món đồ uống bình thường; nhưng khi Thiền Sư Dinh Tây (Eisei) từ Nhật qua Trung Quốc du học và thấy được trà là một món đồ uống giống như là một dược liệu để chữa bệnh; nên sau khi về lại Nhật, Thiền Sư đã chế biến lá trà ấy và tạo ra phong cách uống trà để trở thành một cái Đạo, mà thuở bấy giờ vào thời nhà Đường bên Trung Hoa chưa có môn học này. Ngày nay nếu ai đó nghe đến Chado (trà đạo hay Tea ceremony) thì biết ngay là của người Nhật chứ không phải của người Trung Hoa nữa; mặc dầu trà đã được sinh ra và thành tựu sản phẩm tại Trung Hoa. Đây là một cái tài tình của người Nhật mà ta cần phải thẩm thấu. Ngoài ra suối nước nóng tại Trung Quốc cũng là chuyện bình thường khi nơi nào đó đã có núi lửa. Thế mà khi Thiền Sư Dinh Tây trở lại Nhật Bản không phải với chỉ kinh nghiệm của việc dùng nước nóng thiên nhiên ấy, mà Ngài còn dạy cho người dân tạo thành nơi tắm công cộng để chữa bệnh qua các khoáng chất của ôn tuyền. Đây là một sự tiêu thụ, xay nhuyễn văn hóa của các dân tộc khác để trở thành văn hóa của xứ mình. Thật là đáng phục cho người Nhật và cho các Thiền Sư Nhật Bản lúc bấy giờ.

Từ đó ta thấy Shodo (Thơ đạo), Kendo (Kiếm đạo), Bushido (Võ sĩ đạo), Aikido (Không thủ đạo) v.v...và v.v... tất cả đều đến từ Trung Quốc; nhưng người Nhật đã tạo thành một cái Đạo uống trà, Đạo viết chữ, Đạo múa kiếm, Đạo tập võ v.v... Đó là sự thăng hoa của văn hóa và nghệ thuật từ những điểm căn bản đơn thuần để trở thành những học thuật nổi tiếng về các bộ môn như ngày nay mà chúng ta hiện thấy. Việc này chúng ta có thể so sánh với sự thăng hoa của Phật Giáo Đại Thừa hay Kim Cang Thừa tại các xứ Á Châu ngoài Ấn Độ hay Âu Mỹ ngày hôm nay cũng thế thôi. Đức Phật đã dạy về giới

luật. Ngài đã nói về tình thương cũng như sự bố thí, Ngài đã nói về trí tuệ và sự thiên định v.v... trong những bộ kinh căn bản của Phật Giáo Nguyên Thủy như: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Chi Bộ Kinh và Tăng Nhất A Hàm... những điều căn bản ấy và cho đến khi Phật Giáo Đại Thừa phát triển khá mạnh tại Ấn Độ rồi, tinh thần đã vượt ra khỏi biên cương qua chủ trương Trung Quán của Ngài Long Thọ, thì Kim Cang Thừa cũng nhân đây mà triển khai tinh thần Bát Nhã và Tánh Không đến một nhịp độ nhuần nhuyễn hơn để trở thành những học thuyết và triết học tuyệt vời trong cõi nhân sinh này, mà khi nhìn quanh khắp Đông Tây kim cổ hay các nước Âu Mỹ ngày nay chẳng có nước nào có được cái vinh dự ấy qua sự triển khai của Phật Giáo Đại Thừa và Kim Cang Thừa.

Sau thời kỳ Edo là thời kỳ Bakumatsu và mãi cho đến cuối thế kỷ thứ 18 thì ảnh hưởng của người Tây Phương không nhỏ vào các cuộc thương mại với các nước như: Nga, Anh và Hoa Kỳ. Đến giữa thế kỷ thứ 19 thì những mặt trận của nông dân nổi dậy, khiến cho các Samurai thất thế, hết quyền kiểm soát và đến năm 1853 thì thương thuyền Hoa Kỳ dưới sự điều khiển của tướng Matthew Perry đã đến vịnh Edo và buộc lòng các tướng quân phải mở cửa để ký những hiệp ước tự do kể từ đó. Cuối cùng thì hai bên đã ký được một Hiệp ước Thương mại tại Kanagawa giữa Hoa Kỳ và tướng quân Tokugawa Iesada. Sau đó thì các tướng quân các nơi nổi lên chống lại sự thống trị của Tokugawa và chống lại sự có mặt của người Âu Châu tại Nhật Bản, mà mặt trận Sonnò Joi là tiêu biểu. Các tướng quân của Tokugawa không còn ảnh hưởng mạnh về quân sự và chính trị nữa; cho nên đến năm 1868 với sự Duy Tân của Vua Minh Trị (xem lại phần đã trình bày ở chương trước) dưới danh nghĩa của Thiên Hoàng và thời đại Tokugawa đã cáo chung.

Thời kỳ Minh Trị bắt đầu từ năm 1868 và cáo chung qua các đời vua Đại Chánh, Chiêu Hòa vào năm 1945 trong đệ nhị thế chiến. Suốt trong 77 năm này Nhật Bản là một đất nước theo chủ nghĩa đế quốc quân chủ và đi thôn tính các nước lân bang để làm thuộc địa.

Minh Trị Thiên Hoàng trị vì nước Nhật từ năm 1868 đến năm 1912. Trong thời gian này ông đã cho sửa đổi tất cả từ học thuật cho đến quân đội và chính trị, nhất nhất đều chế biến lại những gì mà các nước Âu Mỹ đang thành tựu. Về giáo dục, chính quyền cho người sang Đức du học, sau khi học thành tài những du học sinh này trở lại quê hương mình để giúp cho công việc đổi mới của Thiên Hoàng được thành tựu. Về ngoại giao họ học theo cách của Anh. Về nghệ thuật học theo Pháp và về kỹ nghệ họ học theo Mỹ. Nếu không là một nền văn hóa như vậy thì Nhật khó bề mà thắng Nga vào năm 1904-1905 được. Đây là một sự thắng trận vẻ vang của dân tộc Nhật; cho nên các dân tộc Á Châu khác mới hướng về Nhật Bản và từ đó phong trào Đông Du của Việt Nam của cụ Phan Bội Châu đã gọi nhiều sinh viên Việt Nam đến Nhật học hỏi kỹ thuật và quân sự tại đây.

Điều đặc biệt là Hiến Pháp của thời Minh Trị đã được rập khuôn y hệt như những đạo luật công dân của nước Đức (deutsche Bürgerliche Gesetzbuch) thời bấy giờ. Đó cũng là kết quả của những sự cải cách về giáo dục và các đoàn sinh viên đã được gửi sang Bắc Mỹ và Âu Châu do chủ trương của Iwakusa đã gặt hái về cho quê hương của họ. Năm 1895 Nhật Bản đã thôn tính Trung Hoa và chiếm cứ Đại Hàn. Năm 1912 vua Mutsuhito Meiji băng hà kết thúc thời kỳ của Minh Trị và nước Nhật đã chính thức bước vào thời kỳ canh tân hóa xứ sở của mình.

Từ năm 1912 đến năm 1926 Nhật Bản được đặt dưới sự cai trị của vua Đại Chánh (Taisho) Yoshihito. Vì ông vua này là một ông vua bị bệnh hoạn hành hạ; nên quyền bính của nhà vua đã được chuyển qua Quốc Hội và các đảng phái chính trị khác. Riêng về Phật Giáo Nhật Bản, tuy rằng có nhiều Tông Phái khác nhau; nhưng được cái may mắn là dưới thời kỳ vua Đại Chánh, một Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán đã được hình thành qua sự chủ biên của chư Tăng và các học giả đương thời; nên Đại Tạng Kinh này được gọi là Taisho Shinshu Daijokyo (Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh). Ngày nay các học giả Âu Mỹ đều căn cứ vào bộ Đại Tạng Kinh này, có từ thời Đại Chánh để dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Đại Hàn và tiếng Việt. Đây là một gia tài văn hóa của Phật Giáo nói riêng và của nhân loại nói chung khi nghĩ về nền văn học của Phật Giáo cổ đại cũng như hiện đại.

Năm 1926 Vua Hirohito chính thức lên ngôi và lấy hiệu là Showa (Chiêu Hòa) để thay thế cho vua Taisho Yoshihito là một vị vua bị bệnh hoạn. Sau đệ nhứt thế chiến Thiên Hoàng đã dùng sức mạnh của quốc gia để ảnh hưởng đến thần dân của mình và từ đó Nhật Bản bắt đầu chủ nghĩa đế quốc bành trướng sang Đại Hàn và Trung Hoa mà không cần sự trợ lực của Tây Phương. Do vậy vấn đề kinh tế, môi trường thiên nhiên đã bị băng hoại do chính sách cai trị độc tài quân phiệt cộng thêm cuộc đại địa chấn năm 1923 đã là những căn nguyên nguy hại cho xã hội Nhật Bản lúc đương thời. Thế nhưng từ năm 1937 trở đi sau sự kiện Nam Kinh, Nhật Bản đã cùng với Đức, dưới quyền thống lĩnh của Hitler và nước Ý với Mussolini tạo thành phe trục Âu-Á gồm: Berlin-Rom-Tokyo và chủ nghĩa Châu Á của người Á Châu cũng đã hình thành vào năm 1941 và lan tỏa khắp các xứ tại Đông Nam Á Châu để thay thế các nước thuộc địa của Hòa Lan, Anh Quốc cũng như Hoa Kỳ đã chiếm giữ lâu

nay. Nhật Bản đã dùng danh hiệu Đại Đông Á để theo đuổi chủ nghĩa này.

Nhật Bản đã chiếm hầu hết các xứ Trung Hoa, Đại Hàn, Đài Loan, Việt Nam, Lào, Cam Bốt, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Indonesia và ngay cả một phần bắc Úc cũng bị động. Riêng tại Việt Nam trong thời gian từ 1941 đến năm 1945; nghĩa là trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, họ đã thay thế người Pháp cai trị Việt Nam, không thua gì người Pháp; đất đai của Việt Nam họ không cho trồng lúa mà thay vào đó là trồng đay, trồng cói để đem về Nhật Bản dệt thành những tấm chiếu Tatami truyền thống của họ và đây cũng là nguyên nhân xảy ra nạn đói năm Ất Dậu (1945) tại riêng miền Bắc Việt Nam của chúng ta đã có hơn 2 triệu người chết đói. Những ai bây giờ tuổi đời trên 70 đều chứng kiến được cái đói kinh thiên động địa của thuở bấy giờ. Ngày nay, sau nạn đói chưa tới 70 năm hầu như người Việt Nam đã quên đi cái thù của dân tộc đối với Nhật Bản; nên sau năm 1975 Việt Nam chúng ta bang giao và bình thường hóa với Nhật và xem Nhật Bản như là một ân nhân trợ giúp cho Việt Nam; nhưng biết đâu trong đó cũng hàm ý chuộc lại lỗi lầm xưa mà họ đã gây đau khổ cho dân tộc chúng ta nói riêng cũng như những dân tộc khác tại Đông Nam Á Châu nói chung. Chỉ riêng Đại Hàn và Đài Loan, người Nhật cai trị trong thời gian này rất tàn nhẫn, độc đoán; nên mãi đến bây giờ người Đại Hàn hay Đài Loan nghe đến cái gì của Nhật Bản đều tỏ vẻ không thích lắm. Rõ ràng là thời gian đã thay đổi và con người cũng dần quên đi những sự kiện đáng ghi nhớ như vậy. Nếu được, mỗi năm Việt Nam nên có những ngày tưởng niệm những sự kiện đau thương như thế này, không phải để gọi lại những sầu muộn cũ, không thể hàn gắn lại lúc chiến tranh cũng như thời bình, mà đây là cơ hội để nguyện cầu cho những người xấu số sớm sanh về một thế giới an lành hơn và cũng để cho những thế hệ

đi sau lấy đó làm gương và hãy đừng lặp lại những vết xe đổ vỡ trong lịch sử nữa. Tại Đức cho đến bây giờ truyền hình vẫn làm nhiệm vụ này. Vấn đề ở đây không phải là chỉ để ca tụng, hãnh diện, tự mãn với những chiến thắng suông, mà phải ghi lại những dấu ấn trung thực của một thời, dấu cho đứng bên này hay bên kia cũng có thể nhận diện được.

Quân đội Nhật Bản của Thiên Hoàng Hirohito vẫn hiện diện tại các nước Đông Nam Á Châu cho đến ngày 6 và 9 tháng 8 năm 1945 khi mà hai quả bom nguyên tử của Mỹ đã thả xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, khiến cho Nhật Hoàng phải đầu hàng chính thức vào ngày 15 tháng 8 năm 1945 qua các cơ quan truyền thanh tại Nhật và trên thế giới.

Từ Thành Cát Tư Hãn của Trung Hoa vào thế kỷ thứ 13 đến Nhật Hoàng Hirohito của Nhật vào đầu thế kỷ thứ 20 này cũng như Hitler tại Đức và Mussolini của Ý cùng thời đã khiến cho thế giới bàng hoàng qua chủ nghĩa bá quyền và mộng Đế Vương, đi thôn tính các xứ khác làm thuộc địa và kết quả là Nhật Bản bị kiểm soát bởi Hoa Kỳ từ năm 1945 đến năm 1952 và cho đến năm 1972 Nhật Bản mới thoát khỏi ra sự bảo hộ của người Mỹ. Trong khi đó nước Đức bị chia đôi thành hai khối Đông Tây từ năm 1949 đến năm 1989, suốt 40 năm như vậy họ đã sống trong tủi hờn của dân tộc; nhưng may thay đến ngày 9 tháng 11 năm 1989 bức tường Bá Linh đã bị sụp đổ và hai nhà nước đã thống nhất lại với nhau từ ngày 3 tháng 10 năm 1990 đến nay. Hiện họ đang sống trong hòa bình; nhưng ai biết được ngày mai?

Riêng Việt Nam chúng ta đã bị chia đôi lãnh thổ năm 1954 và đã tái thống nhất vào năm 1975, 1976. Nhưng Việt Nam khác với Đức trong hiện tại về nhiều phương diện. Đức thống nhất qua chế độ tự do; còn Việt Nam thống nhất với chế

độ cộng sản; một chế độ mà thế giới ngày nay người ta không còn lưu tâm đến nhiều nữa.

Kể từ năm 1947 người Nhật đã thay đổi Hiến Pháp theo chế độ tự do và lấy nền hòa bình của thế giới làm chính. Họ đã thay đổi về giáo dục học đường ở cấp thấp cũng như các cấp Đại Học cao hơn và theo Hiến Pháp mới thì sức mạnh quân sự của Nhật chỉ nhằm bảo vệ quê hương của họ mà thôi. Hoa Kỳ và Nhật Bản đã trở thành đồng minh với nhau và họ đã thực hiện những sự cam kết như vậy từ đó cho đến nay. Đây là một chủ đề lớn, thiết nghĩ cần phải tìm hiểu nhiều hơn nữa về nước Mỹ có bản phận giúp đỡ cho nước Nhật sau những sự kiện quan trọng như trên. Kể từ năm 1951 khi Hội Nghị về Hòa Bình được nhóm họp tại San Francisco gồm 48 nước và chính thức nối lại bang giao với Nhật Bản trong hòa bình, Nhật Bản chấm dứt việc chiếm cứ các nước khác vào năm 1951, 1952.

Đại Hàn cũng bị chia đôi lãnh thổ Nam Bắc. Họ cũng đã và đang bị hai chủ nghĩa chia rời tình nghĩa huynh đệ với nhau; nhưng Đại Hàn có cái may mắn hơn miền Nam Việt Nam là những người lãnh đạo quốc gia tương đối sạch sẽ, không chủ trương gia đình trị; cho nên Nam Hàn đã thoát khỏi chiến tranh cũng như sự nghèo đói; thay vào đó, ngày nay Nam Hàn phải nói là nhờ Mỹ viện trợ cũng như giúp đỡ ở nhiều phương diện mà Nam Hàn ngày nay chỉ riêng về phương diện kinh tế cũng như khoa học kỹ thuật phát triển thật nhanh chóng, không thua kém gì các nước có nền kỹ nghệ tân tiến ngày nay trên thế giới là mấy. Điều này chứng tỏ rằng sức tự chủ của người Đại Hàn cũng không thua gì người Nhật Bản. Trong khi miền Nam Việt Nam của chúng ta cũng đã được người Mỹ giúp đỡ, chỉ riêng về quân đội khá nhiều, trong khi đó những lãnh vực khác chúng ta không phát triển đồng bộ; cho nên ngày 30 tháng 4 năm 1975

lại đến nhanh chóng hơn là những điều tiên đoán của các nhà chính trị trên thế giới.

Một điều đáng quan tâm và lo ngại là Nam Hàn trong hiện tại đã bị Tin Lành hóa quá nhiều. Hình như là gần cả nửa dân số Nam Hàn đã thờ ơ với Phật Giáo, cải đạo sang Tin Lành và bầu trời Hán Thành (Seoul) nếu ai đó có dịp đi vào ban đêm để quan sát thì thấy Thánh Giá ngự trị khắp đó đây. Tôi đã có nhiều lần đến Đại Hàn, thăm viếng những chùa nổi tiếng trên các núi cao; nhưng tại phố thị thì khó tìm được một nơi nào để nghỉ chân trong khi đi hành hương tại xứ này. Có nhiều lần tôi hỏi những người trẻ Đại Hàn tại sao Tin Lành bây giờ ở Đại Hàn nhiều như vậy? thì họ trả lời rằng:

- Đọc kinh chữ Hán chẳng hiểu gì cả và mỗi lần đến chùa cần phải mất mấy tiếng đồng hồ để theo một thời khóa, còn nhà thờ đơn giản hơn, đọc kinh nhanh hơn và không khí nhẹ nhàng hơn.

- Quý Thầy thì ở trên núi, chúng tôi ngày nay đâu có thì giờ nhiều để đi chùa vào cả một cái cuối tuần, vì còn phải lo cho gia đình nữa.

Đây có lẽ là những lý do chính; chứ không phải vì giáo lý của Đạo Phật không còn thích hợp với Đại Hàn nữa. Đa phần Phật Giáo Đại Hàn theo Thiên Tông; nên am thanh, cảnh vắng vốn là đối tượng của những người tu thiền, nên đời sống của chư Tăng, Ni dường như cách biệt với những sinh hoạt bình thường của thế gian, mà việc này Tin Lành đáp ứng được; còn Phật Giáo nếu không khéo để hiện đại hóa lại thì sẽ bị đứng bên lề của xã hội Đại Hàn trong tương lai. Và lại đến nghe công án thiền ít người tỏ ngộ hơn là một bài Thánh ca dễ hiểu hơn.

Đại Hàn vốn là nơi truyền Phật Giáo sang Nhật Bản vào thế kỷ thứ 6, thứ 7, thì không lý gì Phật Giáo Nhật Bản đang

phát triển, mà Phật Giáo Đại Hàn lại đi vào chỗ suy tàn!!! Ngày nay thế giới vẫn còn ngưỡng mộ văn hóa của Phật Giáo Đại Hàn qua những mộc bản khắc Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán hằng mấy ngàn tấm; mãi cho đến ngày nay hơn cả 1.000 năm vẫn còn được bảo quản chỉ với điều kiện khí hậu tự nhiên tại chùa Heinsa (Hải Ấn tự) quả là một tuyệt tác, mà cơ quan văn hóa của Liên Hiệp Quốc đã ghi tên vào danh sách cổ, thuộc về bảo vật của quốc gia Đại Hàn và thế giới.

Nhìn những ngôi nhà thờ ở Mỹ, đa phần người Đại Hàn đi lễ, chúng ta thấy có một cái gì đó hơi khác lạ. Vì lễ đạo Tin Lành vốn xuất phát từ Âu Châu và Hoa Kỳ mà ngày nay những người Âu Mỹ đi nhà thờ đã ít, hầu như không đủ tài chánh để duy trì; trong khi đó người Đại Hàn ở Mỹ, vốn xưa kia Ông bà Tổ tiên họ đã theo Phật Giáo và khi người Mỹ đến Đại Hàn, người Đại Hàn đã cải đạo như vậy và họ đang tiếp nối chuyên đăng trình nội tâm này tại xứ Hoa Kỳ. Trong khi đó tại Nhật Bản thì không đáng kể; suốt cả 400 năm người Thiên Chúa có mặt tại hải cảng Nagasaki cho đến khi người Mỹ tiếp quản Nhật Bản vào những năm sau chiến tranh đệ nhị thế chiến; ngày nay cả Tin Lành và Thiên Chúa ở Nhật chưa đến 3% dân số theo đạo. Vậy thì tại sao Nhật Bản lại gìn giữ được truyền thống cổ xưa ấy mà không bỏ cái văn minh của Âu Mỹ trong hiện tại? Dĩ nhiên là có nhiều cách để trả lời cho câu hỏi này; nhưng điều căn bản vẫn là vấn đề tự do chọn lựa Đạo để theo. Tại Nhật, chính sách bách hại đạo Chúa không giống như Vua quan thời Tự Đức của Việt Nam; ai có cảm tình thì cứ theo; ai không muốn cải Đạo, đó là quyền cá nhân của mỗi người. Có lẽ nhờ sự tự do lựa chọn như vậy mà người Nhật thấy rõ được nền tảng của Đạo họ đang theo là gì và Đạo mới gia nhập từ phương Tây nó khác với Đạo Học Đông Phương ra sao; nên việc từ bỏ một Đạo đã có lâu đời đối với họ không là một chuyện dễ quyết

định. Và lại trình độ dân trí của Nhật rất cao; ngay sau khi vua Minh Trị duy tân đất nước vào năm 1868, nhà vua bắt buộc tất cả mọi người dân đều phải tốt nghiệp Tiểu Học và cũng trong thời gian này nước Đại Hàn không được như vậy và vào thời điểm này Việt Nam của chúng ta đã bị người Pháp chính thức lấy làm thuộc địa; nên không thể so sánh về tự do tôn giáo với Nhật Bản được. Đến năm 1952, rồi 1972, dầu cho người Mỹ có bảo trợ cho Nhật Bản thì tinh thần tự chủ của quốc gia cũng như học thuật, kỹ nghệ của họ đã quá cao rồi; không dễ gì ai nói mà họ có thể nghe theo được. Do vậy muốn đánh giá một dân tộc nào đó, hãy nhìn vào nền văn hóa của dân tộc kia thì chúng ta sẽ dễ nhận chân giá trị nhân bản đích thực của dân tộc ấy đang hiện hữu trên quả địa cầu này. Đây có lẽ là một nhận xét không sai lầm mấy.

CHƯƠNG BỐN

Người Nhật với nền văn minh Âu Mỹ ngày nay

Từ năm 1952 đến ngày nay 2014, hơn nửa thế kỷ như vậy Nhật Bản đã từ một quốc gia thua trận, đã trở thành một cường quốc trên thế giới về sản xuất kỹ nghệ xe hơi cũng như những công nghiệp khác và ngay cả nông nghiệp, Người Nhật cũng đã thay đổi kỹ thuật rất nhiều để hiện đại hóa cho xứng tầm là một cường quốc kinh tế thế giới.

Năm 1956 Nhật Bản đã được bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước lớn như Nga Sô và Trung Cộng và Nhật Bản cũng đã trở thành một thành viên của Liên Hiệp Quốc. Từ năm 1955 tại Quốc Hội Nhật được lãnh đạo bởi hai chánh đảng. Đó là: Tự Do Dân Chủ và Đảng Xã Hội. Điều này cũng có thể là một sự rập khuôn của Hiến Pháp Hoa Kỳ của hai Đảng Dân Chủ và Cộng Hòa. Tại Nhật Bản Vua vẫn còn đứng đầu; nhưng vị trí của Nhà Vua ngày nay chỉ còn tính cách tượng trưng cho các thần dân, chứ không thực quyền như trước đệ nhị thế chiến nữa. Vị Thủ Tướng chính phủ là người của đảng lớn thắng cử được bầu ra và Thủ Tướng sẽ chịu trách nhiệm trực

tiếp với quốc dân cũng như Thiên Hoàng. Người Nhật có lẽ cũng đã học điều này của người Anh và người Thái, nên hình ảnh của Đức Vua ở vào giai đoạn sau này chỉ còn tiếp kiến các Đại Sứ khi trao thỉnh nguyện thư hay đọc Thông Điệp đầu năm gửi đến quốc dân đồng bào v.v... Tuy vậy các chính thể vừa thoát thân từ các chế độ quân chủ này vẫn tôn kính Hoàng Tộc. Vì đây vốn là chỗ dựa của người dân trong muôn đời nay; nên các đảng phái không thể tự chuyên quyền hết được.

Riêng nước Mỹ, chỉ có nước Mỹ duy nhất trên quả địa cầu này từ khi lập quốc cho đến nay đã trên 200 năm chưa hề trải qua một thời đại quân chủ nào hết, mà Hoa Kỳ đã xứng đáng là một nước đàn anh to lớn đại diện cho các chính thể tự do, nhân quyền, rất xứng đáng đóng vai trò người anh cả từ xưa đến nay.

Từ ngày 18 tháng 12 năm 1965 Nhật Bản đã ký hiệp ước bình thường hóa với Triều Tiên và vẫn có sự liên hệ bình thường với Nam Hàn. Sự ngoại giao của Nhật Bản đối với các nước trên thế giới chỉ với chủ trương dè dặt cầm chừng. Họ chỉ chú trọng về sự phát triển của kinh tế như chế tạo xe hơi, đóng tàu bè và những đồ điện tử. Mãi cho đến những năm 1960 đến 1970 Nhật Bản đã nổi trội ở mọi mặt; nên đã được thu nhận vào G8 (gồm 8 nước có nền kinh tế mạnh nhất hoàn cầu).

Năm 1989 Vua Chiêu Hòa (Showa Hirohito) băng hà. Có thể nói đây là một trong những vị vua trị vì lâu năm nhất trên thế giới (1926-1989) gồm 63 năm tất cả, trải qua không biết bao nhiêu là đau thương và thăng trầm của dân tộc Nhật và ông cũng đã chính thức trao quyền bính cho Thái Tử trước đó để Thái Tử vào năm 1990 chính thức lên ngôi, lấy hiệu là Bình Thành (Heisei Akihito) nhưng chẳng bao lâu sau đó vào năm 2000, 2001 kinh tế Nhật Bản xuống dốc, nhiều ngân hàng vỡ nợ và từ đó đến nay, hơn 10 năm như thế, Nhật Bản vẫn phát triển ở mức cầm chừng, không khoa trương về mọi mặt như trước;

nhất là những vị Thủ Tướng liên tục bị thay đổi tùy theo khuynh hướng chính trị và xu thế của mỗi thời kỳ. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua tại các tỉnh miền đông Nhật Bản bị động đất lớn đến 9 độ Richter; nên các tỉnh Fukushima, Sendai v.v... bị thiệt hại nặng nề, nhà cửa tan nát và có cả trên 15.000 người tử vong cũng như mất tích và đây cũng là lúc bị rò rỉ lò điện tử tại Fukushima khiến cho lòng tin của dân chúng vào các đảng phái càng ngày càng thấp dần. Đây là một đại họa của dân tộc Nhật Bản vào thời cận đại vậy.

Với tôi cũng là một phước báu, vì lẽ đến Nhật Bản để du học vào ngày 22 tháng 2 năm 1972 là thời điểm mà Nhật Bản đã tiến đến nền văn minh tột đỉnh của thế giới rồi. Trong khi phi trường Sài Gòn chưa có một quầy máy tự động nào để đưa hành lý của hành khách từ bên ngoài vào cho khách nhận diện và lấy hàng ra, thì lúc ấy tại phi trường Haneda, Tokyo đã có hàng chục quầy máy chuyển hành lý tự động như vậy. Đến đây, tôi chỉ có trở mắt nhìn và thở ầy chợ Sài Gòn chỉ có một thang máy tự động duy nhất để lên xuống, trong khi đó ở Nhật Bản thì có vô số thang máy tự động. Ngày ấy mà Taxi cũng đã tự động mở cửa cho khách hàng lên, không cần tài xế hay chính hành khách mở cửa nữa. Họ chạy bên trái cũng là điều lạ mắt với tôi thở bấy giờ; nhưng hôm đó cũng là một ngày lịch sử làm cho tôi không bao giờ quên được. Đó là ngày Tổng Thống Nixon từ Hoa Kỳ qua Bắc Kinh. Mỹ và Trung Quốc qua Mao Trạch Đông đã chính thức lập bang giao sau một thời kỳ chiến tranh lạnh kéo dài cả mấy chục năm như vậy, nhất là sau khi Mao Trạch Đông đã toàn chiếm Trung Quốc từ năm 1949.

Ngắm lại toàn bộ tình hình chính trị của thế giới trải qua từng thời kỳ một; nhất là những thời điểm gần đây chúng ta đã thấy được những gì và qua lời Phật dạy chúng ta sẽ ứng dụng được gì trong cuộc sống vốn luôn thay đổi, vô thường này? Đức

Phật thường hay dạy cho các Đệ Tử của Ngài rằng: Phàm tất cả những gì có hình tướng (sắc pháp) đều bị chi phối bởi sự vô thường sanh diệt, mà đã là vô thường thì căn bản của nó là khổ. Sở dĩ con người khổ là do vô minh và nghiệp lực tạo thành. Căn bản của vô minh là sanh tử, mà sanh và tử cũng vốn là không thật tướng. Tất cả đều do sự đối đãi mà thành tựu. Vậy thì có gì để mà thất vọng hay hy vọng, nếu ta hiểu rõ về pháp Duyên Sanh và Duyên Khởi này của Phật Giáo. Đi đâu và ở đâu hay làm nên bất cứ một chuyện gì, cao sang quyền quý như Thiên Hoàng của Nhật Bản hay giàu có nhất nhì như Mỹ và Âu Châu cũng có lúc phải đến ngày vỡ nợ, chẳng ai chờ đợi một ngày, một giờ hay một thời đại như vậy. Nhưng việc ấy đã, đương và sẽ xảy ra. Khi ta nhận chân được việc này, có lẽ cũng chưa trễ, vì chúng ta còn có cơ hội để thẩm định lại giá trị đạo đức của con người nữa, chứ không phải chỉ chạy theo phần lợi nhuận mà quên đi đời sống căn bản chính của con người là gì?

Khi con người bị cái khổ chi phối thì ta tìm đủ mọi cách để được cứu khổ. Khi cái khổ đã vơi đi rồi thì con người hay dễ quên đi cái khổ cũ, tiếp tục lao vào cái khổ mới, để cho khổ khổ lại chất chồng lên. Thế mới biết người Âu hay Á cũng không sai khi nói rằng: “Trong chiến tranh luôn luôn tàng chứa hòa bình và trong hòa bình người ta luôn chuẩn bị cho chiến tranh”. Quả thật, đây là cái vòng lẩn quẩn trong chốn tử sinh vậy. Bởi lẽ con người rất dễ tha thứ, mà cũng rất dễ quên quá khứ đau thương của chính mình. Cho nên khi nhìn cảnh chết chóc, cơ hàn tử nhục về sự kết thúc của một cuộc chiến tranh dẫu nằm ở trong hay dưới một ý thức hệ nào, hay ngay cả nhân danh là ai đi chăng nữa, thì tất cả cũng chỉ dẫn đến chỗ phi lý. Chỉ có chết chóc và đau thương, mất mát là kết quả; còn ai chiến thắng, ai được gì, người dân chẳng ai quan hoài đến.

Tôi cũng được cái phước là sanh ra sau đệ nhị thế chiến và cũng khỏi phải chứng kiến cảnh huynh đệ tương tàn của đất nước vào thời điểm năm 1975, lại đến Nhật vào một thời đại hoàng kim nhất trong lịch sử của người Nhật; nên tôi đã học được ở họ rất nhiều. Ví dụ như sự đúng giờ, việc không lỗi hẹn khi đã hứa, tạo sự tin tưởng với nhau giữa con người và con người, cũng như cuộc sống thú vị, sạch sẽ và ngăn nắp. Điều này không phải ở quê hương tôi không có. Có chứ! Có nhiều hơn nữa! nhưng trách nhiệm thì chắc chắn không bằng một phần mười người Nhật. Do vậy tôi phải cảm ơn Nhật Bản, cảm ơn ngôi chùa Honryuji ở Hachioji đã cứu mang tôi từ năm 1973 đến 1977. Cảm ơn Thầy Trụ Trì Oikawa Shinkai rộng rãi và nhất là phu nhân của Thầy; nếu tôi không hiểu được những điều của bà ta cần nói, thì khả năng tiếng Nhật của tôi không đảm bảo kỹ lưỡng, nói không sai văn phạm và lưu loát cho tới ngày hôm nay. Ôn ấy xin cảm niệm bà Junko và đặc biệt là ông Thầy giáo Okata dạy tiếng Nhật cho riêng một mình tôi trong các giờ học Nhật ngữ tại Đại Học Teikyo từ năm 1973 đến năm 1977. Ở đời hay đạo gì, người ta cũng phải trả một giá thật đắt cho cuộc sống, thì người ta mới thành kẻ hữu dụng trong xã hội được. Tôi, một kẻ tầm thường khi chưa đi xuất gia. Vào chùa năm 15 tuổi (1964) học cái bình thường trong Đạo. Học mãi cái bình thường này để thăng hoa cho trí tuệ và cuộc sống nội tâm. Cơm chùa và tương chao đã nuôi tôi lớn thành người. Thầy Bổn Sư, Cố Hòa Thượng Thích Long Trí, tuy không trực tiếp dạy tôi nhiều, nhưng những việc gì mà Thầy đã làm cho Giáo Hội và Đạo Pháp, tôi quán chiếu để thực hành theo. Thầy Như Vạn đã tạo cho tôi cơ hội để trở thành một người Tăng Sĩ đúng cách của một chốn Tổ Đình, Hòa Thượng Chơn Phát đã dạy tôi oai nghi tế hạnh trong các mùa an cư kiết hạ tại chùa Long Tuyền, Hòa Thượng Như Huệ đã dạy tôi nghi lễ và học hỏi tại trường Bồ Đề... chỉ ngần ấy thôi, thiết tưởng cũng chưa đủ. Đây mới

chỉ là một cái bàn đạp để tôi được đi xa hơn nữa để học làm người và nhất là người tu của quê hương xứ Quảng; nên tôi đã đến Nhật. Thời gian ở Nhật có 6 mùa Xuân, 5 mùa Đông và 5 mùa Hạ. Thu tại Nhật rất đẹp và tôi đã học được cái ý chí tuyệt vời của người Nhật để thăng hoa cuộc sống tâm linh của mình suốt cho một chặng đường dài còn lại. Ngày tôi đi du học, đến đánh lễ Cổ Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất lúc bấy giờ tại chùa Ấn Quang nằm ở số 243 đường Sư Vạn Hạnh, Chợ Lớn thuở ấy và được Ngài dặn rằng: “Đi Nhật thì đi, học xong rồi về; chứ hoa Anh Đào đẹp lắm đó”. Câu này có nhiều ý nghĩa khác nhau, tùy theo cách người đối diện suy nghĩ. Tôi “đạ” và đánh lễ Ngài 3 lạy để ra đi; nhưng không ngờ vào năm 1973; nghĩa là một năm sau đó, Ngài đã theo Phật về Tây; khiến cho công trình nghiên cứu của Ngài cũng như việc của Giáo Hội bị đọng lại một thời gian khá lâu mới được giải quyết. Quê hương tôi còn bỏ lại sau lưng; nhưng những lời dạy của Thầy Tổ, tôi vẫn luôn luôn cất giữ trong tâm thức của mình.

Năm nay tôi kỷ niệm 50 năm (1964-2014) xuất gia và hành đạo. Trong 50 năm ấy có không biết bao nhiêu nỗi đầy vơi để tâm sự với mọi người. Điều đơn giản là phải giữ mình cho thật sạch ở giữa một chợ đời với bao nhiêu sự cám dỗ của tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, địa vị, lợi dưỡng v.v... không phải là một chuyện đơn giản. Đứng giữa hai bờ sanh tử ấy ta cố gắng sống đơn giản chừng nào thì ta sẽ có lối đi. Không đi bên phải cũng chẳng đi bên trái của cuộc đời, mà đi lên trên cái nhị nguyên này của cuộc đời thì ta mới có thể tồn tại được, mà giới luật, chính là điều mà người xuất gia nào cũng cần phải tuân thủ. Nếu không làm được vậy thì Giáo Hội sẽ linh đình và chính bản thân mình cũng chịu khổ.

Những việc bên trên thật ra nó không dễ mà cũng chẳng khó. Nếu nó dễ thì mọi người đã làm được hết rồi. Thế mà vẫn có nhiều người bỏ cuộc giữa đường. Còn nếu nói nó khó, lẽ ra chẳng ai làm gì được cả. Thế mà cũng có rất nhiều người thành người, thành Tổ và thành Phật. Việc này phải qua ý chí của mỗi người tự quyết định lấy cho mình một lối đi; chứ không có ai có thể thay thế cho mình được. Ví dụ như đứng trước vấn đề tình cảm, tiền bạc, địa vị, công danh v.v... mình phải biết dừng ở chỗ nào đáng dừng; chứ không phải chỗ nào cũng có thể lao đầu vào hết. Như vậy cuộc sống của chúng ta đâu có gì khác con thiêu thân ở trước ngọn đèn. Sống trong đời mà không bị đời làm vẩn đục thì đây là một cuộc sống phi thường. Ngài Long Thọ (Nagajuna) Tổ sư của nhiều Tông Phái, đặc biệt là Trung Quán Luận. Ngài dạy rằng: “Mọi cơn dục trên thế gian này đều giống như những cơn ngứa, ước gì đừng có những cơn ngứa ấy”. Hoặc giả “Dục vọng giống như những cơn ngứa; người nào cũng gãi, thì sự đã ngứa nó sẽ không có cái cuối cùng. Tốt nhất là đừng có gãi nó”. Vấn đề quan trọng là ở chỗ này. Bạn có muốn gãi cho đã ngứa, hay bạn sẽ dừng lại không gãi nữa, khi biết rằng: Cái sự đã ngứa ấy nó cũng sẽ chẳng đi đến đâu cả. Lúc ấy bạn mới chính là bạn. Giai đoạn thứ 3 trong cuộc đời này, tôi gọi là giai đoạn phi thường.

Một xã hội Nhật Bản của năm 1972 trở đi là một xã hội sản xuất và tiêu thụ. Thuở đó mà hầu như bất cứ tư gia nào của Nhật, họ cũng đều có máy hâm nóng bằng điện (Mikrowelle); thế mà ở Đức này cũng là một xứ kỹ nghệ; nhưng 30 năm sau tại mỗi gia đình của người Đức vẫn chưa sắm riêng cho mình được một máy hâm nóng như thế. Ngày ấy ở Nhật, xe Shinkansen (Tân Cán Tuyên) đã chạy nhanh đến 250 Km/giờ rồi. Còn ở Đức này cũng mãi gần 30 năm sau mới có xe chạy nhanh trên 250 Km/giờ loại ICE. Đồ Đức chỉ có cái bền hơn là

đồ sản xuất tại Nhật; nhưng về kỹ nghệ nhẹ, Đức này chạy sau Nhật Bản hàng 100 cây số, vẫn đuổi theo chưa kịp Nhật Bản lúc bấy giờ và ngay cả bây giờ. Ngày ấy khi đứng chờ xe Bus, không phải lo lắng nhiều là bao giờ xe tới. Nếu ta đi xe số 5 thì cứ nhìn lên trên bảng điện tử là xe số 5 còn mấy phút nữa sẽ đến nơi mình đứng chờ. Quả là một xã hội tiên bộ. Thế mà ở Đức và Âu Châu này sau 40 năm mới có một vài trạm xe Bus thực hiện được điều này.

Ngày xưa những người đàn bà Nhật Bản phải lệ thuộc vào người chồng rất nhiều kể cả mọi phương diện. Ví dụ như người chồng trước khi bước ra khỏi ngõ để đến công sở thì người vợ phải lau đôi giày cho láng và để quay về hướng bước ra, khiến cho dễ xỏ chân vào, đoạn mặc áo lạnh cho chồng và cúi đầu chào chồng itte irashai (chúc đi bình yên) trong khi người chồng bảo: Itte ikimasu (xin chào để đi). Lúc về nếu là mùa đông, người vợ từ trong nhà mang một khăn ấm lau mặt ra tận ngõ để đón chồng về; tiếp đến là cởi áo khoác cho chồng và cho giày vào tủ v.v... những hình ảnh ấy ngày nay vẫn còn tại Nhật; nhưng hiếm khi được thấy. Nếu có chăng chỉ còn ở thôn quê mà thôi. Khi về đến ngõ người chồng thường hay bảo: “Tadaima” (đã về rồi). Người vợ sẽ chào chồng một cách lịch sự rằng: “Okaerinasai” (xin vui lòng trở lại). Mới nghe, trông quá khách sáo; nhưng đó là kiểu Nhật vậy. Nếu bạn là một người ngoại quốc hiểu được tất cả những phong tục, tập quán của người Nhật, bạn sẽ được người Nhật nể nang và không gọi là Gaisin nữa mà thay vào đó là: Otaku (Anata wa) honto ni Zòzù desu ne! (Ông, bà quá giỏi đấy). Học và hiểu tiếng Nhật cho đến khi nào họ nói, cười, nhăn nhó, liếc mắt, cầu nguyện, không thích, tán đồng v.v... mà bạn hiểu cả, thì chính lúc ấy là lúc mà bạn giỏi tiếng Nhật. Kể ra các tiếng ngoại quốc khác cũng như vậy thôi. Nhưng phong tục, tập quán của người Nhật không phải

hiều ở dạng đơn thuần được. Cho nên người Nhật họ hãnh diện về dân tộc họ, cũng là điều có lý mà thôi.

Thế nhưng kể từ khi người Mỹ chính thức có mặt lâu dài (ít nhất là từ năm 1952 trở đi) tại Nhật, thì văn minh Hot dog, Hamburger, Subway v.v... đã ngự trị toàn cõi Nhật Bản không ít. Văn hóa ẩm thực đến từ Âu Châu như: Spagetti, Pizza của Ý hay Bier của Đức, Hòa Lan ngày nay cũng đã tràn ngập trên quê hương xứ mặt trời này rồi. Con trai, con gái Nhật ngày nay thích nhuộm tóc đen thành trắng và màu nâu mới chịu; còn đời sống cá nhân thì tự do luyến ái, tự do ly dị đã xảy ra như cơm bữa tại xứ này; nhưng đa phần người Nhật làm việc quá nhiều, kể cả cuối tuần, đều không có ngày nghỉ; nên có một căn bệnh gọi là “Itai” (đau nhức), mà bệnh này ở Việt Nam đa phần những người già mới có; trong khi đó tại nước Nhật, thanh niên nam nữ vẫn bị như thường.

Ở Nhật Bản có một trò chơi gọi là Panchinco mà tôi hầu như không thấy được ở bất cứ nơi nào trên thế giới chơi games theo loại này. Chữ Panchinco không phải là tiếng Nhật và chắc chắn cũng không là tiếng Mỹ. Có lẽ đây là một trò chơi bản địa ăn tiền mà không người Nhật nào không biết. Rất tiếc là tôi không rành về việc này nên không thể miêu tả chi tiết được. Chỉ có một điều giúp quý vị rõ, đây là một loại trò chơi ngoại nhập. Nó cũng giống như văn hóa Manga. Tôi chẳng thấy hứng thú gì khi đọc sách với những hình đậm chém toé khói ấy; nhưng giới trẻ của Nhật rất mê say. Bất cứ ở đâu họ cũng đọc được và họ đọc một cách chăm chú hơn lúc nghe Thầy giáo giảng bài nữa. Họ đọc trên bàn ăn, trong cầu tiêu, trên cầu thang, trong xe điện, nơi chờ đợi v.v... nghĩa là bất cứ nơi nào họ cũng có thể đọc được. Điều này tôi không thấy ở Mỹ hay ở tại một xứ văn minh nào trên thế giới này đeo đuổi như tại Nhật. Đây là những

trò chơi dễ bị ghiền và đến lúc nghiện rồi thì bao nhiêu thì giờ và tiền bạc cũng đều phải bỏ vào đây cả.

Người Nhật họ tiếp thu văn hóa của Âu Mỹ cũng như tiếp thu văn hóa của Trung Hoa, Ấn Độ và Đại Hàn vào những thời xa xưa ấy. Họ không rập khuôn 100% trong mọi khâu chế biến cũng như tiêu thụ mà họ đã xay nhuyễn các kỹ thuật chế tạo xe hơi của Đức, Pháp, Ý, Anh để trở thành những chiếc Honda, Toyota, Suzuki, Mazda v.v... hợp với người Á Châu hơn; không gồ ghề cục mịch như lúc mới sản xuất của người Âu Châu. Ngày nay khi nói đến những thương hiệu này, đa phần ai cũng hiểu là Made in Japan; nhưng họ đâu có biết rằng những xe cộ này đã qua những sàng lọc kỹ càng về kỹ thuật lẫn mỹ thuật, để trở thành những chiếc xe có xuất xứ từ Nhật Bản vậy.

Đức và Nhật là hai nước thua Mỹ sau đệ nhị thế chiến; thế mà cả hai nước ngày nay đều đứng ngang hàng với Mỹ. Điều này đã nói lên được tính cách độc lập, tự chủ của các quốc gia này khi lấy Hiến Pháp phân quyền làm kim chỉ nam cho quốc gia, dân tộc; qua sự giúp đỡ cố vấn của người Mỹ nên họ mới được như ngày hôm nay. Tôi may mắn được ăn học và hành đạo tại những xứ này trên 40 năm qua (1972-2014) quả là một nhân duyên và phước báu vô cùng. Tôi chia cuộc đời của tôi ra làm 5 giai đoạn. Đó là lúc tầm thường, trải qua bình thường, tiến đến phi thường, rồi thường và cuối cùng sẽ trở về cái chơn thường của tự tánh. Ba giai đoạn trên quý vị đã thể nghiệm thấy qua. Giai đoạn thứ tư đang bước đến và cuối cùng là giai đoạn thứ 5, sẽ giúp tôi trở lại với tánh chơn thường của vạn hữu.

Ở đời cũng có những giai đoạn tương tự như vậy. Đầu tiên là lập thân, lo học hành, thi cử, đỗ đạt đi làm việc, xây dựng gia đình. Sau đó là lập danh và lập đức cũng như lập chí và cuối đời có thể lập nguyện cho mình phải sống như thế nào cho phải đạo của Thánh hiền. Nếu con người không có ý chí thì sẽ chẳng thể

lập nên được một cái gì đó cả, dầu cho việc ấy có nhỏ đến đâu đi chăng nữa, thì với người không có ý chí, xem như là việc thừa. Riêng với người có ý chí và tâm nguyện thì mặc dầu khi sanh ra họ gặp không biết bao nhiêu là chướng duyên, nghịch cảnh; nhưng nếu họ biết phấn đấu với tự thân và hoàn cảnh chung quanh, thì họ vẫn thành tựu sự nghiệp như thường. Việc này có thể nhìn xa và rộng hơn ở tầm cỡ một quốc gia của một dân tộc, chúng ta có thể thể nghiệm được việc này. Ví dụ như nước Nhật và Đức, sau đệ nhị thế chiến họ thua Mỹ, họ cam tâm nhận viện trợ của Mỹ để quật dậy nền kinh tế quốc dân sau khi chiến tranh bị tàn phá khốc liệt; thế mà như một phép lạ, chỉ có hai nước này chẳng bao lâu sau, họ đã trở thành cường quốc của thế giới và có mặt trong 8 quốc gia có nền kỹ nghệ tân tiến nhất thế giới gọi là G8. Trong tương lai cũng có thêm G9 hay G10; nhưng điều quan trọng ở đây không phải chỉ có thế, mà cả Nhật và Đức đều có nền văn hóa cao, cộng thêm với cái học thuật của Âu Mỹ và sĩ diện của một quốc gia, cũng như tinh thần dân tộc, họ đã đánh động được lương tâm của quốc dân đồng bào để trở thành một cường quốc như Nhật Bản và Đức quốc trong thời gian qua.

Tôi đến Đức vào ngày 22 tháng 4 năm 1977 cũng là thời điểm riêng về kỹ nghệ xe hơi của Đức đang phát triển mạnh. Từ xưa đến nay, khi người ngoại quốc nghe đến các nhãn hiệu xe của Mercedes, BMW, Audi, Volkswagen, Open v.v... là người ta nghĩ ngay đến độ bền, đáng tin tưởng của nó. Mặc dầu những loại xe này đắt hơn xe được sản xuất tại Nhật rất nhiều. Tôi có được cái hân hạnh là sống, tu học và làm việc tại hai quốc gia này; nên ở vào lúc gần cuối đời trên phương diện thường thường tại đây, tôi có thể khẳng định được chỗ đến, chỗ đi, chỗ dừng lại và chỗ sẽ biến hóa qua sự giáo dục cũng như tôi luyện qua đời sống hằng ngày, mà tôi đã học được từ người Nhật và

người Đức; nên hạnh phúc vô cùng. Ở đây hay ở đâu đó, rồi một ngày không xa, tôi cũng sẽ trở về với trạng thái chơn thường của Phật tánh, của Như Lai tạng, vốn nó đã như là; lúc ấy tôi cũng sẽ là tôi; nhưng những nơi tôi sinh ra như Việt Nam, được học hành và xuất gia tại đó. Nếu không phải là Việt Nam thì tôi sẽ chẳng có cơ hội để đối diện với nhiều nước khác trên thế giới; khi mà bước chân tôi đã giẫm đạp trên 73 quốc gia trên quả địa cầu này rồi. Có lẽ sẽ còn nhiều hơn trong tương lai nữa; nhưng thiết nghĩ đã đi và đã đến hơn 1/3 các quốc gia trên thế giới rồi, thì tôi có thể hãnh diện để nói lên những nhận xét của mình như thế. Nước Nhật Bản và Đức quốc đã cứu mạng tôi, rèn luyện tôi, hướng đạo cũng như giúp đỡ cho tôi, để mình có được một cuộc đời thật an lạc và tự tại khi đời mình đã trải qua hơn 65 mùa Xuân Thu như vậy. Ôn này, tôi xin tạ ân Tam Bảo. Nếu không có ba ngôi Tam Bảo thì con sẽ không có được ngày hôm nay. Nhưng người Nhật, nhất là những người nữ khi họ rời xa Tổ Quốc để sống ở xứ người, dĩ nhiên là có nhiều lý do khác nhau; nhưng có lẽ lý do quan trọng là họ muốn duy tân, sửa đổi lại nền văn hóa, tập tục cổ xưa, vốn không còn thích hợp với nền văn minh Âu Mỹ hiện đại mấy; nên họ đã ở ngoài xa Tổ Quốc. Còn những người đàn bà Nhật chấp nhận ở lại quê hương của mình, có nghĩa là chấp nhận nền văn hóa cổ, ngàn năm văn vật ấy.

Người Đức cũng vậy sau đệ nhị thế chiến, họ di dân sang Mỹ, Canada và Úc rất nhiều. Nhiều người già ở thế hệ đầu vẫn còn nói tiếng Đức được; nhưng đến thế hệ thứ 2, thứ 3 con cháu của họ, sinh ra và lớn lên tại các xứ ấy, đa phần rành tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức đã quên đi rất nhiều. Điều này nó không có nghĩa là chối từ quê hương và văn hóa của xứ sở mình; nhưng nó chỉ thể hiện một điều quan trọng là nền văn minh và văn hóa hội nhập ấy đơn giản hơn, cao hơn nền văn

hóa cũ ở nhiều phương diện mà nơi quê mình sinh ra không có được. Cho nên những thể hệ đi sau dễ chấp nhận hơn. Nó giống như bánh mì và cơm gạo. Nếu dùng những loại này làm thức ăn, thì trước sau gì thân thể này cũng sẽ phát triển; nhưng phát triển như thế nào thì tùy theo sự hấp thụ của mỗi cá thể mà thôi. Lại cũng giống như gió hay không khí. Những thứ này nó không từ đâu đến và cũng chẳng biết chúng sẽ đi về đâu; nhưng chúng hiện hữu và nếu có thay đổi, thì chính những loại này mang tính quyết định trên tất cả những quyết định khác.

Người Nhật ở Mỹ, Canada và Úc thấy tôi nói tiếng Nhật thông thạo, nhiều khi còn rành hơn họ nữa. Họ lấy làm ngạc nhiên; nhưng tôi bảo rằng: Mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau và hãy tự vui và hạnh phúc với những gì mình đang có. Người Đức cũng như thế, khi tôi gặp những người Đức di cư đến Úc, Canada hay Mỹ, họ ngạc nhiên không hiểu làm sao tôi lại có thể nói được tiếng Đức sõi như vậy. Dĩ nhiên tiếng Đức là một trong những ngôn ngữ khó nhất nhì trên thế giới ngày nay; nếu chúng ta là người ngoại quốc, mà hiểu được phong tục, tập quán, văn hóa, ngôn ngữ của họ, thì họ phục lắm.

Người Nhật khi đi du lịch ra nước ngoài, hầu như mọi người đều chuẩn bị trước tất cả mọi phương diện cho một chuyến mạo hiểm đầy thú vị ấy, mặc dầu tiếng Anh hay ngoại ngữ của họ phát âm không chuẩn mấy. Không phải người Nhật dở ngoại ngữ; nếu chúng ta tìm hiểu đến những luận đề nghiên cứu của người Nhật bằng Anh ngữ, thì chúng ta sẽ thấy rằng trình độ nghiên cứu của họ rất giỏi; nhưng nếu cho họ đối thoại thì họ sẽ thua ngay với những dân tộc Á Châu khác, trong đó kể cả Việt Nam. Lý do chính là trong ngôn ngữ thông dụng của Nhật hằng ngày chỉ có 5 âm chính như: a, i, u, ê, ô rồi họ thêm chữ k, hay u hay m ở phía trước các mẫu tự ấy để phát âm thành chữ, thành câu. Do vì mẫu âm nhiều và tử âm ít trong một câu

văn hay câu nói; nên khó có thể đánh vần hay phát âm cho hay ngôn ngữ không phải tiếng Nhật là vậy.

Có lẽ cũng vì lý do không rành và họ sẵn có tính dè dặt đó; nên mỗi khi ra đi nước ngoài, đến một thành phố nào đó, trên tay của họ hôm đó có một cuốn sách hay một tấm bản đồ, cốt giúp họ vượt qua hàng rào ngôn ngữ tại xứ người và dĩ nhiên tài liệu ấy hoàn toàn bằng tiếng Nhật. Ví dụ nói về khách sạn hay công viên, nhà hàng hay Viện bảo tàng v.v... ở trong một thành phố có cả nhiều nhà hàng, khách sạn hay chỗ giải trí, bây giờ nên biết chọn chỗ nào; với người Nhật họ có thể tự chọn lấy mà không lầm, khi trên tấm bản đồ ấy đã có những chỉ dẫn khá rõ ràng. Ví dụ như nơi nào đáng thăm viếng thì họ làm dấu 5 sao; kế đến là 4 sao, 3 sao và 2 sao. Như vậy, nếu một khách đi du lịch ít thì giờ thì chỉ nên chọn những nơi nào đáng đi thôi, chứ không nhất thiết phải đi hết cả những loại hình như vậy. Đây là những điểm hay của người Nhật mà ta cần phải học hỏi. Thứ nhất là đỡ tốn thì giờ tìm kiếm; thứ đến là ít bị lầm, dẫu cho ngôn ngữ của mình không đủ có nhiều khi giao dịch. Điều này Việt Nam còn thua xa; có lẽ đến nhiều thập niên nữa mới tiến đến trình độ như người Nhật. Người Nhật khi họ đi thành từng nhóm hay từng cá nhân, họ vẫn có được những sự hướng dẫn tỉ mỉ qua sách vở và cơ quan du lịch như vậy; trong khi đó người Việt Nam muốn đi đâu thì đi liền, không cần khảo sát gì cả. Họ thích được nổi trội với bạn bè và hàng xóm, cốt để khoe khoang nhưng trên thực tế, sau một chuyến đi như vậy, nhiều người Việt Nam ít thu hoạch được gì cả. Trong khi đó, người Nhật họ nắm phần chắc ở trong tay rất nhiều.

Người Đức còn kỹ hơn người Nhật nữa; cứ thấy cách họ sống thì biết rồi. Họ tiện tặn và cần kiệm lắm. Khi đi du lịch họ thường hay lái xe có giường ngủ theo và đến địa điểm du lịch chỉ tốn tiền cắm lều để nghỉ ngơi; chứ không tốn tiền khách sạn.

Quả là tiện lợi cho một công đến hai ba việc. Người Pháp ăn mặc bánh bao, thấy vậy mà chẳng có bao nhiêu tiền trong túi. Trong khi đó người Đức ăn mặc bình thường hơn; nhưng trong túi của ai cũng đầy tiền. Rõ ràng là mỗi dân tộc có một cách sống khác nhau; chẳng dân tộc nào giống dân tộc nào cả.

Người Âu Mỹ đã du nhập vào Nhật nền sinh hoạt chính trị tự do, đa đảng phái và kinh tế thị trường. Đây là những sự tự do cần phải có để phát triển một quốc gia sau thời chiến tranh cần phải xây dựng lại. Điều này Nhật Bản và Đức quốc đã thành công. Dĩ nhiên khi du nhập nền văn hóa khác vào sống chung với nền văn hóa lâu đời của dân tộc mình, không phải là điều đơn giản. Nó sẽ bị lấn cấn lúc ban đầu; nhưng dần dà sẽ quen đi, giống như chúng ta thường ăn cơm, cháo, nay lại phải ăn bánh mì thay cơm, dĩ nhiên là sẽ có những phản ứng phụ tự nhiên của bao tử, ruột non cũng như ruột già là điều khó tránh khỏi. Từ đó sinh ra những loại văn hóa lai căn quá lố bịch. Bởi vì nền văn hóa cổ khó chấp nhận được.

Ở Nhật chỉ tương đối thôi. Dĩ nhiên là trên thế gian này chẳng có cái gì và bất cứ nơi đâu cũng không có cái gì tuyệt đối cả. Nếu bạn muốn ngắm nhìn cái cổ kính lâu đời, cái trang nghiêm uy vũ thì hãy đến Nara hay Tokyo. Nơi đây cũng có đền đài cung điện và chùa tháp; nhưng thuộc về văn hóa ít bị ngoại lai. Nếu bạn muốn thấy đời sống của một nền văn hóa ảnh hưởng với văn minh Âu Mỹ đương thời thì hãy viếng thăm Tokyo, Osaka hay một thành phố hiện đại khác, thì lúc ấy bạn mới có thể hiểu được thế nào là một người Nhật Bản; một đất nước, một phong thái của người thời xưa và thời nay nó khác nhau như thế nào.

Tôi là một người xuất gia; những nhận định này nó cũng chỉ có tính cách tương đối mà thôi. Vì lẽ tôi không và chưa tiếp cận được hết với mọi khía cạnh trong đời sống của người dân

Nhật Bản ngày nay; nên chỉ với những cái nhìn phiến diện như vậy. Mong rằng những nhà nghiên cứu chuyên môn về Nhật Bản sẽ bổ sung thêm cho những nhận định nêu trên của tôi thì sẽ được hoàn hảo hơn.

Hãy đến và sống với một dân tộc thì chúng ta sẽ cảm được dân tộc đó như thế nào. Ví dụ như chưa ăn Natto (là một loại đậu nành để lên chất nhòn) thì chưa hiểu được văn hóa ẩm thực chay của Nhật là gì. Ai chưa dùng được Misosuru (một loại súp làm bằng đậu nành xay nhuyễn) thì cũng chưa hiểu thế nào là Nhật Bản. Vậy xin mời mọi người, nếu có cơ hội nên đến đây để sống, để học, để làm việc và để thưởng thức, thì lúc đó sẽ hiểu được người Nhật Bản nhiều hơn nữa.

CHƯƠNG NĂM

Người Nhật với Đạo Phật

Đạo Phật ở Nhật ngày nay khác với Đạo Phật ngày xưa rất nhiều. Đa phần người trẻ Nhật Bản ngày nay bị ảnh hưởng bởi văn hóa của Âu Mỹ không ít; nên họ cũng ít quan tâm đến Tôn Giáo nói chung và Đạo Phật nói riêng. Họ không phủ nhận Tôn Giáo. Vì tất cả người Nhật đều biết rằng: Từ nền văn hóa cổ đại của Nhật Bản kéo dài đến văn minh hiện đại cơ giới ngày nay, người Nhật không thể thiếu Phật Giáo được. Thời xưa từ vua quan đến thứ dân họ đều tin theo Thần Đạo và Phật Đạo, rồi Thần Phật phân ly (1868) thời vua Minh Trị (Meiji), nước Nhật nói chung và người Nhật nói riêng là một dân tộc rất ưa chuộng về đạo đức và đời sống tâm linh.

Ngày nay có nhiều người nói rằng: Khi sanh con ra người Nhật hay mang đến Thần Xã để lễ bái nguyện cầu; khi lớn lên được nuôi dưỡng trong một môi trường truyền thống, đến khi dựng vợ gả chồng, họ cử hành hôn lễ tại nhà thờ giống như các tín hữu Thiên Chúa Giáo. Lúc bệnh họ vào nhà thương và khi chết hầu như trên 90% hũ cốt đều chôn trong các vườn chùa. Vậy, nếu hỏi rằng: Dân tộc nào trên thế giới này theo nhiều đạo nhất, thì phải trả lời là Nhật Bản. Vì từ khi sinh ra cho đến khi

chết đi mỗi người Nhật đều tôn thờ nhiều đạo khác nhau như vậy.

Có lần tôi hỏi một người bạn trẻ Nhật Bản rằng:

- Bạn theo Tôn Giáo nào ?
- Tôi không cần đến Tôn Giáo nào cả!
- Như vậy bạn chẳng bao giờ bệnh ?
- Có chứ!
- Lúc bệnh bạn cần làm gì ?
- Phải đi nhà thương.

- Đấy! đấy! Tôn giáo chính là chỗ cho bạn nương thân khi cơ nhỡ đấy! Bây giờ bạn đang mạnh khỏe hỏi có cần nhà thương không, thì chắc rằng bạn sẽ trả lời rằng không; nhưng có chắc gì suốt cả một cuộc đời của bạn, bạn không cần đến thuốc men và bác sĩ. Giáo lý của Đạo Phật chính là những chất liệu dưỡng sinh rất đặc biệt, có thể chữa lành mọi căn bệnh của sự khổ. Còn chư Tăng Ni chính là những vị Bác sĩ tâm linh biết lắng nghe sự đau khổ của bạn và chỉ cho bạn con đường thoát khổ, như Đức Phật đã từng dạy thuở xưa; còn chùa viện là những nhà thương; nơi giúp cho bạn trong những lúc khốn cùng như vậy.

Sau khi nghe tôi giải thích như thế, người bạn Nhật tỏ vẻ đồng ý; thế là từ đó về sau chúng tôi có nhiều cơ hội để trao đổi với nhau về nền tảng của giáo lý Phật Giáo. Đạo Phật không có cơ quan truyền giáo và cũng không dụ ai theo mình, nếu ai muốn hiểu và thực hành giáo pháp của Đạo Phật thì đến chùa và tìm hiểu nơi sách vở hay quý Thầy và hầu như trên thế giới này, Phật Giáo không có những cơ quan truyền giáo như những Tôn Giáo khác. Đức Phật ngày xưa khi muốn độ cho một người nào, Ngài hay chỉ rõ căn nguyên của sự việc vì sao phải như vậy, khi người đối diện hiểu rõ tại sao rồi, thì người ấy tự động xin quy y với Ngài và bỏ việc ác, làm việc lành, trở thành một người

Phật Tử chơn chánh. Nó đơn giản và tự nhiên như vậy; nên Đạo Phật luôn ở tại lòng người, không tìm kiếm đâu xa cả.

Tuy nhiên, muốn hiểu về một dân tộc, không thể không tìm đến lịch sử của nó. Ngày xưa việc tìm kiếm khó khăn và phải cần thời gian; nhưng bây giờ nhờ có khoa học tiến bộ với máy móc tối tân; chỉ cần bấm nút lên là mọi việc đều hiện cả trên màn ảnh. Người muốn tìm kiếm, chỉ cần vào những trang nhà cần thiết, thế rồi ta sẽ có một dữ liệu tương đối khá dồi dào. Tôi năm nay ở vào tuổi cuối đời, có được những niềm vui này khi cần đến Internet và xin cảm ơn những người đã phát minh ra nó. Dĩ nhiên Tự Điển Toàn Thư Mở (Wikipedia) này có rất nhiều ngôn ngữ khác nhau và cũng chỉ nên tin vào đó một cách tương đối, không nên tin tuyệt đối vào đây. Tuy rằng những nhà nghiên cứu đã đăng tải bài vở lên đây cũng đã có nhiều sự thận trọng cần thiết. Ngôn ngữ tôi cần cho lần này bằng tiếng Đức.

Chúng ta có thể chia Phật Giáo Nhật Bản chia ra làm 5 thời kỳ như sau:

Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ Phật Giáo mới được truyền vào Nhật Bản cho đến cuối thời Nara (thế kỷ thứ 6 đến năm 784). Thời gian này mọi sự giáo dục đều lấy Phật Giáo làm căn bản như là quốc giáo và có đến 6 Tông Phái thời Nara.

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ Heian (Bình An) từ năm 794-1185); thời kỳ này là thời kỳ thăng hoa của Chơn Ngôn và Thiên Thai.

Thời kỳ thứ ba là thời Trung Cổ của Nhật Bản từ năm 1185 đến năm 1600. Thời kỳ này có nhiều Tông Phái mới xuất hiện.

Thời kỳ thứ tư là thời kỳ Tokigawa (Đức Xuyên) từ năm 1600 đến năm 1868. Thời kỳ này Phật Giáo bị kiểm soát chặt chẽ và chế độ Dân Gia đã bắt đầu phát triển.

Thời kỳ thứ năm kể từ năm 1868 đến nay. Đây là thời kỳ phân ly giữa Thần Đạo và Phật Giáo. Thời kỳ này cũng sản sinh ra nhiều nhóm khác nhau; thời này những tôn tượng của Phật Giáo cũng như hình ảnh và xá lợi cùng với nhiều tu sĩ Phật Giáo bị đốt cháy trong các đền thờ của Thần Đạo và ở những chùa Phật Giáo thì chổi từ thờ phượng những vị Thần nữa, để cuối cùng Thần Đạo trở thành một Tôn Giáo của quốc gia. Do vậy mà mãi cho đến ngày nay vẫn còn nhiều người Nhật nhập nhằng giữa Thần Đạo và Phật Đạo. Ví dụ như họ đến trước cửa chùa mà họ vỗ vào tay 3 tiếng thật to, sau đó mới xá Phật. Dầu cho Thần và Phật đã phân ly tại Nhật đã hơn 150 năm rồi; nhưng những hình ảnh này ngày nay vẫn còn thấy tại Nhật Bản.

Theo sử sách đời Nhà Lương bên Trung Hoa còn lưu lại thì vào năm 467 có 5 vị Tăng sĩ xứ Gandhara (Ấn Độ) vượt biển đến xứ Phù Tang và đây là lãnh thổ cổ đại của Nhật Bản. Lúc đương thời người Phù Tang chưa hiểu gì về Phật Giáo; cho nên vào thời cai trị của Đà Minh (458), thời kỳ đầu của Nhà Tùy có 5 vị Tăng sĩ đến từ Kashmir rồi Gandhara và rồi đến xứ Phù Tang, họ là những người mang theo giáo lý của Đức Phật, chữ viết qua kinh điển, hình ảnh để giúp cho người Nhật hiểu thêm về thế giới bên ngoài và từ đó dần thay đổi những phong tục của người Phù Tang.

Nếu nói cho đúng đắn về niên đại thì vào năm 552 một Tăng sĩ đến Nara từ Đại Hàn của triều đại Baekje. Kể từ đó về sau, đây chính là huyết thống đã mang Phật Giáo đến đây và phát triển về những năm sau này. Đặc biệt là Hoàng Hậu Suiko, mẹ của Thánh Đức Thái Tử (Shōtoku Taishi) rất ngưỡng mộ tôn giáo mới này. Đến năm 607 cả một đoàn tùy tùng được gửi

đến nhà Tùy (Sui) bên Trung Hoa để chép kinh điển. Các Tăng sĩ cũng dần tăng nên những phẩm trật cũng được đặt ra như là Tăng Chánh (Sòjò) và Tăng Đô (Sòzu) mà trước đây những nguồn này không có. Những người xuất gia được sự bảo hộ của quốc gia và đã có nhiều Tăng sĩ như thế đã được chính thức có được những phẩm vị như trên. Đến năm 627 cả nước Nhật có đến 46 ngôi chùa cùng với 816 Tăng và 569 Ni cô.

Với sự phát triển Phật Giáo được sự trợ giúp đặc lực của triều đình nên thời kỳ phát triển tốt đẹp nhất kéo dài cho đến thời Nara của Thiên Hoàng Shomu (710-784). Đặc biệt trong thời kỳ này đã xây dựng chùa Đông Đại (Todaiji) ở thủ phủ Nara và những chùa ở các tỉnh để bảo hộ cho quê hương Nhật Bản. Đông Đại tự như là nơi tiêu biểu của Hoa Nghiêm Tông và Luật Tông, sau này có thêm 4 Tông phái khác nữa thêm vào và đã trở thành chùa của Tông Thiên Thai. Thuở đó gọi đây là 6 Tông ở phía Nam gồm có:

1. Luật Tông (Vinaya)
2. Thành Thật Tông (Satyasiddhi)
3. Câu Xá Tông (Abhidharma)
4. Tam Luận Tông (Madhyamika)
5. Pháp Tướng Tông (Yogacara)
6. Hoa Nghiêm Tông (Hua-Yen)

Nơi đây cũng không phân chia ra Tông phái rõ ràng mà mỗi Tông đều thực hành riêng Tông Chỉ của mình. Từ đó họ cũng tuyển chọn ra những vị Tăng uyên bác học giả để hướng dẫn nhiều phái khác.

Như vậy chúng ta thấy rằng: Phật Giáo được truyền vào Nhật Bản đến từ 3 ngã. Đầu tiên là từ Ấn Độ, Kashmir; thứ đến là Trung Hoa và cuối cùng là Đại Hàn. Phật Giáo được truyền vào Nhật Bản có niên đại hẳn hoi; còn Phật Giáo được truyền

vào Việt Nam cho đến bây giờ những nhà sử học vẫn chưa dứt khoát. Có vị thì cho rằng ở thế kỷ thứ 2 sau Thiên Chúa (như Cố Hòa Thượng Mật Thể và ông Trần Văn Giáp). Có người thì nói thế kỷ thứ nhất sau Thiên Chúa (Nguyễn Lang tức Thiên Sư Thích Nhất Hạnh). Mới đây nhất Giáo sư Tiến sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát qua quyển “Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập I” thì cho rằng: Phật Giáo được truyền vào Việt Nam vào thời vua Hùng Vương thứ 18 và Chủ Đổng Tử cùng Công chúa Tiên Dung là hai vị Phật Tử Việt Nam đầu tiên vào thời ấy (Thầy Lê Mạnh Thát chứng minh theo Lục Độ Tập Kinh).

Bây giờ chúng ta thử điếm qua từng Tông phái và từng thời kỳ một, để chúng ta hiểu rõ về Phật Giáo Nhật Bản cũng như người Nhật đã theo Phật Giáo như thế nào.

1) Luật Tông

Tông này do Ngài Đạo Tuyên (596-667) sáng lập vào năm 650 tại Trung Hoa và năm 753 Ngài Giám Chân người Trung Quốc đã mang Luật Tông vào Nhật Bản. Đặc biệt Tông phái Nam Truyền này chuyên về Luật Tạng và bản văn căn bản được hoàn thành vào năm thứ 400 gọi là Tứ Phần Luật và đã được Ngài Phật Đà Da Xá (Buddha Yaska dịch sang tiếng Trung Hoa. Những vị thực hành luật nổi tiếng của Nhật Bản đại biểu cho Tông này là Eizon (1201-1290) và đệ tử của Ngài là Ninshò (1217-1303)

2) Thành Thật Tông

Những bản văn căn bản của Tông này được hình thành giữa năm 600 và 625. Do Ngài Harivarman người Ấn Độ chủ biên; tiếng Sanskrit gọi là: Satyasiddhi-s’astra. Những bản dịch ra chữ Hán từ Kucha do Ngài Kumàrajiva (Cưu Ma La Thập) dịch một cách hoàn hảo. Bản kinh căn bản nói về: “Tứ

Diệu Đế” và trong đó đã giải thích rõ ràng về các pháp cũng như các hiện tượng.

Nhật Bản tiếp nhận Thành Thật Tông ngay từ thời đầu cho đến đầu thế kỷ thứ 8. Thành Thật Tông xuất phát từ Tông Sautrantika, mà Tông này thuộc về Phật Giáo Nikaya của Ấn Độ. Tông này cũng chối bỏ phần thứ 3 hay Tạng Pali của Phật Giáo thuộc A Tỳ Đàm (Abhidharma) và cho rằng đây không phải là lời dạy của Đức Phật.

3) Câu Xá Tông

Tông này vào thời kỳ vua Nara (710-784) được du nhập từ Trung Hoa vào Nhật Bản, họ lấy A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận làm chính và bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá này do Ngài Vasubandhu (Thế Thân) tạo ra vào thế kỷ thứ 4 hoặc thứ 5 tại Ấn Độ. Tiếng Trung Hoa được dịch ra từ tiếng Phạn vào khoảng năm 651-654 và do Ngài Huyền Trang mang về. Nội dung của luận này đặc biệt nói về giáo lý của Sarvastivada và Tông Sautrautika. Tông này cũng chối bỏ phần thứ 3 thuộc Tạng Pali của Phật Giáo thuộc A Tỳ Đàm. Đến năm 793 thì Tông này chính thức nhập chung vào với Pháp Tướng Tông.

4) Tam Luận Tông

Tam Luận Tông lấy Trung Đạo làm chính (Madhyamaka) thuộc Phật Giáo Đại Thừa. Tông này được truyền đến Nhật Bản vào thế kỷ thứ 7. Ba luận này chủ yếu là: Luận về Trung Đạo (Madhyamaka Sastrà), hai là luận về Thập Nhị Môn (Dvādasa-nikāya-Sastrà) và luận thứ ba là Bách Cú Luận (Sata-Sastrà). Luận đầu đã được hình thành vào đầu thế kỷ thứ 4, kể cả sự bình chú của Ngài Long Thọ (Nagajuna) về Trung Luận (Mūlā-madhyamaka-kārikā). Luận thứ hai xuất phát từ Ngài Long Thọ và luận thứ ba thuộc về Ngài Àryadeva, đệ tử của Ngài Long

Thọ. Tất cả đều được Ngài Cưu La Ma Thập người nước Kế Tân (Kucha) dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Tam Luận Tông chủ trương về tánh chẳng những không thực tiễn có giá trị tuyệt đối của sự tồn tại, mà còn trải qua những sự khiếm khuyết của thực tại nữa. Tông này được truyền đến Nhật từ Đại Hàn vào khoảng thế kỷ thứ 7 bởi các vị Hyeja (Huệ Từ), Hyechong (Huệ Thông và Hyeqwan (Huệ Quán).

5) Pháp Tướng Tông

Thuộc Du Già Hành Phái (Yogacara) đã được thành lập bên Ấn Độ do Ngài Tổ Sư Thế Thân (Vasubandhu) là anh em với Ngài Vô Trước (Àsanga) và tiếp tục phát triển tông phái Duy Thức (Vijñānavada) tại Nhật Bản. Tông này chủ trương tất cả đều do thức biến hiện và thay đổi và thức ấy trụ ở nơi không trụ.

Pháp Tướng Tông được Ngài Xuán Zàng (Huyền Trang) người Trung Hoa thành lập tại Trung Quốc vào năm 630 và khoảng năm 653 đến giữa năm 660 Ngài Đạo Chiêu (Dòshò) người Nhật Bản sang Trung Hoa học với Ngài Huyền Trang và Ngài Kui Ji, sau đó mang về truyền lại cho Nhật Bản. Luận căn bản của Tông này do Ngài Huyền Trang chủ biên là Thành Duy Thức Luận; đây là một luận được trích dịch ra từ tác phẩm Vijnaptimātratā-siddhi-sāstrā của Tổ Sư người Bà La Môn Hộ Pháp (Dharma-pāla). Chủ trương chính của Tông này là A Lại Da Thức cũng có nghĩa là vô một thức (thức không mất) là một thức vượt lên trên tất cả và tiếp tục tồn tại theo năng lực của nghiệp, mà chúng sanh ở trong thế giới này đang trải qua cuộc sống ấy.

Đại tộc Fujiwara đã liên kết với Tông Pháp Tướng này và họ đã lấy ngôi chùa của gia đình để làm trụ sở cùng một huyệt

thống và dòng họ này đã kiểm soát cả hằng trăm năm từ sau thời đại Heian di đô về Kyoto.

6) Hoa Nghiêm Tông

Tông này do Đỗ Thuận (Dùshùn) thành lập tại Trung Hoa vào năm 600 dưới tên là Huàyàn Zòng. Đến năm 736 có một vị Tăng sĩ người Đại Hàn tên là Thẩm Tường (Simsang) mang truyền vào Nhật Bản. Tông này được truyền vào thời kỳ Nara (Nại Lương) và lấy Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsakà-sàtra) làm chính. Tông này chủ trương về Hoa Tạng thế giới, thừa nhận kẻ cầm quyền với danh nghĩa Phật Giáo và hứa bảo vệ cho mọi loài. Tông này nhận được sự trợ giúp thâm tình của Thiên Hoàng Shōmu; người mà đã cho phép lập nên chùa Đông Đại (Todai) và chính việc xây cất này làm phá sản công quỹ của Triều Đình.

Thời kỳ Bình An (Heian). Trong thời kỳ này những tông phái cổ xưa cũng như Mật Giáo (Vajrayana) đã được Ngài Saichō (Tối Trùng) và Ngài Kūkai (Không Hải) mang từ Trung Hoa về lại Nhật Bản.

7) Thiên Thai Tông

Tông này được thành lập vào năm 550 tại Trung Quốc do Ngài Trí Khải (Zhi Yí) và vào năm 804 Ngài Tối Trùng (Saichō) là một Tăng sĩ Nhật Bản đã tìm đến núi Tiantai (Thiên Thai) để học đạo. Sau khi được truyền thừa, vào năm 805 Ngài đã trở về lại Nhật Bản với nhiều kinh sách quý giá. Kinh căn bản là Kinh Pháp Hoa và ngoài ra Ngài Tối Trùng cũng thực hành Mật Tông qua kinh Đại Nhựt (Maha-vairicana Sutra).

8) Chơn Ngôn Tông

Vào năm 804 Ngài Saichō (Tối Trùng) được triều đình chính thức gởi sang Trung Hoa và trong đoàn đi ấy có vị Tăng

sĩ 30 tuổi là Ngài Kukai (Không Hải). Họ đã học tại Trường An, kinh đô của Nhà Đường thuở ấy. Các Ngài học đạo với Ngài Huiguò. Sau khi trao truyền tâm ấn, Ngài Huiguò viên tịch, Ngài Không Hải về lại Nhật Bản và Ngài đã chính thức lập nên Tông Chơn Ngôn. Ngài Không Hải thực hành cả hai phương pháp. Một là dùng kinh Đại Nhật (Maha-vairocana-Sutra) và mặt khác thì tụng kinh Kim Cang Đảnh (Vajraskhekhara). Tông này giới thiệu về chơn ngôn pháp giới và mục đích của việc hành trì là dùng lễ nhảy bí truyền qua sự trợ lực của chư Phật.

Thời đại Kamakura, Muromachi và thời hiện đại.

Vào thời kỳ Kamakura (Liên Thương) tất cả các Tông Phái phát triển một cách khởi sắc. Tịnh Độ Tông được Ngài Nguyên Tín giáo dưỡng, sau đó được Ngài Honen (Pháp Nhiên) tiếp tục phát triển; điểm chính của giáo lý này là được cứu vớt qua sự tin tưởng Đức Phật A Di Đà. Tông này là một Tông lớn nhất ở Nhật Bản cũng như tại Á Châu, đặc biệt là được truyền vào cho quảng đại quần chúng. Nếu đem so sánh với giáo lý cao siêu có tính triết học của Thiền, chỉ dành cho những người có học, thì Tịnh Độ cũng đã ăn sâu vào văn hóa của Nhật Bản rất nhiều.

Tín Ngưỡng Di Đà

9) Tịnh Độ Tông

Khởi đi từ thế kỷ thứ 5 do Ngài Huệ Viễn người Trung Hoa sáng lập ra Tịnh Độ Tông. Tông này đến năm 1175 được

Ngài Pháp Nhiên, người có gốc gác từ Tông Thiên Thai đã kế tục truyền thừa. Giáo lý chính thức của Ngài dạy là niềm tin tưởng vào Đức Phật A Di Đà và phát nguyện sanh về thế giới Tịnh Độ (Sukhàvati) và thế giới ấy ở bên ngoài cõi này, không còn sanh diệt nữa, mọi người sẽ được sanh về thế giới của Phật ấy. Từ thế kỷ thứ 13, Tịnh Độ Chơn Tông đã tách ra từ Tông này và cho đến bây giờ, đây là Tông lớn nhất tại Nhật. Kinh căn bản của Tông này là Vô Lượng Thọ và việc niệm Phật với danh hiệu của Đức A Di Đà.

10) Tịnh Độ Chơn Tông

Tịnh Độ Chơn Tông là một Tông Phái mới, được hình thành vào thời Kamakura bởi Ngài Thân Loan (Shinen) và vào thế kỷ thứ 15 đã được Ngài Liên Như (Rennyō) tiếp tục phát triển. Tông này được gắn gũi với Tông Tịnh Độ và niệm kinh A Di Đà (Sukhàvatīvyūhasūtra). Điều căn bản là đặt niềm tin vào Đức Phật A Di Đà. Đồng thời phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.

Thiền Tông

Đây là Tông Phái được hình thành từ thế kỷ thứ 5 bên Trung Hoa. Thiền cũng có ảnh hưởng rất nhiều từ Đạo giáo và Thiền có nghĩa là tập trung sâu. Chữ Thiền Sư thường hay được dùng đến trong thời kỳ Nara (Nại Lương) và thời ấy cũng không được chính thức để gọi cho tất cả những người xuất gia, những người mà họ vẫn thực hành những nghi lễ về Phật Giáo. Thiền Tông chính thức được truyền vào Nhật Bản từ thế kỷ thứ 12.

11) Tào Động Tông

Tông Tào Động là được ghép thành từ tên chữ của Thiền Sư Đổng Sơn Lương Giới và người học trò của Ngài là Động Sơn Bản Tịnh. Tào Động Tông có xuất xứ như vậy.

Vị Tăng sĩ Nhật Bản tên là Đạo Nguyên (Dògen) đã mang giáo lý của Tông này từ Trung Hoa truyền đến chùa Eihei (Vĩnh Bình) Nhật Bản vào năm 1243. Ngôi chùa thứ 2 quan trọng của Tào Động Tông được thành lập vào năm 1321 là ngôi chùa Tổng Trì (Sòji-ji) do Ngài Oánh Sơn Chiêu Cẩn (Keizan Jòkin). Tông này nhấn mạnh về Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh và khi thực tập để giác ngộ chỉ cần ngồi gọi là Chỉ Quán Đả Tọa hay Tọa Thiền mà thôi. Đặc biệt kinh Bát Nhã (Prajnaparamita-Sutra) cũng không kém phần quan trọng.

12) Lâm Tế Tông

Tên gọi Tông này là tên của vị sáng lập. Đó là Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền người Trung Hoa. Được thành lập vào thế kỷ thứ 9 và thực hành cho đến thế kỷ thứ 12 thì có Ngài Tăng Sĩ Nhật Bản hiệu là Minh Ám Dinh Tây (Myòan Eisei) đã mang Thiền này về lại Nhật. Tông này đã ảnh hưởng vào nền văn hóa của Nhật Bản không nhỏ và đặc biệt là Trà Đạo (Chadò); nghệ thuật làm vườn cũng được quan tâm bên cạnh ngồi thiền cũng như kinh hành. Ngoài ra tác vụ nghiêm ngặt cũng giúp cho thân tâm không ít.

13) Hoàng Bích Tông

Tông này cũng có liên hệ với Tông Lâm Tế và Tông này được Ngài Ân Nguyên Long Kỳ (Yinyuán Lóngqí) người Trung Hoa sáng lập. Đến năm 64 tuổi thì Ngài được thỉnh sang Nhật Bản. Đúng vào năm 1654 thì Ngài và đoàn tùy tùng gồm nhiều học trò đệ tử người Hoa cũng như những thợ chuyên môn đã

đến Hải Cảng Nagasaki. Năm 1661 Ngài nhận được một ngôi chùa ở Uji để làm trụ sở sinh hoạt. Ở đó Ngài đã lấy tên ngọn núi tại Trung Hoa là Huángbò (Hoàng Bích) và đặt tên cho chùa là Vạn Phước. Giáo lý của Tông này, căn bản vẫn là Thiền, thực hành cho đến đời Tống và sau này thực hành cả Tịnh Độ Tông qua việc niệm Phật cũng như tụng các chú của Phật Giáo Mật Tông.

14) Phổ Hóa Tông

Tông này được phổ biến trong lãnh vực Thiền của Nhật Bản và Tông này được Ngài Phổ Hóa, người Trung Hoa, vốn là một vị du tăng lập nên và đến thế kỷ thứ 13 thì được truyền sang “tâm địa giác tâm” cho Nhật Bản. Tông này của Ngài được thành lập vào thế kỷ thứ 17. Những vị Tăng của phái này thường được gọi là: Tiểu Tăng và sau này hay dùng là Hư Vô Tăng. Trụ sở chính được đặt tại chùa Linh Pháp (Ryòhò-ji) ở tỉnh Musahi; chùa Nhứt Nguyệt (Ichigutsu-ji) tại tỉnh Shimousa và chùa Minh Am (Myòdan-ji) ở Shirakawa thuộc Kyòto. Với tổ chức khép kín, lại hay du hành; nên tín đồ của Tông này đa phần là những Samurai và họ là những người được ưa chuộng dưới các trưởng phủ của Tokugawa. Đến năm 1871 thì các chùa này bị thay đổi bởi các Tăng Sĩ của Tông Lâm Tế. Năm 1871 chính quyền thời Minh Trị chính thức cấm Tông Phổ Hóa này hoạt động. Tuy nhiên vấn đề học thuật và tư tưởng vẫn không bị mất đi. Điều đặc biệt là họ dùng âm nhạc để truyền dạy cũng như thổi sáo Shakuhachi. Điều này họ nghĩ rằng liên hệ với việc giác ngộ qua sự tập trung tư tưởng. Vì vậy cho nên cũng có người gọi đây là Xuy Thiên.

15) Nhật Liên Tông

Tông Nhật Liên này do Ngài Nhật Liên chính thức thành lập vào năm 1253 và giáo lý căn bản rút ra từ trong Kinh Diệu

Pháp Liên Hoa; nói gọn là Pháp Hoa Kinh để thăng hoa lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Họ thực hành niệm tụng câu Nam Myòhò Rengekyò (Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh) là chính. Ngài Nhật Liên xuất thân từ Tông Thiên Thai, cũng chẳng phải là người thay đổi mới. Tông Nhật Liên chính thức từ thế kỷ thứ 19 đã trở thành Tông Phái truyền thống Nhật Liên Tông và đến năm 1912 đã trở thành Nhật Liên Chánh Tông. Tiếp đến là tách ra thành Soka Gakkai (Sáng Giá Học Hội) và Risshò Kòseika (Lập Chánh Giáo Thành Hội). Ngoài ra cũng còn có thêm Reiyùkai (Linh Hữu Hội) là một trong những nhóm thuộc Tôn Giáo mới (Shin-Shùkyò) cũng đã được thành lập.

Những phần trên đây tôi đã dựa theo Wikipedan bằng tiếng Đức đã viết về Phật Giáo Nhật Bản để làm tài liệu nhằm để tra cứu. Ngoài ra, tại Nhật cũng như Việt Nam hay Trung Hoa, Đại Hàn... Phật Giáo lúc ban đầu chỉ thuần là Phật Giáo không Tông Phái; nhưng khi Phật Giáo đã phát triển mạnh trong một quốc gia ở vào một thời điểm nào đó, thì lại sản sinh ra những vị Tổ Sư đặc biệt, để từ đó những Tông và Phái mới được hình thành.

Nhìn chung các Tông Phái đã xuất hiện tại Nhật trên 1.600 năm lịch sử thì Thiên và Tịnh Độ Tông là hai Tông Phái được nhiều người thực hành nhất. Các Tông khác vẫn có nhiều người hành trì; nhưng ít được thế giới biết đến nhiều, ví dụ như Hoàng Bích Tông và Phổ Hóa Tông chẳng hạn. Riêng Việt Nam chúng ta, có lẽ về sau này, từ thế kỷ thứ 18 trở đi, Phật Giáo đã thay đổi không ít, ngoài Thiên Tông ra trong các chùa Việt Nam vẫn niệm Phật cũng như trì chú. Vậy chúng ta có thể nói rằng: Phật Giáo Việt Nam của chúng ta trong hiện tại, không khác với Tông Hoàng Bích của Nhật Bản là mấy. Tuy nhiên Tông này ở

Nhật Bản ít thấy được nhắc đến. Có lẽ ngày nay cũng đã bị mai một như Tông Phổ Hóa chăng ?

So ra với các nước Phật Giáo khác tại Á Châu, thì Phật Giáo Nhật Bản là một quốc gia có nhiều Tông và nhiều Phái nhất. Trong khi đó các phái Phật Giáo Nam Tông không nhiều và ngay cả Việt Nam của chúng ta cũng như vậy. Đã trên dưới hai ngàn năm lịch sử; nhưng Phật Giáo Việt Nam vẫn là một Đạo Phật truyền thống, nương vào những sự truyền thừa chính thống của các vị Tổ Sư về Thiên, Mật cũng như Tịnh để thực hành từ đó đến nay, thì đây cũng là một sự phát triển đặc biệt; nó khác với tinh thần duy tân sửa đổi quá nhanh như Nhật Liên Tông của Nhật Bản, là một Tông Phái mới chỉ có mặt riêng tại Nhật Bản từ thế kỷ thứ 13 trở đi, mà nay, năm 2014 này Nhật Liên Tông đã chia ra làm nhiều phái; tuy vẫn lấy kinh Pháp Hoa làm chính. Thế nhưng cũng có nhiều phái can dự vào chính trị và xã hội như: Sòka gakkai và Rhisò Koseikai. Dĩ nhiên là Phật Giáo phải thay đổi để được tồn tại; nhưng thay đổi quá nhanh và quá nhiều như vậy, khiến cho người đời sau không biết cái gốc ở đâu mà tìm.

Vấn đề thanh tịnh Tăng ở Nhật Bản ngày nay hầu như không thấy ai đề cập đến nữa. Vì hầu như trên 90% chư Tăng đều lập gia đình và tu theo con đường của Bồ Tát hạnh. Ban đầu từ khi du nhập (thế kỷ thứ 6) đến thế kỷ thứ 13, Phật Giáo Nhật Bản vẫn rập khuôn giống hệt với Phật Giáo Trung Hoa, Việt Nam và Đại Hàn; nhưng đến giữa thế kỷ thứ 13 qua sự kiện Thầy trò Ngài Pháp Nhiên (Hònen) và Thân Loan (Shinen) bị đi đày do sự ganh ghét giữa những người chủ trương Thiên và Tịnh không giống nhau thuở ấy và cuối cùng việc đã phải đến công đường để được xét xử, kẻ thắng người thua. Nhân sự kiện này và về sau đó Ngài Thân Loan chính thức lập gia đình, qua sự tán thành của Sư Phụ mình là Ngài Pháp Nhiên, rồi sinh

con đẻ cái, cũng cho đi tu; ngay cả vợ của Ngài Thân Loan sau này cũng trở thành Ni Cô Huệ Tín (xin xem thêm quyển Tịnh Độ Tông Nhật Bản và Tư Tưởng Tịnh Độ Tông của cùng dịch giả và tác giả Thích Như Điền để rõ thêm những sự kiện này). Những tông phái khác vẫn phát triển âm thầm và giữ theo truyền thống cũ. Chỉ có Tịnh Độ Tông và Tịnh Độ Chơn Tông là có những đổi mới như bên trên vừa trình bày kể từ thế kỷ thứ 13 mà ít người Phật Tử Á Châu nào biết đến; nên khi nói đến chư Tăng Nhật Bản thì bảo rằng họ theo phái Tân Tăng, mà thật ra đâu có tân. Những câu chuyện ấy đã xảy ra cách đây gần 800 năm tại xứ Nhật rồi. Mãi cho đến thế kỷ thứ 19 (1868), khi vua Minh Trị duy tân đất nước thì Phật Giáo cũng phải thay đổi theo.

Ông vua này không khác vua Quang Trung của Việt Nam chúng ta là mấy. Vua Quang Trung lên làm vua vào năm 1786 đến năm 1789 thì băng hà. Tuy ông đã đại thắng quân Thanh khi quân Thanh xâm lăng bờ cõi Việt Nam; nhưng với Phật Giáo, ông vua này đã không có cảm tình nhiều. Ví dụ như việc lấy Đại Hồng Chung của các chùa tại Phú Xuân cho nấu ra thành đồng rồi đúc súng; những chùa lớn thì phá hủy; hoặc giả trưng dụng làm chỗ cho quân binh. Về phía chư Tăng, đặc biệt ông cho các quan lại khảo hạch về hai thời công phu bái sám sáng chiều và 4 quyển luật. Nếu có ai thường hay hành trì đọc tụng thì qua khỏi cửa ải này. Rủi cho vị Tăng nào ít tụng niệm thì đều bị trả về nhà để làm nhiệm vụ của một công dân. Thước ấy đã có nhiều người ta thán và ngày nay lịch sử vẫn còn ghi.

Riêng tại Nhật, thời vua Minh Trị duy tân thì cách thời vua Quang Trung của Việt Nam chừng gần 100 năm sau; nghĩa là vào thời điểm năm 1868; ông vua này đã chủ trương Thần Phật phân ly. Nghĩa là đạo thờ Thần thuộc về Thiên Hoàng và quốc gia; còn Phật Giáo trở về lại với dân chúng. Từ đó ông ta

cũng cải cách về chế độ chùa chiền và Tăng Lữ. Dĩ nhiên là không giống như thời vua Quang Trung của Việt Nam; nhưng có lẽ vì cải cách quá xa; nên một số chư Tăng không muốn sống đời phạm hạnh nữa; nên đã lập gia đình, có con cái như người thế tục. Có lẽ họ nhìn lại quá khứ, cách đó gần 500 năm về trước, cũng qua một sự ganh ghét gièm pha giữa tông phái Thiền và Tịnh Độ mà đã đi đến chỗ đổ vỡ, rồi chuyện ái tình, nghiệp lực đã đến với Ngài Thân Loan; nên đa phần Tịnh Độ Chơn Tông, các Tăng sĩ đều lập gia đình, vẫn không bị ảnh hưởng gì với vấn đề đạo đức và xã hội đương thời; nên việc này nó cũng chẳng phải là chuyện mới của xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ; nên đa phần đã không còn giữ lại nề nếp cổ truyền, chư Tăng sống một cuộc sống tịnh hạnh nữa. Các vị Tăng sĩ mặc trang phục theo Tây phương, nhiều khi để tóc, không khác gì một Cư sĩ bình thường; chỉ đến khi lễ lộc, họ mới mặc áo cà-sa hay đắp pháp y vào thì chúng ta mới biết được người đó là một vị Tăng. Có một điều cần phải nhấn mạnh ở đây là sự tu học giữ giới không thanh tịnh; nhưng học vấn, nhất là học Phật và nghiên cứu kinh điển thì giới tu hành của Phật Giáo Nhật Bản rất nhiều. Có nhiều vị trở thành Viện Trưởng các Viện Đại Học Phật Giáo như Risso tại Tokyo của Nhật Liên Tông, Taisho của Chơn Ngôn Tông, Hanazono của Lâm Tế Tông tại Kyoto v.v... ngày nay với đà tiến bộ của xã hội, Nhật Bản đã cải tổ giáo dục rất nhiều và trong hàng ngàn Đại Học hiện có tại Nhật Bản, thì Phật Giáo cũng có trên dưới 100 cơ sở giáo dục ở thượng tầng kiến thức trong xã hội như vậy. Họ có những cơ sở giáo dục từ Vườn Trẻ cho đến hậu đại học. Chính vì vậy mà đời sống của các Tăng sĩ hầu như tự lập cao, không bị lệ thuộc vào tín đồ nhiều như ở Trung Hoa và Việt Nam.

Ngoài ra nguồn tài chánh họ thâm vào từ sự kinh doanh đất đai chôn cất cho thân nhân của tín đồ và ma chay, cúng kỵ

v.v... tất cả hầu như đều làm trên danh nghĩa cúng dường; nhưng một loại cúng dường hạng cao cấp mà các Phật Tử các nước khác khó hình dung ra được. Bởi vì đất đai tại Tokyo hay Kyoto, hay nói đúng hơn là toàn cõi nước Nhật rất đắt. Thế nhưng các Tự viện Phật Giáo lại quản lý những vườn chùa khá rộng và những nơi này đã trở thành nghĩa địa chôn cất của Dân Na Tín Đồ. Chính đây là nguồn lợi chính để nuôi sống ngôi chùa ấy. Bởi lẽ như đầu đề đã trình bày, hầu như người Nhật nào chết cũng đem vào chùa để thờ cúng; nên với hơn 100 triệu dân Nhật đã góp phần nuôi sống các ngôi chùa đầu lớn hay nhỏ để được tồn tại cho đến ngày nay. Nhiều khi thấy một vị Thầy giống như một ông Thầy cúng ở Việt Nam. Họ chỉ chuyên đi làm đám và lấy tiền ấy về nuôi gia đình. Lúc này địa vị của một “Chúng Trung Tôn” hầu như không còn được quan tâm đến nữa. Cuối cùng rồi cũng chỉ là một mái ấm gia đình và trải qua nhiều đời trụ trì cũng chỉ là “cha truyền con nối”; chứ người hảo tâm xuất gia như ở các xứ Nam Phương Phật Giáo, ngày nay hầu như không còn thấy tại Nhật Bản nữa. Nếu so sánh với các Tôn Giáo tại Tây Phương thì có thể kết luận rằng: Đời sống các Tăng sĩ Phật Giáo Nhật Bản ngày nay giống hệt đời sống của các vị Mục Sư bên Tin Lành vậy. Linh Mục thì sống đời độc thân, tận hiến theo tinh thần Thiên Chúa giáo La Mã. Tuy Mục Sư có gia đình, nhưng người chịu làm Mục sư ngày nay ở tại Đức cũng ít hẳn hơn những năm xưa. Ngay cả ở Nhật cũng thế, chư Tăng được quyền thành lập gia đình; nhưng ngày nay nhiều chùa vẫn bỏ trống, vì không có Trụ Trì. Như vậy điều quan trọng để cho một Tôn Giáo phát triển mạnh và rộng lớn để đi vào quần chúng, nó không phải là vấn đề giải quyết những tư kỷ của mỗi cá nhân, mà chính là niềm tin của họ bị băng hoại; không được củng cố cũng như gìn giữ, mặc dầu ngày nay xã hội vật chất tại Âu Mỹ quá dư thừa, vẫn không làm thỏa mãn các nhu cầu của họ. So sánh với thời kỳ đầu, khi mà

các Tôn Giáo mới xuất hiện; trong khi đời sống vật chất tại Âu hay Á, Mỹ hay Phi cũng đều nghèo khó, thì niềm tin của con người lại cao hơn và đến khi vật chất có cơ hội lấn chiếm nội tâm của con người, thì niềm tin lại dễ biến dạng. Vậy chúng ta có thể nói rằng: Cái muốn của con người nó không có giới hạn; chỉ khi nào con người, nhất là những người tu biết tự làm chủ mình ở mọi phương diện, thì lúc ấy mới chính là mình thực sự. Tôn Giáo chính đáng là một Tôn Giáo biết tự kiểm soát mình, để từ đó chúng ta có thể đi vào một sự giải thoát khỏi sự trói buộc một cách tự nhiên, tự tại hơn. Vì Tôn Giáo chính là cội nguồn của Tự Do và Dân Chủ. Nếu người đứng đầu những Giáo Hội hay Tông Phái mà không tự chế được những ước muốn ấy thì muôn đời cái hạnh phúc chân thật cũng còn nằm ở ngoài tầm tay với của mọi người. Nhưng một điều chắc chắn là ai sinh ra trong cuộc đời này cũng không phải chỉ hưởng toàn là hạnh phúc, mà khổ đau này nối tiếp khổ đau khác, người ta không lấy tiền để mua được hết khổ đau; người ta cũng không thể lấy vật chất để đổi được đau khổ, mà chính Tôn Giáo mới có khả năng làm vơi đi sự khổ của con người. Mỗi Tôn Giáo đều chủ trương khác nhau; tuy nhiên điểm cuối vẫn là làm sao cho con người thoát ra khỏi tục lụy của trần thế, thì đó mới là vấn đề quan trọng.

Đối với Đạo Phật vấn đề ái tình, ái ân, ái nhiễm v.v... nó không phải là vấn đề xấu xa, tội lỗi. Nếu nói xấu xa, tội lỗi thì hơn 6 tỷ người trên quả địa cầu này đều tội lỗi hết sao? Vì ái chính là sự buộc ràng, mà đã bị buộc ràng thì phải có cách để cởi mở. Trong tất cả kinh điển của Phật Giáo, ngay cả Nam Truyền hay Bắc Truyền, người Cư sĩ vẫn có khả năng giải thoát luân hồi sanh tử; nhưng muốn đạt được quả vị giác ngộ thành Phật hay A La Hán thì phải là những vị xuất gia, đã cắt đứt ái ân, không còn vương bận bởi thế nhi triền phược nữa. Khi nào

cái ái riêng vẫn còn tồn tại thì con người vẫn còn bị phải chi phối bởi luân hồi sanh tử; chỉ khi nào con người dám mạnh dạn bước ra khỏi sự trói buộc này thì mới có cơ ngơi không còn làm người trở lại nữa; vĩnh viễn sẽ là một vị Phật trong tương lai.

Do vậy cho nên có nhiều người hỏi tôi rằng: Các vị Tăng sĩ Nhật Bản sau khi chết họ sẽ đi về đâu và họ có phạm giới không? Tôi trả lời rằng: Đa phần những Tăng sĩ Nhật Bản không thọ giới Tỳ Kheo (dĩ nhiên ngày xưa thì có), mà giới Tỳ Kheo là giới thuộc về Thanh Văn; nếu phạm những giới căn bản mà không thực hiện những nghi thức sám hối kịp thời thì xem như bị mất giới thể. Còn Đại Thừa giới, trong đó có Bồ Tát giới, Bồ Tát theo Kinh Ưu Bà Tắc gồm 6 giới trọng 28 giới nhẹ, hay theo Kinh Phạm Võng gồm 10 giới trọng 48 giới nhẹ đi nữa thì giới Bồ Tát khi thọ xong không cần phải xả giới, dẫu cho có phạm đi nữa. Cho nên hầu như các Tăng sĩ Nhật Bản đều chỉ thọ Bồ Tát giới, chứ không thọ Tỳ Kheo. Nhưng chúng ta cũng phải biết rằng: Ngay từ đầu, khi Phật Giáo được du nhập và thời Ngài Giám Chân là thời của Luật Tạng được truyền thừa một cách cẩn mật và Nhật Bản nhờ đó mới biết đến Phật Giáo là gì. Thế mà chưa đến 200 năm, ngày nay Phật Giáo tại Nhật Bản không còn như thuở ban đầu nữa. Còn họ chết đi về đâu là tùy theo chủ trương của mỗi Tông Phái. Ví dụ như Ngài Thân Loan, Tông chủ của Tịnh Độ Chơn Tông thì cho rằng: Tất cả ai nghĩ và niệm đến danh hiệu Phật A Di Đà thì sẽ vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nhưng sự vãng sanh này không phải do tự mình được vãng sanh, mà do chính bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà phát ra và chúng ta là những người được thừa hưởng ân cứu độ ấy. Còn Thiên Tông, họ chủ trương là: “Bây giờ và ở đây”. Cho nên Tịnh Độ cũng là đây, chứ không ở nơi nào khác. Nếu tâm chúng ta tịnh thì quốc độ sẽ tịnh và tâm

chúng ta dơ thì quốc độ sẽ dơ theo. Cõi giải thoát của những vị không cầu sanh về Cực Lạc là cõi “thường tịch quang độ” hay “thật báo trang nghiêm độ”; những nơi ấy toàn là những cõi của ánh sáng, hầu như không có màn đêm bao phủ, mà chỉ có ban ngày và với họ, đó chính là những cõi giải thoát sanh tử.

Trên đây là một số điểm chính, nhằm giới thiệu đến với quý Phật Tử Việt Nam về lịch sử truyền thừa cũng như sinh hoạt của Phật Giáo Nhật Bản từ xưa đến nay, nó không mang tính chất phê bình chủ quan, mà đây chỉ là những điều cần hiểu biết về một dân tộc vốn có nền văn hóa lâu đời như Việt Nam của chúng ta.

CHƯƠNG SÁU

Phong tục và tập quán của người Nhật

Về chương này lẽ ra viết chung một chương với văn hóa, học thuật và nghệ thuật của người Nhật; nhưng chúng tôi muốn viết riêng ra nơi đây, vì lẽ có những tập quán của người Nhật mà người mình không có, không quen hoặc giả có những thuần phong mỹ tục rất là tuyệt vời mà mình chưa biết đến. Do vậy chương này sẽ giúp một phần nào sự hiểu biết cho quý vị, nếu một mai đây quý vị đến thăm nước Nhật sẽ không bị ngỡ lúc ban đầu.

Đầu tiên chúng ta nên định nghĩa thế nào là tập quán và thế nào là phong tục. Chữ *tập* ở đây có nghĩa là trải qua nhiều lần rồi huân tập lại theo những thói quen nhất định nào đó; nên gọi là tập quán. Còn *phong* có nghĩa là phong hóa, phong trào của quần chúng khi đã trở thành thuần thực, tục lệ; nên gọi là phong tục. Kế tiếp đó mới nói đến vấn đề văn hóa, nghệ thuật, văn minh v.v... Sau khi chúng tôi đã đi Hoa Kỳ nhiều lần và Trung Hoa lục địa cũng vậy, về lại Đức hay đi thuyết giảng ở nơi đâu, tôi cũng thường hay nói một câu bằng tiếng Phổ Thông Trung Quốc và sau đó tự dịch ra tiếng Việt là: Ở Trung Hoa có

văn hóa; nhưng không có văn minh; còn ở Hoa Kỳ thì có văn minh mà chưa có văn hóa. Câu này sẽ được giải thích kỹ càng hơn ở chương phía sau. Như vậy chúng ta đã tạm hiểu thế nào là văn hóa và thế nào là văn minh rồi.

Chung quy lại thì người ta cũng căn cứ qua các động tác như: Ăn, uống, ngủ, nghỉ, đi, đứng, nằm, ngồi, dự tiệc, ở trong nhà, khi ra đường v.v... để người ta nhận biết được phong tục và tập quán của xứ này khác với xứ kia như thế nào. Cho nên vào thời Đức Phật còn tại thế Ngài đã chế ra các giới luật cũng căn cứ theo những việc trên, khi đã thành nề nếp. Nếu có ai đó phạm thì phải sám hối. Nếu không biết sám hối tội thì lỗi ấy vẫn còn. Ngài đã chế giới cho Cư sĩ nam và nữ; giới cho người Tu Bát Quan Trai, giới Thập Thiện, Bồ Tát rồi giới cho Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni v.v... Tất cả đã được thành luật tạng và chư Tăng Ni đã hành trì cả mấy ngàn năm nay tại khắp nơi trên quả địa cầu này. Riêng 100 pháp chúng học của một Thầy Tỳ Kheo trong Tứ Phần Luật, nó cũng đã thể hiện rõ nét về những thói quen của một con người và Đức Phật, một bậc Đại Đạo Sư mong cho chúng ta làm được những cái gì tốt và những cái gì không nên làm. Thế mà! đến trước giờ vào Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật cũng đã căn dặn kỹ Ngài A Nan rằng: “Tuy ta chế ra những luật giới như vậy; nhưng đến nơi nào mà dân chúng tại đó có những luật lệ khác thì các con nên tùy thuận và những giới nào không cần thiết thì bỏ đi”. Đây có lẽ là một lời nói dân chủ nhất, trên tất cả những chế độ tự do, dân chủ hiện có trên quả địa cầu này. Đức Phật không cục bộ, vì Ngài biết rằng: Những luật Ngài chế ra cho những Tăng Ni đang ở Ấn Độ thuở ấy bị làm lỗi và có thể ở những nơi khác không cần phải áp dụng những giới ấy, mà ngược lại còn cần phải có thêm những giới luật khác nữa. Đây là vấn đề tùy duyên. Nên thuận theo với nhân duyên để tồn tại

và phát triển. Cũng từ điềm này mà mỗi bộ phái về sau phát triển theo cách riêng của mình. Dĩ nhiên là có cái đúng mà cũng có điều không được quy củ lắm. Ví dụ như Đề Bà Đạt Đa vẫn có Tăng Đoàn, vẫn đạt được ngũ thông, vẫn hành trì giới luật; nhưng Đề Bà Đạt Đa thì hoàn toàn khác hẳn với Đức Phật và Tăng Đoàn của Ngài. Chỉ điều nào còn tồn tại lâu dài với thế gian, thì việc ấy ta có thể tạm gọi là đúng. Vì bản thể của sự vật và sự việc luôn luôn không có tính cách tuyệt đối. Từ đó ta phải lấy vô thường, khổ, không và vô ngã để làm chuẩn, thì sự phán đoán kia mới có giá trị. Nếu một giáo lý hay giới luật nào mà không đúng với Tam Pháp Ấn hay Tứ Pháp Ấn như Đức Phật đã hằng dạy cho các đệ tử thì đó không phải là lời dạy của Đức Phật. Vấn đề này rất tế nhị và cần phải triển khai rộng ra ở một mục khác nữa.

Chỉ riêng vấn đề đi vào nhà hay chùa Nhật vốn đã khác với các nước ở Á Châu rồi và dĩ nhiên là còn khác xa với phong tục tập quán với người Âu Mỹ; cho đến kiểu ngồi của người Nhật, cái chào, cái gập đầu, cái cung cách lúc đón khách cũng như lúc đưa khách v.v... tất cả đều khác xa với tập tục của những nước khác đang có mặt trên quả địa cầu này.

Khi một người khách đã hẹn trước, phải luôn luôn đúng giờ, đây là một tập quán rất quan trọng và chuẩn mực của người Nhật. Dầu cho bạn là ông gì đi nữa cũng không được phép trễ giờ hẹn, nếu không có lý do chính đáng. Khi tiếng chuông ở cửa Genkan (Huyền Môn) reo lên, có nghĩa là khách đã đến. Hầu như nhà nào của người Nhật cũng đều làm sàn nổi trên mặt đất chừng 50 cm; khi bước vào nhà, có nghĩa là bước vào khoảng không gian đủ rộng để cởi bỏ giày, dép cũng như áo choàng và chủ nhà quỳ xuống, cúi đầu nói câu “irasaimase” (xin mời vào) và người khách sẽ chào lại bằng cái cúi đầu “konichiwa” hay “Kombanwa” tùy theo buổi sáng hay buổi tối.

Điều đáng nói ở đây không phải là cách chào hỏi, mà là sự bình đẳng, sự quý trọng khách của chủ nhà. Dầu cho người khách ấy đáng vai em, cháu, học trò của mình đi nữa thì người đàn bà gia chủ, thay cho chồng tiếp mời khách tại Genkan đó đều lịch sự, lễ phép và khiêm cung. Đoạn gia chủ trao cho khách một đôi Slippa (dép mang trong nhà) rồi hướng dẫn khách vào phòng khách. Đầu tiên khách trao quà ra mắt. Ở đây cũng xin mở ngoặc với những vị chưa quen với phong tục người Nhật cần nên biết để tránh những điều do thất ý gây ra. Nghĩa là đi đến bất cứ nhà nào hay chùa nào ở Nhật trên tay mình đều phải có một món quà; ngoại trừ chốn công sở, việc này không cần thiết. Do vậy ta thường thấy có những loại trà được bao bì cẩn thận và có ghi bên ngoài là trà lễ. Đây là cái lễ khi giao tiếp với người Nhật xin bạn đừng quên. Thông thường trên những miếng giấy gói quà đều có ghi rõ quà ấy làm tại địa phương nào. Đây cũng là một cách gián tiếp giới thiệu văn hóa ẩm thực của các nơi khác được mang đến đây để làm quà biếu. Ở Âu Châu tập quán này hình như không được phổ thông lắm. Đa phần khi có sinh nhật hay cưới hỏi gì đó, người ta mới tặng hoa tươi hay bánh trái; nhưng ở Nhật thì ở mọi lúc, mọi nơi và mọi lễ nghi đều phải có quà như vậy. Đây không phải là hình thức hối lộ, mà là một cái lễ nghi cần phải có khi giao tiếp với nhau hằng ngày.

Ở Đức ta thường nói rằng: Họ làm việc ở trên bàn (auf dem Tisch arbeiten); còn ở Việt Nam trong hiện tại thì hay làm việc ở dưới bàn (unter dem Tisch arbeiten); nghĩa là giữa khách và chủ hối lộ phong bì với nhau như thế để được việc cho mình. Chính thức thì Âu Mỹ sạch sẽ hơn; nhưng không phải là không có. Họ có ở những hình thức khác và ở những loại hình thức khác nhau; chỉ có những người nào ở trong tổ chức mới rõ được điều này. Đã là con người thì việc tham muốn, mong cầu v.v...

vẫn là chuyện bình thường. Nhưng ở mức độ nào và cách thực hiện ra sao, lại là vấn đề khá phức tạp và tế nhị.

Đa phần nhà người Nhật đều lót Tatami; nó là một loại chiếu dệt bằng đay; nhưng có độ dày khoảng 10 cm; chiều dài 1^m80, chiều ngang 60 hay 80 cm. Như vậy họ kể là một chiếu. Bất cứ gian phòng nào trong ngôi chùa rộng thênh thang hay ngôi nhà tư nhân, không bao giờ có gian phòng 4 chiếu hay 9 chiếu. Đây là điều cấm kỵ của người Nhật. Vì số 4 khi phát âm bằng tiếng Nhật nó đồng âm với chết (Shi); nhưng khi viết ra chữ thì một bên là “tứ” và một bên là “ tử” không thể giống nhau, nhưng khi nghe, dễ bị lầm. Do vậy mà nhà hay chùa, nhà thương hay đường phố, cầu thang hay siêu thị, ít khi nào chúng ta thấy số 4 này hiện hữu. Còn số 9 đọc âm là “Ku” nó cũng có nghĩa là “khô”, mặc dầu khi viết bằng chữ Hán thì phải viết là “cửu” và “khô” khác nhau một trời một vực như vậy, mà đọc âm lên lại giống hệt nhau; nên số 9 cũng bị cử tại Nhật; trong khi đó tại Trung Hoa và Việt Nam thì thích số 8 hoặc số 9 nhiều hơn. Bởi lẽ khi phát âm tiếng Trung Hoa Phổ Thông về số 8, nó đọc là “Bát” hay “Phát”; có nghĩa là phát tài, phát lộc v.v... Còn số 9 khi đọc lên nghe âm nó có nghĩa là trường cửu, lâu dài. Giữa tiếng Trung Hoa và tiếng Nhật khi phát âm lên vẫn có kết quả có nhiều sai khác như vậy. Trong khi đó người Việt Nam khi chụp hình luôn luôn cử chụp chung 3 người mà phải 4 hoặc là 2. Rõ ràng là trên thế gian này phong tục và tập quán của mỗi nước đều khác nhau; chứ chẳng có nước nào giống nước nào cả. Do vậy tục ngữ Trung Hoa có câu rằng: “Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc” là vậy. Trong khi đó người Tây Phương cũng có câu: “When you are in Rom, you have to do as Roman do”. (Khi anh vào thành La Mã, anh phải làm giống như người La Mã).

Cả một ngôi chùa rộng thênh thang như Higashi Hongan ji (Đông Bản Nguyên tự) ở Kyoto hay những tư nhân theo truyền thống cổ xưa, tất cả đều lót cả hàng trăm, hàng ngàn tấm Tatami như vậy. Thật ra chữ này rất khó dịch sang tiếng Việt, vì Việt Nam chúng ta không có loại chiếu như thế này. Chiếc chiếu Việt Nam mỏng hơn, có lẽ vì xứ nóng và chiếu Việt Nam lót xuống sàn nhà cũng được mà đắp lên người để ngủ cũng xong, quả thật là tiện lợi; nhưng chiếu Việt Nam có bề ngang và chiều dài lớn gấp đôi, gấp ba Tatami của Nhật Bản và dĩ nhiên độ bền thì chiếu Việt Nam không thể so sánh với Tatami của Nhật được.

Có lần tôi tra tự điển Nhật Việt chữ Misosuru là gì, thì có kết quả là: Cháo tương đậu nành. Dĩ nhiên là dịch như thế chẳng sai; nhưng nó không hoàn toàn đúng. Vì lẽ đậu nành được xay nhuyễn và họ làm như thế nào đó để trở thành một chất bột có nước và muối đi kèm, đến khi nấu canh, chỉ cần đổ Miso và nước nào, quậy lên thành một tô để húp, dùng chung với cơm. Nếu nói đây là suppe thì cũng không đúng, mà nói là cháo thì cũng không được. Nó, chỉ có nơi người Nhật và người Đại Hàn và hầu như trên thế giới này không có nơi nào có loại canh như thế này cả; nhưng phải thành thật mà nói Misosuru của Nhật Bản là tuyệt vời.

Còn cách ngồi của họ cũng không giống người Việt Nam và dĩ nhiên là hoàn toàn khác với người Âu Mỹ rồi. Trước khi ngồi vào bàn để uống trà, bắt đầu câu chuyện thì họ chào nhau một lần nữa, bằng những cái cúi đầu thật sát lên những Zabuton (gối ngồi) hay trên Tatami. Họ đa phần không ngồi bệt hay xếp bằng hai chân như người Việt Nam mình, mà họ hay ngồi bằng cách tréo hai bàn chân ra phía sau, chiếc mông sẽ đặt lên 2 bàn chân đầu lại này; nhờ vậy mà lưng của người Nhật tương đối thẳng. Họ chống hai tay lên hai đùi của chân. Với tư thế này

trông rất vững vàng; nhưng nếu ngồi lâu hay ngồi nhiều bắp vế sẽ có vấn đề. Nếu bạn gặp những cô gái người Nhật mà bảo rằng: Chân của cô giống Daikohashi (chân củ cải) thì sẽ bị nhìn với cái nhìn không được thân thiện bao nhiêu. Hãy nhớ đừng nói điều này khi có người đàn bà đứng đối diện mình. Ai ngồi quen thì chừng một tiếng đồng hồ, ai ngồi không quen, chừng 10 phút, 15 phút hay nửa tiếng đồng hồ là phải đổi thế ngồi rồi. Đa phần sinh viên ngoại quốc rất khó ngồi được lâu như người Nhật. Vì họ đã quen từ nhỏ đến lớn rồi. Nếu là mùa đông, họ ngồi thông hai chân vào bếp lửa hay dưới một cái bàn gọi là Kotatsu (làm ấm chân) để sưởi ấm chân. Đây cũng là nơi chốn để cho gia đình ăn cơm chung, uống trà hay tiếp khách v.v...

Bây giờ tôi sẽ viết về phong tục cũng như tập quán về tắm gội của người Nhật. Dĩ nhiên là nó cũng không giống với bất cứ một dân tộc nào trên thế giới cả. Điều quan trọng của việc tắm rửa là làm sao cho thân mình sạch sẽ, đỡ bị mồ hôi làm hôi hám. Thế nhưng ở Ấn Độ tắm thì hay xuống các sông thiêng như sông Hằng. Họ quan niệm rằng tắm như vậy ngoài việc làm cho thân thể sạch sẽ, tâm họ cũng được gội rửa luôn. Cho nên Đức Phật cũng dạy rằng: “thân dơ thì lấy nước rửa được; nhưng tâm dơ không thể dùng nước để rửa; chỉ có sự sám hối mới có thể tiêu trừ”. Ai đó đã viết để lại mấy vần thơ thật là hay.

*“Đuốc sáng không soi giúp kẻ mờ
Nước sông khó rửa sạch lòng nhờn
Túi tham không đầy bao giờ đủ
Tĩnh ngộ tu hành thoát kiếp mơ”*

Chỉ 4 câu thơ này thôi cũng đã nói lên đủ cái triết lý và nhân sinh quan của cuộc sống này rồi. Trong khi người nhà quê Việt Nam nghèo thì cũng tắm ở sông, ở biển ở đường mương nước, ở ao, ở hồ, ở rạch, ở giếng nước hay tắm bên cạnh lu

nước tại nhà. Vì lẽ Việt Nam không có tuyết vào mùa đông, không nóng quá vào mùa hè; nên tắm ở đâu cũng được, rất tự tại và đơn giản. Nước Nhật thì khác, quê hương của họ một năm có 4 mùa rõ rệt gồm có xuân, hạ, thu, đông. Khi xuân đến, trăm hoa đua sắc thắm; khi hè sang, nắng cháy mọi miền. Lúc thu về, lá vàng đù theo gió. Khi đông sang, tuyết phủ khắp mọi nơi. Họ có nhiều suối nước nóng, được gọi là Onsen (Ôn Tuyền). Các nơi du lịch thường hay lợi dụng cơ hội này để kinh doanh và lập ra từng khu một để chữa bệnh khi vào tắm. Nghe đâu cách tắm bằng Onsen này cũng do các Thiền sư Nhật Bản qua Trung Hoa học đạo, thấy người Trung Hoa tắm nước từ trong núi chảy ra ấm áp, lại chữa được bệnh nữa; nên người Nhật cũng học theo cách này để tắm, cốt làm cho thân thể được trắng kiện hơn.

Ở Nhật thường hay xảy ra nhiều trận động đất và có núi lửa khắp nơi; nên hầu như trên toàn cõi nước Nhật đều có suối nước nóng như vậy. Điều đặc biệt là thói quen của người Nhật ngày nào cũng đi tắm một lần, chứ không phải cách ngày hay hai ba ngày mới đi tắm một lần. Nhà người Nhật thường rất nhỏ, vì đất đai quá đắt đỏ; nên ít có nhà nào có phòng tắm riêng tại nhà, mà mỗi xóm đều có nhiều nhà tắm công cộng như vậy. Chỉ trừ nơi các chùa và các nhà giàu có, có đất đai rộng rãi, họ mới xây những nhà tắm riêng. Tiếng Nhật gọi là Ofuro (Phong Cung); nghĩa là chỗ để tắm. Ngày xưa họ dùng củi để đốt và khi nước bên trong sôi lên đến 60°C thì ngừng và ngày nay đa phần người Nhật dùng điện hay Gas để đun sôi Ofuro rất tiện lợi. Nơi công cộng, họ chia làm 2, 3 hay 4 hồ nước khác nhau để vào đó ngâm mình. Một hồ nước nóng nhất, một hồ nước khác có độ nóng trung bình, kế đến là một hồ nước lạnh và tiếp theo là một hồ nước lạnh nhất. Tùy theo sở thích của mọi người, có thể dùng một trong 4 hồ hay dùng cả 4 hồ trong thời gian bao lâu

cũng không có giới hạn. Bên ngoài họ gắn nhiều vòi nước nóng, lạnh khác nhau để xối mình thật là sạch, trước hay sau khi tắm xong, mới vào những hồ nước kia để ngâm mình. Khi ngâm mình trong các hồ nước xong, bước ra khỏi hồ, trở lại chỗ những vòi nước nóng và lạnh để cọ xát bằng xà-phòng hay dầu gội cho thật sạch sẽ thân thể, rồi sau đó vào trong những hồ nước kia ngâm lại một lần nữa, đoạn lau khô mình, mặc áo quần trở lại để đi ra khỏi Ofuro. Đa phần ở Tokyo những Ofuro đều thiết lập cho nam riêng, nữ riêng; nhưng ở các Onsen miền quê thì tắm tập thể. Có nhiều người chưa đi đến Nhật, chưa làm quen với tập quán tắm chung này; nên bảo rằng dân tộc chi mà kém văn hóa như thế! Nhưng không phải, việc tắm chung như thế đã có tự ngàn năm rồi, không phải bây giờ mới có và họ rất tự nhiên; chỉ có người ngoại quốc là hay rụt rè khó chịu; nhưng ở lâu không đi tắm trong mấy ngày thì được; chứ mấy tháng thì sao? Không thể có đủ tiền để đi ở khách sạn để tắm phòng riêng được. Do vậy hãy khoan và đừng vội vàng kết luận bất cứ một điều gì cả, khi mà nơi ấy mình chưa đi qua, phong tục và tập quán của xứ ấy mình chưa làm quen, thì những phê bình hoặc chỉ trích nó không có giá trị đích thực được. Và lại khi vào phòng tắm công cộng người Nhật cũng rất lịch sự, họ không đùa giỡn hay có ý lăng lợ, mà mọi người đều chỉ lo làm nhiệm vụ của mình tắm gội xong là ra về. Ngay cả nói chuyện lớn tiếng trong nhà tắm công cộng cũng ít thấy nữa. Mỗi chỗ như vậy có cả hàng trăm vòi nước nóng lạnh để trong cùng một lúc có nhiều người cùng có thể tắm với nhau. Đây là tập quán của người Nhật, không phải của Việt Nam. Chúng ta chỉ có thể xem và thể nghiệm; chứ không nên chê hay khen. Vì họ thuộc về tập quán khác, không phải là tập quán như người của mình.

Trước năm 1975 từ miền Nam Việt Nam đã có nhiều người qua Nhật tham quan, ban đầu định ở lâu; nhưng thấy cách

tắm như vậy nên hồi hải đảo vé máy bay trở về lại nước. Cũng có lắm người chỉ lau mình chứ không chịu đi tắm chung trong thời gian 2 hay 3 tháng ở tại Nhật như vậy. Những ai chỉ đi du lịch và ở khách sạn thì khỏi phải lạm bàn. Vì lẽ ở khách sạn đầy đủ tiện nghi cho tất cả mọi sự sinh hoạt cá nhân và phòng tắm ở Nhật cũng rất chật chội, không như tại khách sạn của các nước Âu Mỹ ngày nay. Điều cần biết là mọi chỗ tắm công cộng đều phải trả tiền khi vào cửa, chứ không có nơi nào miễn phí; ngoại trừ những chỗ đặc biệt cho người bệnh; những loại hình này đã có Chính phủ và Bộ Y Tế lo.

Bây giờ nói về ăn cũng như uống của người Nhật. Họ ăn rất nhanh; nhanh giống như lúc lên và xuống xe điện hằng ngày vậy. Họ dùng sáng chừng 5 đến 10 phút, trưa từ 10 đến 15 phút và tối chừng 15 đến 20 phút là cùng. Cái ăn, cái mặc của người Nhật cũng không giống với chúng ta hay nói đúng hơn, chúng ta chẳng giống họ một chút nào hết. Thông thường khi ăn sáng họ đổ lên trên chén cơm nóng hồi một trứng gà sống vừa được quậy với xì dầu và họ chỉ cần lua hai hay ba lua là xong chén thứ nhất. Đặc biệt cơm của Nhật rất ngon; có thể nói rằng gạo của Nhật và nước uống thuộc vào loại ngon, thơm nhất thế giới. Hạt cơm rất trắng và dẻo, thơm và ngon ngọt lạ lùng. Chén cơm thứ 2 của buổi sáng họ ăn kẹp với Nori. Nori là một loại rong biển đã được chế biến kỹ, làm thành từng lá mỏng, rất dễ dàng cho mọi việc khi ăn uống mà cần đến Nori này.

Ăn trưa tại hăng hay nhà trường người Nhật hay dùng Bento. Bento là một hộp đựng thức ăn; trong ấy có đủ loại như: Cơm, đồ mặn, đồ kho, rau, cải, thịt, cá v.v... ai muốn dùng loại nào, đều có thể cho vào các ngăn khác nhau trong hộp để dùng vào buổi trưa. Có những loại hộp dùng xong rồi bỏ; nhưng cũng có nhiều loại hộp dùng xong rồi đem đi rửa, lau sạch và ngày mai lại làm hộp đựng tiếp tục. Cứ như thế và như thế bốn cũ cứ

soạn đi soạn lại nhiều lần trong tuần, trong tháng hay trong năm để đáp ứng nhu cầu của bao tử hằng ngày. Thịnh thoảng họ đem theo Sushi để ăn trưa. Sushi ngày nay Liên Hiệp Quốc đã công nhận là một loại hình văn hóa ẩm thực đặc biệt của người Nhật, mà thế giới có nhiều người biết đến. Họ lấy Nori hay cá sống, thịt sống, dưa leo, gừng, cà-rốt v.v... cho vào ở giữa cơm và cuộn tròn lại giống như hình thù của một cuốn chả giò. Sau đó họ ăn chung với Wasabi. Wasabi cũng giống như mù-tạt, rất khó ăn; nhưng nếu ăn Sushi mà không ăn Wasabi hay Shòga (gừng) thì bữa ăn đó không còn có nhiều ý nghĩa nữa.

Buổi chiều hầu như ai nấy cũng ăn cơm ở nhà. Chỉ có những người đi làm hăng xướng thì hay lấy lý do đi dùng cơm với đồng nghiệp để trao đổi công việc làm ăn thì họ đi ăn tiệm. Khi ăn uống thì dùng rượu và bia, đến khi say mềm rồi thì thuê Taxi để về lại nhà, ngủ một đêm; ngày mai lại tiếp tục công việc cũ. Đa phần món ăn của Nhật rất ngọt so với cái cay Kim Chi của Đại Hàn hay Cà-ri của Ấn Độ. Trong khi đó khẩu vị của người Việt Nam lại khác; nên món ăn của Nhật người Việt Nam ít thích hơn là món ăn Trung Hoa. Duy chỉ có đồ Otsukemono là tuyệt vời. Đó là những loại rau, cải, dưa leo, giá, măng v.v... họ ướp muối rất ngon, đặc biệt là củ cải muối. Họ có những câu chuyện về các món ăn này, trong đó có Takuwan Osho là một. Đây là một vị Hòa Thượng, có lẽ ngày xưa tu trên núi, không có gì ăn trong mùa đông; nên ông ta nghĩ ra cách ướp những củ cải với muối và cất để ăn qua mùa đông dài tại Nhật và từ đó loại củ cải muối này mang tên vị Hòa Thượng này luôn.

Đồ ăn tối thường cho mỗi người là một phần riêng lẻ; không ai gắp đĩa chung vào đó cả. Có nghĩa là hôm đó có 6 món ăn tối thì trong khay của bạn sẽ có 6 chén, đĩa, bát dùng để đựng những thức ăn ấy. Nếu hết, bạn có thể đi lấy thêm; nhưng

họ canh vừa đủ cho một cái bụng vào buổi tối; nên hầu như thức ăn đựng trong mâm ấy đều được thanh toán sạch sẽ, dễ dọn.

Nếu mà mùa đông, người Nhật thường hay dùng những loại nồi để nấu thật nóng thức ăn; giống như lẩu của Việt Nam mình; nhưng củ cải thì họ xay hay mài nhuyễn ra rồi đổ chung vào với xì dầu và thức ăn từ trong nồi bốc khói ấy, khi gắp ra khỏi, chấm với xì dầu hòa tan với củ cải thì rất tuyệt vời. Vừa ăn vừa hít hà, vừa thổi, vừa nuốt, vừa chậm mò hôi hột. Đây là bữa ăn trong một gia đình vào cuối tuần khi con cái nghỉ học hay khi cha mẹ không đi làm. Nếu trong ngày làm việc thì những bữa ăn tối như vậy thật khó thấy. Trong chùa cũng vậy; bận nhất là ngày chủ nhật. Từ sáng đến tối, lúc nào cũng có Hộji (Pháp sự); có nghĩa là đám cúng. Có người đến chùa cúng tuần, thất cho thân nhân đã quá vãng của họ. Có người cúng giáp năm, hai năm, năm năm, bảy năm, mười năm... nhân đến 50 năm hay 75 năm. Điều này có nghĩa là chết không phải là hết, mà con cái của người mất nhân cơ hội đây về chùa để cúng giỗ và tưởng nhớ đến ân đức sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

Về cách mặc của người Nhật cũng khác với chúng ta rất nhiều. Bây giờ hầu như ai cũng mặc Âu phục kể cả đàn ông lẫn đàn bà. Tuy vậy khi có những ngày lễ quan trọng như ngày thành niên lúc 20 tuổi hay lễ tốt nghiệp Đại Học ra trường v.v... con gái Nhật Bản thường hay mặc Kimono truyền thống. Kimono viết chữ Hán là “trước vật”, nó có nghĩa là “đồ mặc”. Chỉ đơn giản thế thôi; nhưng từ Kimono này thế giới ai cũng biết; chứ nước nào lại chẳng có đồ mặc. Trong khi đó nhiều dân tộc Phi Châu cũng có những loại áo truyền thống rất đẹp, rất sang, hay áo dài của phụ nữ Việt Nam chẳng hạn. Thế mà chữ Kimono và áo Kimono của người đàn bà Nhật thực sự là nổi tiếng. Đàn ông cũng mặc Kimono; nhưng đơn giản hơn. Bên

trong cùng mặc một chiếc áo choàng dài màu trắng tay rộng; bên ngoài khoác lên một chiếc áo dài màu đen cũng tay rộng. Cổ áo thì không khác gì áo của người Trung Hoa mấy; nhưng lưng thắt và vạt áo ngắn hơn. Họ mang vớ truyền thống. Nghĩa là đôi vớ đó phải có chỗ xẻ ngay giữa ngón chân cái và ngón gàn đó để mang một loại guốc hay dép Nhật được. Đôi dép hay đôi guốc mang khi mặc Kimono cũng khác, không giống với guốc gỗ của Việt Nam mình. Thân guốc được nâng cao lên và đầu cũng như đuôi guốc được đóng thêm 2 miếng ván nhỏ cao độ 30 đến 50 cm. Nếu chưa quen, mang đôi guốc này có thể té được. Những vị Tăng sĩ Nhật Bản khi có lễ lộc, Tết nhất hay làm lễ Thanh Minh (Higan), Vu Lan (Obon) v.v... thường hay mang dép và mặc áo Kimono như vậy. Đoạn giữa bụng họ thắt một dây nịt gọi là Obi để ràng áo bên trong lại; còn bên ngoài thì khỏi. Trong khi đó áo Kimono của đàn bà con gái phụ nữ Nhật Bản thì đắt tiền và phức tạp hơn nhiều. Có nhiều chiếc áo cưới Kimono lên đến hàng trăm, hàng ngàn Mỹ kim, nếu là vải hay tơ lụa tốt. Dĩ nhiên người nữ mặc nhiều lớp hơn và cách phục sức cũng cầu kỳ hơn; chỉ riêng cái Obi (thắt lưng) của Kimono con gái khác với người đã lập gia đình và kẻ quý tộc giàu sang bao giờ cũng ăn mặc xa hoa lộng lẫy, không giống như những người bình dân.

Những ngày lễ như Shichigosan (bảy, năm, ba) là ngày lễ của trẻ con. Ngoài ngõ họ thường treo những chiếc lồng đèn có hình con cá trên những cây tre. Trong khi đó trẻ con được mặc những chiếc áo Kimono trẻ con truyền thống, trông thấy rất dễ thương. Đầu chúng thắt bím nếu là con gái. Con trai hay mặc đồ giống Samurai của những thời xa xưa cũ. Chúng vừa đi vừa hát những bài đồng dao của trẻ thơ. Trong các tuổi của cuộc đời, có lẽ tuổi thơ là tuổi hồn nhiên và đẹp nhất. Tuổi không lo lắng gì nhiều, chỉ có ăn, chơi và học tập. Con nít của Nhật rất ngoan, vì

chúng được cha mẹ cũng như gia đình giáo dục ngay từ thuở còn bé; nên thường được mọi người yêu mến; cho nên nếu có cái gì đó dễ mến; người ta thường nói rằng: “Sao mà nó giống như búp bê của Nhật Bản vậy!”.

Người Nhật có thói quen đi bên trái, tuy không phải là thuộc địa của Anh. Đa phần đi bên phải cũng không nhất thiết phải là thuộc địa của Pháp. Vì lẽ trước khi người Anh, người Pháp đến các xứ Á Châu hay Phi Châu thì họ đã có cách đi này rồi. Một hôm tôi hỏi Thầy Triệt Học và anh Đỗ Thông Minh, vốn là hai học giả của người Việt Nam đã sang Nhật du học cùng thời với tôi và vẫn còn đang ở tại Nhật Bản là vì sao người Nhật lại chọn lối đi bên trái, thì cả hai đều trả lời rất có lý rằng: “Vì ngày xưa người Nhật cỡi ngựa, đeo cung tên và kiếm. Do vậy để dễ rút kiếm cung thì những loại này phải đeo bên hông trái và khi rút ra thì dùng tay phải. Nếu chọn bên phải để đi, thì khi hai bên đối diện nhau, các vũ khí này chạm phải nhau; nên họ phải chọn đi bên trái để khi đi ngược chiều, cả hai người khi mang binh khí không bị va vào nhau vậy”. Đây là một cách trả lời dí dỏm, rất hay và có lý; nhưng không biết sự thật có phải như vậy không thì phải đọc sách lại để tìm hiểu nữa.

Tôi xa Nhật Bản kể từ năm 1977, tính cho đến nay vào năm 2014 là 37 năm. Vâng 37 năm và chỉ có ở Nhật hơn 5 năm (1972-1977) thế mà những gì tôi đã học được từ người Nhật ở ngoài đời, ở Đại Học và nhất là sự sinh hoạt trong các chùa Nhật, mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ và thực hành miên mật. Ví dụ như tật xấu là hay ăn nhanh như người Nhật; khiến cho những buổi quá đường trong mùa An Cư Kiết Hạ hay dự lễ trai tăng đầu đó, nhiều Thầy Cô ăn theo không kịp. Đây là một tật xấu bị ảnh hưởng của người Nhật mà cho đến cuối đời tôi vẫn chưa bỏ được. Ăn nhanh thì cơm canh khó tiêu, chứng đau bao tử có thể đến với ta vào bất cứ thời điểm nào.

Thế ngồi tụng kinh của tôi tại chùa Viên Giác hay bất cứ nơi nào tôi đi đến tụng kinh, đều ngồi theo kiểu của Nhật Bản (xin xem lại phần chi tiết bên trên) nhờ vậy mà cái lưng thật thẳng. Ở Việt Nam ở vào tuổi 65, 66 như tôi ngày nay nhiều người đã còng lưng và chóng gậy rồi; trong khi đó ở đây tôi còn đi thẳng lưng và mỗi đêm trong mùa An Cư Kiết Hạ tôi vẫn còn lay từ 300 đến 350 lay, kinh Đại Bát Niết Bàn, cứ mỗi chữ mỗi lay. Ân ấy là nhờ sống ở Nhật; tuy làm việc, đi đứng, ăn uống hơi nhanh so với các dân tộc Âu Mỹ khác; nhưng với tôi, nhờ đó mà sức khỏe rất điều hòa, ít đau vặt. Nếu mà cơn đau sập đến cũng có thể là chạy chữa không kịp trở tay đâu. Hòa Thượng Thích Minh Tâm là một bằng chứng. Ngài đã ra đi trong khi làm việc của Giáo Hội tại Phần Lan vào ngày 8 tháng 8 năm 2013 vừa qua ở tuổi 75, nhân việc điều hành khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 26 tại đó. Ngài cũng đã du học và tốt nghiệp ở Nhật Bản (1968-1973). Như vậy cái học, cái tu lúc ban đầu ở một nơi nào đó, nó ảnh hưởng với chúng ta vô cùng. Nó sẽ theo ta suốt cả một cuộc đời như vậy. Riêng tôi đã ảnh hưởng nhiều khía cạnh trong cuộc sống của xứ Nhật và xứ Đức là hai xứ mà khi nói ra ai cũng phải khâm phục cho sức làm việc và chịu đựng của hai dân tộc này.

Ngoài ra sự đúng giờ của người Nhật, đi kèm với sự sạch sẽ và tinh thần trách nhiệm của họ, tôi đã bị hay được ảnh hưởng không ít (xem thêm ở chương sau sẽ nói rõ hơn). Từ đó, tuy tôi không theo Nhật hoàn toàn, mà tinh thần cái hay cái đẹp cũng ảnh hưởng không ít cho Phật sự của tôi tại xứ Đức này. Tất cả những việc trên đều là sự thật, tôi xin cảm ân nước Nhật và người Nhật. Vì vậy Nhật Bản bây giờ đã ở trong lòng tôi, chứ không còn ở dưới mắt của tôi như xưa nữa.

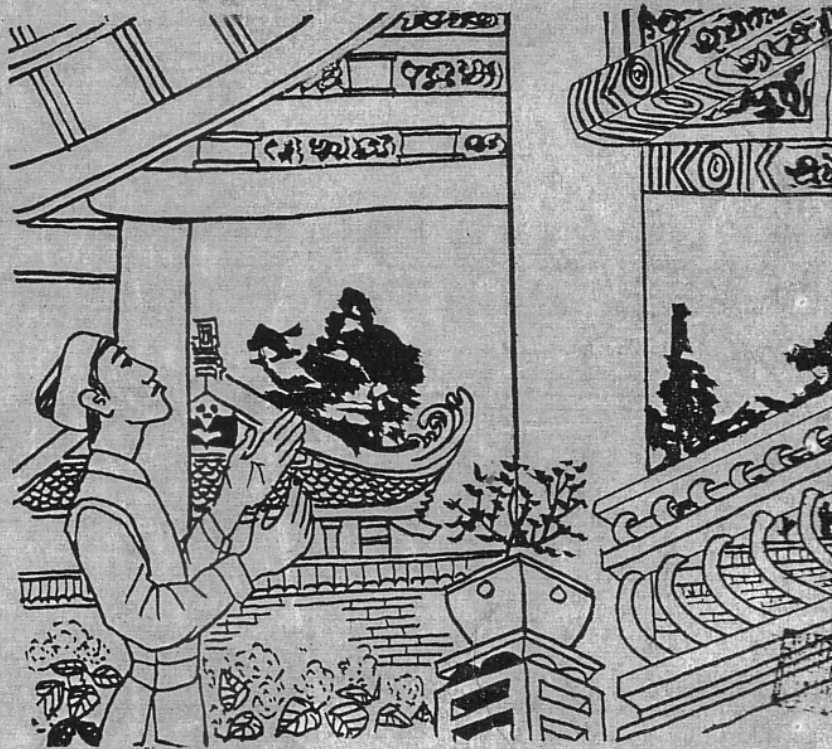
Nhân giờ lại chồng sách cũ mới phát hiện ra những quyển sách viết và dịch của tôi từ tiếng Việt sang tiếng Nhật cũng đã

trôi qua 40 năm rồi. Ngày nay nhìn thấy và đọc lại cũng cảm thấy vui vui. Vì ngày đó nếu không nhờ học Nhật ngữ với Thầy Okata thì tôi đã không có những tác phẩm bằng tiếng Nhật như thế này. Dĩ nhiên là tôi sẽ không dịch lại ra tiếng Việt. Vì nguyên tác của ông Nguyễn Đông Chi đã cho phép và hai quyển “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam I & II” bằng tiếng Việt ngày nay vẫn còn đó. Trong này tôi chỉ lựa những mẩu chuyện nào có liên quan với Phật Giáo và có ảnh hưởng nhiều trong nhân gian qua các phong tục, tập quán của người mình để giới thiệu cho người Nhật biết, nếu không, thườ ầy họ chỉ biết về chiến tranh, chiến sự và chiến trường Việt Nam nhiều hơn là nền văn hóa, phong tục và tập quán của nước mình; nên tôi đã làm công việc ấy.

Bìa quyển sách được vẽ bởi Thầy Triệt Học, trước đây là Trần Đức Giang, ông ta hiện là thông dịch viên nhiều thứ tiếng như: Hoa, Việt, Nhật, Anh, Pháp và vẫn còn sống tại Nhật. Thuở ấy (1974) ông hay qua lại thăm chùa Honryuji và tôi tại Hachioji; nên khi tác phẩm sắp hoàn thành ông ta đã vẽ trang trí dùm và đây cũng là tác phẩm đầu tay của tôi so với 64 tác phẩm của tôi đã, đang có trong hiện tại (1974-2014) nghĩa là đúng 40 năm, một chặng đường như thế, tôi đã xong 64 tác phẩm và dịch phẩm, mà lần đầu, Thầy Triệt Học đã giúp đỡ cũng như động viên tôi không ít. Xin cảm ơn Thầy. Ngoài ra những hình vẽ minh họa bên trong cũng do Thầy trình bày nữa. Ngày ấy tôi đã nhờ chùa Bồn Lập và Thầy Oikawa Shinkai đứng ra in ấn ở nhà in gần chùa. Thấy giá phát hành 300 Yen độ chừng 3 Euro một quyển 103 trang như thế. Lần này tôi chỉ Photokopy phần bìa sách, lời nói đầu của Thầy Okata, Giáo sư Đại học Teikyo, mục lục. Sau đó là lời cuối của tôi viết bằng tiếng Nhật cũng như những chi tiết phụ đề để độc giả lãm tường.

ベトナムの民話

第一集



NGUYEN DONG CHI 編

LE CUONG 法名 THICH NHU DIEN 訳

序

レ・クォン君との最初の出会いの情景を、現在でも思い出します。

帝京大学では、留学生の第二外国語として日本語の講座を開いています。昭和四十九年四月、どこの国のどのような学生が受講にくるのかと、期待しながら研究室で待っていると、剃髪して僧侶の衣服を身につけたレ・クォン君が、微笑を浮かべながら入って来ました。それで、何と無く「今日は。」と言って頭を下げたところ、レ・クォン君の顔色がさつと変わりました。「どうかしましたか。」と聞いたところ、「先生、ベトナムでは、頭を下げられるのは、軽蔑されたことになります。」との言葉を聞いて、一瞬あつげにとられると同時に「日本の国では……。」と弁明これ努めたことを覚えていきます。

一週間後の講義で部屋に入って来た時には、にこにこ笑顔を見せながら「先生、今日は。」と丁寧に頭を下げ「『郷に入つては郷に従え』ということわざもありますので。」という言葉が返ってきました。

ベトナムから一人でやって来て、日本との風俗・習慣の違いでいろいろ苦勞したことと

思います。この違いは、文章についてもいえることですが、ベトナム語を日本語に翻訳するにあたり、日本語の主語の省略、助詞の使用法で途惑っていたようです。が「郷に入つては」の精神で、努力しながら自分のものにしていく態度には頭が下がります。

又、授業が終わつての雑談でこういうこともありました。「先生、自分は一生結婚しません。」というので、理由を聞いたところ「一人の女性を心から愛してしまふと、すべての一般の人々に愛を及ぼす気持が薄くなります。それに、現在のベトナムには、自分が心の支えになつてあげなければならぬ人達がたくさんいます。」

レ・クオン君は、敬虔なる仏教徒であり、レ・クオン君の心の中では、さらにベトナムでは、仏教が日常生活の中で生きていることを強く感じました。それ故に、レ・クオン君は、人間の生を断ち切る戦争を心から憎みました。いつも微笑を絶やさないレ・クオン君が、祖国について語る時、その顔は曇りました。

レ・クオン君は、現在、帝京大学文学部教育学科三年に在籍しています。

昭和五十年四月

帝京大学文学部国文学科助教

岡田啓助

ベトナムの民話 第一集

目次

第一部	序	岡田啓助	二
	物の起源		
	西瓜の話		七
	血の木の伝説		一四
	きんま、びんろう樹と石灰石の話		一七
	からすとくじゃくの話		二三
	蟹の話		二六
	雷鳥の話		三七
	うそ鳴き声の鳥の話		四二
	蛙の話		四八

第二部

地名の起源

かぶとがにの話 五二

お正月の旗さおの話 五五

石が夫を待っていた 六一

五大山の話 六六

剣の池の話 七二

一夜の池と自然の砂丘の話 七七

海の池の話 八八

ロイ城の話 九三

あとがき 一〇〇

あとがき

戦争は人間のすべての愛情、母子愛、民族愛、祖国愛を奪ってしまふ。二十五年間以上も戦争はまだ続いている。ベトナム人民の骨は山のように積み重なり、血が川のように流れてしまった。我々の民族の苦しみはいつまで終わることなく続くのか、停戦になつても本当の平和はまだ遠い。

民族、風俗、習慣、言葉も同じなのに国は二つに分れ、そのために夫は北の方に妻は南にと別々に暮している夫婦もいる。燃やし続けた二十五年間の戦いの結果は「ベトナムの人間の皮と骨」を残し、ベトナム人の悲劇以外のなものでもなかつた。

私は、その民族のいたみの中で、その苦しみの時代に生れて来た。私が初めて産声をあげた時は、ちょうどフランスからの独立戦争が戦われていた。爆弾の炸裂する音の中で、私は生まれた。

物心ついた時、戦争をもう知っていた。苦しみは絶えず私から離れなかつた。未来はどうなるのか……。その不安は、今でも私の胸をしめつける。

私の民族の苦しみはいくら教えても教えきれない。昔は中国に千年隸属した。十九世紀後半ころから二十世紀前半まで八十年間、フランスに土地を奪われ、植民地になった。そして今までは毎年、毎月、毎日、毎時間、私の国では砲弾の音が聞こえ、まだやまないのである。

民族、祖国の再建の時代に生きる私は、無意識的な生活や無自覚な生き方をしたくない。と同時に、私は少しでも外国の人々と交流し、理解しあいたいと思っている。そんな理由のため私は、編集者阮憧芝（グエン・ドン・チ）氏の『ベトナム民話』を訳し、『第一集ベトナム民話』として紹介することにした。この本は私が初めて訳した本なので不備な点もあると思われるがその点にご教示いただきたい。

この小さな本ができるにあたり、協力して下さった多くの方に感謝を込めてお礼を申し上げる。特に私が御世話になっている本立寺御住職及川真介上人には、この本の上梓にあたり、かずかずの御配慮をたまわった。

また、帝京大学国文学科助教岡田啓助先生にもいろいろ御指導たまわった事を感謝したい。そもそも、私がこうしてベトナムの民話を皆さんに紹介できるのは、先生が「書いてみては。」と言って下さったことが動機であった。文法、用法も先生になおしていただ

いた。

更に、忘れてはならない方に、私の日本語の恩師の杉田はつよ先生がおられる。

日本語を一言も話せなかった私が、こうしてベトナムの民話を訳して出版できるようになったのは、全て先生のおかげだと言つても過言ではなく、この御恩はいつまでも忘れることがないであろう。

又、私が通う大学の友達である山田幸雄君と内村勝博君も私が訳した文章を見て、まじがいを直してくれた。感謝したい。

その他、おおぜいの方に御助言、御指導していただいた事を、心から感謝してお礼を申し上げます。

最後に、本書を八年前ベトナム戦争のため亡くなった母親の靈に捧げ筆を擱く。

東京都八王子市上野町七 本立寺内

作成 一九七五年一月十五日

訳者 LE・CUONG

法名 釈如典

訳者の経歴

本名 レ・クオン

法名 釈如典 (チツク ニヨー デイエ)

一九四九年 中ベトナム クアン ナン省に生れる。

八才 同省 福林寺にて得度式を受く

一九七二年 来日

現在 帝京大学・文学部・教育学科在学中

『ベトナムの民話』第一集

昭和五十年九月一日印刷・発行

編集者 グエン・ドン・チ

訳者 レ・クオン（チツク・ニヨー・デイエン）

挿画 チアン・チン・ホア ルオン・テイ・バク

発行者 及川真介

発行所 東京都八王子市上野町七番地 本立寺内

印刷 同

上野町十七番地 さくら印刷社
☎〇四二六（二二）四四五

Nội dung của sách này gồm 2 phần và gồm có những câu chuyện được dịch ra tiếng Nhật như sau: Phần I nói về nguồn gốc của sự vật có các mẫu chuyện như: Sự tích quả dưa hấu, Truyền thuyết về cây huyết dụ, Sự tích trâu cau, Sự tích con dĩa trảng, Sự tích con chim lồi, Sự tích tiếng kêu của chim, Sự tích con ếch, Sự tích con muỗi, Sự tích cây nêu ngày Tết. Phần II trong quyển này nói về tên tuổi của các địa phương, ví dụ như: Hòn Vọng Phu, Ngũ Đại Sơn, Hồ Hoàn Kiếm, Đầm Nhứt Dạ và bãi tự nhiên, Biển Hồ, Thành Lôi v.v...

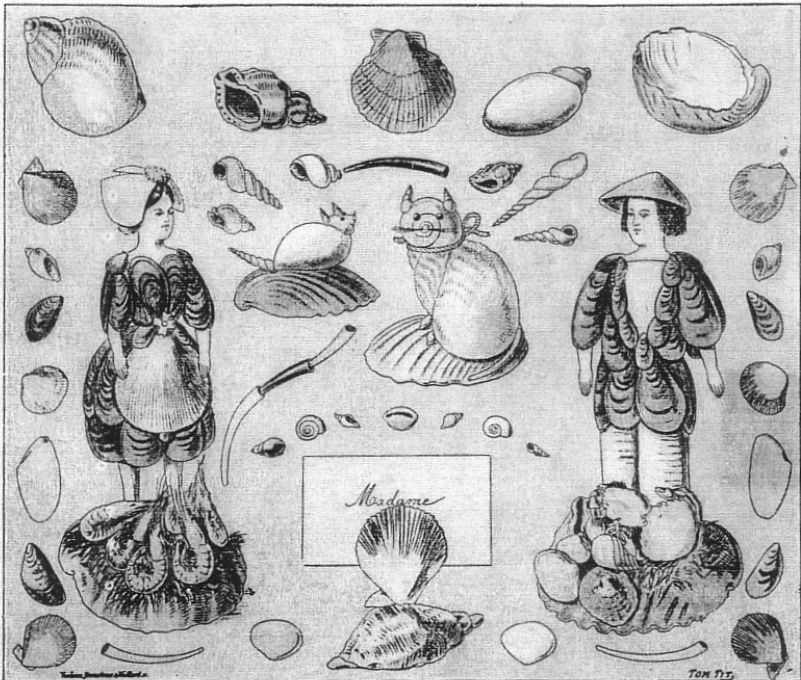
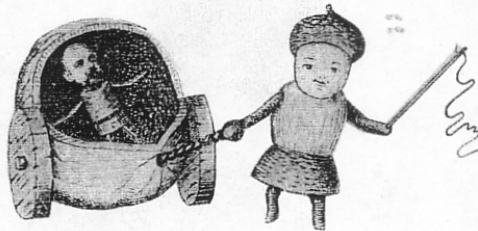
Tôi bắt đầu học tiếng Nhật với Giáo sư Okata tại Đại Học Teikyo vào tháng 4 năm Showa thứ 49 (1974) và quyển truyện Cổ Tập I bằng tiếng Nhật này được xuất bản tại Tokyo vào ngày 1 tháng 9 năm Chiêu Hòa thứ 50 (1975) thì sách được ra mắt tại Tokyo qua sự bảo trợ của Thầy Oikawa trụ trì chùa Honryuji tại Hachioji Tokyo. Đây chỉ là một dịch phẩm nhỏ khiêm nhường trên 100 trang mà thôi; nhưng tiếng vang không nhỏ, do vậy có nhiều cơ quan báo chí Nhật cũng như của Phật Giáo và các cơ sở xuất bản sách báo nhi đồng đã tìm đến tôi để xin phỏng vấn, cũng như mua bản quyền và đăng bài vở lên tập san hay nguyệt san của họ (xin xem hồ sơ bên cạnh. Tập san này nhan đề là: Kodomo no Kan (Hội quán của tuổi thơ) số 1 này xuất bản vào ngày 1 tháng 1 năm 1978 và mỗi tháng xuất bản một lần. Đây là quyển thứ nhất của năm xuất bản thứ 6. Trong này rất nhiều người Nhật và người ngoại quốc viết và bài của tôi dịch được đăng ở trang 66 về câu chuyện “Nói Lão Khôn Lường” trong quyển 2 của tập “Kho tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam” của ông Nguyễn Đồng Chi. Kèm theo trang 74 họ có phỏng vấn và viết bài về tôi nhan đề là “Nhớ Quê Hương”.

子どもの館

1978年 1 月号

M-エンデ・結城昌治・さのようこ・レクオン

昭和53年1月1日発行 ■ 定価100円(税別) ■ 郵代別
昭和48年7月13日第3号郵便物取扱局認可



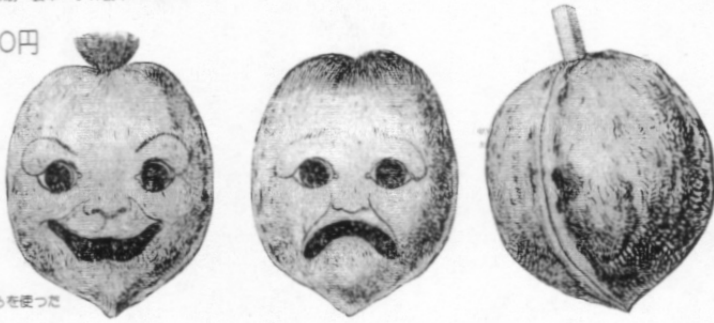
貝がらを使った工作

子どもの館

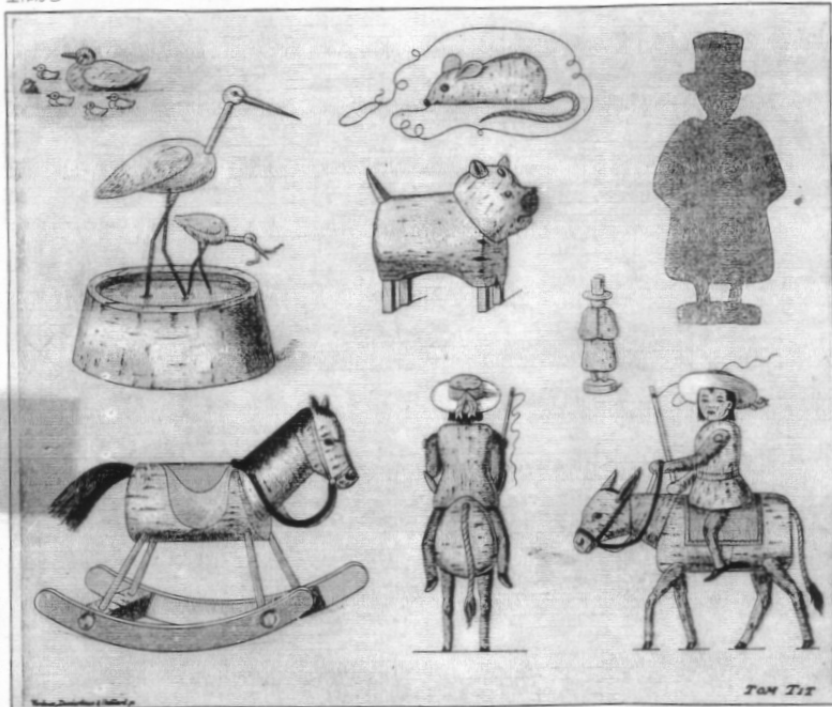
雑誌 3723-1

昭和53年1月1日発行
 昭和48年7月19日第3種郵便物認可
 第6巻第1号(通巻56号)
 編集発行人=松居道
 発行所=福音館書店
 東京都千代田区三軒町1-1-9平101
 印刷=三美印刷 製本=小林製本

定価 420円
 送料37円

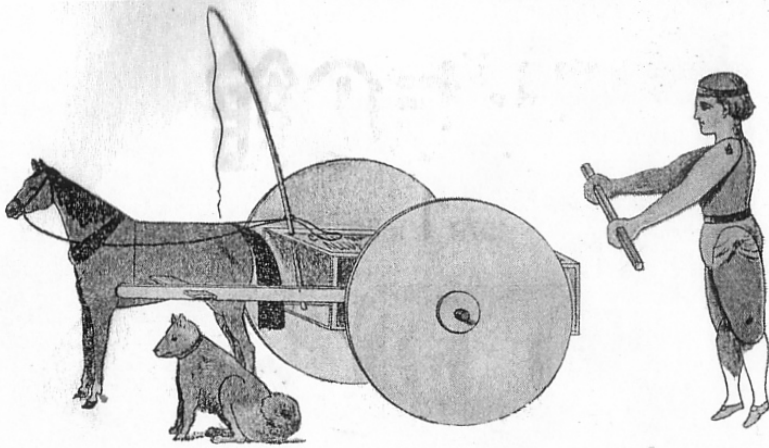


フルミのからを使った
 工作から



コルクを使った工作

Tan Tan



子どもの館 やかた

56

一九七八年二月号目次

表紙・扉・目次

イラストレーション—アサキケツド
アサイン—堀内誠一

文字の魔法 〈山〉

岸田衿子
鈴木康司

4

戯
サーカス物語

Mリエンデ

6

唄
決闘

結城昌治

43

絵物語
魚いびき生のまま

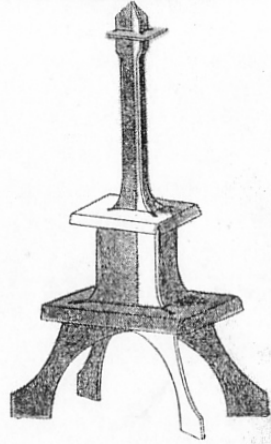
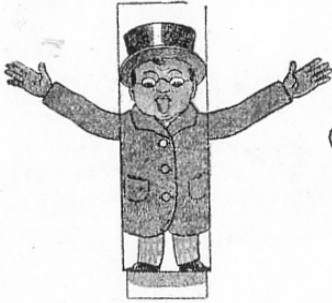
さのようこ

52

わらべこじは

丸山久子

85



さし絵 石川勇・日浦勇・福田庄助・和田誠

お知らせ
編集後記

128 109

資料	子ども本の世界から(41)……………	光吉夏弥	122
クソコイ	ヤマネコのすむ島(4)……………	日浦 勇	110
濃	ひげよ、さらば(6)……………	上野 瞭	93
書評	猫たちのバラード		
	羅針盤 『ミス・ジェーン・ピットマン』 『うらしまたろう』		
	『また七ぎつね自転車にのる』		
	怪談 7 親しき幽霊……………	平野威馬雄	86
	あそびの部屋 冒険宝島……………	下川敦子	76
	話「巨大」なうそつき エッセイ 故郷の思い出		
	生きている民話 17 (ベトナム)……………	レ・クオン	66



● 生きている民話17——ベトナム——

「巨大」なうそつき

レ・ク オ ン 訳

Nguyen Dong Chi 譯 "Kho Tang
Truyen Co Tich Viet Nam" vol.
2, (Nha Xuat Ban Khoa Hoc Xa
Hoi Hanoi 刊) より

昔、あるところに「巨大」という名前の青年がいた。両親が早く亡くなり、おじさんとおばさんの世話になっていた。クオイは機敏で、人をだますことにかけてはだれよりもうまかった。

村に、ひとりの金持ちの老人がいた。老人はクオイを信じていなかった。ある日老人はクオイを呼んで言った。

「おまえは人をだますのが上手だそうだな。わしは今、家の中でこうして坐っているが、おまえはわしを門前に行かせることができるかな。もしできたら、ほうびに五銭くれてやる。ここにいるみなが証人だ」

クオイは頭をかかえていたが、こう言った。

「おじさんがここに坐っていたんでは、おじさんをだます準備ができないよ。おじさんが門のとこまで行って、家へ入らせるようにだますというなら、できるんだけどなあ」





それなら、と老人は門のところへ行つた。するとクオイは大声で笑い、言った。
「ほら！ ぼくはおじいさんをだまして、門まで行かせたぞ！」

老人ははずかしく思い、約束どおりクオイに五銭与えた。

さて、クオイのいるおじいさんの家では、大きな豚を二頭飼っていた。家の者がみな出かけたある日、クオイは屠殺人を呼び、その豚を安く売りはらった。そのとき、豚のしっぽだけをもらい上げておいた。クオイには、ひそかな企みがあったのだ。

庭に小さい穴を掘ると、しっぽの先だけ地面の上に出し、埋めてしまった。そして、おばさんが帰ってくると、心配そうに言った。

「おばさん、たいへんだ！ だれかが豚を盗んで、地面の下に連れていっちゃったよ！」
それから、しっぽのところへおばさんを連れていって、指さして言った。

「さあ、このしっぽを見張っていてね。もつと下へ行ったり、切られたりしないように。その間にぼくが掘り出してみるから。ひょっとして、豚が戻ってくるかもしれないからね」
自分の豚がなくなつてはたいへんと、おばさんは、「早く掘り出して」とクオイに言った。
黙って土を掘っていたクオイは、かたたん土から抜けたしっぽを見ると言った。

「もうだめだ！ 豚は地下に行っちゃった！」

ある日のこと、クオイは空のざるをもち、おじさんと連れだつて市場へと出かけた。道中、クオイは、やおら道ばたへ寄り、そこにあった水牛のふんの上にざるをかぶせた。おじさんが何事かと近寄ると、クオイはそのざるを固く押さえて言った。

「うまくやった！ 大きな鳩をつかまえたぞ。手を入れると鳩が逃げちまうから、おじさん、早く家へ帰って網をもってきておくれよ。鳩をいけどりにしよう。この鳩はうまそう





だから、これで一杯やろうよ」

一杯と聞いてなまつばが出てきたおじさんは、さっそく網をとってきて、ざるの上にかぶせた。いつのまにか人びとが集まってきていた。おじさんがかごとりのけてみると……そこにあるのは水牛のふんで、鳩など影も形もない。だまされたと知ったおじさんは、たいへん怒り、市場へ行くのもやめ、クオイを自分の家へ帰してしまった。

またある日のこと、焼けるような暑さの日、クオイはおじさんと畑で働いていた。おじさんのどがかわき、クオイに、家へ帰り、お茶をもってくるように命じた。家に着いたクオイは、おおあわての様子をし、涙を流し、かすれた声で言った。

「おばさん、たいへんだ！ おじさんがたいへんなことになっちゃった！ 水牛に殺されて、内臓がみんな飛び出っちゃったんだ。畑で、もう死んでるんだ！」

おばさんは「南無三宝」を唱え、畑へとんでいった。

クオイはおばさんに先回りして畑へ行くと、おじさんに向かって言った。

「おじさん！ おてんとうさまにゃ目はなはいさ！ おばさんが、家ではしごに登って落ちて、死んでしまったんだ！ だれも気がつかなかったんだよ！」

それを聞いたおじさんは、胸をたたき、泣きながら家へ走っていった。

途中、おばさんと出くわし、なにもかもがわかった。

あいかわらずクオイはうそつき放題だった。夫婦ともクオイを心から憎く思い、かごの中に入れて、川へ放りこもうとした。

川辺に着くと、クオイは夫婦にたのんだ。

「おじさん、おばさん、ほくには罪がいっぱいだ。言うのものはずかしいことだが、ほくは





昔から、うそつきだった。でもぼくのうそを信じた人がいたこともほんとうだ。じつは、ぼくがうそをつけたのは、一冊の本のおかげなんだ。その本は今、天井裏にあるんだけど、お願いだからその本をもつてきてください。たとえ地獄に行くことになっても、あれがあれば食いつぶされることはないだろうから」

それを聞いた夫婦は、クオイをあわれに思い、家へ向かった。

クオイがかごの中に身を縮めていると、おりよく、ひとりのらい病人が通りかかると見えた。クオイは声をはりあげて言った。

「そこのお人。ぼくは前に、あなたのような病気をしたが、かごに入れられたおかげで直ったんだ。ここに入れば水府に行けるし、また戻ってこれるよ。かごをあけて見てごらん、ぼくはもう直ってる」

らい病人は、クオイのことを信じてかごをあけ、そのすばらしい方術をほめた。そして喜んでクオイに申し出た。

「わたしはなんて幸せもんだ。わたしをかごに入れて、ふたを閉めてくれ。ここにある金はおあなたにあげるから」

クオイは言われたとおりにし、お金をもらって、どこかへ行ってしまった。

さて、家へ帰ったおじさんは、天井裏をいくらさがしても例のうそつきの本が見あたらない。またもやだまされたことを知って、いそいで川へとつつかえし、もう何も考えずにかごを押して川へ落とす。かごは水中に沈み、らい病人は死んでしまった。

一方、川のほとりをすすんでいったクオイは、真夏の炎天下、暑くてたまらない。橋のところに来たとき、着物をぬいで水浴びをした。お金は手に握っていた。





そこに馬で通りかかった役人が、馬上からクオイが手にお金を握って、水浴びをしてのを見つけた。役人はクオイに呼びかけた。

「その子ども！ おまえは何をしているんだ」

クオイは答えて言った。

「おとうさんの使いで、お金と金箔きんぱくをもって出しましたが、橋の上に来たとき金箔きんぱくを落としました。家へ帰ったら、おとうさんがどんなに怒るだろう。それを思うと……」

そう言っつてクオイは泣いた。

役人は、馬から降り、着物をぬいで、クオイに言った。

「おまえは早くあがれ！ おれはこれから水浴びをするんだ」

内心、クオイの落しものをひとりじめしようと思つた役人は、川に入った。

クオイは水から出ると、役人の着物を着た。それを見て驚いた役人は、

「いったい何をするんだ」

とたずねた。するとクオイは、

「ぼくはとても寒いんです。あなた様の着物を着せてもらいます」

と答えた。

役人はクオイに名前と出身地をたずねた。クオイは、

「姓はバイといい、名はジウンといいます。バラ県ボンロン村にいます」

と答えた。

役人の姿が見えなくなると、クオイは馬に乗って行ってしまった。

いくらさがしても何も見づからなかつた役人は、だまされたと知つて、びっくりし、腹





をたてた。そして会う人ごとに「バイ・ジュンという子どもを知らないか」とたずね、人びとにあざけられた。

長いことさがし歩いたが見つかからないまま、役人は家へ帰っていった。

さて、ある日のこと、クオイは馬に乗って、おじさんの家へ帰った。夫婦はびっくりした。クオイを川へ捨ててから、はや二年半近くも経っていた。クオイが今ごろ、こんなりっぱな身なりで戻ってきたのはどういうわけだろうと、あやしんだ。

するとクオイは言った。

「地下の水府では、親切な人ばかりに会いましたよ。おじいさん、おばあさん、とうさん、かあさん。とうさん、かあさんはとても金持ちだったけど、ぼくはおじさんとおばさんがなつかしくて、こういう身なりで馬に乗って、いそいで帰ってきたんです！ おじいさんとおばあさんがね、おじいさんたちに会いたいから、ぼくといっしょに遊びにくるよう

に、言っていましたよ！」

夫婦はそれを聞いて大喜びで言った。

「わしたちも水府へ行けるかね」
 「そんなことなんでもないよ。ぼくがしたみたいにかごに入れればいいよ。ぼくが川の中に押し入れてあげるから」

とクオイは言った。

おじさんはいそいで、かごをふたつ作り、川辺へもっていった。おじさんはかごに入るとクオイに押すように命じた。クオイが押すとかごが落ち、ブクブクと泡がたつのが見えた。クオイはそれを見て、





「わっはっは！ おじさんが行く！」
と言った。

おばさんもクオイに早く押すように言い、クオイはおばさんの入ったかごも川に押し入れた。

その後クオイは、おじさんとおばさんの財産をすべてわがものにした。しかしクオイはさっぱり仕事をしなかったので、やがて財産はなくなり、クオイはまた旅へ出かけたくなった。

食べものをもって家を出たクオイは、大きな森へやってきた。ここには象がたくさんいた。象を一頭しとめてやろうと思ったクオイは、象の通り道に深い穴を掘り、その上を竹と草でおおっておいた。その翌々日、一頭の象がわなにかかっていた。頭と足が穴にはまり、地上にはおしりとしっぽが出ていた。クオイは象の肛門を除いて、そのほかの部分を手でおおった。そして象の肛門をもっと切り開いてから言った。

「はくは飛べる象もっているんだ！ 旅路の心配はもうないんだ」

死んだ象のおいをかぎつけて、からすとふくろうがやってきた。彼らは肛門から肉を食べつけ、おなかの中にまで入って食べた。はじめは二、三羽だったが、だんだん数が増えていった。

クオイは、象の肉がなくなるときを待った。鳥たちがたくさん象のおなかに入ったあるとき、クオイはとつぜん象の肛門の穴を閉じた。そして穴から象の体を掘り出すと、象の背中にまたがり、象を軽くたたいた。すると象のおなかの中の鳥たちは自然に飛びはじめ、象は空高く飛んでいった。





象はあちらこちらと飛んでいった。クオイが、象を止まらせまいと、一、三回象の背中をたたくと、鳥たちはおびえ、羽をたたんだ。象の体は落ちはじめ、たまたま皇帝の宮殿の上に来た。

皇帝と朝廷の廷臣は「天の象」に乗っている人を見ると、ただおそろしがってしまっただ。そしてクオイを丁重に、あたかも天上人のように迎えた。クオイは大喜びだった。皇帝にすばらしい象のことを述べると、皇帝は言った。

「わたしはその象に乗りたいたのだが。この世の珍しいものはすべて見たいと思っているの
でな」

クオイは答えて言った。

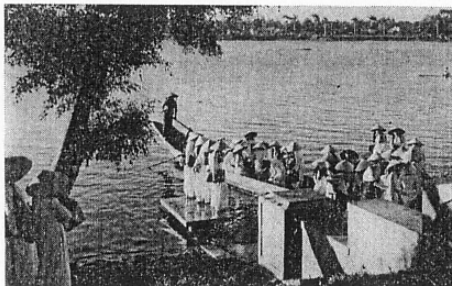
「よろしいですとも。ただしつぎのふたつのことをお守りください。あなた様の服をわたしに着せること。それから海の上に来たら、象の肛門くうもんの穴を開けること。象が水を飲みますので」

皇帝に思いとどまらずことのできる者はだれもいなかった。皇帝は象の背にまたがり、空に飛んでいった。そして海の上に来たとき、クオイに言われたとおり、象の肛門くうもんの穴をあけた。すると象のおなかにいた鳥は、たちまち外へ飛び出し、象の体は、皇帝もろとも海の中に落っこちてしまった。

皇帝の服を着たクオイは、その国の皇帝になった。

* 水の底にある竜宮のこと。その王、竜王は方術（神仙の術）の心得があり、人を助ける力がある。





フエ市のドン・カン女子中学生の登校風景

故郷の思い出

レ・クオン

私が幼いときを過ごしたのは、ベトナム中部のシュエン・ミという村でした。

見わたすかぎりに広がる果樹園（バナナ、パイヤ、パイナップル等）や畑の中に、農家が点在する風景は、皮が薄くて小さいバナナのおいしい味とともに、心に残っています。

人びとは、とれた果物や米、じゃがいも、とうきびなどのうち、家族の食べるものを残して、ほかは市場へ売りにゆきます。そうして手に入れたお金で必要なものを買うのです。

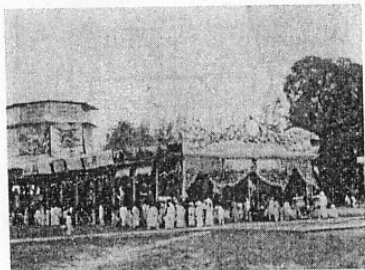
私は十人兄弟の末っ子で、一番上の兄の子どもの中には私よりも年かさの人がたくさんいます。昔は一夫多妻制でしたので、家族の数も多く、こういう家庭はよくありました。私の母が市場へ出かけると、私は門の前に立って、二時間も三時間も、母の帰りを待ちました。母はよくおもちやお菓子をおみや

げに持ってきてくれ、それが楽しみだったのです。みやげがないときは、私は大声で泣きました。

夜になると、家々には電気ではなく、ろうそくやランプの灯りがともります。ほの暗い灯りのもとで、母はよく私にいろいろなおもしろい話をしてくれました。私はこわい話が好きで、鬼の出でくる話をせがむと、母は両手を自分の口の中に入れて、鬼の歯のようにして見せたり、両手を頭の上につののように突き出したりしながら話をしてくれました。

母が目を大きくむきながら話を終えると、私は外の暗がりでおシッコするのがいやで、（家には便所がないのでいつも家の裏で用を足していました）そのままベッドへもぐりこみました。そんなとき、夢の中では、家の裏でおシッコをするのですが、その音はベッドから聞こえ、びっくりするのです。翌朝、





南部ベトナムの葬式風景



小舟(ツン・チャイ)に乗る筆者

父から「こわい話を聞いたくらいで！」とい
って叱られました。

私は八才のときに出家してお寺で生活を
していましたが、ある年、私の生まれた村一帯
に大洪水がおきました。私はいそいで家へか
けつきました。みな無事でしたが、食べもの
は何もなく、それはひどい状態でした。私が
お寺へ帰らなければならない日に、母は私の
手に無理矢理大きな果物をひとつにぎらせま
した。

私は出家してから、村のお葬式によく立ち
会いました。私の村でだれかが亡くなると、
土地の広さのわりに人口が少ないこともあつ
て、隣の村からたくさんの人びとが手伝い
にきて、一、二週間滞在します。ひととりの
行事がすむと、墓へ棺をおさめに行きま
す。(中部ベトナムは土葬です。)村の道は狭
いので、車ではなく、若い人たちが二、三十
人交替で棺を肩にかついで道を行きます。先
頭に村の旗、銅鑼、太鼓、さしがさなどを持
った人びとが行き、つぎにお坊さんがお経を
読みながらすすみます。そして花で飾られた
棺、それから白い服をきた親族、村の人と続
き、葬列は二、三時間の道のりを行います。
途中、他の村を通りぬけるときは、その村

の人びとは門の前に出て葬列をながめ、参列
者の数が多いと、「亡くなった人は幸せものだ」
などときさやかに話します。納棺をすま
せ、帰ってからは、みんなにごちそうがふる
まわれます。

今は少し簡略化されましたが、昔は亡くな
った人が出た家には、厳しい「孝」の掟が課
されました。親が亡くなった場合、息子は三
年間結婚してはならない、息子の夫婦は一年
間の間、いっしょに寝てはならない、といっ
たものです。

私は二十二才のときに日本へ来ましたが、
私の国では戦火はますますはげしくなり、た
くさんの人たちが死んでゆきました。私の母
も、この戦争で、死体が半分しか残らない痛ま
しい死に方をしました。兄たちも死にました。
どの家でも二人か三人の犠牲者が出まし
た。死者の出た家が昔どおり、厳しい「孝」
の掟を守っていたら、その掟から自由な人の
方が少なかっただろうと思われれます。

戦争に勝っても敗けても人民は一番苦しい
のです。今、ベトナムは平和になりました
が、これから将来にわたってずっと、私の国
で鉄砲の音が聞こえないように願ひながら、
今、遠い西ドイツの地で故郷を思うのです。

編集後記

★お隣りの国でありながら、中国の児童文学についての情報はなかなか私たちの目にふれる機会がありませんが、一九七七年第六期の『人民文学』に、数少ない情報のひとつが掲載されています。児童文学者であり、北京人民出版社の社長である严文井氏の「童話漫談」と題する短い文章がそれで、六月一日の国際児童節を前に、『北京少年』『北京児童』という雑誌の編集部と、童話創作の諸問題について、座談会で語ったことの要約だといふものです。

★「四人組」が専横をきわめていた時には、童話というものを根本から考えてみようとする人もほとんどいなかったが、「四人組」粉砕後は、百花斉放、百家争鳴という革命の成果が再び

実現され、そうした状況の下でこの座談会が行なわれたと述べたのちに、童話のあるべき姿が語られます。童話は文学の一形式であり、とりわけ、幻想性に富み、ローマンの色彩が濃くという特性がある。だから児童文学者には、高い思想認識とともに豊かな想像力が不可欠である。使われる言葉は、明瞭、的確、はつらつ、生き生きとした、子どもたちのものでなければならぬ。童話を書くためには、子どもというものを、その成長における認識や心理の相違を知ることが大切である……などといったことが語られています。

★随所に、政治の文脈への言及があり、童話の役割を「社会主義の認識を備えた文化的な労働者へと子どもたちを育てあげる」という教育目的に直結させていることなど、中国ならではの感がありますが、注意深く読んでみれば、想像力の大切さを

繰り返して強調し、まず子どもを知ることの大切さを説いている点などは、仄聞する文革以後の中国の状況が、こうしたことは、逆の方向を向いていたことを考えれば、きわめて興味深いものがあります。遠からず、世界中の子どもたちの財産となりうるような作品の生み出されることを期待したいものです。

★今号創作欄は異色作二点がならびました。一点は、第一線の推理作家結城昌治氏の短篇「決闘」で、いまひとつは、ミハエル・エンデ氏が、来日の折に、「日本だけがこれを上演できる舞台芸術上の蓄積があると私は考えている」として、残っていた戯曲で、本誌上で初めて発表されるものです。

★「文字の魔法」は今回をもって最終回となりました。
★石井桃子氏「幼なものがたり」、青木保氏「世界の終り」は、今号休載となりました。

小誌の御購読について

★子どもの館の定期購読をご希望の方は、もよりの書店にお申し込みください。
*小社へ直接ご注文のときは、送料とも六月二十七日四十二円になります。
*小社への御送金は、振替口座番号 東京五十一一七六四五 かまたは現金書留で、小社営業部までお願いいたします。なお御注文書には、住所氏名のほかに『子どもの館』何月号からと御明記ください。

子どもの館 一月号(第五十六号)

一九七八年一月一日発行

定価 四百二十円

編集担当者

菅原 啓州

八 畝 典子

澤 田 精一

佐々木 京子

松 居 直

編集発行人

印刷所 三美印刷株式会社

製本所 小林製本所

発行所 福音館書店

東京都千代田区三橋町一一九 郵便番号 一〇一 振替口座(東京)五二七六四五 電話(二九二三四〇)(一〇)

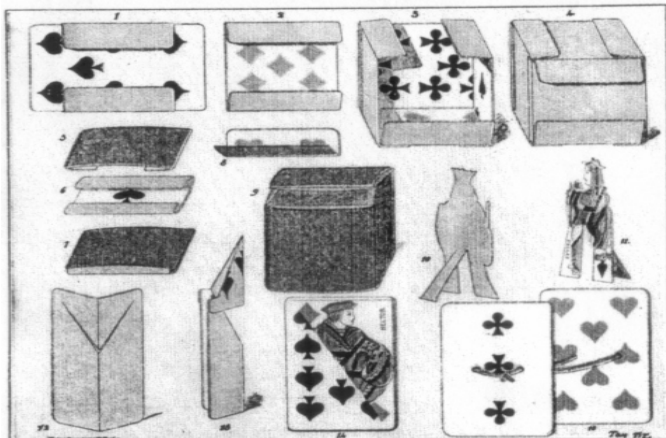
本誌掲載記事の無断転載・上演・放送を禁じます。

表紙の絵本について

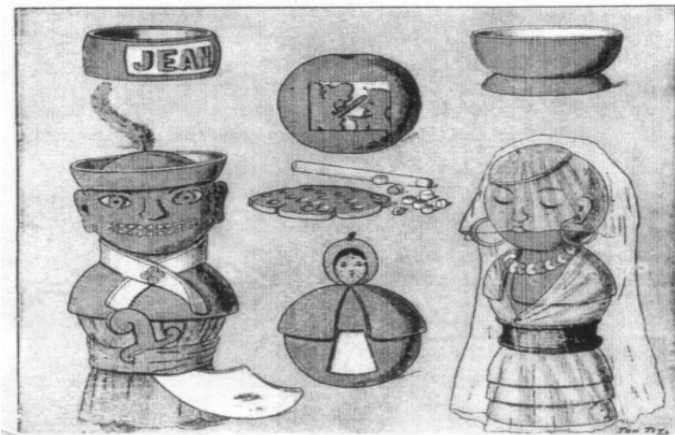
おそらくエビナル版画に、組み立て絵や、子どもの工作用の出来上り図の類いは古くからあつただろうが、一冊の子ども用の工作絵本としては、この本あたりが最初である。

トム・ティット、またはトムじいさんの「ひまつぶし本」は他に2冊ある。1910年代にパリの出版社からでているが、トム・ティットという名前は英国のわらべ唄に表れるように、作者の本名はアーサー・グッドで、パリに住んだ英国人であるらしい。

ていねいな描線、活版の色彩も美しいが、どことなく出来上った人形たちに不気味な雰囲気がある、その点も子どもたちに一種の魅力であったろう。技術的には相当複雑なところもあって、“女中さんにやってもらいなさい”などと書いてあるのも時代を感じさせる(H)



古くなつたトランプを使った工作



Trên đây là hai tài liệu đáng ghi nhớ để đời của tôi trong khi đi học tại Nhật Bản. Việc này thật ra chẳng có gì để hãnh diện; nhưng nó đã đánh dấu một sự nỗ lực phi thường của một thời kỳ như vậy. Bây giờ sống trong cuộc sống thường thường này khi hồi tưởng lại những kỷ niệm xa xưa ấy, có cái gì đó gọi lại trong tâm mình nhiều hình ảnh thật là khó phai nhòa.

Lúc tập san có đăng bài của tôi dịch này vào năm 1978, khi ấy tôi cũng đã chuẩn bị từ Kiel về Hannover để chuẩn bị vào học ngành Giáo Dục tại Đại Học ở đây. Ngày ấy người ta gọi là Phân khoa Erziehungswissenschaft. Còn bây giờ người ta gọi là Padagogik. Hai từ này có nhiều điểm khác nhau; nhưng lúc khác có thì giờ sẽ giải hầu quý vị.

Trên đây là một chút kỷ niệm của một người ngoại quốc sống tại Nhật đã hội nhập vào xã hội ấy như thế nào qua phong tục, tập quán của người Nhật; đồng thời cũng mang phong tục và tập quán của người Việt Nam giới thiệu với người Nhật để họ rõ biết nhiều hơn.

CHƯƠNG BẢY

Đời sống thường nhật của người Nhật

Ngày 22 tháng 4 năm 1977 tôi rời Nhật Bản với Visa vào Đức, đi học tiếng Đức. Sở dĩ có được Visa này là nhờ Bác sĩ Văn Công Trâm, em ruột của Sư Bà Diệu Tâm, làm giấy bảo lãnh đi sang Đức. Trâm và tôi vốn là người đồng quê hương xã Xuyên Mỹ, quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Lúc nhỏ học cùng trường Tiểu Học tại quê, lớn lên mỗi người đi mỗi ngã. Trâm xong Tiểu Học trường làng, xuống Hội An học Trung Học rồi ra Đà Nẵng và sau đó là đi du học Đức từ năm 1968 (xem thêm bài “Những chiếc bao nylon theo dòng đời trôi chảy” đăng trong Viên Giác số 201 xuất bản vào tháng 6 năm 2014) để biết thêm về những liên hệ lúc ban đầu này. Cũng nhờ Bác sĩ Trâm mà tôi mới ở lại Đức cho đến ngày nay; nếu không có được nhân duyên ấy thì chẳng biết bây giờ đã ra sao rồi.

Mọi người tiễn tôi ra phi trường Haneda để đi Tây Đức. Khi lấy giấy lên tàu và cân hành lý thì nhân viên hàng không báo cho tôi biết là: Khi Thầy đến phi trường Hamburg sẽ không có ai đi đón. Chấm hết và bên dưới tờ điện tín ghi là : Lâm Đăng Châu. Tôi chưa quen anh Sinh viên này trước khi đến Đức; nhưng trước đó Trâm có giới thiệu tôi với anh Châu qua thư từ và nhờ anh ta đi đón dùm cũng như về sau này nhờ anh ta xin dùm giấy nhập học tại Đại Học Hannover. Tôi cũng đã

chẳng biết là độ xa từ Hannover đến Hamburg là bao nhiêu và cũng không hiểu vì sao Trâm không đi đón được. Ngồi trên máy bay, nhìn mây bay bồng bênh, thấy thân phận của mình không khác gì những đám mây lang bạt ấy.

Máy bay nghỉ ở thủ phủ Alaska, tức Anchorage nơi tuyết giá quanh năm, mà điều thật lạ là ở đây người Á Châu quá nhiều, họ nói đủ thứ tiếng kể cả tiếng Nhật và tiếng Hoa; nên tôi không thấy xa lạ với Nhật Bản mấy. Lúc ấy vào tháng tư mà nhiệt độ bên ngoài còn lạnh lắm. Sau khi máy bay đổ xăng và lấy thêm hành khách, đoạn trực chỉ Hamburg. Hamburg bây giờ còn nhỏ mà thuở ấy phi trường còn nhỏ hơn bây giờ nữa. Sau khi làm thủ tục nhập cảnh, tôi kéo Valise ra ngoài, chẳng thấy ai cả và bây giờ phải làm sao đây ?

Khi ở nước ngoài mà không rành ngoại ngữ, không hiểu phong tục tập quán v.v... là một chuyện khó khăn vô cùng. Do vậy đôi khi chúng ta thấy người Á Châu, nhất là người Nhật, khi đi du lịch sang Âu Mỹ hay đi thành từng đoàn người như vậy và có hướng dẫn viên du lịch, rành ngôn ngữ địa phương tại đó, để họ đỡ lo. Còn tôi, hôm đó chỉ có một mình, ngồi tại phương trường đợi Trâm đến đón. Đường xa mệt mỏi; nhưng phải cố chờ thôi. Vì biết gọi ai bây giờ, khi ở xứ Đức này tôi không quen ai hết. Cuối cùng rồi Trâm cũng đến và đón đưa tôi về nhà người quen, tôi ở đó mấy ngày tại Plön; một vùng đồng bằng gần thành phố Kiel rất đẹp. Những ngày sau tôi vào ở chung nơi thực tập tại bệnh viện của Bác sĩ Trâm. Ban ngày Trâm đi thực tập thì tôi viết thư hay Card Postal gửi về Nhật hay Việt Nam cũng như những nơi khác, báo tin rằng đã đến Đức an toàn. Mỗi ngày viết cả hàng tá lá thư và Postcard như thế. Vào cuối tuần, tôi và Trâm hay đi dạo quanh bờ hồ để nói chuyện về Nhật Bản hay hồi ức về tuổi thơ cũng như quê hương thời còn chinh chiến...

Có hôm mới trưa thứ sáu Trâm bảo tôi hôm nay là cuối tuần. Tôi hơi ngạc nhiên và hỏi lại:

- Cuối tuần ?

- Vâng! Ở Đức từ trưa thứ sáu đến tối chủ nhật họ tính là một cuối tuần.

Tôi thật sự ngỡ ngàng, vì lẽ ở Nhật bao nhiêu năm tôi chưa bao giờ biết đi dạo là gì và cũng không có cái cuối tuần nào hết. Ngay cả ở Đại Học, chiều thứ bảy vẫn còn học như thường và chủ nhật là ngày sinh hoạt lễ lộc của chùa từ sáng đến tối, nhiều khi tôi phải đi họp với Hội Sinh Viên Phật Tử Việt Nam tại Nhật thưở ấy; nên hầu như chẳng biết cuối tuần là gì cả.

Tôi thấy người Đức sống, làm việc cũng cần cù siêng năng; nhưng người Nhật siêng năng hơn; đến đổi mỗi năm họ chỉ có 10 ngày nghỉ phép và nếu trong thời gian làm việc ấy họ lỡ bị đau ốm, thì họ cán vào trong những ngày nghỉ phép ấy. Cuối cùng một năm đâu có còn mấy ngày nghỉ nữa. Trong khi đó, ở tại xứ Đức này nhiều khi mới đau đầu nghẹt mũi là người ta đã đi đến Bác Sĩ để khám và lấy giấy nghỉ bệnh rồi. Ở Nhật thì không phải vậy. Người ta rất có trách nhiệm ở hãng xưởng nơi họ làm. Đó là tinh thần trách nhiệm về xã hội, về quan niệm của cuộc sống và lấy sự tồn tại của hãng xưởng làm sự tồn tại của gia đình mình; chứ không phải mình sống nhơn nhơ, trong khi hãng của mình thành bại như thế nào cũng mặc.

Ở Nhật một sinh viên hay một công nhân khi đi làm việc; khi phỏng vấn thì hay được hỏi là:

- Tại sao cô/cậu muốn xin vào làm nơi sở của tôi?

Nếu trả lời rằng:

- Tôi thấy ở đây thoải mái, đồng lương cao; nên tôi muốn xin vào đây làm; hoặc giả ở đây tiện lợi đường đi, chỗ ở v.v...

Ngay lập tức bạn sẽ có một cái hẹn khác, mà bạn sẽ khó trở lại để làm việc cho hãng này được. Nhưng nếu người nào khôn khéo trả lời rằng:

- Sở dĩ tôi chọn hãng của ông để xin làm việc vì tôi thấy công việc này thích hợp với tôi và tôi muốn thể hiện năng lực cũng như khả năng của mình để phục vụ cho hãng của ông càng ngày càng được phát triển thì tôi và gia đình tôi sẽ được cậy nhờ v.v...

Nếu bạn trả lời được như vậy thì bạn sẽ nhận được một cái gật đầu hay một cái nhoen miệng cười của ông chủ rất tươi. Điều ấy có nghĩa là hãng này đã chấp nhận bạn rồi đó và kể từ ngày ấy trở đi sự sống của bạn và gia đình bạn luôn luôn gắn chặt với công việc cũng như sự phát triển của hãng này.

Có nhiều người Việt Nam tại Đức khi tôi hỏi:

- Công việc của cô/cậu ra sao ?

- Bạch Thầy! Con làm việc nhẹ lắm; mà tiền thì khá lắm.

Nếu ở Nhật mà nghe câu trả lời như vậy thì bạn sẽ bị một cái nhìn mắt thiện cảm ngay. Vì trên đời này bao giờ cũng “tiền nào của nấy”; chứ làm gì có chuyện mà làm đỡ ăn nhiều, làm xấu ăn lương tốt đâu. Điều ấy nó chỉ có thể xảy ra một xíu kém văn minh và chậm tiến về vấn đề trách nhiệm đối với xã hội cũng như công việc làm. Làm việc nhàn hạ mà lương bổng lại được lãnh nhiều, thì đúng là một chuyện lạ. Câu chuyện này đối với người Nhật hay người Đức là một loại thần thoại đấy! nghĩa là ít thật có xảy ra.

Những ngày đầu khi đến Nhật, tôi hoảng hồn về cách đi đứng, ăn nói của họ. Họ đi thì như chạy và khi đến gần nhà gare

xe lửa rồi là mạnh ai nẩy lủi, trông như một bầy gà con đang đi tìm mẹ. Xe lửa chạy đường trường thì phải đặt được chỗ ngồi mới lên xe. Còn xe chạy tại địa phương Tokyo như: Yamanotesen, Keiosen, Seibusen, Ikebukurosen v.v... cứ 2 đến 5 phút có một chuyến chạy qua chạy lại về nhiều hướng khác nhau. Thế mà cứ mỗi lần xuống và mỗi lần lên đông không thể nào tả nổi. Nhiều khi nhân viên hỏa xa phải đẩy mạnh người vào thì cửa xe mới khép lại được. Nếu là người già Việt Nam đến ở Nhật sẽ khổ sở lắm. Vì không quen với tập quán đi xe như vậy.

Một điều đặc biệt nữa là ở Nhật đa phần người ta không hẹn nhau tại nhà mà hay hẹn nhau gặp tại nhà gare nào đó gần nhà, sau đó thân chủ ra gare mới đón về nhà. Vì đường ở Nhật hầu như không có tên; chỉ có chữ và số để gọi và nhà của Nhật không có số; cho nên chỉ có người đi đưa thư của bưu điện thuộc diện cha truyền con nối thì mới nhớ đường và nhớ nhà để bỏ thư, còn người khác lạ từ xa đến thì khó tìm nhà được lắm. Chẳng bù lại với Hoa Kỳ, đường nào cũng thẳng tắp và dài ngắn ngàn; nhà nào cũng thoáng và dễ tìm. Ở Mỹ người ta hay đặt tên đường theo thứ tự A, B, C. Nếu mình đang đi đến đường G mà mình muốn tìm đường A, thì mình sẽ biết được rằng còn mấy khu nữa mình sẽ đến khu A. Điều này nó đơn giản, thoải mái, giúp cho người đi tìm đỡ tốn thời gian. Ở Mỹ cũng dùng số để gọi cho đường; nhưng các số cũng tăng dần theo thứ tự từ đường số 1 đến đường số 10 hay số 20 v.v... nên rất dễ tìm. Sở dĩ Hoa Kỳ có được ưu điểm như vậy vì là những đô thị mới được phát triển trong một vài trăm năm nay; còn Nhật Bản hay các xứ Á Châu khác, nhất là Trung Hoa đường sá, nhà cửa đã xây dựng cả hàng ngàn năm nay rồi; nên không thể so sánh với Hoa Kỳ được; cho nên có thể nói rằng Hoa Kỳ là một trong những nước có nền văn minh cao nhất thế giới là vậy. Đất rất

rộng, họ xây cầu cống, đường sá trước, sau đó mới xây nhà. Còn ở Á Châu chúng ta thì khác, xây nhà trước và đường được xây sau; nên nhiều khi thấy nhà phố ở Á Châu mình có cái lõm, cái lồi ra ngoài đường. Còn ở Mỹ hầu như không có việc này.

Ở Nhật họ cũng đứng sấp hàng; nhưng thường thì được giải quyết rất nhanh; chứ không phải như ở những xã hội chủ nghĩa. Đi lên xe lửa đứng sấp hàng, mua bánh mì đứng sấp hàng, đi tiêu, đi tiêu đứng sấp hàng, mua vé vào xem Ciné đứng sấp hàng, đi vào chùa, vào công sở... đứng sấp hàng; nhưng tuyệt nhiên rất trật tự và yên lặng; không có cảnh ồn ào, chen lấn hay la réo om xòm như Việt Nam của chúng ta. Nhiều người hay bảo tại sao tôi hay khen người Nhật và người ngoại quốc nhiều đến thế, còn lại chê người Việt Nam thậm tệ như vậy? Tôi trả lời rằng: Bởi vì người ta giỏi hơn mình thì mình phải khen chứ, không lẽ bây giờ tôi khen cái giỏi của người Việt Nam là lúc nào cũng đến trễ và bất cứ nơi đâu cũng ăn to nói lớn và phục sức thì cũng khó coi, không hợp thời cho một đám tang trong khi những áo quần lòe loẹt, hút thuốc trong phòng, nói chuyện ồn ào và không tắt máy điện thoại khi vào nghe thuyết giảng. Dĩ nhiên người Việt Nam chúng ta có những cái hay cái đẹp khác, thỉnh thoảng tôi sẽ chen vào những câu chuyện về sau này; nhưng ở những lãnh vực bên trên thì chúng ta cần phải học hỏi ở người Nhật Bản nhiều lắm.

Nói riêng về vấn đề tham lam tiền bạc, của cải của người khác, có lẽ người Nhật chiếm giải quán quân là ít bao giờ hôi của như một số dân tộc khác, trong đó có cả Việt Nam mình. Tiện đây tôi xin kể lại một câu chuyện như sau:

“Cách đây hơn 10 năm; thưở ấy Thầy Hạnh Nguyên và Thầy Hạnh Tấn chưa xây Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ

Đề Đạo Tràng tại Ấn Độ, quý Thầy ấy đề nghị với tôi là ba Thầy trò nên đi Nhật một chuyến để xem kiến trúc chùa viện của Nhật và làm nhại theo. Tôi đồng ý và Thầy trò lên đường sang Nhật. Những ngày ở Tokyo thì không có vấn đề; nhưng khi đến thăm và ở lại nhà của ông Harata tại miền Nam nước Nhật, lúc quay lại Tokyo thì có việc để phải nói. Nguyên là tôi có quen với một ông giáo sư Đại Học người Nhật tại Hannover tên là Harata, ông ta có mời chúng tôi đến nhà ông ta để ở lại. Tại đó phong cảnh thật là tuyệt vời. Nhà chia ra làm hai loại kiến trúc khác nhau. Một nửa ở bên trong thì bày trí theo Tây Phương và một nửa bên trong khác thì theo lối Nhật. Tôi chọn theo lối Nhật và ở lại đây trong mấy ngày. Thầy Hạnh Nguyễn cùng Thầy Hạnh Tấn chọn theo kiểu ở của Tây Phương, vì quý Thầy ấy không quen theo kiểu Nhật. Ngày thường đi xem phong cảnh tại địa phương, tối đến kể chuyện nước này nước nọ bằng nhiều ngôn ngữ. Đến ngày về mọi người đều vui vẻ và hẹn nhau sẽ gặp lại trong những năm tới. Khi đi giữa đường trên tàu chạy nhanh Shinkansen từ Nagoya về Tokyo thì Thầy Hạnh Nguyễn phát hiện là đã quên cái túi tiền và Passport để tại nhà của ông Harata. Lúc đó Thầy Hạnh Nguyễn hoảng hốt; nhưng tôi thì trấn an rằng:

- Ở Nhật chẳng có sao đâu! Sẽ không bao giờ bị mất cắp cả.

Thầy ấy tạm yên tâm; nhưng sau khi gọi điện thoại lần đầu thì người nhà báo tin là tìm không được và lần thứ hai tôi hỏi lại Thầy ấy kỹ hơn để diễn tả cho người nhà ông Harata biết là ví tiền và giấy tờ ấy để ở đâu. Cuối cùng thì họ đã tìm được, không phải ở dưới chiếc gối, như Thầy ấy nói cho tôi biết, mà Thầy Hạnh Nguyễn để dưới cả 2, 3 lớp mền nữa; nên một phen hú vía. Thế là tôi cho địa chỉ chùa của Thầy Chơn Lễ (lúc ấy Thầy vẫn còn ở Nhật) ở Tokyo và ngày hôm sau nữa thì Thầy

Hạnh Nguyễn nhận lại cái ví nguyên vẹn trong đó có 2.500 USD và Passport tùy thân”.

Như vậy đó, ở Nhật ít có mất cắp hay bị ăn trộm vặt. Vì người Nhật tự biết rằng của ấy không phải của mình thì không nên lấy. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua tại 4 tỉnh miền Đông Bắc Nhật Bản như Sendai, Fukushima v.v... bị một trận động đất có 9 độ chấn Richter; nên nhà cửa hư hại; người chết ngổn ngang. Con số thống kê mới nhất là 16.000 người. Chính quyền địa phương ngoài việc vớt xác lên để chôn, còn tìm được 8.000 cái kết sắt để tiền mặt. Trong mỗi kết sắt như vậy chứa rất nhiều tiền. Có cái chứa cả triệu đô-la tiền mặt. Mãi cho đến bây giờ sau 3 năm tìm kiếm thân chủ thì chỉ có 3.000 kết sắt có chủ đến nhận, còn lại 5.000 kết sắt vẫn không ai quan tâm đến. Một phần có lẽ chủ nhân của những kết sắt này đã chết rồi và phần khác, thân nhân cũng không biết người thân của mình giấu kết sắt ấy ở đâu; nên số lượng kết sắt còn lại nhiều như vậy. Vấn đề ở đây nó không chỉ đơn thuần là như vậy, mà chính ở độ tin cậy giữa con người và con người với nhau, họ không làm tổn thương đến niềm tin và nhất là sự mất mát đau thương ấy không có gì bù đắp được; nay lại còn bị mất trộm của cải tài sản nữa, thì quả là một sự xúc phạm không nhỏ đối với người sống cũng như kẻ chết; nên những người Nhật khác họ không làm. Vì vậy cho nên nhiều người bình luận rằng: Trong tự điển của người Nhật không có danh từ “hôi của” là vậy. Cho nên thế giới phải cúi đầu trước tinh thần cao cả của người Nhật như vậy. Ở trong sự hỗn loạn mất mát to lớn như thế mà họ vẫn bình tĩnh và không gây nên xáo trộn trật tự của xã hội. Chính phủ nhận lỗi của mình với người dân, việc ai nấy làm.

Cách sau chừng 3 tháng của năm 2011 ấy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại các châu góp tiền lại để đi cứu trợ vụ thiên tai này. Khi đến Tokyo, đoàn có 13 vị Tăng Ni ăn

chay; nên tôi đã hướng dẫn vào một tiệm Soba để gọi mì chay theo kiểu Nhật. Mỗi tô độ 10 USD. Sau khi dùng xong, tôi gửi bà chủ 150 USD cho 13 tô mì. Bà ta quay lại hỏi tôi:

- Thưa Thầy! Thầy có lộn không đó ?

- Tại sao ?

- Vì chúng tôi chỉ cần có 130 USD là đủ, chứ đâu có cần đến 150 USD.

- Không phải rồi! 20 USD còn lại là tôi lì-xì tiền “pour boire” cho người làm đó!

- Thưa Thầy! Trong số tiền 130 USD ấy đã có tiền thuế và tiền phục vụ rồi. Xin cảm ơn Thầy và xin Thầy nhận lại 20 USD này đi.

Quý vị thấy đó! người Nhật rất rõ ràng và sòng phẳng; không nhân nhượng và cũng không thái quá. Qua câu chuyện trên đây chúng ta có rút tía ra được một bài học gì hay không, thì xin tùy nơi quý vị suy nghĩ vậy.

Người Nhật làm việc quá sức, cho nên về già có một cái bệnh gọi là “Itai” (nhức mỏi) mà ít có thuốc nào chữa trị được. Họ sống vì công việc và họ cũng chết vì công việc là vậy. Tinh thần trách nhiệm của họ cao lắm. Nhân đây tôi cũng xin kể lại một câu chuyện xưa tại chùa Bồn Lập để hầu quý vị, mà tôi biết rằng: Chuyện này đã kể đi kể lại nhiều lần rồi; nhưng thiết nghĩ vẫn không thừa. Nếu ai nghe hay xem rồi thì thôi. Còn ai chưa đọc đến thì câu chuyện này cần nên đọc.

“Ở Nhật các chùa và các tư gia thường rất sạch sẽ, họ lau sàn chùa mỗi ngày 2 lần; giống như người Đức lau cửa sổ vậy; nghĩa là làm sao không cho một vài hạt bụi còn lại bên trên sàn nhà hay cửa sổ là được. Cũng may là những cửa kéo trong nhà của Nhật Bản bằng giấy; không phải bằng kiếng, nên không cần

phải lau như ở Đức; nhưng phải phủ bụi, cũng đỡ tốn thời gian hơn. Tuy nhiên sàn chùa bằng gỗ thì phải lau thường xuyên mới được bóng láng. Trong nhà Thiên thì tác vụ, có nghĩa là làm việc, cũng là một phép tu để luyện tâm và luyện thân. Chùa Bồn Lập thuộc phái Nhật Liên Tông; nhưng Thiên Tông vốn đã ăn sâu vào tư tưởng của người Nhật; nên ở đâu đó bất cứ trên phương diện nào, khi chúng ta nhìn vào Nhật Bản, nhìn vào chùa Nhật, nhìn vào người Nhật chúng ta đều thấy phảng phất có hương vị Thiên nơi ấy.

Một hôm tôi lau sàn chùa xong và gặp Thầy Trụ Trì Oikawa hỏi bằng tiếng Nhật rằng:

- Bạch Thầy! Sao cái chùa mình sạch như thế này mà mỗi ngày cứ phải lau đến hai lần ?

- Ừ thì phải lau cho nó sạch. Nếu nó đã sạch rồi thì lau cho nó sạch nữa. Ông là người tu hành nếu lau cái chùa nó không sạch thì làm sao lau cái tâm ông cho sạch được!

Tôi nghe xong lại giật mình. Đúng là hôm nay mình đã nhận được một công án của Thiên. Đó là “lau cái chùa không sạch, làm sao lau cái tâm cho sạch được”. Và kể từ đó đến nay, lúc nào tôi cũng để ý về vấn đề lau tâm này. Ví dụ như một vấn đề nào mà làm chưa được đến nơi đến chốn, tôi luôn nghĩ rằng: Cái tâm của mình còn đối đãi phân biệt, tâm chưa sạch; nên mới như thế. Nhưng trước khi tâm sạch phải lau cho thân sạch. Ví dụ nhà cửa, phòng ốc, chùa chiền, vườn tược v.v... nơi nào cũng phải chỉnh tề đẹp đẽ thì tâm mình mới vui; nên tôi cũng hay để ý đến phương diện này lắm. Nhưng khổ có một điều là là tinh thần trách nhiệm của người mình và những nước kém văn minh còn thấp lắm. Ở những nước dân chủ phát triển, họ ứng dụng tinh thần trách nhiệm của mỗi người dân rất cao. Ví dụ như ở Nhật, nhà gare Tokyo là một nhà gare rất lớn; mỗi

ngày lên xuống cả mấy triệu người; nhưng giấy, rác và những tàn thuốc lá vứt bừa bãi thường ít thấy được, mà lạ hơn nữa là tìm thùng rác cũng không có. Điều ấy có nghĩa là những rác rưởi họ thừa thãi ra, phải tự bỏ vào xách của mình, khi đến một nơi nào đó thích hợp thì họ mới bỏ vào thùng rác. Ở một số nước chậm tiến thấy rác vứt xả đầy đường hay cả những nơi công cộng; nhưng đâu có ai quan tâm để đi lượm rác đâu. Đây là điều mà chúng ta phải cần suy gẫm đến.

Bây giờ thì xin nói sơ qua về cái chết. Ai đó nếu có đọc những quyển sách dịch của tôi từ tiếng Nhật sang tiếng Việt như: Tịnh Độ Tông Nhật Bản, Nhật Liên Tông Nhật Bản, Tào Động Tông Nhật Bản v.v... thì đã rõ qua về ý nghĩa của việc ma chay cũng như cách cử hành tang lễ rồi. Tuy nhiên ở đây tôi xin trình bày lại một cách tổng quát, để cho quý vị dễ am tường. Ai sinh ra trong cuộc đời này rồi cũng phải chết, dầu cho có thể sống đến mấy trăm năm đi chăng nữa, rồi một ngày nào đó cũng phải ra đi. Nghĩa là sự vay mượn khí trời, hơi thở không còn tiếp diễn nữa. Cái gì của không khí thì trả về cho gió. Cái gì của hơi ấm thì trả lại về cho lửa. Cái gì thuộc về chất lỏng trong thân thể thì trả về cho nước và những gì thuộc về xương, da, thịt v.v... thì trả về cho đất. Chúng ta đã vay mượn của đất trời trong mấy mươi năm để được sống, bây giờ chỉ có trả lại sự nguyên nguyên của nó mà thôi. Cho nên cuối cùng rồi chúng ta cũng chẳng được gì mà cũng chẳng mất mát gì cả. Cho nên trong kinh Bát Nhã có nói rằng: Có tức là không, không tức là có. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như vậy. Hay nói cao xa hơn theo Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ thì chúng không đến không đi, không còn không mất, không tăng không giảm, không một mà cũng chẳng phải một. Đây là 8 phạm trù đối đãi với nhau trong cái không tuyệt đối ấy.

Đa phần người Nhật chết thì họ thiêu. Đây là luật lệ tại xứ Nhật. Vì đất đai tại đó rất hiếm quý. Họ mời Thầy đến để làm lễ tại nhà và nghi lễ liệm có một lễ xuống tóc; hay nói như người Việt mình là lễ giá kéo. Vị Thầy sẽ lấy kéo cắt mấy sợi tóc gọi là lễ Tokudoshiki (đặc độ thức = lễ xuất gia). Hầu như Tông Phái nào cũng cử hành lễ này. Sau đó đây nắp quan tài lại và tiếp theo là những ngày phúng viếng. Đêm cuối cùng gọi là Otsuza; có nghĩa là “Thông dạ”, hầu như cả gia đình đều thức suốt đêm để tưởng nhớ hay hồi ức lại lúc sanh tiền người mất đã như thế nào v.v... tiếp đến là đưa tang đi đến chỗ thiêu. Lò thiêu của Nhật rất lớn, mỗi lần có thể thiêu cho hàng chục, có nơi hàng trăm chiếc quan tài trong cùng một lúc ở mỗi hộ thiêu khác nhau.

Sau khi đưa quan tài vào lò thiêu rồi thì chư Tăng Ni và gia chủ tụng một thời kinh dài độ chừng một tiếng đồng hồ tại đó. Nếu là người chết là trẻ vị thành niên thì giờ thiêu ít hơn. Sau đó nhân viên nhà quàng sẽ mang một khay xương của người vừa được thiêu ra để phía trước cho thân nhân dùng đũa gắp để vào hũ. Nào là xương đầu, xương trán, xương sọ, xương tay, xương chân v.v... Tiếp theo đó họ đây nắp hũ và giao cho gia đình mang thẳng về chùa. Tại chùa họ làm một cái lễ giống như lễ trí linh của chúng ta, xong đâu đó cả gia đình sang nhà hàng để dự tiệc. Đây giống như là tiệc tẩy rửa những xấu xa và cầu nguyện cho những điều tốt đẹp sẽ đến.

Một thời gian sau thì cốt này sẽ được mang ra vườn chùa để đưa vào huyệt mộ của mỗi gia đình. Mỗi Đoàn gia, Tín đồ của Nhật thường xây một ngôi mộ chung cho cả gia đình; trong đó có thể để từ một cho đến nhiều cốt, tùy theo thành viên của gia đình có bao nhiêu người và họ xây thành nhiều tầng như thế, nếu ai quá vãng sau, thì cứ thế mà để vào cho gần nắp. Phía trước phần mộ chỉ có một tấm bia duy nhất, ví dụ đề chữ Hán

là: Tín Tùng Viện, Đẳng Trạch Gia Tiên Tô chi mộ. Nghĩa là mộ này thuộc về gia đình Fujizawia và Viện Tín Tùng. Tên này giống như Pháp Danh trong đạo vậy. Đặc biệt ở Nhật khi sống hầu như không làm lễ quy y, mà đến lúc chết mới đặt cho Pháp Danh và tùy theo từng Viện, từng tên tốt hay trung bình; hoặc tốt nhất để căn cứ vào đó mà cúng dường vào chùa. Dĩ nhiên là không có tính cách bắt buộc; nhưng mỗi Viện như vậy có một giá cả khác nhau.

Ở phía sau tấm bia có dựng rất nhiều tấm bảng cao, dài có hình như một ngọn tháp; nên gọi là Otoba (tháp bà). Trên Toba ấy chừa Tảng viết tên tuổi người chết cũng như thuộc viện nào, sinh ngày nào, mất ngày nào, thọ bao nhiêu tuổi. Toba này giống như linh vị của người Việt Nam mình; nhưng Việt Nam mình chỉ viết có 1 lần; còn ở Nhật thì mỗi năm có thể viết để cúng dường người mất đến 4 lần như vậy. Đó là vào lễ Tết Nguyên Đán, lễ Vu Lan và 2 lễ Thanh Minh vào mùa Xuân cũng như mùa Thu (23.3 đến 29.3 và 23.9 đến 29.9).

Đặc biệt ở Nhật những lễ định kỳ như thế Phật Tử không cần mời, chừa Tảng vẫn với chuông, mõ và kệ kinh đi thẳng đến từng gia đình thuộc Đản Gia, Tín Đồ của chùa mình, gọi cửa rồi vào tụng một phẩm Phương Tiện hay Thọ Lượng Phẩm của kinh Pháp Hoa, sau đó nói chuyện với gia chủ vài phút, nhận tiền cúng dường và đi đến nhà khác để tụng tiếp. Việc này cũng có cái hay là gìn giữ được tín đồ cũng như có sự liên hệ chặt chẽ với tín đồ. Ngoài ra nếu tín đồ cần thưa hỏi công chuyện gì với nhà chùa cũng rất là dễ dàng và việc cúng dường nó cũng chỉ mang tính cách tùy hỷ chứ không bắt buộc. Ví dụ như chùa đó có 700 nóc nhà thuộc Đản Gia và Tín Đồ thì sẽ được chia đều và khoanh vùng ra cho 7 Thầy. Mỗi Thầy lãnh 100 nhà đi tụng trong 3 ngày như lễ Tết, Vu Lan hay 7 ngày trong mỗi lễ Thanh Minh của mùa Xuân và mùa Thu mỗi năm. Người viết

sách này cũng xin niệm ân những Tín Đồ của chùa Bôn Lập tại Hachioji thuở ấy. Chính nhờ những sự phát tâm cúng dường của quý vị mà tôi đã có tiền để đóng học phí cho Đại Học lúc bấy giờ. Tôi chỉ phải khổ công học chữ và kinh bằng tiếng Nhật cho thật là lâu thông để đến nhà quý vị tụng kinh; chứ không phải đi đến Takadanobaba như một số Thầy hay một số Sinh viên Việt Nam khác, lúc đương thời phải đi kiếm tiền vào mỗi cuối tuần bằng lối lao động bằng chân tay nặng nhọc, mới có tiền để đóng học phí.

Bây giờ thì mọi việc đã qua đi rồi. Tất cả cũng chỉ còn là ký ức mà thôi. Thế nhưng khi những ký ức đẹp hiện về thì không sao diễn tả hết được những nỗi niềm và tâm sự. Bởi lẽ trong những ký ức ấy đã giúp mình để trở thành nhân cách của một người ngoại quốc khi còn ăn nhờ ở đậu trên quê hương đất nước của người ta. Chính nhờ vậy mà khả năng tiếng Nhật của tôi cho đến giờ này vẫn còn vững vàng, khi nói, khi giao tiếp, khi đọc sách báo ít khi phải dùng đến tự điển. Xin niệm ân tất cả.

Ai rồi một ngày nào đó cũng phải ra đi, trả lại cho đời này những thị phi nhân nghĩa. Nhưng có một điều không nên quên là ân nghĩa lúc nào cũng phải nên đáp đền lúc ta còn sống; đến khi chết rồi thì chúng ta sẽ chẳng mang theo được cái gì cả ngoài nghiệp thức của mình. Cho nên hãy xả bỏ ngay từ bây giờ những gì đáng xả bỏ; nếu không biết đạo, chúng ta sẽ tui thân vô cùng, khi đối diện với cận tử nghiệp của mình. Mong rất tất cả chúng ta, kể cả người Nhật luôn biết nương vào thiện nghiệp, để một ngày nào đó chúng ta sẽ ra đi thì không có gì phải hối tiếc nữa.

CHƯƠNG TÁM

Văn hóa, học thuật, nghệ thuật của Nhật Bản

Một người có văn hóa hay một dân tộc ấy có văn hóa có nghĩa là người ấy và dân tộc ấy đã được tôi luyện qua nhiều không gian và thời gian bởi sự truyền thừa hay ảnh hưởng bởi dân tộc nào khác, mà chính mình ngày hôm nay thừa hưởng được di sản tinh thần ấy qua phong tục, tập quán, ngôn ngữ, học thuật, nghệ thuật v.v... Ngày nay cơ quan UNESCO đã hình thành một quần thể văn hóa của các dân tộc theo nhiều thể loại khác nhau để giới thiệu với nhân loại rằng: Đất nước ấy, con người ở xứ đó họ đã làm nên được những gì cho lịch sử của họ, để Liên Hiệp Quốc có thể chấp nhận đó là một di sản văn hóa của nhân loại.

Văn hóa của Nhật Bản được ảnh hưởng bởi văn hóa của các nước Á Châu, châu Đại Dương cũng như của Trung Hoa và các nước phương Tây. Bởi vì Nhật Bản là một hải đảo bị cô lập tứ bề; nên với vị trí đó trong thời kỳ bế quan, Nhật Bản có một nền văn hóa rất đặc biệt. Dầu cho Nhật Bản sau này có bị ảnh hưởng bởi văn hóa của những xứ khác; nhưng Nhật Bản đóng

một vai trò tự chủ về lãnh vực này trong quê hương của họ cũng như đối với thế giới bên ngoài.

Nói về lịch sử văn hóa của Nhật Bản thì không thể thiếu về thời kỳ khởi nguyên của dân tộc này được. Họ ảnh hưởng bởi văn hóa của Đại Dương châu và những dân tộc này đã di dân lần về xứ Nhật ngày nay để trở thành người Nhật Bản. Để chứng minh cho văn hóa của thời kỳ đầu này và những văn hóa về đất nung trong thời kỳ văn hóa của Jòmôn.

Nguồn văn hóa thứ hai đến với Nhật Bản là nền văn hóa Yangoi, chú trọng về kỹ thuật canh tác ở những ruộng khô trồng lúa.

Đến thời kỳ Kofun, người Đại Hàn đã mang đến Nhật nhiều sắc thái văn hóa mới khác. Đến thế kỷ thứ 7 thì những Tăng nhân người Đại Hàn đã mang Tôn Giáo cũng như chữ Trung Quốc đến Nhật và những giai cấp quan lại, ngay cả Khổng Giáo cũng đã được mang vào Nhật Bản.

Vào thời kỳ Heian (Bình An) là thời kỳ cực thịnh của nền văn hóa ấy, lấy triều đình làm chủ, là chính sách của Trung Hoa và đặc biệt trong thời này nghệ thuật về thơ phú văn chương cũng như nền văn học của Nhật Bản được phát triển một cách vượt bậc.

Kỷ nguyên ấy kéo dài trong nhiều thế kỷ rồi nội chiến, chiến tranh cung kiếm của Bushi (võ sĩ) và tiếp đến là Samurai càng ngày càng leo thang. Bên cạnh đó thì văn hóa của chiến tranh qua những cung kiếm bằng bạc, bằng thép cũng đã kết nối với một thể thức mới với Phật Giáo của Thiền Tông.

Thời gian đầu của Edo (Giang Hộ) vào khoảng thế kỷ thứ 17 dưới sự cai trị của Tokugawa (Đức Xuyên) đất nước trở lại bình yên, những Samurai trở thành những ông quan và chiến

tranh trở thành một văn hóa nghệ thuật để chiến đấu dưới hình thức Bujutsu (Võ thuật) hay Budô (Võ đạo). Lúc ấy Thiền cũng đã ảnh hưởng qua văn hóa của thi ca cũng như nghệ thuật làm vườn và âm nhạc. Nhờ hòa bình mà kinh tế được phát triển trong thời gian này qua sự buôn bán, Nhật Bản trở nên giàu có. Bởi vì kinh tế đã được phát triển cho nên những thương nhân cũng muốn thể hiện con đường nghệ thuật qua con đường của các Samurai. Họ đã tạo nên những căn nhà để uống trà; nơi ấy có những Geisha thực hiện trà đạo cùng nghệ thuật cắm hoa, âm nhạc và nhảy múa v.v... Những thương nhân họ cũng đã cho dựng nên những màn kịch Kabuki. Ở những thành phố lớn ở thời Edo (Giang Hộ) họ còn nối kết với các Shôgun (Tướng quân) chiếm cứ từng vùng như dưới thời Daimyô cả nửa năm trời như vậy.

Thời kỳ văn hóa kế tiếp theo là thời sau chiến tranh, ở tại Nhật đã phát triển một nền văn hóa mới gọi là văn hóa Pop, mà ảnh hưởng của Tây Phương cũng đã nối kết được với truyền thống của Nhật Bản lâu nay.

Ngày hôm nay ở Nhật có rất nhiều chùa viện, thành quách, núi non v.v... đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa như chùa Hôryû-ji (Pháp Long tự) ở Nara; nơi kinh đô cũ của thời Thánh Đức Thái Tử (Shotoku Taishi). Đông Đại tự (Todaiji) cũng ở Nara; một ngôi chùa được làm bằng gỗ quý được xây từ thế kỷ thứ 8 và có tượng Phật Tỳ Lô Giá Na cổ xưa nhất là Nhật Bản (xin xem ở chương trước). Kế đến là Kim Các Tự (Kinkaku-ji) ở Kyôto có một lịch sử thật là bi hùng (xin đọc sách Kim Các Tự và Ngân Các Tự); ngày nay vẫn còn đứng sừng sững soi bóng trên dòng Cổ Nguyệt tại cố cung Kyôto.

Ở Nhật có nhiều thành quách; nhưng Himeji thành ở Himeji của các tướng quân xây dựng thuở xưa, bây giờ cũng đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của thế giới. Kế

đến là núi Kii và đền thờ Thần Nikkò Tòshò-gù ở Nikko. Dĩ nhiên là còn nhiều chùa viện và thần xã nổi tiếng nhiều nữa; nhưng đây chỉ là những ngôi nhà, ngôi chùa văn hóa qua nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu của Nhật Bản để thấy rằng: Nền văn hóa mà người Nhật đang có được, nhờ họ biết vay mượn của Đông Tây kim cổ và khi đem về lại quê hương của họ, họ đã xay nhuyễn thành văn hóa thuộc màu sắc bản địa, chứ không còn là màu sắc ngoại lai nữa. Ví dụ như chùa chiền ở Trung Hoa hay sơn phết nhiều màu, nhất là màu đỏ; nhưng đặc biệt chùa ở Nhật, phía bên ngoài hầu như chẳng sơn màu gì cả; chỉ thuần là màu gỗ. Nếu có, ở bên trong chùa thì gỗ ấy phải được thếp vàng thật. Một màu vàng lộng lẫy cao sang nơi điện thờ chư Phật và chư vị Bồ Tát Thánh Hiền. Họ không hoa hòe, trang trí nhiều màu sắc như các chùa viện tại Trung Hoa hay Đại Hàn, mà họ đã giữ lại màu nguyên thủy của gỗ thiên nhiên với cái đẹp tự nhiên và thuần túy như vậy. Đây mới chính là văn hóa của người Nhật.

Nếu có ai đó đã có lần đến Higashi và Nishi – Honganji (Đông-Tây Bản Nguyên tự) thì sẽ cúi đầu trước cái vĩ đại của những công trình kiến trúc bằng gỗ ngày xưa ấy. Thời đó dĩ nhiên là chưa có văn minh cơ giới như ngày nay; nhưng không biết làm sao họ tải được những cây gỗ dài hằng 40 hay 50 mét và lớn độ cỡ một người ôm như vậy từ trong núi cao rừng thẳm để về được cho đến Kinh đô và làm sao, nhân công ở đâu, hay bằng phương pháp nào để dựng lên cả hằng trăm cây cột như vậy mà không cần đến một phương tiện cơ giới tối thiểu nào? Quả thật đây mới là điều đáng nói và đáng tìm hiểu.

Đối với người Nhật Bản, các Tôn giáo được tự do tin theo; nhưng quan trọng nhất đối với họ là Thần Đạo (Shinto - một tôn giáo của vua chúa, giống hệt như Anh Giáo tại Anh quốc). Cho đến thế kỷ thứ 5, thứ 6 Phật Giáo đã giữ vị trí quan trọng trong

vai trò văn hóa tại xứ này. Bên cạnh đó thì ảnh hưởng của Khổng Giáo và Lão Giáo cũng không ít, mà chính họ cũng phải hòa đồng với Phật Giáo và Thần Đạo để được tồn tại. Ngày nay người Nhật đa phần là những tín đồ của hai tôn giáo cổ truyền này. Còn Thiên Chúa Giáo giữ một vai trò rất khiêm nhường tại Nhật Bản từ xưa đến nay.

Ở đây cũng xin giải thích thêm vấn đề này để Phật Tử Việt Nam chúng ta dễ nắm bắt hơn. Tuy rằng tại Nhật, Phật Giáo không có một Giáo Hội Thống Nhất, họ chỉ có những Tổ Đình của các môn phái là lớn và lớn nhất của các Tông Phái ấy là những vị Tăng Chánh hay Tăng Đô. Họ cũng không có Tăng Thống như chúng ta; nhưng họ quan tâm đến tín đồ (xin đọc lại chương trước) đến từng gia đình để thăm viếng, cầu nguyện hoặc giúp đỡ cho tín đồ những lúc hữu sự. Do vậy số tín đồ của mỗi Tông Phái vẫn được giữ nguyên hay tăng thêm chứ không bị thất thoát như ở Việt Nam của chúng ta. Tuy nói ở Việt Nam đa phần dân chúng theo Phật Giáo (có thể từ 60 – 80% dân số); nhưng con số này không thật và cũng không ở yên. Vì lẽ Giáo Hội không nắm chắc được số tín đồ của mình; cho nên có người đã cải đạo qua đạo khác rồi, thế mà Giáo Hội cũng không biết. Trong khi Nhật Bản chỉ có 3% theo Thiên Chúa Giáo, mà đạo này họ đã truyền vào thành phố cảng Nagasaki từ hơn 400 năm nay. Việt Nam cũng từ thời ấy, mà trong hiện tại đã lên trên 10% số dân theo Thiên Chúa giáo rồi. Dĩ nhiên là chúng ta không nên đi cạnh tranh tôn giáo với nhau. Vì mỗi tôn giáo như thế biểu trưng cho một loài hoa đặc biệt, ai thích hoa nào thì cứ nên chọn hoa ấy để mà ngắm, mà nhìn, mà nâng niu thế thôi! Ở đây tại xứ Đức này tôi vẫn thường hay phát biểu rằng: Nếu bảo Thiên Chúa giáo là hoa hồng, Tin Lành là hoa cẩm chướng, thì bây giờ Phật Giáo chúng tôi mang một hương sắc mới của loài hoa sen đến từ Á Châu để trồng vào trong vườn hoa tâm linh

của quý vị, thì chắc rằng quý vị hẳn vui? Vì nếu trong một vườn hoa chỉ có một vài loài hoa nở, khoe sắc thắm cho đời, thì làm sao đẹp hơn bằng là nhiều loài hoa cũng nở trong một lúc trong vườn hoa tâm linh ấy? Đây là phương châm hành đạo của tôi tại xứ Đức này trong gần 4 thập niên qua.

Kể từ sau chiến tranh đệ nhị thế chiến (1939-1945) đến nay, nước Nhật là một nước thực sự đã đương và sẽ theo đuổi chính sách tự do Tôn Giáo tuyệt đối. Hiện họ có đến 180.000 tổ chức Tôn Giáo Pháp Nhân đã được chính quyền Nhật Bản thừa nhận (dựa theo tài liệu Wikipedia về văn hóa của Nhật Bản). Tôi không biết rằng trên thế giới này có nước nào có nhiều tổ chức tôn giáo được chính quyền thừa nhận nhiều như thế chẳng? Có thể là Ấn Độ và Hoa Kỳ ?

Về văn hóa ẩm thực, đã có lần tôi trình bày bên trên rồi; nhưng ở đây cũng xin điểm qua một vài điểm đặc biệt nữa. Thức ăn chính của người Nhật từ thời Yayoi là gạo, rau cải, cá, đậu, đặc biệt là đậu nành, khoai lang, rong biển. Mãi cho đến thời đổi mới của vua Minh Trị thì gạo vẫn là đơn vị chính để đo lường và trao đổi các hàng hóa khác. Ngay cả đánh giá việc phát triển kinh tế của quốc gia cũng căn cứ trên việc sản xuất được bao nhiêu gạo. Bởi vì gạo là một loại thực phẩm quan trọng mà nông dân cần hơn các loại ngũ cốc khác.

Sau thời kỳ đệ nhị thế chiến thì Nhật Bản đã thay đổi về cách ăn uống; thế nhưng gạo cũng vẫn là thức ăn chính; ngoài ra thịt bò và thịt heo cũng được ưa chuộng nữa. Trước thời Minh Trị, người Nhật tuy có giao thương với Âu Châu và Trung Quốc; nhưng chính sách ngoại giao của họ cũng chủ yếu trao đổi một số nông sản nhất định. Trong khi đó xứ sở Nhật Bản chung quanh là biển cả mênh mông; nên nguồn thức ăn chính của họ vẫn là cá, mực hay rong biển. Họ dùng cá như gạo cơm. Do vậy những con vật 4 chân như heo, bò, lừa v.v... ít khi

họ dùng đến, mà mãi cho đến sau này, khi văn minh Âu Mỹ tràn vào đất Nhật, họ mới chấp nhận loại văn hóa ẩm thực mới này.

Ngoài ra họ cũng đã ảnh hưởng bên ngoài nhiều loại thức ăn nhanh, ví dụ như Mac Donald và Subway; nhưng người Nhật họ không dùng lại đó, họ chế tạo nhiều loại mì ăn liền, nước giải khát v.v... tất cả đều nhại theo Âu Mỹ; nhưng nội dung bên trong là sự biến chế tài tình của người Nhật, họ làm cho thích hợp khẩu vị với người Á Châu để xuất khẩu, trong khi đó món ăn truyền thống của họ là Udon và Soba vẫn giữ nguyên, hầu như không bị đóng hộp, như những loại mì ăn liền được xuất khẩu ra ngoài. Ở đây cũng có thể mở thêm dấu ngoặc để nói về việc xuất cảng xe Honda của họ. Khi chưa đến Nhật tôi nghĩ chắc rằng tại Nhật họ đi xe Honda nhiều lắm. Thế là tôi đã lầm. Vì xứ Nhật rất lạnh về mùa đông. Tuyết vẫn rơi, băng giá mọi miền, thì có ai đâu mà đi xe Honda như mình tưởng. Trong khi đó họ xuất cảng xe Honda tràn ngập thị trường trên thế giới, nhất là Việt Nam thuở bấy giờ (1972) và ngay cả bây giờ (2014) cũng không khác mấy, vì hàng của Nhật rất dễ nhìn và giá cả tương đối với tầm tay với; nên họ đã giàu lên nhờ kỹ nghệ xe hơi trong những thập niên qua trong thế kỷ thứ 20. Bây giờ thì các nước như Đại Hàn, Trung Quốc lại chế tạo thêm nhiều loại xe gắn máy tiện lợi hơn và rẻ hơn xe Nhật; nên hàng của Nhật đã bị chùng lại, vì hàng của các nước này qua mặt.

Viết đến đây tôi lại nhớ chuyện World Cup về đá banh ngày hôm qua (21.6.2014). Sờ dĩ tôi nhớ, vì đây là ngày đầu của mùa hè tại Âu Châu và là một ngày có mặt trời lặn lâu nhất, so với những ngày khác trong năm. Nghĩa là mặt trời mọc vào lúc 4 giờ 30 sáng và 10 giờ 30 tối mặt trời mới đi ngủ. Hôm đó có khóa Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác Hannover do tôi chủ trì. Tôi biết tâm lý, hầu như ai cũng thích đá banh; nên cho

lay kinh Đại Bát Niết Bàn sớm hơn nửa tiếng, để kết thúc vào lúc trước 9 giờ tối. Hôm đó Đức đá với Ghana. Đức thì ai cũng biết, lâu nay đá banh rất giỏi tại Âu Châu này; nhưng bây giờ không phải đá tại sân nhà, mà đá tại Brazil bên Nam Mỹ, cách xa đất nước này cả một châu lục như vậy; nhưng điều oái oăm là một nước giàu có nhất nhì trên thế giới, mà đi đá với một nước nghèo về kinh tế như Ghana tại Phi Châu; nên hầu như người Đức nào cũng nắm chắc phần thắng về mình. Thế nhưng kết quả không phải là như vậy, hai đều (2-2). Xém một chút nữa thì Đức thua, mặt mũi nào để nhìn dân mình và thế giới, nhất là những người đã ủng hộ mình. Ở đây nếu tôi phân tích của một người không rành đá banh lắm thì có 2 lý do chính như sau. Đầu tiên là tự mãn, vì trước đó mấy ngày, Đức đã thắng Tây Ban Nha bốn không (4-0); nên tinh thần lên cao và từ đó có thể ỷ lại; nên đã mang đến kết quả của lý do thứ hai là không thể qua mặt đội tuyển quốc gia của Ghana được. Vì họ quá mạnh về sức lực cũng như tuổi tác. Đợt trước, Đức đưa banh hay; nhưng lần này bị áp đảo, không có cơ hội để chuyển trái banh đẹp trên sân cỏ nữa. Việc đá banh của Đức và việc sản xuất xe Honda của Nhật tuy không phải cùng phạm trù; nhưng cũng giống nhau lắm đây. Nếu chúng ta sơ hờ, đối phương sẽ qua mặt ngay. Và lại bóng đá ngày nay trên thế giới đã thịnh hành nhiều rồi; nước nào cũng có những đội tuyển thật là tuyệt vời. Do vậy không nên để cho khinh suất; nếu có, phần thất bại sẽ dễ đến với người chủ quan mà thôi. Dĩ nhiên từ đây đến ngày chung kết còn lâu, có thể khi tôi viết xong quyển sách này World Cup tại Brazil vẫn chưa vào trận cuối; nhưng đây có thể là một bài học chung cho mọi lãnh vực của cuộc đời này chăng?

Sau đó mấy ngày thì Đại Hàn đá với Nga huê 1-1 và thua Algeria 2-4; cuối cùng thua Bỉ 0-1, nên phải về lại nước. Nhật Bản đá với Côte d'Ivoire và Nhật Bản cũng đã thua Côte

d'Ivoire với tỷ số 1-2; huê với Hy Lạp 0-0 và thua Columbia 1-4, cũng phải về lại nước, trước khi vào vòng bán kết. Thế giới đã thầm mong rằng: World Cup phải có sự hiện diện của người Á Châu và Đại Hàn cũng như Nhật Bản để thể hiện được điều đó. Tuy chưa chiến thắng trên những trận đấu của thế giới; nhưng tinh thần đấu tranh, giao banh và chuyển banh của người Nhật đã khiến cho thế giới phải khâm phục. Vì người Nhật, quê hương, tổ quốc, danh dự, trách nhiệm là trên hết; còn cá nhân, đối với người Nhật là chuyện phụ. Mặc dầu thua trận; nhưng những cầu thủ của Nhật Bản cũng đã cúi đầu chào một cách rất lễ phép trước mấy chục ngàn khán giả tham dự hôm đó. Ngay cả những người Nhật Bản đi ủng hộ đội nhà của mình cũng đã có một tinh thần trách nhiệm rất cao là họ dọn dẹp sạch sẽ chỗ ngồi trước khi rời khỏi sân vận động; không như một số nước khác, dẫu thua hay thắng đều không có được tinh thần trách nhiệm chung này vì họ đã xả rác một cách bừa bãi, ai dọn rác không cần biết.

Đây cũng là một trong những bài học về tinh thần trách nhiệm, đáng giá hơn ngàn vàng. Nếu thế giới này, hành tinh này; nơi chúng ta cư ngụ hơn 6 tỷ người, mà mỗi người đều có tinh thần tự trọng như người Nhật Bản thì chắc rằng quả đất này sẽ có tuổi thọ dài lâu hơn như chúng ta tưởng và môi trường sống chung quanh ta sẽ tuyệt vời.

Nhiều loại trái cây cũng được trồng tại Nhật như Natsumikan (cam mùa hạ) hay Nashi (lê), Ringo (táo) v.v... tuy nhiên vẫn không đủ cho nhu cầu tiêu thụ của người Nhật; nên họ đã nhập cảng từ ngoại quốc vào. Điều đặc biệt là họ chỉ nhập những loại trái cây có chất lượng cao. Vì vậy trái cây tại Nhật rất đắt, mà đắt nhất có thể nói là Melone. Nếu bạn đến Nhật từ Thái Lan và Việt Nam mà mua một quả xoài ở Nhật để thưởng thức, thì phải nói là không dám. Vì nó đắt gấp 10 hay 20 lần tại

những xứ ấy. Nếu bạn đến từ Âu Châu thì có thể nhìn và xem giá để so sánh; chứ cũng ít có người nào dám mua đem về nhà.

Thức uống chính của người Nhật là Sake. Sake là một loại rượu làm từ gạo và là một món đồ cúng để dâng lên các vị Thần tại các Thần xã hay các chùa của Phật Giáo. Ngay từ thời Minh Trị tại Nhật Bản cũng đã cho xây dựng nhiều hãng bia và người Nhật ngày nay họ uống bia cũng không ít.

Về nghệ thuật thì ở Nhật chúng ta hay nghe về danh từ Geisha. Tiếng Hán viết là Nghệ Giả; nghĩa là một nghệ nhân, đa phần là người nữ làm nghề này. Nghề này có thể nói giống như nghề hát Ả Đào hay Quan Họ của Việt Nam. Họ cũng là những người tiếp chuyện với khách, rót rượu mời, múa, hát, đờn, ca v.v... Ở tại Kyoto có một phố rất nổi tiếng về Geisha; đó là phố Gion. Đây chính là trung tâm Geisha của Nhật Bản. Một nghệ nhân được đào tạo để trở thành Geisha ít nhất là 10 tuổi và thời gian đào tạo phải kéo dài đến 3 năm. Họ gọi những người này là Maiko (Vũ Tử). Trong thời gian 3 năm ấy người Maiko sẽ học về truyền thống nghệ thuật của Nhật Bản như viết chữ, cắm hoa và chơi nhiều loại nhạc khí, nhạc cụ khác nhau. Ví dụ như Shamisen hay thổi sáo Hayashi và đánh trống Tsuzumi. Ngoài ra một Geisha cũng phải biết đàm thoại với khách cũng như một ca sĩ chuyên nghiệp hay một người múa hay, đồng thời cũng là một trà chủ của một lễ Trà Đạo. Giá trị của sự huấn luyện đó sẽ được thừa nhận và trả công bởi một Ochiya (chủ quán trà) và sau đó phải chia tiền với Geisha. Nhiều Geisha đã sống đời sống của mình cho đến tận tuổi già mới thôi việc.

Ở Nhật có kỹ thuật về hội họa và gập giấy rất nổi tiếng. Có những bức tranh thủy mặc treo tại các chùa có những nét rất thiên vị, đơn sơ; nhưng rất đầy đủ ý nghĩa. Khi người ta nhìn vào đó, sẽ cảm nhận được ngay cái tâm của mình qua đối tượng của nét họa của bút lông. Nó không giống hệt như thư pháp và

chữ viết của người Trung Hoa, mà nó cũng không giống những tranh sơn thủy của người Trung Quốc. Nó là Thiền, là của Nhật Bản. Chắc chắn khi một người chuyên môn nghiên cứu về các loại thư pháp và hội họa của Nhật Bản, sẽ nhận ra ngay việc này.

Nghệ thuật Origami (cách gấp giấy) của Nhật Bản là một nghệ thuật cổ xưa được sử dụng giấy để làm nên; mà hầu như không phải dùng đến kéo, cũng như hồ dán. Đa phần nghệ thuật gấp giấy này những nghệ nhân xếp nên những con thú như chim, diều, ngựa v.v... trông rất đẹp mắt, hay những cây dù và guốc, giày của người Nhật cũng được những bàn tay khéo léo của các nghệ nhân tạo thành.

Nghệ thuật cắm hoa ở Nhật Bản đã nổi tiếng khắp nơi trên thế giới vì cái đơn giản và thiên vị của nó. Nó không màu sắc nhiều và nhất là những nghệ nhân người Nhật không dùng nhiều hoa như người Việt Nam hay Đài Loan khi chưng hoa cúng Phật hay triển lãm. Đôi khi chỉ độc nhất một cành hoa cúc, cắm trên một hòn sỏi, tựa vào một nhánh lá tre. Thế mà đẹp. Nó nói lên được cái độc lập, sáng tạo của hoa. Tiếng Nhật gọi đây là Ikebana; có nghĩa là sanh hoa hay hoa tươi và những cành hoa này qua tay các nghệ nhân đã trở thành Kado (Hoa Đạo); nghĩa là cái Đạo của hoa. Trên thực tế thì hoa làm sao tạo nên một Đạo hoa được; nhưng qua bàn tay tài giỏi của con người, người cắm hoa ấy đã tập trung tư tưởng, săn sóc những cành hoa gợi ý, gợi hình, cắm nên những chậu hoa thật là ý vị; khiến cho người ngoài khi nhìn vào, thấy được cái Đạo đã thể hiện nơi cung cách này; nên gọi là Hoa Đạo. Nó hoàn toàn trái ngược với cách chưng bày hoa cỏ của người Tây Phương, khi mà Ikebana của người Nhật đã dựng nên một truyền phái hài hòa giữa thiên nhiên, con người và màu sắc. Với người Tây Phương thì chú ý việc thi thố sắc màu của hoa; nhưng Nhật Bản

thì cái thứ tự, hình thức bề ngoài cũng không kém phần quan trọng. Bình bông, kệ để kinh, lá, hoa, cành v.v... là những nghệ thuật nổi trội cho việc thắp hương hoa về việc cắm hoa Ikebana tại Nhật Bản.

Bây giờ chúng ta thử trải nghiệm qua về nghệ thuật làm vườn ở Nhật Bản để hiểu rõ hơn về bản sắc của dân tộc này. Cách làm vườn của họ cũng ảnh hưởng về lịch sử cũng như triết học của Nhật Bản không ít. Nó khác với Âu Mỹ và ngay cả Việt Nam là trong những khu vườn ấy không trồng bông hoa nào cả. Thay vào đó họ trồng vào vườn những loại meo, sỏi, cây và những hồ nước nhỏ thật là hài hòa; nhiều khi họ cũng tạo ra những núi nhỏ ở trong vườn nhà hay vườn chùa. Những bông hoa hầu như không được nở ra trong những ngôi vườn của người Nhật. Tuy nhiên vào mùa xuân thì vẫn có hoa Anh Đào, hoa mai, hoa mận nở soi bóng trên những hồ nước trong veo; nơi có những con cá Koi (vàng kim) bơi lội nhõn nhợ trong đó. Đây là ảnh hưởng nhiều nhất về mỹ học của Phật Giáo Thiền Tông, đã tạo ra một cái nhìn thật là thiền vị. Vì Thiền học đã đóng góp cho văn hóa Phật Giáo và văn hóa của dân tộc Nhật Bản từ khi được truyền vào nước này không ít; nên nghệ thuật làm vườn cảnh cũng đã nói lên được điều này, mà nhiều ngôi vườn của những chùa Thiền nổi tiếng đã tạo dựng được những hình ảnh linh động, kỳ ảo ấy. Đa phần những vườn thiền này đều được kiến tạo thành cảnh “sơn thủy hữu tình”. Ở trong nước thì hầu như không trồng những cây lớn và ở trên những đồi núi thì toàn là đá và sỏi được tạo nên những ngọn đồi như vậy. Hồ nước nhỏ trong veo nhưng cũng giới thiệu được cái nước của biển cả mênh mông và tạo thành một cảnh quan thiên nhiên đa dạng, thật là tuyệt vời trong một thế giới thiên nhiên như vậy.

Ngoài ra ở Nhật còn có nghệ thuật trồng cây kiểng trong chậu gọi là Bonsai. *Bon* là cái chậu, cái bồn hay cái khay bằng sành và *sai* chính là các cây được trồng vào đó. Những cây này được cắt tỉa cành, lá và ngay cả rễ để nó trở thành một cây cảnh dễ nhìn. Ở Nhật, Bonsai được trồng trong vườn hay tại Tokonoma và đặc biệt là trên những vách đá được thường thấy chung trong phòng. Bonsai người ta có thể dưỡng nó cho đến cả hàng 100 năm và cuối cùng thì loại này đã trở nên giá trị và đắt giá. Đa phần thì họ uốn cây thành những hình thù khác nhau thuộc các loại cây như táo Nhật, cây kiền kiền, cây danh mộc, cây ngâu, cây sến v.v... Vào năm 1878 nghĩa là sau thời kỳ vua Minh Trị duy tân đất nước Nhật Bản độ 10 năm thì tại Paris, Bonsai của Nhật được triển lãm tại đó và cũng là lần đầu tiên thế giới biết đến Bonsai là gì. Sau đệ nhị thế chiến (1945) Bonsai đã trở thành Hobby (sở thích) của nhiều người trên thế giới. Tại Âu Châu này những loại cây đặc biệt như cây Bò Đê, cây Anh Đào, cây Sến của Trung Hoa cũng có thể trở thành Bonsai và chung trong các phòng của nhà mình cũng rất đẹp.

Về Trà Đạo của Nhật thì có nhiều vấn đề để được trình bày nơi đây. Trà của Nhật được Thiền sư Eisei (Dinh Tây) mang cây từ Trung Quốc về trồng tại đất mới này; nhưng qua cái nhìn của Thiền cũng như cung cách của Thiền, các Ngài đã biến việc uống trà thành một cái đạo; nên gọi là Chado (Trà Đạo). Đạo ở đây là con đường, là phương pháp uống hay cung cách uống một ly trà như thế nào. Uống trà có thể chỉ một khách và một trà chủ; nhưng nhiều khi có nhiều khách mà cũng chỉ vẫn có một trà chủ mặc áo Kimono ngồi hầu trà. Trà chủ có thể là một người tu, cũng có thể là một người đàn ông hay một người đàn bà. Tất cả những động tác của họ thật là điêu luyện. Vì lẽ một Geisha (nghệ nhân) phải học cách pha trà và các việc khác trong 3 năm, từ khi lên 10 tuổi; nên trà chủ rất là điêu

luyện. Đầu tiên họ lấy gáo làm bằng tre khuấy đều nước đang đun sôi ở giữa căn phòng trong một cái ấm bằng đất nung, sau đó trà chủ đổ nước sôi vào bình trà và tráng cho thật đều cũng như chén sắp được uống trà của khách cũng phải làm như thế thì chén trà mới ấm lên được. Trà ở đây không phải là trà lá như người Trung Hoa hay Việt Nam thường uống, mà là loại đọt trà còn non và họ xay nhuyễn ra như bột gạo vậy. Trà chủ lấy một cái muỗng con bằng tre múc một hay hai muỗng đổ vào ly vừa được tráng nước nóng vừa rồi, kế tiếp trà chủ lấy gáo múc nước sôi chế vào ly đã có sẵn trà và tiếp tục dùng một cái làm bằng tre, phía trước chế ra thật nhỏ và uốn cong lại, tạo thành một vật để đánh bột (tôi không biết gọi là cái gì); nhưng cứ hiểu như vậy. Trà chủ dùng cây này đánh nhuyễn nhiều lần cho trà xanh nổi bột trắng lên là được. Kế đó trà chủ mang chén trà ấy đến trước mặt khách uống trà. Lúc bấy giờ khách và chủ giao tiếp với nhau bằng lễ nghi; nên cả hai bên đều để hai tay lên Tatami và cúi đầu xuống 3 lần để mời trà và để được uống trà; đoạn trà khách nâng chén trà lên (có thể ngửi hương trà trước) và không phải đưa vào miệng để uống liền, mà phải hai tay xoay chén trà (làm sao cho đúng đồ) 3 lần như vậy về phía bên phải, sau đó mới đưa lên miệng; tay phải che chén trà và cũng có nghĩa là che miệng của mình lại, uống luôn một hơi như vậy tất cả trà trong chén đang có và trước khi để chén trà xuống cũng phải xoay chén trà qua phía bên tay phải 3 lần, đoạn đặt chén trà trở lại vị trí lúc ban đầu. Bấy giờ trà chủ và trà khách đều lạy 3 lạy như lúc ban đầu để tạ lễ với nhau và trà chủ trở lại nơi có chỗ để bình nước sôi tiếp tục công việc của mình để mang trà đến cho vị khách thứ 2, thứ 3 v.v... Trong khi trà chủ pha trà cho người khách khác, thì người đã được uống trà rồi có thể dùng một lát bánh ngọt đang bày sẵn trước mặt mình (có thể cho đỡ đắng chăng?) để dùng.

Trà xanh thật sự ra không có lấy gì làm ngon so với các loại trà khác của Trung Quốc; nhưng nó là cái đạo, là con đường thực hành chánh niệm trong khi pha trà cũng như trong khi uống trà; nên nó đã trở nên nổi tiếng và chỉ có Nhật Bản mới có; chứ không có bất cứ nước nào trên thế giới có được cách uống trà như vậy. Cách ngồi uống trà cũng giống như ngồi tụng kinh; nghĩa là xếp 2 chân ra phía sau để nâng cái hông của mình lên và lưng phải ngồi cho thật là thẳng mới được. Nếu chẳng may hôm đó có đến 5, 7 người khách đến cùng uống thì thời gian chờ đợi càng lâu hơn là ít người. Trong trường hợp này bạn cũng phải cố gắng kiên nhẫn đợi chờ, dầu cho chân của mình có mỏi thế nào đi chăng nữa. Đây cũng là một cách kiên nhẫn mà người tu thiền hay thực hành trà đạo phải biết.

Văn hóa uống trà từ Trung Hoa mang sang Nhật Bản bây giờ đã được xay nhuyễn như bột trà xanh đang có trước mặt bạn đó. Thật là tuyệt vời cho một lối tiêu thụ văn hóa ngoại lai thành văn hóa bản địa của mình như vậy và cũng chính cách này, khi văn hóa Tây Phương du nhập vào Nhật Bản, họ cũng đã xay nhuyễn ra như văn hóa Trung Quốc để trở thành văn hóa của Nhật. Tuy sau này có nhiều điều biến dạng thái quá (xin xem ở chương sau) nhưng so với các dân tộc khác trên thế giới thì Nhật Bản là nước có độ hội nhập cao và tiêu thụ văn hóa ngoại lai thật là tài tình, ít bị chống đối của văn hóa bản địa vốn đã sẵn có từ cả gần 2.000 năm về trước tại đất nước này.

Nghệ thuật xăm hình và những lễ hội rước kiệu truyền thống tại Nhật Bản. Thiết nghĩ, chúng ta là người ngoại quốc không hiểu hoặc chưa biết về truyền thống văn hóa của người Nhật; nên chúng ta có nhiều thắc mắc, suy nghĩ và đây chính là cơ hội để tìm tòi về bản sắc dân tộc của người Nhật vậy.

Tiếng Nhật gọi nghệ thuật xăm hình vào thân thể là *Irezumi* (*Ire* là cho vào; *zumi* là mực); nghĩa là lấy kim thắm

mực và châm vào da thịt cho hình ảnh nổi lên. Tiếng Đức gọi là Tätowierkunst; nghĩa là nghệ thuật xăm hình. Nghệ thuật này đã có từ thời Yayoi và sau đó vào thời Edo (Giang Hộ) kéo dài từ năm 1603 đến năm 1868 nghệ thuật này đã được nhiều người mến mộ. Kể từ năm 1720 nghệ thuật xăm hình này trở thành dấu hiệu của sự trinh thám, mà những người Nhật đàng hoàng thì không thực hiện việc này. Nếu ai chạm và xăm hình vào người thì không thể tham gia vào đoàn thể, mà đoàn thể ấy giáo dục để hướng đến Yakuza. Ngay từ thời duy tân của vua Minh Trị vào năm 1870 cũng đã thực hiện việc cấm đoán và sau đó hoàn toàn bị loại bỏ. Sau đó chẳng bao lâu vào năm 1948 thì lập lại. Bởi vì có sự liên hệ với đền Yakuza nên nhiều người xăm hình đã bị từ chối. Ngay cả những bể tắm công cộng cũng như Onsen đều bị chối từ khi những người xăm hình muốn mua vé vào cửa để tắm.

Tuy nhiên cũng có một số cá nhân có xăm hình những con rồng hay những thần linh bảo hộ; nhưng nhiều khi cũng bị chối từ. Ngoài ra họ cũng có xăm hình hoa Anh Đào hay những con cá Koi để tượng trưng cho sự vô thường và hạnh phúc. Một số phần tử khác cho xăm những hình như máu lên đầu. Những hình thức này xuất hiện cho đến cuối thế kỷ thứ 19 rất nhiều và đây là những chứng cứ lịch sử về nghệ thuật liên hệ ở da đã xảy ra từ Nhật Bản trong quá khứ.

Ngay cả bây giờ nếu có ai đó có đi đến thăm Nhật Bản tại các địa phương gặp những ngày lễ của người bản xứ sẽ thấy còn tồn đọng một vài sự kiện văn hóa lạ mắt; trông nó như lễ hóa trang tại Tây Phương này; nhưng không phải, nó có xuất xứ và nguồn gốc lâu đời từ ngàn xưa đến nay có liên hệ đến những vị Thần làng, Thần bôn mạng; chứ không phải là Phật Giáo. Đến ngày lễ, các thanh niên trai tráng trong làng ăn mặc đặc biệt, theo lối đóng khố, ở trần và đầu đội khăn trắng hay màu.

Họ tập trung tại một đền thờ Thần và họ kiệu vị Thần ấy vào giữa kiệu, an vị tại đó; đoạn tất cả thanh niên kê vai đứng thẳng và bước đi, nhảy múa theo nhịp hát dân ca Nhật Bản. Họ đi rất chậm sàng qua chạy về, hô hào to tiếng; trong khi đó người đứng chung quanh hai bên đường cũng phụ họa vào, trở thành một cảnh rước kiệu thật là sôi nổi. Họ đi quanh làng và cuối cùng trở về lại chỗ xuất phát và sau đó là tiệc tùng linh đình để kỷ niệm ngày lễ của làng. Hầu như làng nào cũng có những vị Thần và những buổi lễ rước kiệu như thế này. Đây là những truyền thống văn hóa và tập tục đẹp của người Nhật có tự ngàn xưa; nhưng nếu chúng ta không hiểu về văn hóa của xứ này thì thấy nó hơi kỳ lạ. Những người đàn ông lực lưỡng khi khiêng kiệu và nhảy múa đó, thỉnh thoảng ta vẫn bắt gặp được những người còn xăm hình những con cá, con phượng hoàng hay hoa Anh Đào trên thân thể của họ.

Nói về văn hóa của công chúng thì phải nói về văn hóa của các đài truyền hình Nhật Bản. Họ thường chỉ ghi các tiêu đề bằng tiếng Nhật và chữ viết qua việc truyền thông này. Điều đặc biệt là đa phần đàn ông làm nhiệm vụ dẫn chương trình. Họ thích thảo luận với nhau trên truyền hình và bên cạnh người điều khiển chương trình là một người phụ nữ phụ diễn và họ đã thảo luận chung quanh một vấn đề cũng như trả lời những câu hỏi.

Một hình thức khác được yêu chuộng trên truyền hình Nhật Bản là trò chơi của Takeshi. Kết quả của trò chơi này cho người thắng trận và thường phần thưởng nhận được là tiền. Điều quan trọng hơn là những người dự thi có thể đánh rơi tư cách của mình, bởi vì nhiệm vụ ở trong màn trình diễn này là phải tạo nên những sự kinh dị. Nếu không làm được vậy, xem như bị thất bại.

Ngày nay tại xứ Đức này nhiều phim ảnh của Nhật Bản đã được trình chiếu tại Âu Mỹ và đặc biệt là phim được chiếu ở đâu thì được dịch sang tiếng địa phương của xứ đó; trong đó có cả phim kinh dị của Takeshi. Phim này không phải chỉ dành riêng cho trẻ thơ, mà ngay cả người lớn khi xem đến, nhiều khi cũng dờ khóc dờ cười cho cách thiết trí trò chơi qua thành quách cung điện cổ xưa kết hợp với lối diễn xuất của Tây Phương; nên chuyện của Takeshi đã được nhiều người quan tâm đến.

Đặc biệt người Nhật rất ham đọc sách. Tùy theo từng lứa tuổi khác nhau. Ví dụ như người lớn tuổi hay thích những sách về du lịch, triết học, tôn giáo v.v... Còn thanh niên nam nữ thì thích đọc Manga. Manga là một loại hình hoạt họa, có bày bán đầy ở các tiệm sách. Giới thanh niên nam nữ Nhật Bản thích đọc loại Manga này cũng giống như chơi trò chơi bấm nút Pachinko vậy. Họ vào xe điện ngầm hay đi trên xe lửa đường dài; hoặc ở nơi công cộng chờ đợi, đa phần người nào cũng có quyển sách hay tờ báo trên tay để đọc; chứ ít khi nói chuyện ồn ào chỗ có đông người và văn hóa của người Nhật là văn hóa của việc nghe nhiều hơn nói. Vì người Nhật vẫn thường hay nhắc nhở cho nhau nghe rằng: Khi ta được sinh ra, ta có đến hai lỗ tai mà chỉ có một cái miệng. Nghĩa là việc nghe phải gấp đôi việc nói; nhưng đa phần bây giờ người ta nói gấp đôi việc nghe; nên dễ bị phân tâm và ít khi nghe được điều hay lẽ phải từ người khác.

Nói về học và nghiên cứu thì người Nhật ngày xưa và ngày nay cũng không khác mấy. Họ chọn chốn quan trường, bằng cấp cũng như những người tài giỏi ra giúp dân cũng như cai trị đất nước. Kể từ thời kỳ Minh Trị Duy Tân (1868) đến sau này nước Nhật đã thay đổi hẳn về vấn đề giáo dục (có thể xem thêm phần này ở chương sau). Nhờ đó mà nước Nhật mới có

được ngày hôm nay. Cái cũ họ không bỏ, chỉ sửa đổi thôi và cái mới họ không tiếp thu một cách ồ ạt; nên nền văn hóa của Nhật Bản là một nền văn hóa được xay nhuyễn ra để trộn lẫn với văn hóa bản địa để được tồn tại và phát triển. Đây là những điểm đặc trưng của nền văn hóa nghệ thuật Nhật Bản mà ít có một dân tộc nào trên thế giới có thể sánh kịp.

Nhìn người để nhớ lại mình. So sánh những điểm tốt, điểm xấu, điểm đúng, điểm sai... để từ đó ta có một cái nhìn tổng thể hơn và cũng chính từ đó ta rút ra được nhiều bài học quan trọng trong đời sống riêng của mỗi người cũng như đời sống chung, tồn tại và phát triển của một dân tộc. Ai trong chúng ta mà không mong muốn được điều ấy; nhưng thể hiện như thế nào về sự thành tựu này qua mọi khía cạnh của cuộc sống, thật ra nó quan trọng vô cùng.

CHƯƠNG CHÍN

Phong cách sống của người Nhật xưa và nay

Ngày 22 tháng 2 năm 1972 tôi đến Nhật, kể đến nay 2014 này là đúng 42 năm. Thời gian trôi qua nhanh quá, tôi hầu như không còn để ý đến thời gian nhiều nữa; chỉ thấy một điều là tóc trên đầu của mình đã bạc khá nhiều, răng đã rụng nhiều cái và đã lấp vào mấy cái răng giả; lưng bắt đầu đau khi ngồi lâu hay khi lạy Phật nhiều; mắt phải đeo kính mới đọc ra chữ nhỏ. Cái nhớ nghĩ không còn sắc bén như xưa nữa. Đây là kết quả của tiến trình sanh, lão, bệnh, tử mà ai trong chúng ta cũng không thể vượt khỏi, khi vẫn còn trong sinh tử luân hồi. Tục ngữ Anh thì bảo rằng: “Thời gian và thủy triều không đợi chờ ai”, còn tục ngữ Pháp thì nói rằng: “Người ta không thể tắm hai lần trong một dòng nước”. Tất cả đều đúng và tất cả đều nói lên được cái tính chất vô thường tạm bợ của một kiếp nhân sinh; nhưng với tôi đã quá đủ để nhìn lại một chặng đường dài như vậy, mới thấy mình thật sự là có phước và hạnh phúc vô cùng. Phước báu phải cần nhân lên nhiều lần như thế nữa; nên tôi vẫn

tiếp tục làm phước để báo đáp thâm ân của Mẹ Cha, Thầy Tổ và mọi người đang ở chung quanh mình.

Thầy Như Tạng đã đón tôi tại phi trường Haneda ngày ấy về nơi cư ngụ của Thầy Chơn Thành. Tôi không được báo trước điều này, vì đây là do sự sắp đặt của Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành mà tôi có được chỗ ở tạm dừng chân trong một tháng đầu tiên ở tại Nhật Bản. Việc này xin niệm ân Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành không ít. Ngày ấy ai cũng gian khổ, thế mà vui. Bây giờ dĩ nhiên cũng còn vui, khi anh em gặp lại nhau; nhưng hình như không có thời gian để nói chuyện nhiều như khi xưa nữa. Vả lại câu chuyện ngày ấy và bây giờ đã cách nhau qua tuổi đời, chỗ đứng trong xã hội, sự thành đạt và sự thất bại v.v... ai mà chẳng có; nhưng với tôi, đó là cả một khung trời kỷ niệm; một bài học đáng giá cho một tương lai khá dài còn lại, mà lúc ấy chưa biết tính toán chuyện gì cả, đúng ra là chỉ biết học mà thôi.

Ngày hôm ấy rất mệt; bởi vì những ngày trước đó tôi phải chuẩn bị đủ mọi thứ ở chùa Hưng Long tại Sài Gòn để ra đi. Nào tiệc tùng đưa tiễn, nào là chuẩn bị hành lý đi xa v.v... nên khi Thầy Như Tạng dẫn vào phòng Thầy Chơn Thành để ở nhờ, tôi thấy cái gì đó nó đã không giống như trong trí óc mình nghĩ, trước khi đến xứ này. Nhà thì thấp; nếu ai đó cao 1m80, chắc chắn sẽ đi đụng trần nhà! Vì thế hệ xưa; người Nhật thấp lùn. Ở đây quý Thầy, quý Cô và các Sinh viên du học Việt Nam đều phải xin vào ở cư xá hay thuê nhà trọ như thế cả; chứ còn chùa? Dĩ nhiên là còn lâu về sau nữa, vì ngôn ngữ mình chưa rành, thì làm sao vào đó để ở chung với họ được.

Tôi đặt lưng xuống dưới những chiếc Tatami thật cứng, nằm bên cạnh bàn Kotap – là một loại bàn sưởi điện cho mọi người trong một gia đình. Cảm giác đang lâng lâng, hồi tưởng cuộc hành trình dài 8 tiếng đồng hồ bay từ Sài Gòn đến Hồng

Kông rồi Hồng Kông – Đài Bắc và cuối cùng là Đài Bắc – Tokyo Haneda. Tôi chưa bao giờ đi xa như thế. Bởi vì từ Đà Nẵng vào Sài Gòn nếu đi bằng máy bay cũng chỉ mất có hai tiếng đồng hồ là nhiều. Còn hôm ấy bay đến 8 tiếng. Tôi mệt lả người. Tự nhiên nghe trên tường nhà rung rinh, rồi xoong chảo, nồi niêu trong bếp kêu lảng cẳng, đất rung nhiều lần. Đây là cảm giác đầu tiên mà tôi biết đến, khi tiếp xúc với động đất tại Nhật Bản. Ô! Té ra động đất là như vậy. Rồi những ngày kế tiếp Thầy Chơn Thành và Thầy Như Tạng chỉ cho tôi cách đi chợ, đi tắm công cộng như thế nào, mua sắm những gì cần thiết. Dẫn đi vài Đại Học Risso để thăm trường và thuê đó Thầy Minh Tâm, Thầy Chơn Thành, Thầy Trí Quảng v.v... đều học chung tại Đại Học này và quý Thầy cũng đã giới thiệu tôi với Hòa Thượng Thánh Nghiêm người Đài Loan đang làm nghiên cứu sinh tại đó. Sau này Thầy Thánh Nghiêm về lại Đài Loan rồi sang Mỹ và về lại Đài Loan lập nên Pháp Cổ Sơn tại Đài Bắc và ngày nay Tu Viện này rất nổi tiếng là nhờ Ngài Thánh Nghiêm đã biết đem cái cũ của Trung Hoa, khi Ngài chạy nạn từ lục địa sang Đài Loan và sau đó được cơ duyên sang Nhật Bản để tu học, sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại Học Risso, Thầy đã mang tinh thần Phật học mới đã học hỏi được tại Nhật mang sang Hoa Kỳ rồi về lại Đài Loan để ứng dụng vào môi trường mới tại đó về cách phát triển Phật Giáo như thế nào để có thể khế hợp với nền văn minh mới đang có mặt tại Đài Loan thuê bấy giờ. Bây giờ thì Thầy Thánh Nghiêm, Thầy Minh Tâm đã quá vắng; nhưng từ Đại Học Phật Giáo thuộc Tông Pháp Hoa của Nhật đã đào tạo ra được những bậc long tượng cho Phật Giáo thế giới như vậy đó. Quả cũng không hoài công đèn sách của quý Thầy khi sang du học tại xứ người.

Chuyện học ngôn ngữ với tôi thuê ấy rất quan trọng; nên những ngày sau đó đã đi dò hỏi trường học nào mà hợp với túi

tiền của mình đang có cũng như đường đi nước bước như thế nào v.v... đây là giai đoạn thử thách nhiều nhất đối với tôi và chính trong thời gian này tôi đã học được nhiều bài học về tình người và lòng nhân ái cũng như sự vị tha. Không phải ai cho mình một cái gì đó trong lúc gặp khó khăn mới là quý, mà ngay cả đến lúc công thành, danh toại rồi; nếu ai đó nhớ lại thuở hàn vi và đem tâm này dần trải ra để giúp đời, cứu người thì điều ấy càng quý giá hơn nữa.

Mới đi học mà thấy tiền đã sắp hết rồi, chẳng biết phải đi mượn ở đâu; nên phải biên thư về cho Sư Phụ ở Hội An, vì biết rằng Sư Phụ cũng chẳng có tiền. Người đã cho mình đi học là quý hóa lắm rồi; nhưng biết đâu lại có ý kiến hay ho để giúp mình trong lúc này. Đó là một sự đánh liều. Thực ra thì trước khi đi Thầy Bổn Sư có hứa là Giáo Hội Quảng Nam tuy nghèo; nhưng sẽ cố gắng chu cấp học bổng cho các anh em đi du học mỗi tháng 30 USD. Với tôi, thuở ấy, ngay ở tại Sài Gòn 30USD không nhỏ so với một Tăng sinh còn ăn cơm chùa và cấp sách đến trường để học. Viết đề cầu may như vậy; nhưng thật là hên, Sư Phụ Long Trí viết thư trả lời và bảo rằng: Thầy có quen với Bác Tô Văn Tám ở Hội An. Bác này có người con gái tên là Tô Thị Ngọc Yến đang học ở Nhật và sắp về nước làm việc, cô ta còn lại một số tiền Yen sẽ gởi cho tôi để có tiền đóng học phí và Thầy bảo rằng: Ở Việt Nam Thầy sẽ lo hoàn lại cho Bác và cô Yến. Số tiền không nhỏ. Nếu tôi nhớ không lầm cũng độ 2.000 USD. Sau này tôi có gặp lại Bác Tô Văn Tám tại San Jose và cô Yến tại Los Angeles, tôi có hỏi về số tiền ấy, Sư Phụ tôi đã gởi lại cho Bác và cô chưa?- Bác Tám cười và bảo rằng: “Việc ấy tôi đã giải quyết với Thầy Long Trí lâu rồi”. Thế là tôi an tâm. Vì ân nghĩa thì nên đền đáp; không nên quên. Nếu không có được những sự giúp đỡ lúc ban đầu ở một quê hương

xa lạ như Nhật Bản tân tiến thuở bấy giờ thì việc học của tôi xem như bị gián đoạn.

Người thứ hai mà tôi mang ơn; đó là Phan Đức Lợi; người bạn cùng quê ở Trạm Nam Phước, quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, học Tiểu Học cùng thời; nhưng Lợi qua Nhật trước tôi; nên tôi đã mượn tiền của Lợi để đóng tiền vào Đại Học Teikyo, sau khi thi đỗ vào ngành giáo dục học tại đó. Xa quê nhưng tình quê không đổi. Chúng tôi gặp nhau, trao đổi với nhau nhiều việc, trong đó có đường lối đấu tranh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào thời điểm Hiệp định Paris ký kết (1973). Có nhiều điểm không tương đồng; nhưng đó là chuyện khác. Tôi vẫn mang ơn Lợi và sau này khi vào chùa Honryuji rồi, tôi đã trả lại cho Lợi. Mỗi lần gặp nhau nói chuyện không hợp, vì khác nhau giữa khuynh hướng và đường lối. Sau khi tốt nghiệp tại Nhật, Lợi đã về Việt Nam làm việc và nghe đâu người bạn thuở thiếu thời đã chết vì bệnh gan ở tuổi 50. Có lẽ vì chàng ta uống rượu nhiều quá.

Một người bạn khác tên là Nguyễn Thông cũng vậy, bạn cùng học Tiểu Học ở quê nhà. Thông học ở Vạn Hạnh, không đi xuất ngoại; nhưng sau khi tốt nghiệp Đại Học vào làm kế toán cho tờ báo “Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn”. Thông sống rất lý tưởng cho niềm tin với chế độ vô sản; cuối đời rồi cũng đã chẳng được gì. Nhưng được một điều may là Thông đã quy y Tam Bảo với Pháp danh là Nguyên Minh. Những ngày cuối đời của Thông ở Sài Gòn, tôi hay điện thoại về thăm hỏi và khuyên vợ Thông nên đọc tụng kinh Thủy Sám và kinh Lương Hoàng Sám cho Thông nghe. Thông ra đi rất an lành, mặc dầu đứa con trai học vẫn chưa xong Đại Học và mới đây vào ngày 19 tháng 6 năm 2014, sau khi chúng tôi làm lễ khởi công xây tượng đài Quan Âm lộ thiên kế bên chùa Viên Giác thì hay tin Thị Điểm đã qua đời ở tuổi 68. Anh chàng này hơn tôi hai tuổi; nhưng học

chung trường, chung lớp tại trường Trung học Bồ Đề Hội An từ năm 1964 đến 1968; nên có rất nhiều kỷ niệm. Đến năm 1975 sau khi thọ Sa Di với Pháp tự Hạnh Bích thì Thị Diễm ra đời, có vợ con và đưa con gái đầu tiên của Thị Diễm, tôi cũng đã giúp cho ăn học xong Đại Học và đã đi dạy mấy năm nay... Ân nghĩa nghìn trùng là như vậy, nói sao cho hết và viết biết bao nhiêu trang giấy cho vừa? Với tôi, suốt cả một chặng đường dài của sanh tử này, lúc nào trên hai vai vẫn mang nặng Đạo Đời và trong tâm cảm cho đến bao giờ đi nữa thì Tình Đạo, Tình Người vẫn là những chất keo dính để đan kết lại vào nhau, nhằm tạo cho cuộc đời này có những vẻ đẹp nên thơ của nó.

Lúc mới đến Nhật ngôn ngữ không hiểu gì cả; nên khi bật đài truyền hình lên chỉ có xem hình. Họ cười, mình chẳng biết tại sao họ cười; nên tôi hay chọn 2 chương trình đặc biệt để xem. Đó là Sumo và Pro Wrestling. Vì lẽ 2 chương trình này xem hình xong cũng đã hiểu rồi, không cần phải xử dụng trí óc nhiều. Dần dà khi quen với cuộc sống tại Nhật, tôi đã vào xem những câu chuyện kịch nói để học cách hành văn và đôi khi cũng xem văn nghệ trên truyền hình để tìm cho mình một nụ cười thoải mái sau những ngày học tập cực nhọc tại trường cũng như những điều khó khăn cần phải giải quyết trong cuộc sống. Khi nào mà bạn cùng cười, cùng hiểu, cùng cảm thông với người đối diện với mình, dầu họ là người nào, nói ngôn ngữ nào đi chăng nữa. Chính lúc ấy là lúc bạn đã giỏi ngoại ngữ rồi đó. Học ngoại ngữ không dễ và cũng không khó. Vì nói dễ thì mọi người khi học ngoại ngữ đã giỏi hết ngoại ngữ rồi; nhưng ở đây thì ít được vậy. Còn nói khó thì tại sao nhiều người nói, nghe ngoại ngữ giỏi mà mình làm không được? Đây mới chính là mấu chốt của vấn đề. Bạn hãy tự tìm hiểu và hãy tự tạo cho mình một hướng đi qua phạm trù này.

Sumo là một loại đô vật; không như của Mỹ hay của Thái Lan, mà một loại hình hoàn toàn của Nhật Bản. Họ cũng là một con người bình thường như chúng ta; nhưng họ được nuôi ăn, nuôi học và nuôi luyện tập khổ công không giống như chúng ta. Nghĩa là họ được đào tạo trong một môi trường đặc biệt. Ví dụ như tóc không hớt mà để dài bới cao lên khi đấu với người khác. Thân hình to lớn với chiếc bụng và ngực phình ra; chân ngắn lại vì quá mập. Hai người được phép đấu trong một vòng tròn, ở giữa có kẻ một đường ranh thật thẳng. Nếu ai bị đẩy ra ngoài vòng tròn thì người ấy xem như thua trận. Nó khác với đá banh hay đánh kiếm; nhưng cũng là một loại thể thao đặc biệt có thắng thua, có ăn tiền và phải mua vé vào cửa mới xem được. Ở đây tôi chỉ xem truyền hình; nên lại có niềm vui khác.

Ở Việt Nam hầu như chùa nào cũng không có máy truyền hình, ngay cả các chùa lớn tại Sài Gòn thuở ấy. Bây giờ có lẽ khác xưa nhiều; nhưng ở vào thuở xa xưa là như vậy. Nếu hôm nào có hát cải lương hay thì quý Thầy, quý Chú sau thời kinh Tịnh Độ thường hay bắt ghé nhìn qua nhà hàng xóm để xem ké. Khi ra ngoại quốc chúng tôi có nhiều cơ hội và nhiều phương tiện để tiếp xúc hơn. Ngay cả những ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng ở Việt Nam cũng vậy, khi còn ở trong nước chúng tôi chỉ có thể đi xem những vở tuồng đặc biệt nào có liên quan đến Phật Giáo như: Tam Tạng thỉnh kinh, Tề Thiên Đại Thánh, Bông Hồng Cài Áo v.v... do các nghệ sĩ tài danh đóng kịch hay cải lương. Ngược lại khi ra ngoại quốc này chúng tôi lại có cơ hội để tiếp xúc hay mời gọi các ca sĩ nổi tiếng hiện đang ở hải ngoại về chùa Viên Giác tại Hannover để hát nhân các lễ Phật Đản hay Vu Lan và nhờ vậy mà tôi được biết khá nhiều các nghệ sĩ này. Từ Phạm Duy, Khánh Ly, Hùng Cường, Mai Lệ Huyền, Hữu Phước, Thành Được, Chí Tâm, Hương Lan cho đến những nghệ sĩ tân nhạc mới đây như: Gia Huy, Phi Nhung, Tường Vũ,

Quang Lê, Nguyên Lê, Tuấn Vũ, Ngọc Huyền, Mạnh Quỳnh
v.v...

Chữ Wrestling là tiếng Anh và người Nhật thêm vào chữ Pro ở phía trước và viết tiếng Nhật theo lối phiên âm chữ Katakana. Thuở ấy ông Baba là một danh võ vô địch về môn này của Nhật. Ông ta người to lớn, lớn hơn những người Nhật bình thường và có sức mạnh thật là vô địch, hầu như ông ta chẳng thua keo nào, dầu cho đấu với người bản xứ hay người ngoại quốc. Loại hình thể thao này thấy hơi thao bộ; nhiều khi đánh đơn mà cũng có lúc đánh kép. Những lúc họ chơi xấu nhau thì khỏi nói, máu me đầy mình đầy cổ; nhưng họ giỏi thật; mới thấy bị đánh như tử trên võ đài đó, tưởng rằng họ đã thua; nhưng chỉ sau một cái đứng dậy tự nhiên, họ bắt đầu phản công với các địch thủ rất mạnh. Một bàn thắng được ghi khi đối phương sau 3 lần đập tay của trọng tài xuống sàn đấu mà không trở dậy được thì xem như cuộc thi tài chấm dứt của một hiệp. Dĩ nhiên là phải trải qua nhiều hiệp như vậy mới đi vào điểm chung kết; nhưng đây là một loại hình đấu võ khác lạ với Việt Nam chúng ta thuở bấy giờ, vốn dĩ đã không có thể loại như thế. Ngày nay trên truyền hình nước Đức thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy có chiếu về những thể loại này; nhưng ở Nhật Bản thì loại đấu võ này đã rất thịnh hành cách đây từ hơn 40 năm về trước.

Về âm nhạc ngày nay của người Nhật thì có đủ loại thể hình. Nếu Tây Phương và Hoa Kỳ có cái gì thì ở Nhật đều nhại theo những điệu nhạc như thế. Từ nhạc Pop cho đến Rock hay những loại nhảy đơn điệu ở ngoài đường phố. Giới trẻ của Nhật Bản ngày nay sống tại Nhật nhưng không khác người Tây Phương mấy. Ví dụ như nhuộm tóc đen thành đỏ hay vàng hoe. Tai đeo nhiều khâu giống như đồ để trang sức và dĩ nhiên là không những chỉ hát tiếng Nhật mà còn tiếng Anh, tiếng Đức,

tiếng Pháp nữa. Chả bù lại với nhạc truyền thống của Nhật như dân ca hay kịch nghệ, mỗi năm họ có một hay nhiều lần tuyển chọn ca sĩ và lần hội diễn rầm rộ nhất trong đêm 30 sáng ngày mùng một Tết dương lịch mỗi năm là một kỷ niệm khó phai mờ của những người ngoại quốc sống xa quê hương. Ngày mùng một là ngày đầu năm nhưng ít có người đi lễ chùa, mà họ hay đi lễ Thần Xã để xin xăm, hái lộc đầu năm và ngày đó Thiên Hoàng cũng như Hoàng Hậu ra hoàng cung để chào thần dân Nhật Bản và chúc phúc. Giữa đô thị tân thời Tokyo của Nhật Bản, ngày nay vẫn còn tồn tại những cái cổ kính thật là hùng vĩ, trong đó có Hoàng Cung; nơi Thiên Hoàng Heisei (Bình Thành) và Hoàng Gia đang ở đó. Ngày nay vua chúa ở nước Nhật cũng chỉ còn tính cách tượng trưng như ở Anh hay Thái Lan; nhưng với dân chúng bảo hoàng thì Hoàng Tộc vẫn là chỗ dựa tinh thần của họ, khi mà những chính trị gia đã chẳng làm gì được nên hình; ngoài những chuyện hứa suông khi tranh cử.

Hoàng Thành vẫn còn giữ lại cách kiến trúc xưa như tại Trung Hoa hay Việt Nam thuở nào. Tại Trung Hoa chế độ vua chúa đã chấm dứt vào năm 1911 khi Phổ Nghi Hoàng Đế thoái vị và Việt Nam chúng ta triều Nguyễn cai trị giang sơn Đại Việt từ thời các Chúa từ năm 1600 đến 1945 mới chấm dứt chế độ quân chủ, qua sự thoái vị của vua Bảo Đại; những tưởng rằng những nước bỏ chế độ vua chúa để trở thành một quốc gia dân chủ, độc lập hơn; nhưng so cho cùng vẫn còn lạc hậu và tụt hậu hơn những nước vẫn còn vua chúa trị vì nữa; trong đó có Anh quốc và Nhật Bản là một trong những thí dụ điển hình. Từ đó cũng có người cho rằng đâu có cần phải cách mạng ngôn ngữ từ Hán văn sang chữ La tinh mới gọi là tiến bộ về học thuật. Trong khi đó Nhật Bản, Đại Hàn, Singapore họ vẫn dùng chữ Hán, họ đâu có tụt hậu bao giờ. Đi xa hơn nữa có nhiều người cho rằng chỉ những nước theo Thiên Chúa giáo mới giàu có, còn những

nước theo Phật Giáo thì nghèo. Điều này cũng không đúng nữa. Hãy cứ nhìn những nước theo Thiên Chúa giáo của Phi Châu đâu có giàu, mà Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn, Thái Lan, Singapore theo Phật Giáo đâu có nghèo. Những nước này sản lượng kinh tế quốc dân vẫn đứng trong Top Ten đó. Như vậy cái quan trọng ở đây nó không phải là vấn đề chủ nghĩa hay tôn giáo, mà điều quan trọng là người dân ở đó ý thức như thế nào về việc xây dựng một quê hương, đất nước cho thực sự tự do, thịnh trị và phú cường. Đồng thời những người lãnh đạo đất nước ấy, không phải chỉ có nói cho hay, mà không làm thật giỏi thì giàu cũng sẽ hóa ra nghèo như thường.

Tinh thần Samurai của Nhật Bản đã cho ta thấy rõ được rằng những gì thuộc về quốc gia, dân tộc, lễ phải v.v... thì võ sĩ đạo Nhật Bản có thể mổ bụng của mình, lấy tim gan ra để chứng minh cho mọi người thấy được cái trung trinh của họ đối với vua, với quốc gia và dân tộc. Ngày ấy họ còn nghèo; nhưng tinh thần võ sĩ đạo của họ giàu lòng vị tha như vậy. Còn bây giờ đa phần người dân Nhật rất giàu có; nhưng tìm thấy được hình ảnh hy sinh cho đại cuộc, thấy khó vô cùng, mà đa phần bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cá nhân của Âu Mỹ không ít. Cái chủ nghĩa này nó tôn trọng sự tự do cá nhân một cách tuyệt đối; nên tìm lại những hình ảnh xa xưa cũ kỹ ấy, quả là một câu hỏi mà đi tìm câu trả lời cho thế hệ trẻ người Nhật ngày nay thật là khó.

Kể từ khi văn hóa Âu Mỹ xâm nhập vào Nhật Bản thì những loại hình thể thao truyền thống vẫn còn người Nhật, đặc biệt là người ngoại quốc rất thích học hỏi; nên đã qua đến Nhật để học rồi mang về lại quê hương của họ để dạy cho người bản xứ. Ví dụ như Karate (Không Thủ), Judo (Nhu Đạo) hay Aikido (Hiệp Khí Đạo). Ngoài ra bắn cung, đánh kiếm cũng là những loại hình thể thao liên quan với Thiền học; nên được người ngoại quốc biết đến rất nhiều.

Người Nhật ưa chuộng đánh Golf và Basketball hay Baseball. Đây là một loại banh hình bầu dục và người đánh banh cũng là người chạy lượm banh phải tương ứng hoặc hơn thua, do sự nhanh chậm mà định đoạt. Ngoài ra đá banh ngày nay Nhật Bản cũng đã vượt lên đến đỉnh cao nhất của thế giới là tranh giải World Cup của năm 2002 và năm nay 2014 tại Brazil cũng vậy.

Từ văn hóa ẩm thực cho đến văn học, nghệ thuật, tôn giáo, thi ca, săn bắn, sản xuất kỹ nghệ xe hơi, đóng tàu, chế tạo xe điện nhanh nhất thế giới v.v... ngày nay thấy đâu đâu cũng có hình bóng của người Nhật và được người ngoại quốc nể vì cũng như ưa chuộng. Họ thích đồ Nhật, vì người Nhật có tinh thần trách nhiệm. Nếu sản xuất món hàng ấy ra bị hư thì họ liền thu hồi và bồi hoàn thiệt hại cho người chủ đã tin tưởng bỏ tiền ra mua đồ sản xuất của Nhật và họ sẽ đổi lại đồ mới; nhưng không phải bồi thường gì thêm nữa. Vì đó là lỗi của người sản xuất; chứ không phải của người tiêu thụ. Tôi đi nhiều nơi, đến nhiều nước trên thế giới; nhưng ít thấy nước nào có tinh thần trách nhiệm cá nhân và đoàn thể cao như nước Nhật. Nếu nước Việt Nam chúng ta mà mọi người dân đều hưởng ứng học theo tinh thần trách nhiệm như người Nhật Bản thì chẳng mấy chốc quê hương của mình không thua gì Nhật Bản ngày nay mấy.

Nhớ lại thuở xa xưa khi còn làm Điệu tại chùa Phước Lâm Hội An (1964) thì thấy rằng thời ấy và bây giờ đã có nhiều khác biệt quá rồi. Thời đó chúng tôi phải đi gom lá Bàng lại phơi khô để làm mồi nhóm lửa và vào rừng để mót cây nhỏ về làm bồi để nấu cơm hay nấu trà. Muốn có được lửa thì phải mồi, phải thổi thật mạnh lửa mới cháy và sau đó mới bắc ấm nước hay nồi cơm lên. Khi nước sôi hay cơm sôi mới hạ lửa xuống. Cứ thế và cứ thế mỗi ngày hai ba lần chúng tôi phải bù đầu với bài vở ở nhà trường, lại còn bù đầu với tro bụi, mỗi khi thổi lửa để canh

chùng cho nồi nước sôi được sôi và nồi cơm phải được chín. Thế nhưng từ khi người Nhật phát minh ra nồi cơm nấu bằng điện, rồi bình nước nấu sôi cũng bằng điện từ những năm 68, 69, 70 thì chúng tôi mừng vô cùng. Vì khỏi phải tốn công canh lửa đỏ, lửa tắt nữa. Cũng không lo rằng cơm sống, cơm khô, mà tất cả đã được canh sẵn qua sự chế tạo nồi cơm điện thông minh của người Nhật. Người Nhật vẫn ăn cơm như chúng ta và cơm ấy đã rất sạch sẽ, thơm tho, không bị cháy, bị khô khi có nồi cơm điện. Những kỹ thuật này dĩ nhiên là do người Tây Phương tìm ra; nhưng ứng dụng vào đời sống của người Á Châu vốn lấy gạo cơm làm món ăn chính; không phải bánh mì như Âu Mỹ; nên cái nồi cơm điện ấy hay cái bình nấu nước sôi kia nó đã giúp cho chúng tôi tiết kiệm được không biết bao nhiêu là thì giờ.

Lại mì ăn liền. Mì đủ loại; chay có, mặn có. Nếu người Nhật cổ xưa mà sống dậy nhìn đàn con cháu của mình sống trong cuộc sống văn minh thoải mái, đầy đủ tiện nghi như vậy, họ sẽ chẳng biết là thế giới nào. Vì thế giới của họ đã qua rồi của những đường gươm lả lướt hay cỡi ngựa chạy phẳng phẳng trên núi đồi hay đồng bằng, thung lũng; mà giờ này là phản lực, xe Shinkansen, tàu ngầm v.v... chỉ ngần ấy thứ thôi cũng đã làm cho người xưa cũng chóng mặt rồi; nhưng rồi người cổ xưa Nhật Bản sẽ quay sang người Nhật Bản ngày nay trách rằng:

“Các cô cậu thấy đó! Nhái hay học lại văn minh của người Âu Mỹ là hay. Nhưng bao nhiêu dầu hỏa, bao nhiêu sắt, thép, nhôm, đồng, chì, kẽm v.v... các cô cậu đã lấy hết đi rồi, thì dưới mặt đất này sẽ trống rỗng, còn gì để đỡ chân chúng ta khi một trận động đất kéo đến. Đó các cô cậu hãy nhìn xem kết quả của việc này vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 tại 4 tỉnh miền Đông Nhật Bản của chúng ta đã xảy ra một trận động đất và

Tsunami thư hùng như thế, đã làm cho 15.000 người chết và tài sản của cải chỉ trong chốc lát đã tan tành theo mây khói...

Nào là nhà máy điện tử hạt nhân. Nó, chính nó đã giúp cho thế hệ của các cô cậu rất nhiều; nhưng chính nó chứ không phải ai khác đã phá hoại gia cang, tài sản, sức khỏe của dân tộc chúng ta không ít. Các cô cậu đã thấy chưa? Có dừng ngay những trò chơi điện tử ấy ngay từ bây giờ để bảo vệ môi sinh và môi trường như thuở khai thiên lập địa, thời mà ông bà của chúng ta đã sống. Tuy nghèo đó, mà người nào cũng hạnh phúc, an lạc. Tuy thuở ấy chúng tôi đã chẳng sử dụng đồng tiền. Còn bây giờ trong túi của các cô cậu nhiều tiền lắm; nhưng thử hỏi để làm gì? Chúng tôi thấy các cô cậu vẫn tự tử hằng ngày, mà điều ấy ngày xưa chúng tôi không có. Sẵn tiền các cô cậu đi đến những xứ nghèo hơn nước mình ăn chơi trác táng, rồi không biết bao nhiêu là sự tệt hại, bệnh hoạn mang lại cho nước mình. Đó các cô cậu đã thấy chưa? Chính tiền đã làm cho các cô cậu hư rồi đấy! Hãy tỉnh ngộ lại đi.

Vẫn chưa hết! Đâu phải thế hệ hưởng thụ của các cô cậu đã qua đi là xong đâu! Chưa! Còn con cháu của các cô cậu nữa. Chính các cô cậu bây giờ đang sáng tạo ra chiến tranh để tiêu thụ vũ khí và vơ vét hết tài nguyên của cải thiên nhiên của các nước trên thế giới đem về làm của riêng cho mình, khiến cho không biết bao nhiêu người bị đói khát, chết chóc thê thảm trên quả địa cầu này, các cô cậu có biết không? Ngay trong thời điểm hiện tại của năm 2014 này thế giới đã có hơn 6 tỷ người và trong số đó đã có đến 50 triệu người đang đi tỵ nạn để tìm con đường hạnh phúc cho mình và thế hệ con cháu của mình. Còn các cô cậu của thế hệ trẻ tại đây thì thế nào? Các cô cậu hãy dừng lại những gì đáng nên dừng. Nếu không thì xã hội này, quả đất này tuổi thọ sẽ giảm xuống nữa.

Bây giờ khắp nơi trên thế giới, không phải chỉ riêng tại xứ Nhật Bản này, mà đâu đâu đạo đức cũng bị băng hoại, lòng người lại ly tán và quá thương tâm. Những gì đã đổ nát lại càng thêm đổ nát nữa. Chúng tôi chỉ mong rằng những lời dạy của Đức Phật ngày xưa không đến sớm như chúng ta dự đoán. Bởi vì hết thời kỳ Tiểu Tam Tai rồi thì thời kỳ Đại Tam Tai cũng đâu có còn xa. Thế mà chúng tôi thấy đã quá gần rồi đó. Không lẽ tuổi thọ con cháu của các bạn sớm kết thúc ở lứa tuổi thứ 10; cái tuổi mà thời của chúng tôi là thời mà ăn chưa no lo chưa tới! Chúng tôi thế hệ của những người Nhật Bản cổ xưa chỉ mong các cô cậu ngày nay hãy ý thức được những gì mình đang gây ra trong hiện tại là đủ lắm rồi. Xin cảm ơn các bạn và xin chào các bạn...”.

Đó có thể là những lời tự tình và những lời nhắn gửi của những người Nhật Bản ở những thế hệ đi trước đang quan tâm đến thế hệ bây giờ và những thế hệ về sau nữa; nên mới có những lời dặn dò như vậy và mong rằng đây cũng sẽ là một bài học đạo đức thật là giá trị cho mọi người, mọi sinh vật đang ăn nhờ ở đậu trên hành tinh này.

Mong rằng mọi việc xấu xa sẽ không xảy ra và sẽ không đến quá sớm như vậy.

CHƯƠNG MƯỜI

Sự đúng giờ của người Nhật

Trong chúng ta, bất cứ là ai cũng sẽ vui khi đón tiếp một người bạn, một người khách đến thăm đúng giờ. Đây chỉ là một việc nhỏ thôi; nhưng từ những cái nhỏ ấy nó sẽ tạo nên những cái to lớn khôn phép sau này khi chúng ta làm một việc gì đó liên quan đến việc đời, việc nước. Ngày xưa khi thế giới kỹ nghệ chưa phát triển thì làm gì có đồng hồ để xem giờ, xem ngày. Họ chỉ căn cứ vào mặt trời mọc, mặt trời đứng bóng và mặt trời lặn để thẩm định về giờ giấc và hẹn hò. Nhưng những nơi không có mặt trời vào mùa đông như ở các xứ Bắc Âu, chắc họ phải hẹn hò nhau qua cảm tính. Nghĩa là mùa hè thì mấy giờ mặt trời mọc và mấy giờ mặt trời lặn. Còn mùa đông cũng như vậy. Họ cảm tính theo thói quen của các mùa để biết giờ giấc trong ngày

Người Á Đông chúng ta, nhất là người Việt Nam ngày xưa cũng đâu có đồng hồ; nên đã chia một ngày theo 12 con Giáp và mỗi giờ của Việt Nam có đến 120 phút; nghĩa là gấp đôi giờ của Âu Mỹ. Ví dụ giờ Tý bắt đầu từ 23 giờ khuya đến 1 giờ sáng, thì giờ Sửu phải bắt đầu từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng. Cứ thế đếm cho hết 12 con Giáp thì sẽ được một ngày một đêm.

Một tháng Âu Mỹ có 4 tuần; nhưng Á Châu chúng ta thì chỉ có 3 tuần. Nghĩa là gồm: Thượng tuần, Trung tuần và Hạ tuần. Mỗi Tuần như vậy có 10 ngày; chứ không phải 7 ngày như ở Âu Mỹ. Thượng Tuần bắt đầu từ ngày mồng một đến mồng mười; Trung tuần bắt đầu từ ngày 11 đến ngày 20 và Hạ tuần bắt đầu vào ngày 21 đến ngày 30. Nếu tháng thiếu thì ngày 29. Cũng vì không có đồng hồ và ngày xưa phương tiện di chuyển không bằng xe hơi hay xe lửa; hoặc máy bay như ngày hôm nay, mà là xe ngựa. Do vậy làm sao hẹn với người quen cho đúng ngày giờ được. Cho nên phải hẹn rằng: Giữa Trung tuần tháng giêng thì tôi sẽ đến thăm bạn. Điều ấy có nghĩa là từ ngày 11 đến ngày 20 tháng giêng sẽ chờ bạn ở tại nhà. Ngày xưa các dân tộc Á Châu vốn sống bằng nghề nông; nên thời giờ rất rộng rãi; nhất là mùa gặt hái cây cày đã xong; nên có nhiều thì giờ để đón khách như thế và trong những ngày ấy thường là gặp nhau thăm hỏi, chén tạc, chén thù... để đỡ nhớ nhung, bởi tình bạn lâu ngày xa cách; nhưng ngày nay thì người ta thường hay nói: Thời gian là tiền bạc. Thì giờ quý hơn vàng v.v... như vậy làm sao có nhiều thời gian để hẹn với nhau như thế được mà phải có cái gì đó làm chuẩn để hẹn nhau; nên mới có người sáng tạo ra chiếc đồng hồ là vậy. Tôi không biết lịch sử của chiếc đồng hồ; nên không đi sâu vào chi tiết ở đây; nhưng chúng ta nhờ đồng hồ mà đỡ ngu quên, nhờ đồng hồ mà có thể đúng hẹn và nhờ đồng hồ mà chúng ta đỡ thất hứa với nhiều người.

Những người nghèo khó ở Phi Châu hay Ấn Độ và ngay cả Việt Nam mình, tìm cho ra cái để ăn, còn khó khăn; thử hỏi tìm đâu dư giả mà có thể sắm được chiếc đồng hồ. Tôi không biết là ngày nay có bao nhiêu chiếc đồng hồ được sử dụng trên bình quân của 6 tỷ người hiện đang có mặt trên quả địa cầu này? Nhưng chắc chắn một điều là cũng có nhiều người sở hữu nhiều chiếc đồng hồ; chứ không phải chỉ có một chiếc để dùng

hằng ngày. Dầu cho nhiều hay ít, điều ấy hẳn không quan trọng mấy. Điều quan trọng ở đây là nhờ đồng hồ đủ loại mà đã giúp cho con người hay đúng hơn là cho cả nhân loại có được điều như: Be on times, chùntsu, Jikan ga-atatteru v.v...

Tôi không biết là người Việt Nam của chúng ta bị ảnh hưởng bởi văn hóa nào, mà đa phần là trẻ giờ. Đi đến thì trễ, mà đi về thì sớm; nhất là những buổi tiệc cưới hay sinh nhật v.v... Tôi nói lên điều này cũng chỉ học cái hay, cái tốt của người mà thôi, chứ không phải dè bủ người Việt Nam mình. Học giả Đỗ Thông Minh hiện ở Nhật và đến Nhật cùng thời với tôi, đã tốt nghiệp Đại Học Meisei vùng Hachioji, bây giờ đi diễn thuyết bất cứ nơi nào trên thế giới cho người Việt Nam mình, anh ta đều nói về độ đúng giờ của người Nhật cũng như sự tin tưởng với nhau giữa người và người để được làm nên đại sự. Anh ta nói không ngừng và người nghe cũng thấm thía; nhưng để tạo nên được một tập quán đúng giờ như người Nhật không phải dễ. Vì nó hình như đã ăn sâu vào xương tủy của người mình rồi.

Có lần tôi đến giảng tại một địa phương ở Hoa Kỳ và thấy có ít người quá, khi giờ giảng đã bắt đầu. Lúc ấy tôi mới hỏi cử tọa tại sao như vậy, thì có người ở dưới nói rằng:

Thưa Thầy! Người ta nói:

“Không ăn đậu không phải Mễ

Không đi trễ không phải Việt Nam”

Tôi cười và ngầm hiểu rằng: Người Mễ Tây Cơ hay thích ăn đậu; còn người Việt Nam mình vấn đề đi trễ đã trở thành một tập quán rồi chẳng? Thế rồi từ đó tôi đem những câu chuyện đúng giờ của người Nhật ra kể cho họ nghe. Chuyện xưa kể rằng:

“Có một nhà giáo mù, mỗi ngày ông ta đều đi dạy học và người dẫn đường cho ông ta từ nhà ra gare xe lửa là một con chó. Con chó ấy rất trung thành với chủ và đặc biệt là rất đúng giờ. Ngày nào cũng như ngày nào, con chó ấy vẫn thường dẫn vị Thầy giáo mù ấy ra gare xe lửa vào buổi sáng và khi chiều về, lúc vị Thầy già trở lại nhà gare, thì con chó đã có mặt tại đó, để dẫn chủ mình về lại nhà, rất đúng giờ. Ngày lại tháng qua, ông giáo mù già đã chết. Tuy nhiên mỗi ngày 2 buổi sáng chiều, thật đúng giờ, con chó trung thành với chủ ấy vẫn đi đưa và đi đón, tuy rằng không có chủ đi cùng. Rồi một ngày kia con chó ấy chết đi, người trong làng mới dựng lên một tượng đồng để thờ; gọi nó là Dòzò no Inu. Ngày nay nếu du khách đến thăm Tokyo, đến nhà gare Sibuya sẽ thấy được hình ảnh của con chó làm bằng đồng này”.

Nó giống như một câu chuyện cổ tích và câu chuyện này cũng đã được in ấn xuất bản thành sách để cho sinh viên ngoại quốc học tiếng Nhật phải học qua bài này. Sở giáo dục, đào tạo của Nhật chắc chắn họ phải có lý lắm, khi cho học sinh, sinh viên ngoại quốc hiểu được thế nào là lòng trung thành với chủ của con chó kia; nhưng điều đặc biệt là sự đúng giờ của nó, chúng ta cần phải học; chứ con chó của nước nào thì đa phần cũng trung thành với chủ rồi. Điều ấy ai cũng biết cả. Dầu cho chủ giàu hay chủ nghèo, chó vẫn phục vụ tận tâm và trung thành với chủ. Chỉ có chủ thay đổi chó; chứ chó ít thay đổi chủ. Cho nên những người già Tây Phương, khi con cái ra ở riêng rồi, họ hay nuôi chó là vậy. Con cái cả tuần, cả tháng, đôi khi cả năm mới thăm viếng được cha mẹ của mình một, hai lần, vì bận công ăn việc làm; nhưng con chó thì ngược lại, nó luôn luôn ở bên cạnh người chủ, dầu cho ban ngày hay ban đêm, trời mùa đông giá tuyết hay mùa hè nóng bức. Từ điểm này mà nhiều người Âu Mỹ đã không để di chúc về tài sản lại cho con cái của

mình, mà hay để lại cho con chó, con mèo; hay cho những cơ quan bảo vệ sức vật.

Những ngày đầu khi mới đến Tokyo, lúc tôi ra ở riêng khỏi chỗ Thầy Chơn Thành rồi, thỉnh thoảng Thầy Như Tạng vẫn gọi điện thoại để hẹn gặp; hoặc đưa cho lá thư từ Việt Nam gửi qua để xem, hay hướng dẫn cho tôi việc thi vào các trường Đại Học sau khi các khóa Nhật ngữ chấm dứt. Địa điểm chúng tôi hay hẹn là trước tượng con chó đồng tại nhà gare Shibuya Tokyo. Lần đầu tôi thấy đàn ông, đàn bà, con trai, con gái; tất cả nam thanh nữ tú đều đến đứng tại đó, có ý ngóng trông và thỉnh thoảng lại xem đồng hồ. Tôi hỏi Thầy Như Tạng tại sao như vậy? thì Thầy ấy đã kể lại câu chuyện như tôi đã kể bên trên và lại còn nhấn mạnh rằng: “Thầy thấy đó! Con chó mà còn luôn luôn đứng giờ như thế, thì mình là con người, không thể đi trễ giờ được; nhất là những cuộc hẹn như thế này”.

Trên đời tôi đã học được rất nhiều bài học, đặc biệt là bài học về giờ giấc và thứ đến là bài học sạch sẽ, mà tôi đã có lần kể hầu quý vị khi tôi lau Chùa và bài học thứ ba là sự tin tưởng với nhau; nghĩa là cái gì đã hứa rồi thì phải cố gắng làm và không nên thất hứa. Nếu thất hứa được một lần rồi, lần khác sẽ dễ lặp lại. Việc đúng giờ hay trễ giờ cũng như vậy. Nếu ta có thói quen luôn đúng giờ thì nên cố gắng thực hành nó. Vì đây là một thói quen rất tốt. Còn nếu chúng ta có thói quen trễ giờ thì mình phải cố gắng lên và phải tự đặt câu hỏi cho mình rằng:

- Nếu ngày mai máy bay bay lúc 9 giờ sáng thì mấy giờ mình phải có mặt tại phi trường ?

- Nếu mình đến sớm quá thì sao ? Nếu đến trễ quá, máy bay đã bay rồi thì sao? Và nếu đến được đúng giờ thì sao ?

- Tại sao chúng ta hẹn với người ngoại quốc thì mình luôn luôn tuân thủ giờ giấc, đến đi đều đúng giờ; còn hẹn với người

mình tại sao mình lại tự cho phép mình trễ nãi như vậy ? Rồi công việc sẽ ra sao ? Người ta có chờ mình đến hay không ? Hay họ đã bỏ đi nơi khác rồi ? v.v...

Nếu bạn tự trả lời được những câu hỏi như trên; tức là bạn đã tự điều khiển mình được rồi đó. Ngược lại bạn lúc nào cũng nghĩ rằng: “Que sera sera” (cái gì đến nó sẽ đến) thì muôn đời bạn sẽ khó sống tại Nhật và bạn khó làm cho người khác tin mình được.

Người mình dĩ nhiên cũng có rất nhiều đặc tính khác rất tốt so với ngoại quốc. Ví dụ như đi vào tiệm ăn, đi xem hát v.v... một người có thể bỏ tiền ra bao cho nhiều người; nhưng người Âu Mỹ lại không. Hoặc giả người mình hay quên nên rất dễ tha thứ cho nhau. Chuyện nhỏ như giận hờn hay nói xấu nhau; thế mà chỉ cần một thời gian ngắn là đã quên rồi và làm bạn lại như cũ. Chuyện lớn như quốc gia đại sự về việc người Nhật đã đến Việt Nam sau đệ nhị thế chiến (1945) và chính năm Ất Dậu ấy họ không cho dân mình trồng lúa, trồng khoai, mà bắt dân ta phải trồng đay để họ mang về nước Nhật dệt nên những chiếc Tatami cho họ; khiến miền Bắc Việt Nam thuở ấy có đến 2 triệu người chết; nhưng chiến tranh qua đi, hòa bình lập lại; người Việt mình cũng quên đi dĩ vãng khá nhiều để bình thường hóa về quan hệ ngoại giao với người Nhật; khiến cho thế hệ đi sau cảm thấy như là lịch sử đã chẳng có gì xảy ra giữa người Nhật và người Việt sau năm 1945 ấy !

Rồi cuộc chiến tranh năm 1975 đã có không biết bao nhiêu triệu người chết của cả hai miền Nam Bắc Việt Nam. Người Mỹ, người Tàu, người Nga đã làm gì nơi quê hương đất Việt; khiến cho mấy triệu người chết như thế ? Rồi vượt biển, vượt biên... cũng đã có mấy trăm ngàn người chết. Tù cải tạo, thương phế binh của cả hai chế độ v.v... người và cảnh thì vẫn còn đó, mà bây giờ những chính trị gia của các quốc gia này đã

đang tay bắt, mặt mừng với nhau, xem ra sự hy sinh của quân, dân, cán, chính của người Việt Nam trong quá khứ, chẳng còn bận tâm với họ nữa. Hình như họ đã quên quá khứ rồi và họ đã tha thứ cho nhau ? Có thể đây là một tách tốt; nhưng mỗi năm đến ngày 20.7 hay ngày 30.4 của lịch sử; nên trình chiếu những bộ phim giá trị để người sau xem đó mà rút ra được những bài học cho tương lai của chính mình cũng như của đất nước hay dân tộc mình.

Ở Nhật hầu như khi hẹn với nhau đều chọn một nhà gare nào đó; chứ ít ai hẹn tại nhà. Lý do tại sao (xin xem lại những chương bên trên) thì sẽ rõ hơn. Mỗi nhà gare như vậy có nhiều đường tàu chạy khác nhau. Tại Tokyo chỉ riêng xe điện ngầm chắc cũng có chừng 20 tuyến như vậy. Có tuyến lấy theo số thứ tự 1, 2, 3; mà cũng có tuyến lấy tên như: Seibu Chikatetsu, Chibasen v.v... mỗi tuyến đường chạy về hai hướng đối chiều với nhau rất rõ rệt. Hãy chọn hướng để đi và để hẹn với nhau cho khỏi bị lạc. Nhiều người lái xe cũng như vào làng hay đi đâu, thị lực và óc định hướng rất dở; nên dễ lầm đường là vậy. Ngày nay nhờ có máy chỉ đường, có tiện lợi đó; nhưng xin nhớ cho rằng người làm ra máy; chứ máy không làm ra được người. Từ đây chúng ta có thể ứng dụng việc này cho chuyện tu hành của mình cũng được nữa. Nếu đã chọn một hướng đi, thì hãy nên kiên trì với hướng đó. Đừng bao giờ đổi qua đổi về, khiến cho ta bị mất thời gian và kể cả hướng đi cũng bị chao đảo theo nữa; đây là điều bất lợi vô cùng.

Nếu người Nhật đi lạc hay họ hẹn lỡ đến trễ giờ thì ở tại mỗi nhà gare đều có nhiều tấm bảng để cho người có hẹn viết lên đó tên tuổi của mình cũng như số điện thoại để liên lạc và lý do vì sao lại trễ, để người hẹn đến đó trước hoặc sau đó phải trông đợi. Chuyện này là của hơn 40 năm về trước; còn bây giờ ở đây ai cũng có được điện thoại cầm tay; nên việc giờ trễ hay

đúng giờ, có thể thông báo với nhau thật là tiện lợi; nhưng riêng bản thân tôi thì không có loại phương tiện này, thì đây là lý do, cũng xin giải bày cho quý vị biết, tại sao như vậy, cũng giống như lý do tại sao tôi không ăn giá và sấu riêng, nhiều vị đã rõ rồi.

Nhiều Thầy, Cô hay các Phật tử thấy tôi không dùng điện thoại di động nên bảo rằng: “Đến sinh nhật này con sẽ cúng dường cho Sư Phụ một cái điện thoại di động cho Sư Phụ dùng”. Tôi cảm ơn và trả lời:

- Không phải là Thầy không có tiền để sắm một chiếc điện thoại di động rất tiện lợi như vậy. Nhưng nếu mua nó mà không dùng đến nó thì có phải tội nghiệp cho nó không?

- Nhưng tại sao lại không dùng?

- Vì lẽ nó làm phiền mình không ít. Tôi muốn có nhiều thời gian để đọc Đại Tạng Kinh, để dịch kinh và viết sách v.v... đang có một suy nghĩ thật hay, mới đặt bút xuống viết, đã bị điện thoại cầm tay gọi. Bây giờ nghe hay không nghe đây? Nếu nghe thì sao và nếu không nghe thì sao?

Nếu nghe điện thoại thì bị mất thì giờ và bị phân tâm nên tôi không dùng Handy là vậy. Ví dụ như đang nghĩ được một việc hay, nhờ trí nhớ đã đem về, tự nhiên có một cái điện thoại reo, lại phải mở máy bấm nút để nghe. Khi nói chuyện xong rồi, chẳng biết ý tưởng vừa rồi chạy đi đâu mất, làm sao có thể viết tiếp lại được. Còn nếu có điện thoại cầm tay, khi reo, mình không bắt máy, thì sắm điện thoại để làm gì? Trong những mùa an cư kiết hạ trước, tôi đoạn giao với tất cả, kể cả những bậc tôn túc lớn; mỗi năm 3 tháng như vậy; nên có nhiều vị cũng phiền hà và bảo rằng: “Bây giờ Viên Giác đã kín công cao tường rồi, chùa to Phật lớn nên không cần ai nữa cả”. Mô Phật! điều ấy chính tôi không phải chủ trương như vậy; nhưng quả thật là

khó. Tôi sau này chỉ xử dụng điện thoại bàn mà thôi. Khi Hòa Thượng Minh Tâm còn sinh tiền, mỗi lần có chuyện gì Ngài hay điện thoại bàn cho tôi và khi nào tôi đi đâu xa thì Ngài không liên lạc được; nên Ngài cũng bảo rằng: Tại sao không sắm một cái điện thoại cầm tay? Với lập luận như trên, tôi đã trả lời cho Ngài. Chắc Ngài cũng không vui gì; nhưng khi tôi nói: Thôi thì Thầy xử dụng E-Mail đi! Ngài bảo: Thôi! Thôi! cái Mail nó phiền phức lắm.

Ngày xưa khi Thầy Nhất Chơn còn ở Khánh Anh đã tự đánh máy bài vở vào Computer và đã biết xử dụng E-Mail rồi. Lúc ấy Thầy Nhất Chơn nói rằng: Tôi hơn cả Thầy Minh Tâm và Thầy Như Điển rồi đấy! Tôi hỏi hơn cái gì? Thì Thầy ấy bảo là: “Hơn quý Thầy là tôi biết xử dụng Computer. Trong khi đó quý Thầy lại không biết”. Kể ra việc xử dụng Computer không quá khó hay quá phiền; nhưng ngày xưa thì tôi đã có quý Thầy đệ tử lo cho mọi thứ. Nghĩa là tôi không cần phải lo một vấn đề gì cả. Nếu muốn làm điều gì đó, tôi chỉ cần nói đại ý là quý Thầy ấy sẽ lo viết bài, mua vé máy bay v.v... đâu sẽ vào đấy cả. Không phải tốn công sức nhiều. Còn bây giờ, quý Thầy hầu như đã thành tài, có người ra làm trụ trì, có người đi xa, có người đi dạy học v.v... nhiều lúc chỉ còn một mình tôi; nên bây giờ tôi tự mua vé máy bay hay vé xe lửa trên mạng được; khỏi phải làm phiền ai và nhất là bài vở - ngày xưa tôi hay viết tay phần Thư Tòa Soạn hay những bài viết ngắn; sau đó đưa qua cho thư ký đánh máy và tôi chỉ cần dò lại là xong. Còn bây giờ, tôi tự đánh máy vào Computer và tự in ra hay chuyển đi đến Đạo hữu Chủ bút hay những người liên hệ, không phải phiền nhiều đến quý Thầy đệ tử nữa. Chỉ riêng việc viết hay dịch sách, như quyển thứ 64 này tôi vẫn viết tay, mỗi ngày từ 10 đến 20 trang khổ A4 như vậy, chứ không dùng đến máy Computer. Vì lẽ sau

này nếu có ai đó tìm lại dấu vết xưa thì có cứ liệu để dễ dò tìm. Đơn giản chỉ có thế thôi.

Có một điều mà tôi đã lạm thói quen của người Nhật là giờ giấc. Kể từ khi ở Nhật cho đến nay là trên 42 năm, tôi cố gắng áp dụng không sai giờ cho bản thân, cho các khóa lễ hằng ngày tại chùa hay cả cho những khóa lễ cả hằng trăm, hằng ngàn người tham dự. Ví dụ như mỗi sáng lúc 5 giờ 45 phút là tôi có mặt tại Tô đường chùa Viên Giác để xá Tô và lên tụng kinh. Nếu ai đó hay chính tôi có đến sớm hơn mấy phút cũng đứng chờ cho Đại Chúng vân tập đông đủ và đúng giờ mới gõ chuông, xá Tô (xem thêm bài của Thầy Huệ Pháp trong báo Viên Giác số 201 tháng 6 năm 2014). Đây cũng là một nguyên tắc mà tôi đã cố giữ từ mấy chục năm nay. Ngoài ra khi tôi đi làm lễ ở các chùa khác hay các Chi Hội tại các địa phương, tôi vẫn áp dụng như vậy. Riết rồi họ phải quen đi. Khi nói 10 giờ làm lễ là đúng 10 giờ bắt đầu, chứ không có 10 giờ 5 phút; lại không có 10 giờ 10 phút; mà lại càng không có 10 giờ 20 phút mới bắt đầu. Ở chùa Viên Giác này mỗi năm có nhiều lễ lớn như: Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng, Phật Đản, Vu Lan, mỗi lần như vậy quy tụ cả 5 đến 8 ngàn người, mà chương trình thì dày đặc từ Thứ sáu đến trưa Chủ nhật. Không thể thêm vào và cũng chẳng thể bớt đi mục nào cả. Nghĩa là mục này trễ nải, hay mục kia nói thêm giờ, thì sẽ bị liên hệ với những mục tiếp theo sau đó nữa. Cho nên tất cả đều phải đúng giờ. Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức cũng biết rõ ý của tôi; nên nếu để chương trình văn nghệ bắt đầu 19:00 giờ là 19:00 chứ không hơn không kém. Lúc ấy bắt buộc sân khấu phải mở màn. Các ca sĩ từ các nơi khác cũng đã hiểu giờ giấc ở đây; nên họ chỉ hát theo giờ giấc cho phép, chứ không hát theo yêu cầu của khán thính giả.

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi cũng như thế. Thầy ấy du học tại Nhật Bản từ năm 1974 đến năm 1980. Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Xã Hội Học tại Đại Học Phật Giáo Komazawa tại Tokyo, Thầy ấy sang định cư tại Úc và ở Úc gần 35 năm nay, Thầy ấy chưa trễ một phút nào trong các công việc như tụng kinh, tham dự hội nghị, thuyết trình hay dự đám tiệc như các lễ cưới hỏi, ma chay v.v... tất cả đều phải đúng giờ. Tôi nhiều khi còn du di vài phút đến 5 phút; nhưng Hòa Thượng Bảo Lạc hầu như là không. Do vậy, có nhiều đệ tử cũng hơi phiền về tánh cứng nhắc của Thầy ấy. Nhưng nếu sau này Thầy ấy có đi khỏi cõi Ta Bà này rồi, thì đây, vấn đề giờ giấc vẫn là một bài học đầu tiên cho đệ tử của các đệ tử của Thầy ấy. Vì nếu giờ giấc mà không tuân thủ thì còn có thể tuân thủ cái gì khác được và ai sẽ tin mình đây, khi mình không tôn trọng người khác về vấn đề giờ giấc ?

Cả hai anh em cùng đi xuất gia (xin xem thêm quyển Hương Lúa Chùa Quê của hai tác giả) và cả hai anh em cùng xuất ngoại du học và đã thành tài nơi nước Nhật và đã lấy những điều hay ho học được ở xứ Nhật đem ra áp dụng cho người mình khắp nơi; bây giờ có thể là chưa lợi lạc lắm. Vì với người Việt Nam họ muốn cởi mở hơn, dễ dàng hơn; nhưng ở trong một tương lai xa, thì đây là những điều mô phạm vậy.

Tôi có cho nhiều Thầy đệ tử đi học khắp nơi trên thế giới và khắp các truyền thống. Sau một thời gian tu học về, áp dụng vào chùa Viên Giác này; khiến ai đó chưa quen, cũng sẽ ngại ngùng ngay. Vì cái này là của Phật Giáo Tây Tạng chứ không phải của Phật Giáo Việt Nam. Vì cái này là của Trung Hoa của Đài Loan chứ không phải của Việt Nam mình. Do vậy chữ Integration của tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức rất hay. Nếu dịch ra tiếng Việt thì nó có nghĩa là: Sự hội nhập. Còn chữ Assimilation, nó có nghĩa là đồng hóa hay bị đồng hóa. Thế nào

là hội nhập và thế nào là đồng hóa. Hội nhập có nghĩa là ta tự nguyện chấp nhận và đưa văn hóa ấy vào nền văn hóa sẵn có của mình và không bị phản cảm ngược lại. Còn đồng hóa có nghĩa là nền văn hóa bản địa mình đã và đang có; nay tự nhiên đem một nền văn hóa ngoại lai nào khác vào và bắt buộc kẻ khác phải theo mình. Điều này sẽ bị dội ngược lại ngay, dấu cho đó là văn hóa của Tôn Giáo đi nữa. Dấu cho nó có hay gấp mấy lần văn hóa của mình đi chăng nữa, thì nó cũng chỉ là của người ta chứ không phải của mình. Điều căn bản của chúng ta là phải làm sao tiêu hóa cái gì đã học được và đã tu từ các truyền thống khác, sau đó về xây nhuễn ra và biến chế thành văn hóa của xứ mình, thì đó mới là điều tuyệt vời đáng nói đến. Ví dụ như Trà Đạo, Kiếm Đạo, Nhu Đạo, Thơ Đạo, Võ Đạo v.v... vốn tất cả đều xuất phát từ Trung Hoa; nhưng khi người Nhật đã học và đã biến chế thành nền văn hóa bản địa của Nhật rồi, bây giờ những tên gọi ấy ở bất cứ nơi đâu trên thế giới này, thì người ta cũng bảo rằng: Đây là văn hóa của người Nhật, chứ không phải của người Trung Quốc, mà cũng chẳng phải của người Tây Phương. Nếu người Việt Nam chúng ta làm được như vậy thì quả là tuyệt vời. Có nhiều người học Phật Giáo Tây Tạng rồi ứng dụng Tây Tạng khắp cả chùa Việt mình; từ cách trang trí cho đến lễ bái, nguyện cầu v.v... chúng ta học tư tưởng Phật Học từ các Tổ của Tây Tạng, chứ đâu phải chúng ta học văn hóa của người Tây Tạng để trở thành Tây Tạng. Vì điều ấy chắc Đức Đạt Lai Lạt Ma Ngài cũng chẳng vui gì. Hãy tiếp nhận nó và hãy biến nó thành cái mà dân tộc bạn, Phật Giáo bạn cần đến nó, chứ không phải giữ nguyên bản sắc của một dân tộc khác, rồi đem ra áp đặt vào nền văn hóa sẵn có của mình; đó là điều không nên làm.

Ở đây tôi có hai việc cần đề cập đến để mọi người đọc và ghi nhớ chuyện xưa về vấn đề hội nhập và thay đổi như thế nào về vấn đề kiến trúc và vấn đề Tôn Giáo. Chuyện đầu là chuyện xây dựng ngôi chùa Viên Giác tại Hannover này. Khi xây dựng thì người ý này, kẻ ý nọ và họ nói rằng: Tại sao không xây cho giống ngôi chùa Vĩnh Nghiêm tại Việt Nam mà xây như thế này?

Anh Trần Phong Lưu, Kiến trúc sư của chùa trả lời rằng: Thật ra tôi có thể vẽ giống chùa Vĩnh Nghiêm bao nhiêu cái cũng được; nhưng học trò của tôi sẽ chê tôi là tại sao Thầy copy nguyên mẫu chùa Vĩnh Nghiêm như vậy? thì người đời sau sẽ cười là ông Kiến trúc sư ấy không có đầu óc sáng tạo. Mà Kiến trúc sư thì phải thay đổi cho hợp hoàn cảnh và địa lý cũng như thiên nhiên và tình người, dân tộc tính v.v...

Thế mà kiến trúc chùa Viên Giác tại Hannover ngày hôm nay là một kiến trúc Tôn Giáo rất đặc biệt, khiến cho ai đó học kiến trúc về Tôn Giáo hiện đại ở các Đại Học Đức ngày nay, sinh viên ấy không thể không tham cứu về bản vẽ của chùa Viên Giác trong hiện tại (xin xem thêm bài Nhân Duyên Thầy Trò của Kiến trúc sư Từ Hùng Trần Phong Lưu viết trong Viên Giác số 201 xuất bản vào tháng 6 năm 2014). Nó cũng giống như đem sen từ Á Châu qua trồng bên Âu Châu thì không thể nào trồng trực tiếp được, mà phải trồng làm sao cũng phải cho sen ấy quen với phong thổ ở nơi này, tiếp đó mới gầy giống sen khác ở trời Tây này được; chứ nó không nhất thiết phải là trồng thuần chủng giống sen Việt Nam mới là quý.

Việc thứ hai như sau: Khi khánh thành chùa Viên Giác tại Hannover vào năm 1991 tôi đã thỉnh Sư Phụ của mình là Cố Hòa Thượng Thích Long Trí, Trụ trì chùa Viên Giác tại Hội An qua tham dự lễ khánh thành. Thầy đã ở lại đây một tháng và sau

khi tham dự các khóa lễ cũng như thăm viếng một vài nơi; nhân một bữa hầu trà Thầy. Thầy bảo rằng:

- Tại sao Thầy không tạc tượng Đức Phật là người Đức mà đi đâu cũng mang ông Phật Việt Nam theo như vậy?

Dĩ nhiên là tôi có cách trả lời riêng của mình lúc đó; nhưng khi nghe Thầy hỏi vậy, bỗng dung tôi giật mình. Vì không ngờ bao nhiêu năm Thầy sống với chế độ Cộng Sản mà Thầy vẫn thấy xa nhìn rộng được như vậy thì quả là điều quý hóa vô cùng. Thầy quá hiện đại và quá cách tân, mặc dầu Thầy ít có cơ hội để tiếp xúc với bên ngoài thuở ấy nhiều như ngày nay người ta có thể.

Khi nghe và đọc hai câu chuyện trên để chứng minh cho sự hội nhập, sự tiêu thụ văn hóa cũng như sự hài hòa mang Đạo vào Đời v.v... quả là điều đáng lưu tâm. Vậy đâu có cần phải phân tích đến người Nhật phải không? Việt Nam chúng ta cá nhân thì rất giỏi; nhưng Đoàn Thể và Tổ Chức thì ít có sự hợp nhất. Vì cái ngã của mọi người quá lớn. Mà ngã là gì? Thật ra nó không có thật tướng. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 2 phẩm Ca Diếp, khi Đức Phật nghe các Đệ Tử hỏi Ngài rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngã là gì vậy và ngã sở là như thế nào?

- Thì nó cũng giống như tiếng vỗ của hai bàn tay vậy thôi! Ngài trả lời như vậy.

Sau đó Ngài giải thích tiếp rằng: Từ không đến có, rồi từ có đến không, mà người ta chấp vào đó và cho nó là thật tướng; nhưng không phải; tất cả chỉ là giả danh mà thôi! Vì sao giả danh? Vì nó không thật. Mà đã không thật thì làm gì có ngã sở để thêm vào hay bớt ra và nương vào đó để tồn tại cũng như tự mãn. Tất cả vì chúng ta không có trí tuệ nên mới mang cái ngã

ấy đi hết chỗ này đến chỗ kia; nhưng thật ra nó chẳng là gì cả. Nó là một cái không to tướng mà ta chấp vào đó để làm gì?

Người Nhật vốn là một dân tộc tiêu biểu cho Á Châu. Ngày xưa chúng ta bảo họ rằng: Người Nhật lùn; nhưng ngày nay không phải như vậy, mà người Nhật bây giờ rất cao. Ngày trước mình bảo: Người Nhật độc tài, quân phiệt; không dân chủ; nhưng người Nhật ngày hôm nay đã đang và sẽ hội nhập vào nền dân chủ của thế giới nhiều rồi. Ở Nhật ít thấy trộm cắp; nên tội hình sự cũng ít hơn các nước bên cạnh. Vậy tại sao chúng ta không học những điều tốt này mà cứ mãi lo đi trách cứ hết cái này đến cái khác. Rõ ràng là chúng ta đang có những pháp rất hay, mà chúng ta chẳng học được gì cả. Chúng ta chỉ có công phân tích và sau khi phân tích rồi làm cái gì nữa thì mỗi người thể hiện mỗi cách khác nhau; cho nên các Đoàn Thể của người Việt Nam hay gặp khó khăn là vậy. Còn người Nhật, ở trên nói sao thì ở dưới nghe vậy. Họ nghe lời răm rắp, một người cũng như vậy; một trăm người cũng vậy và một ngàn người cũng như thế không có sai biệt. Còn chúng ta mỗi người là mỗi ý. Nhiều khi 10 người có cả hai hay ba chục ý luôn và ý nào cũng chẳng giống ý nào, nhiều khi lại phản ngược lại với ý của mình đã đưa ra trước đây nữa.

Nếu chúng ta thấy cái hay mà không học được thì quả thật rất uổng và đáng tiếc. Nói như Nguyên Đạo Văn Công Tuấn viết về “Câu Chuyện của Dòng Sông; Dòng Sông của Câu Chuyện” trong báo Viên Giác số 201 vậy. Nguyên Đạo viết rằng: “*Nếu người nào chỉ chuyên vạch lá tìm sâu thì chỉ thấy sâu không thôi và không bao giờ thấy lá xanh cả*”. Chỉ một câu này thôi cũng chí lý quá rồi. Hãy nhìn cái tốt của người khác để tâm mình an, niệm mình vững khi ngồi đối diện với khách hay lúc ở một mình và hãy buông xả hết tất cả để trở về lại trạng

thái uyên nguyên của đất trời, vạn vật thì nó quý giá biết là dường bao.

Tôi nói về những điểm tốt của người Nhật, cốt cũng chỉ để học hỏi và ứng dụng cho mình và cho mọi người, nếu quý vị thấy điều ấy đáng làm và dĩ nhiên người Nhật cũng có nhiều điều xấu chứ! Nhưng hãy xem những thứ ấy là sâu bọ đi, chúng ta không cần quan tâm đến. Đức Phật một bậc đại giáo chủ, Ngài đã nói rằng: “Tất cả các pháp đều bất định; cho nên Nhất Xiển Đề cũng bất định”. Thế nào là Nhất Xiển Đề? Đó là những kẻ không tin nhân quả, tội phước, đời này hay đời sau; nhưng có một ngày họ sẽ tin như vậy. Cho nên gọi là bất định. Do đó ta có thể thấy rằng: Mọi việc trên thế gian này không có gì là đứng nguyên một chỗ cả. Nó luôn luôn thay đổi; giống như quả đất quay chung quanh mặt trời vậy. Nó cũng giống như ánh sáng và bóng tối. Hãy tìm đến ánh sáng để được lợi lạc và không nên ngồi đó để nguyên rửa bóng đêm. Liệu có được lợi ích gì?

Tôi đã đi, đã về và đã đến. Nếu ai đó gọi tôi là hiện thân của người Nhật; đôi khi giống người Hoa và nhiều khi lại giống người Đức... Nếu ai nghĩ cái gì đó về tôi này, thì tôi đây là thể ấy, cũng có thể là như vậy mà cũng có thể là như thế kia. Vì các pháp không có cái gì là vĩnh viễn và thực tướng của các pháp là không; do vậy không có gì để làm cho tâm tôi vương bận và sinh khởi cả. Tất cả những điều tôi viết và nói bên trên nó chỉ có tính cách tương đối mà thôi và dĩ nhiên là không bao giờ có tánh tuyệt đối cả. Mong quý độc giả đọc và hiểu cho tôi như vậy là quý hóa lắm rồi.

LỜI CUỐI

Năm 2014 này có nhiều sự kiện quan trọng đến với tôi cũng như việc Chùa và việc Giáo Hội. Đó là năm thứ 50 mà tôi đã thế phát quy y, xuất gia đầu Phật (1964-2014) và năm nay cũng là năm Báo Viên Giác xuất bản năm thứ 35 tại Đức, đồng thời cũng là lễ sinh nhật lần thứ 65 (tuổi Tây) và 66 (tuổi Ta) của tôi. Suốt một chặng đường dài như thế, cả 65, 66 năm không phải là một ngày, một tháng hay một năm; nên tôi và anh Chủ bút báo Viên Giác bàn với nhau là nên lấy số 201 Viên Giác để làm kỷ niệm cho những sự kiện này và căn bản đầu tiên hướng về 8 cây viết nữ của báo. Vì họ đã đóng góp bài vở liên tục cho báo Viên Giác lâu nay, cũng như đã ra mắt được 2 lần 2 quyển sách “Những Cây Bút Nữ 1 & 2”; nên đây có thể là cái đà để bàn tiếp. Đầu tiên là mọi người cảm thấy khó viết quá và viết cái gì đây? Khen cũng không nên mà chê thì càng không phải. Thôi thì chọn cách không viết vẫn hơn. Ban đầu là vậy. Nhưng sau khi nghe tôi giải bày là đâu cần phải viết về khen hay chê, mà nên viết về những kỷ niệm, những điều đáng nhớ, đáng ghi lại v.v... Cuối cùng cả 8 cây bút nữ của báo Viên Giác đều đóng góp đầy đủ. Xin niệm ân tất cả quý Chị cũng như 66 vị đã viết bài gồm 66 đề tài khác nhau, cả Tăng lẫn tục; cả người Thiên Chúa giáo và những người lâu nay vốn dĩ không thích về Đạo Phật mấy. Đây là một tập hợp mà lâu nay chưa ai

dám mạnh dạn làm, đa phần để khi qua đời rồi mới viết kỷ yếu; nhưng có lẽ tôi là người khai phá đầu tiên về thông lệ này; nên chắc chắn rằng sau khi đọc số đặc biệt này vẫn có nhiều sự chê khen, vốn vẫn là chuyện bình thường. Tôi nghĩ rằng vẫn còn một số vị nữa muốn viết; nhưng vẫn còn ngần ngại, vì lẽ như trên đã trình bày và sẽ còn dịp khác nữa. Ở đây tôi xin niệm ân tất cả những vị đã đóng góp bài vở cho tập san Viên Giác số 201 vừa rồi được xuất bản vào tháng 6 năm 2014 để kỷ niệm những sự kiện trên.

Để chuẩn bị cho một số báo như vậy nó không đơn thuần là ngồi đó để gom góp bài vở, mà Đạo hữu Chủ bút và ngay cả tôi cũng phải điện thoại hay gửi E-Mail đến nhắc nhở từng vị về việc thời hạn báo lên khuôn, cần bài phải có v.v... nhưng đa phần người Việt mình có thói quen là để chờ xem có hứng để viết hay không? Có thì giờ không? để xem ai đã viết gì chưa? v.v... Đang làm những công việc như vậy thì Đạo hữu Chủ bút Phù Vân phải nhập viện. Tôi không đến thăm được, vì Đạo hữu ở xa chùa hơn 150 cây số; nhưng vẫn thường xuyên cầu nguyện và hỏi thăm Đạo hữu Diệu Thiện về sức khỏe của Đạo hữu Nguyên Trí (Phù Vân). Sau đó Đạo hữu Như Thân, người lo Layout cho bài vở của báo Viên Giác suốt mấy chục năm nay cũng phải nhập viện để kiểm soát định kỳ, đâu trong 10 ngày. Kế tiếp chuyện tưởng như đùa mà là thật, cả Đạo hữu Lương Hiền Sanh và Đạo hữu Lâm Thị Yến Nga cũng đều phải nhập viện. Đây là hai vị cốt cán lo cho văn phòng và đánh máy báo Viên Giác lâu nay; nhưng bây giờ công việc xem như ngưng đọng 100% không tiến hành gì được cả. Cũng may là có một số quý vị như Đạo hữu Thiện Diệu ở Reutlingen đánh máy giúp một ít bài và hầu như 98% số bài còn lại đa phần do tác giả tự đánh máy và gửi đến chùa; nên những công đoạn sau đó đỡ tốn thì giờ rất nhiều; chỉ có lo phần kiểm điểm lại lỗi chính tả mà

thôi. Nhờ vậy mà số báo gần 200 trang, kể cả quảng cáo lần này đã ra mắt với quý độc giả xa gần đúng kỳ hạn và đúng ngay vào dịp kỷ niệm những sự kiện trên.

Một ngày cuối tháng 6 năm 2014 tôi và Thầy trụ trì Hạnh Giới, Sư cô Chơn Toàn, Sư cô Hạnh Thông, Sư cô Hạnh Ngộ vào bệnh viện Heßisch Oldendorf nằm cách Hannover 50 cây số để đi thăm chị Nga đang nằm đó. Chúng tôi đến, chị rất vui mừng; nhưng nhìn chị và những người chung quanh; thật tình mà nói: Tôi thấy cuộc đời này nó chẳng còn có ý nghĩa gì cả. Mới đó mà đã như thế này! và không những chỉ có thế, những người ngồi chung quanh đó cũng cùng một bệnh lý như thế. Không kể về tuổi tác, mà lứa tuổi 30 cho đến 80 hầu như căn bệnh “tai biến mạch máu não” nó không chữa ai cả. Cho nên tôi xoay qua nói với quý Sư cô và Thầy Hạnh Giới rằng: “Nếu ai muốn tu và quán sát về sự vô thường của một kiếp nhân sinh thì hãy nên thường xuyên vào bệnh viện để thăm các bệnh nhân và hãy vào thăm một chôn lao tù nào đó, để xem cuộc đời này nó khổ như thế nào”.

Đêm đó về chùa lay kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 2 phẩm Ca Diếp và lúc Thiền quán, tôi nhận chân thật là rõ về mọi sự hiện hữu trên thế gian này. Tất cả đều chỉ là một cái không to tướng. Tại sao thiên hạ lại lắm chuyện nhiều lời để hơn thua với nhau trong từng lời ăn, tiếng nói hay vạch lá tìm sâu của người khác để chứng minh cho cái ngã của mình là đúng, là hơn mọi người; nhưng chung quy ra cũng chỉ là ganh tị, đố kỵ với nhau qua các phạm vi như: Tiền tài, sắc đẹp, danh dự, địa vị, lợi dưỡng v.v... quyết nó không ra khỏi những sự kiện ấy; cho nên chúng ta phải biết dừng đúng lúc là vừa rồi; để khỏi cần phải hối hận về sau nữa. Rõ ràng là Đức Phật nói trong kinh điển không sai một chỗ nào hết; nhưng có được mấy người nhận

chân ra được sự thật này, mà chính việc sanh, lão, bệnh, tử ấy trong đời cũng phải một hay nhiều lần phải trải qua hết.

Khi mới vào phòng ăn của bệnh nhân tôi hơi ngạc nhiên, vì thấy trong phòng có kê rất nhiều bàn mà tại sao ít ghế ngồi quá vậy? Tôi ngồi đó một hồi mới sực tỉnh ra là đa phần bệnh nhân nào cũng phải ngồi xe lăn; nên không cần những ghế ngồi bình thường để ở đây bị choán chỗ; nên chỉ còn lại một ít ghế để cho chúng tôi ngồi nói chuyện với chị Nga và thăm hỏi, gọi chuyện với những người Đức ngồi chung quanh để cho họ đỡ buồn. Dĩ nhiên rồi đây chị Nga sẽ khỏe và những người Đức này cũng sẽ đỡ hơn bây giờ; nhưng điều tôi muốn nói ở đây là khi thấy cảnh khổ như vậy mình phải biết tu và phải ý thức chuyện vô thường ấy. Đây là một bài học sống mà không học được, thì suốt cả một cuộc hành trình này sẽ không có ý nghĩa gì cả. Chúng ta phải thấy rằng mình đang có hạnh phúc hơn nhiều người khác. Chúng ta có đầy đủ tứ chi, tai, mắt, mũi, lưỡi; trong khi đó nhiều người khác không được như mình, thì mình phải biết rằng mình thật sự có hạnh phúc đó chứ. Có nhiều lúc chúng ta chê chiếc áo này không đẹp, quần kia không hợp, vớ nọ không hợp thời trang; nhưng có khi nào chúng ta cảm nhận được đến những người có thân không toàn vẹn mà họ phải cố gắng để mặc được một chiếc áo vào người chằng? Hay nhiều người không có chân để mang vớ, thì giữa ta và họ, ta vẫn còn hạnh phúc hơn đó chứ! tại sao lại đòi hỏi chiếc vớ phải hợp thời trang mới mang vào cho đỡ lạnh. Còn ta có hai chân để mặc quần, quá hạnh phúc đi chứ! tại sao phải cần có quần đẹp, quần sang mới mặc?

Với tôi tất cả đã quá đủ để niệm ân nước Nhật và nhớ về những ân nghĩa nghìn trùng của những người còn sống hay những người đã nằm xuống. Nếu không có sự giúp đỡ của họ và nơi quê hương tạm dung trong khi tôi học hành và tu niệm

thì chẳng biết ngày nay mình đã ra sao rồi. Tôi có rất nhiều phước báu ở đời này và đời trước; nên tôi cũng chia xẻ phước báu ấy đến với mọi người. Tôi mong rằng ai ai cũng có thể hưởng được những phước đức do mình tạo dựng nên qua những công việc từ thiện, giúp đời, giúp người v.v... Đó chính là những chất liệu dưỡng sinh trong cuộc đời quá ngắn ngủi này.

Tôi quá hạnh phúc; bởi vì từ đệ tử tại gia đến xuất gia, người nào cũng lo tu hành tinh tấn, siêng năng học hỏi qua trải nghiệm của mình và của những người khác. Tôi chấp nhận những thị phi, nhơn nghĩa. Vì đó là cái đà để lập thân, lập đức của mình. Tôi ví dụ những việc này giống như thân thể của chúng ta vậy. Trong thân thể này vừa có kháng sinh mà cũng vừa có những vi trùng là độc tố. Bình thường vì chất kháng sinh của ta mạnh; nên vi trùng bệnh hoạn của ho, sổ mũi, cảm cúm v.v... không hiện ra. Nhưng đến một lúc nào đó khi cơ thể của ta yếu, không đủ chất kháng sinh nữa, thì vi trùng sẽ hoành hành và ta sẽ bị bệnh; nhưng ta phải biết chắc một điều rằng: Nếu không có những con vi trùng ấy trong thân thể mình thì mình sẽ khó tồn tại được. Do vậy chúng ta chỉ cần chuyển hóa phiền não thành Bồ Đề; khổ đau thành an lạc, hạnh phúc; chứ chúng ta không chạy trốn và vứt bỏ cũng như đối đầu với nỗi khổ. Điều ấy liệu có ích gì? Chúng ta chuyển làm sao giống như trái cam tự chuyển từ chua sang ngọt. Đây mới là điều đáng quan tâm và tôi nghĩ rằng mình sẽ thực hiện được điều này.

Tôi chấm dứt viết sách này vào sáng ngày 28 tháng 6 năm 2014. Hôm nay cũng là lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 65 (tuổi Tây) hay 66 (tuổi ta) của tôi. Đồng thời quý Thầy Cô trong Chi Bộ Đức Quốc và các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức cũng như quý Phật tử xa gần về chùa Viên Giác tại Hannover để mừng ngày 50 năm xuất gia – hành đạo của tôi và cũng mừng cho tờ báo Viên Giác của chúng ta đã tròn 35 tuổi. Đây là

những sự kiện đáng ghi nhớ trong đời và tôi xin niệm ân tất cả, không sót một người nào cả. Đồng thời cũng cảm ơn Sư đệ Như Tịnh, Trụ trì chùa Viên Giác tại Hội An cũng đã tổ chức một lễ kỷ niệm như vậy vào ngày 14 tháng 7 năm 2014 này tại Hội An Việt Nam, nhằm ngày 18 tháng 6 âm lịch; để ngày hôm sau 19.6 âm lịch của đúng 50 năm về trước, Thầy tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí đã đặt lưỡi dao đầu tiên lên mái tóc xanh của mình, cạo bỏ, rũ đi bao nhiêu phiền lụy của một kiếp nhân sinh. Nhờ vậy tôi mới có được tướng đầu tròn áo vuông như ngày hôm nay (xem thêm bài Sơ Tâm Lòng Lòng của Thầy Hạnh Tuệ viết trong báo Viên Giác số 201 tháng 6 năm 2014 vừa qua để rõ). Như vậy tất cả là ân nghĩa; tất cả là những mối đạo tình mà lúc nào tôi cũng phải nhớ ơn, giống như tôi đã nhớ ơn người Nhật; nên đã dụng công viết nên tác phẩm thứ 64 này nhan đề là “**Nhật Bản Trong Lòng Tôi**” kể từ ngày 6 tháng 6 năm 2014 và hôm nay 28 tháng 6 năm 2014 là hoàn thành. Trong 22 ngày ấy tôi đã đem hết tâm tư của mình để viết nên tác phẩm này.

Tác giả: Thích Như Điển

Viết xong tác phẩm này vào ngày 28 tháng 6 năm 2014
tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover.

Danh sách

quý Đạo Hữu & Phật Tử tại Úc Đại Lợi
 ủng hộ ân hành quyền “Nhật Bản Trong Lòng Tôi”.

1. Tiên Ngọc Châu Thị Kỳ & Hương Ngọc Hàn Lan Khanh	300 AUD	
2. Diệu Yên Trương Hoài Hương	200	“
3. Diệu Mai	200	“
4. Hồng Hoàng & Thanh Nhựt	100	“
5. Đh. Hồ	100	“
6. Sư Cô Đạo Hỷ	50	“
7. Chùa Pháp Bảo	1.000	“
8. Mai Thị Hương & Chúc Quảng Hoa	100	“
9. Diệu Hạnh	100	“
10. Sư Cô Giác Niệm	200	“
11. Gđ. Đh Trần Thị Dung	100	“
12. HHHL Đh Diệu Hòa hiệu Chân Liên Hương	400	“
13. Diệu Quyền	200	“
14. Chúc Liêm	100	“
15. Chúc Phẩm	50	“
16. Sư Cô Giác Trí	100	“
17. Huệ Phúc	200	“
18. Thanh Tín & Thanh Bảo	200	“
19. Tâm Hạnh	50	“
20. Minh Trí và Katrina + Kiara Như Hảo & Kaely, Như Hạnh & Giselle, Như Hằng	200	“
21. Chúc Quyên	100	“

22. Chúc Sâm	50	“
23. Thanh Triệu & Thanh Phú	100	“
24. Ân danh	300	“
25. Quảng Hương & Quảng Tịnh	200	“
26. Hữu Long	100	“
27. T.T. Tâm Phương & T.T. Nguyễn Tạng	300	USD

Cùng Một Tác Giả

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 *	Nhật ngữ	1974, 1975
3	Giọt mưa đầu hạ *	Việt ngữ	1979
4	Ngõ ngang *	Việt ngữ	1980
5	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975 *	Việt & Đức ngữ	1982
6	Cuộc đời người Tăng sĩ *	Việt & Đức ngữ	1983
7	Lễ nhạc Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1984
8	Tình đời nghĩa đạo *	Việt ngữ	1985
9	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1985
10	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc *	Việt & Đức ngữ	1986
11	Đường không biên giới *	Việt & Đức ngữ	1987
12	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức *	Việt & Đức ngữ	1988
13	Lòng từ Đức Phật *	Việt ngữ	1989
14	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II *, III *	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
17	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh, Đức ngữ	1993
18	Giữa chốn cung vàng *	Việt ngữ	1994
19	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
20	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
21	Vụ án một người tu *	Việt ngữ	1995
22	Chùa Quan Âm (Canada)*	Việt ngữ	1996
23	Phật Giáo và con người *	Việt & Đức ngữ	1996
24	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
25	Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
26	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1998
27	Hội kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma *	Việt & Đức ngữ	1999
28	Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999

29	Có và Không *	Việt & Đức ngữ	2000
30	Kinh Đại Bi * (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001
31	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
32	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
33	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
34	Cảm tạ xứ Đức *	Việt & Đức ngữ	2002
35	Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)	Việt ngữ	2003
36	Bốn Sự kinh *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2003
37	Những đoàn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
38	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận *	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
39	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
40	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
41	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005
42	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
43	Bồ Đề Tư Lương luận *	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
44	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Giai nhân và Hòa Thượng *	Việt ngữ	2006
46	Thiền Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2006
47	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
48	Luận về bốn chân lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007

49	Tịnh Độ tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2007
50	Tào Động tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2008
51	Phật Giáo và khoa học	Việt ngữ	2008
52	Pháp ngữ	Việt ngữ	2008
53	Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
54	Nhật Liên tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
55	Chân Ngôn tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2010
56	Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ	Dịch từ Anh ngữ sang Việt Ngữ dịch chung với T.T. Nguyễn Tạng	2011
57	Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng	Việt Ngữ	2011
58	Tư tưởng Tịnh Độ Tông	Việt ngữ	2012
59	Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ	2012
60	Dưới bóng đa chùa Viên Giác	Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo	2012
61	Diệu Pháp Liên Hoa kinh / Văn cú	Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt	2013
62	Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)	Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc	2013
63	Hiện tượng của tử sinh	Việt ngữ	2014
64	Nhật Bản trong lòng tôi	Việt ngữ	2015

Chú thích : (*) hết

Sách sẽ xuất bản 2016



Quý vị muốn download những bài giảng pháp của Hòa Thượng Phương
Trượng Chùa Viên Giác Hannover thì xin vào trang :

www.wiphatgiao.de ; www.quangduc.com ;
www.viengiac.de; hoặc www.hoavouu.com